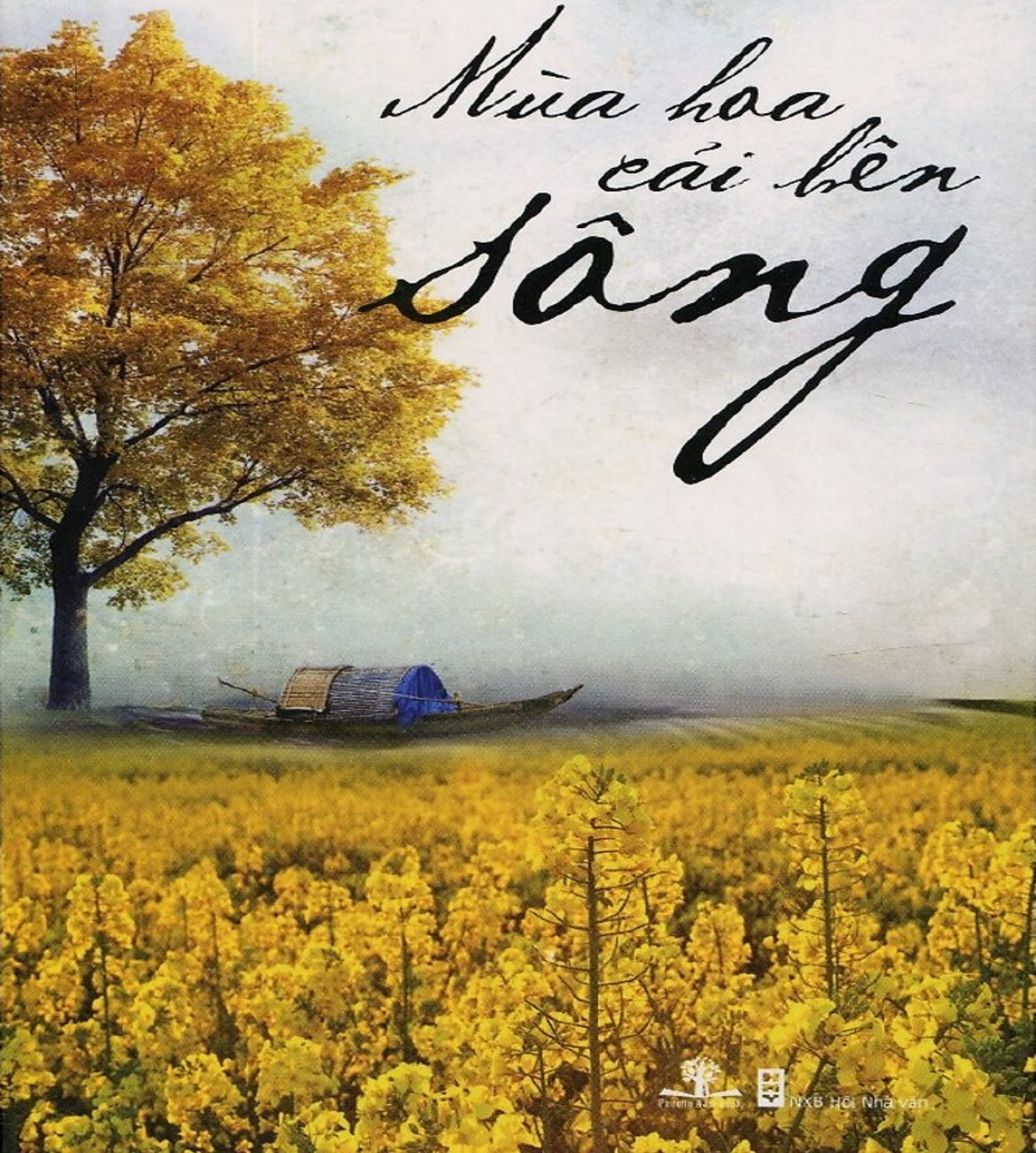


NGUYỄN QUANG THIỀU

Mùa hoa
cải lên
sông



Mùa Hoa Cải Bên Sông
Tác giả: Nguyễn Quang Thiều
Công ty phát hành: Phương Nam
Ngày xuất bản: 12-2012
Kích thước: 13 x 21 cm
Loại bìa: Bìa mềm
Số trang: 396
Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn

Giới Thiệu

Đây là tên của tuyển tập truyện ngắn, trong đó có Truyện ngắn nổi tiếng Mùa Hoa Cải Bên Sông của Nguyễn Quang Thiều, nhà thơ, nhà văn nổi tiếng. Tác phẩm này được viết cách đây 20 năm, đã được dựng thành phim “Lời Nguyên Của Dòng Sông” do Khải Hưng làm đạo diễn, từng đoạt giải vàng liên hoan phim truyền hình quốc tế tại Bỉ năm 1993.

Nguyễn Quang Thiều đã viết truyện ngắn này từ một câu chuyện có thật với một kết cục rất đau buồn! Chinh, tên nhân vật chính là một cô gái có thật. Chinh sống cùng gia đình trên chiếc thuyền. Họ không được phép lên bờ vì lời nguyên của cha cô. Nhưng cuối cùng cô đã lên bờ vì tiếng gọi của màu hoa cải vàng quỳnh rũ và bởi tiếng gọi của tình yêu với một chàng trai sống trong một xóm trại ven sông... Khi biết cô có thai, cha cô đã trừng phạt cô và đưa cả gia đình đi mất tích... Và theo lời Nguyễn Quang Thiều “70% của truyện ngắn này là sự thật”.

Hai người đàn bà xóm Trại

Vào lúc lên đèn thì trời có mưa. Có lẽ đây là cơn mưa cuối đông, vì chỉ còn mười ngày nữa là Tết. Gió từ bãi sông rộng thổi hắt từng làn mưa bụi về phía chân đê. Tiếng mưa mỏng và nhẹ, như tiếng người thì thào đâu đó. Cả triền bãi rộng chạy ven đê làng Chùa chỉ còn lại một ngôi nhà nhỏ. Trong ngôi nhà ấy có hai người đàn bà đã sống với nhau mấy chục năm, đến nay tóc họ đã bạc trắng. Và lúc này họ đang ngồi trong chái bếp nhỏ ấm áp bởi hơi rơm, lá chuối khô và lửa bếp. Chiếc mâm gỗ có một vết nứt to được đặt trên nền bếp bằng đất lêu lắt ngày càng cứng lại như đá. Trên mâm chỉ độc một bát canh dưa nấu tép bốc hơi nghi ngút. Hai bà lão ngồi ở hai phía mâm đối diện nhau. Hai cặp đầu gối xương xẩu nhô cao đỡ lấy hai gương mặt nhăn nheo và sạm đen.

– Bà mua mớ tép này của ai? - Bà lão Ân hỏi và lấy đũa đảo bát canh.

– Mấy đứa trẻ trâu - Bà lão Mật trả lời - Chúng nó mang vào tận đây.

– Mớ tép này mấy đồng?

– Hai nghìn.

– Bà cứ có tật mua nhiều. Không bảo chúng nó sẽ lấy một nửa.

– Có tí tép bằng dấm muối, sẽ một nửa còn lại chúng nó bán cho ai.

Hai bà lão lặng lẽ bưng hai bát cơm xới vơi như cơm cúng và nhón nhén ăn.

– Nấu tép dưa phải nấu cho dừ - Bà lão Ân cầu nhàu - Xương cứng ê cả răng.

– Tép bằng lỗ mũi xương ở đâu ra.

– Bà còn khỏe răng, chứ tôi sờ mãi chẳng còn một cái.

Hai bà lão vừa ăn vừa lầm rầm những chuyện như thế. Bên ngoài ngôi nhà mưa vẫn thì thào. Trong tiếng mưa vắng lên tiếng

chó sửa từ mấy gia đình ở chân đê bên kia.

– Đấy, tôi nói rồi - Bà lão Ân khế kêu lên và ho - Hóc xương tép rồi đấy. Khổ thân tôi.

– Bà cứ khạc mấy cái là nó ra - Bà lão Mật lo lắng. Bà lão Ân đặt bát cơm ăn dở xuống mâm và quay sang phía khác khạc mấy cái.

– Có khỏi không?

– Có được đâu. Không khéo lại chết vì hóc xương tép.

– Bà cứ hay gỡ mồm - Bà lão Mật nói và chọt reo lên - A, để tôi chữa mẹo cho.

Bà lão Mật vội vàng cầm lấy hai chiếc đũa cả dính cơm và lom khom đến bên bà lão Ân.

– Bà ngồi im nhé. Cứ nhắm mắt lại.

Bà lão Mật vừa nói vừa đưa hai chiếc đũa cả cách đỉnh đầu bà lão Ân chừng gang tay. Rồi vừa gõ hai cái đũa cả vào nhau và vừa lầm rầm như người niệm chú: “Gần ra, xa vào”. Đọc đúng bảy lần thì bà dừng lại và hỏi:

– Được chưa bà?

Bà lão Ân không trả lời. Bà vắt vả nuốt nuốt nước miếng. Một lát sau bà nói: “Được rồi. Chả ăn nữa. Sáng mai đun lại cho kỹ”.

Ăn xong bữa cơm tối, hai bà lão bỏ thêm cái gốc tre vào bếp và lấy trầu ra ăn. Bà lão Ân lấy một miếng cau tươi đưa cho bà lão Mật.

– Ở đâu mà cau tươi thế này? - Bà lão Mật hỏi.

– Cau từ hôm cưới con nhà Phấn. Chúng nó nhét đầy cả túi.

– Con nhà Phấn à?

– Con nhà nó chẳng ra đón bà vào ăn cỗ là gì. Bà ốm bà không đi mà lại còn không nhớ?

Sau đó hai bà lão im lặng nhai trầu. Ngọn lửa ăn dần vào gốc tre khô. Ánh lửa gần gũi và xa xôi chập chờn trong hai đôi mắt đục mờ.

– Thế Tết năm nay định gói bao nhiêu bánh?

Bà lão Ân quay lại phía bà lão Mật hỏi.

– Gói bao nhiêu thì gói. Nhưng vừa vừa thôi. Năm nào cũng bỏ mốc meo cả.

– Cứ nấu ba chục cái.

– Góm, bà làm như nấu cho cả làng.

– Cứ nấu thế. Trẻ con trong làng ra chơi thì cho chúng nó. Rồi... nhớ có ai về...

Nghe bà lão Ân nói vậy, bà Mật từ từ ngược đôi mắt đục mờ lên nhìn một lúc lâu rồi hỏi khẽ: - Ai về?...

Mấy chục năm về trước. Cũng những đêm mùa đông giáp Tết ở trong chái bếp như thế này. Hai bà lão ngồi trước bếp lửa và hồ hởi nói với nhau về chuyện gói bánh chưng. Ngày ấy họ còn trẻ lắm. Cả hai người mới ngoài hai mươi tuổi. “Năm nay thế nào hai anh ấy cũng về - Mật thì thăm - chị Ân nhỉ” “Tao cũng mong quá - Ân nói như bằng hơi thở - Đêm qua tao mơ thấy con gà trống mổ vào ngón tay út. Mấy năm rồi chẳng có ai về ăn Tết”. “Em phát ốm vì chờ thôi.” “Giá như có đứa con... thì họ bao giờ về cũng được”. “Chị Ân ơi - Mật chột kêu lên và ôm lấy Ân - Mấy đêm trước em cũng mơ. Em thấy anh ấy về và... ngay đêm đó...”. Nói đến đó mặt Mật ửng đỏ và đôi mắt Mật vừa lấp lánh vui, vừa bối rối.

“Đêm đó thì sao” - Ân lờ mờ mắt, mắng yêu Mật.

“Con khi”.

“Ngay đêm đó em mơ em có mang. Lúc tỉnh dậy sờ bụng em thấy khang khác. Em sợ lắm”.

“Con này nói chuyện vớ vẩn”.

“Thật đấy mà, đến hôm nay em vẫn thấy bụng mình khang khác như thế - Mật nói và cầm tay Ân kéo đặt lên bụng mình - Chị sờ mà xem. Đây, chị thấy khác không?” Vì tò mò, Ân đưa tay ấn vào bụng Mật. Và một lúc sau Ân cũng hoảng hốt vì cảm thấy hình như trong bụng Mật cũng không bình thường.

“Này... - Ân thì thào - Chồng đi vắng, hay mày trót đại...”

– “Chị bảo đại cái gì?...”

“Có thằng nào nó rủ rê mày không?”

“Không, làm gì có chuyện ấy. Có mà trôi sông”?

“Tôi phải trông nom cô - Ân nói - Có chuyện gì thì tôi và cô cứ là bỏ xóm bãi này mà lên rừng đấy”.

Ân và Mật đều mồ côi cha mẹ. Và lớn lên lấy chồng, họ đưa nhau ra xóm bãi lập nghiệp. Rồi một đêm hai người đàn ông của họ khăn gói theo một đơn vị bộ đội vượt sông Đáy về phía núi Miếu Môn. Trước khi qua sông hai người đàn ông dặn: “Hai chị em dọn về mà ở với nhau. Đến Tết, kháng chiến thành công chúng tôi về”. Từ ngày đó Mật dọn sang ở với Ân. Họ sống như hai chị em ruột trong nhà. Và khi Tết đến, cả hai lại xuống bến rửa lá dong và vo gạo. Má họ rực đỏ trong gió lạnh cuối đông. Tiếng cười họ trong trẻo và rạo rực vang trên mặt sông mùa nước cạn yên tĩnh. Nhất là vào đêm luộc bánh, cả hai đều thấy hồi hộp lạ lùng. Họ cảm thấy da thịt họ thắm đầy hơi lửa bếp. Khi bánh chín, họ chọn những chiếc bánh đẹp nhất, chắc nhất để phần hai người đàn ông của họ. Nhưng những ngày Tết thường vụt đi như tên bắn. Cánh bãi không còn tiếng pháo tép của trẻ con nữa. Và những bầy sáo tháng Giêng đã loáng thoáng bay về. Ân và Mật mang những chiếc bánh đã khô lá luộc lại. Cho đến khi ở đầu góc bánh đã lấm tấm mốc xanh thì họ không còn bình tĩnh chờ đợi nữa. Cả hai cùng khóc. Đêm xuống, hai người đàn bà trẻ nằm xoay lưng vào nhau trên giường lót rơm và giấu tiếng thở dài. “Chị ngủ à, chị Ân?” - Mật thường bắt đầu câu hỏi như thế trong đêm. “Chưa”. Ân trả lời trong chần. “Sao Tết năm nay các anh ấy lại không về nhỉ?”. “Có giờì mà biết - Ân giận dỗi - Chắc chiến dịch bận”. “Mai mình cứ luộc lại bánh chị Ân ạ” - “Luộc mãi để thành cháo à. Bỏ ra mà ăn hết đi” - “Ăn làm sao hết những hai chục cái”?

Sau những câu chuyện như vậy cả hai chị em lại chìm vào giấc ngủ lơ mơ. Thường sang Giêng gió sông ấm hơn và đất bãi phả hương phù sa dễ chịu làm giấc ngủ của họ thường có những cơn mơ. Trong mơ, Ân lại thấy con gà trống tía với chiếc mào đỏ rực, cái ức rộng, và đôi cựa bóng như ngà mỗ mỗ vào ngón tay út của mình. Còn Mật vẫn cơn mơ vừa hạnh phúc vừa lo sợ, chị thấy người lính trở về và ngay đêm đó Mật có mang. Và cứ tỉnh giấc, Mật lại dè dặt

đặt tay lên bụng. Rồi Mật mơ hồ lo lắng khi cảm thấy bụng mình khang khác.

Rồi vào một ngày giáp Tết, chồng Ân đột ngột ghé qua nhà. Tiếng gõ cửa gấp gáp trong đêm làm Mật choàng tỉnh. “Ai đấy? Ai đấy?” - Mật quỳnh lên hỏi.

“Tôi đây. Bác đây”.

“Giời ơi! - Mật lập cập kêu lên - Anh Bác...”

Khi cánh cửa vừa mở thì người lính ulla vào ôm lấy Mật.

“Anh Bác - Mật hoảng hốt - Mật đây. Em đây mà”.

Vòng tay người lính vội rời ra và buông thõng xuống.

“Ân đâu?”

“Chị Ân đi Kim Bôi sáng nay cùng mấy chị trong xóm, xem có lá dong rẻ hay quýt cam gì đấy mua về bán chợ Tết. Em ở nhà trông nhà”.

“Bao giờ Ân về?”

“Có lẽ mai chị Ân về, thế bao giờ anh đi?”

Bác đứng lặng không trả lời. Gió sông lạnh thổi xốc vào ngôi nhà tranh bé nhỏ.

“Vào nhà đi anh, để em đốt đồng lửa cho ấm”.

Một lát sau ngọn lửa đã chui qua những cành củi khô và vươn lên.

“Em nấu cho anh bát cơm nhé?”

“Tôi ăn rồi. Liệu ngày mai Ân có về kịp không?”

“Chị ấy sẽ nóng ruột mà về. Sao các anh biệt tin lâu ngày thế? Nhà em ra sao rồi anh?”

Mật rụt rè hỏi và đợi câu trả lời.

“Sau ngày sang sông, chúng tôi cùng nhau ở một đơn vị được một tháng. Sau đó mỗi người đi một đơn vị. Nghe đâu Ngừ đang ở Bắc Cạn. Ở nhà không nhận được tin gì của nó à?”

“Không - Mật nói như khóc - Em và chị Ân Tết nào cũng mong các anh về. Năm nào hai chị em cũng gói nhiều bánh...”.

“Mình sắp đánh lớn. Đơn vị tôi đang chuyển quân lên mặt trận Hòa Bình. Hai chị em ở nhà có khỏe không?”

“Chúng em thế nào cũng chịu được. Chỉ lo cho các anh hòn đạn mũi tên. Sao anh về chẳng tin cho chị Ân biết trước?”

“Đang kháng chiến mà cô cứ làm như...” - Người lính cười. Gió thổi mạnh hơn qua những tàu chuối ngoài vườn. Sương như xuống đầm dề trên mái rạ. Ngọn lửa như ngái ngủ cháy lò đờ trên củi.

“Anh nghỉ một tí đi, kéo mệt - Mật nói - Hết canh ba rồi”.

“Cô đi nằm đi. Tôi ngồi đây. Cũng sắp sáng rồi”.

Mật không trả lời. Chị ngồi im lặng nhìn những mẩu than nhấp nháy như những ngôi sao mùa đông. Giá như đêm nay Ân ở nhà thì Ân hạnh phúc biết bao nhiêu. Và giá như người lính kia là chồng chị. Nghĩ đến đó máu trong người chị dào lên chảy xiết. Chị thấy mặt mình nóng rát. Chị nhớ đến cơn mơ thường gặp và chị muốn khóc. “Chúng em ở nhà khổ lắm - Mật thổn thức - Giá như có mụn con thì đỡ khổ”.

“Sắp hòa bình rồi. Chúng tôi sẽ về cả thôi. Rồi không có sức mà đề”.

Người lính nói và cười vang. Mật cũng bật cười theo. Nước mắt chị giàn giụa. Ngọn lửa cuối cùng đã chui vào đồng than đỏ và ngủ vùi trong đó. Mật ngồi trong bóng tối, miệng lầm rầm: “Chị Ân ơi về mau lên. Anh Bắc đang đợi, chị Ân ơi, mau lên”.

Cái gốc tre đã cháy hết, hai bà lão vẫn ngồi im lặng. Hai gương mặt sạm đen và nhăn nheo như nằm bất động trên hai đầu gối xương xẩu. Một con chuột nhắt bé như hạt mít từ góc bếp bò ra. Nó rón rén leo trên chiếc mâm gỗ. Rồi bất chợt nó nhảy phóc lên miệng bát làm chiếc bát ăn cơm đổ kèn.

– Bà ngủ rồi đấy à? - Bà lão Ân quay sang phía bà lão Mật hỏi.

– Ngủ đâu mà ngủ - Bà lão Mật mở mắt nói và lại nhai tiếp miếng trầu còn ngậm trong miệng - Ăn miếng trầu thế mà say say.

– Chiều bà có che kỹ cái chuồng gà không?

– Che rồi. Tôi cho uống cả nước vôi trong. Sương thế này sợ rù mắt mấy con gà.

– Mẹ Phấn nó bảo Tết năm nay đón hai cụ vào nhà nó ăn Tết. Nó bảo hai cụ sống ngoài bãi như ma ấy.

– Ăn uống được gì đâu mà vào. Nó còn con cháu, khách khứa, thì giờ đâu mà hầu mình. Thôi chết, tôi bỏ quên cái rổ có cái áo giặt dở lúc chiều.

– Bà lú lẫn hơn cả tôi - Bà lão Ân nói.

– Chiều đang giặt dở thì bà Mên tưới trên bãi gọi chuyện. Thế rồi cứ quên mà về. Tôi phải xuống bến tôi lấy.

– Thôi mưa gió tối tăm thế này, đi rồi ngã ra đấy. Có cái rổ rách với cái áo nát, ma nó lấy.

Nhưng thấy bà lão Mật cứ khẳng khẳng đòi đi, bà lão Ân với lấy cái nón đưa cho bà lão Mật và dặn: “Đi chậm chậm thôi, bà ạ”.

Trời đêm mênh mang. Bà lão Mật lom khom xuống bến. Bà đã đi không biết bao nhiêu lần trên con đường này. Và con đường đã ăn sâu vào trí nhớ bà. Khi sắp rổ định quay về thì có tiếng cá quẫy mạnh sát bờ. Một vật gì đó vô hình rơi vào ký ức bà tựa như cái quẫy của đuôi cá. Và rồi những vòng sóng kỷ niệm cứ loang ra, loang mãi. Bà từ từ ngồi xuống nhìn dòng sông trong đêm. Nơi đây, mấy chục năm về trước bà đã tiễn chồng theo bộ đội sang sông. Và chính nơi đây, bà đã tiễn Bắc đi trong làn người lính ghé qua nhà không gặp vợ mình.

Suốt cả ngày hôm ấy vẫn không thấy Ân về - Bao nhiêu kỷ niệm đều mờ đi theo tuổi tác, nhưng những đêm như thế vẫn bám dai dẳng trong bà lão Mật - Hôm ấy, cứ thỉnh thoảng Mật lại chạy lên mặt đê ngóng về phía xa. Buổi tối ăn cơm xong, Bắc nói: “Khuya tôi phải đi. Mai Ân về bảo tôi vẫn khỏe”.

“Chỉ sáng mai là chị ấy về thôi - Mật nói như van - Tối mai anh hãy đi”.

“Không được đâu. Đêm nay tôi phải có mặt nơi đóng quân”.

Khoảng chín giờ tối thì Bắc lên đường. Mật tiễn Bắc xuống bến sông. Khi sát mép nước Bắc quay lại. Anh đặt tay lên vai Mật. Những ngón tay người lính như bấu chặt vào vai chị. Mật thấy rét run lên, hai hàm răng chị va vào nhau lập cập.

“Tôi đi nhé - Người lính thì thảo - Hai chị em ở nhà thương nhau. Tôi và Ngữ sẽ về sớm”.

Bắc đi được một tiếng đồng hồ thì Ân về. Nghe tiếng Ân gọi cửa. Mật run bắn và òa khóc. “Chị Ân ơi, anh Bắc về, Bắc về”.

“Đâu, đâu? Anh ấy đâu?... Đâu?”

“Anh ấy đi rồi. Anh Bắc ngồi chờ chị suốt cả đêm qua. Anh vừa sang sông”.

Bó lá dong lớn và sọt quít đôi đũa xuống như người ngã. “Anh ấy đi lâu chưa? - Ân hỏn hỏn - Anh ấy đi lối nào”.

“Anh Bắc lội qua bến nhà mình”. Vừa nói Mật vừa nắm tay Ân đi như chạy xuống bến. Đến bờ sông, Ân giật tay chị ra khỏi bàn tay Mật và lội ào ào xuống nước.

“Chị ơi! Anh ấy đi xa rồi - Mật đứng trên bờ ôm ngực khóc gọi - Đừng sang sông nữa, chị ơi”.

Mật ngồi thụp xuống bờ cát ướt lạnh và bụng mặt nước nở cho đến tận khi chị nghe tiếng khóa nước mật mồi vào bờ. Ân rét ướt nghiêng ngả bước lên bờ. Hai người đàn bà trẻ đứng im lặng trước nhau. Rồi cả hai lao vào ôm lấy nhau nước nở. Gió sông như ấm hơn thổi dạt dào qua bãi về phía chân đê. Và đâu đó thoảng mùi cỏ lên mầm hăng hăng.

Tết năm ấy, Ân và Mật vẫn lặng lẽ gói nhiều bánh. Nhưng Tết năm ấy, cả hai người lính của họ vẫn không về. Sang Giêng, hai người đàn bà mấy lần mang bánh luộc lại và mấy lần nhìn nhau khóc.

Mấy năm sau ngày hòa bình lập lại. Mật nhận được giấy báo tử chồng. Nhưng Tết đến họ vẫn gói nhiều bánh. Trong mơ chị vẫn thấy người lính trở về. Và tỉnh giấc vẫn rứt rứt đặt tay lên bụng mình và thấy khang khác. Nhiều lần Ân khuyên Mật nhận lời lấy một người đàn ông nào đó. Những lần như thế, Mật chỉ nở một nụ cười

xa xăm và ngờ ngác như nụ cười của một người vừa thức dậy trong giấc ngủ trưa. Và sau đó thì Mật nói với Ân: “Bao giờ anh Bắc về với chị thì em đi lấy chồng”.

Đợi lâu không thấy bà lão Mật về, bà lão Ân sốt ruột ra đầu ngõ hướng xuống sông gọi:

– Bà Mật ơi! Bà Mật.

– Tôi về đây.

– Đã bảo đêm hôm rồi còn mò xuống - Bà lão Ân căn nhắc - Già rồi còn thích làm tội thân, tội mình.

Nói vậy nhưng bà lão Ân vẫn đứng lại đợi cho đến khi bà lão Mật lên đến đầu ngõ.

– Vào đi ngủ thôi bà ạ - Bà lão Ân nói - Tôi đau hết cả lưng rồi.

Gian nhà nhỏ trong đêm như rộng mênh mông. Hai bà lão nằm quay lưng vào nhau và thỉnh thoảng lại khúc khắc ho.

– Bà vẫn nhai trầu đấy à? - Bà lão Ân hỏi.

– Tôi nhai cho hết kéo phí.

– Nhai thế mà không mồm mồm.

Đâu đó trên mái nhà có tiếng chuột đuổi nhau rình rích. Và từ cổ áo quan có tiếng một nghiêng gỗ trèo trẹo.

– Bà có cầm bao diêm đấy không? - Bà lão Ân hỏi.

– Có, làm gì nữa bây giờ?

– Tôi xem con mọt. Có khi lúc mình chết thì mọt cũng cắn nát cổ áo ra rồi.

– Nó nằm trong gỗ chứ nó lại chui ra cho bà xem.

Nói vậy nhưng bà lão Mật vẫn lấy bao diêm đưa cho bà lão Ân. Bà lão Ân bật diêm châm đèn soi cổ áo quan. Bà nghiêng đầu nghe ngóng một lúc rồi lấy tay đập đập vào cổ áo. Tiếng mọt chợt im bật. Bà đứng bên cổ áo quan cho đến khi yên tâm là con mọt không còn dám cắn nữa thì mới tắt đèn lên giường.

Gần sáng, những ngọn gió cuối đông tuy còn lạnh nhưng đã chớm chớm xuân thổi rạo rục qua ngôi nhà của hai bà lão. Và bà

lão Mật lại mơ thấy người lính trở về. Nhưng khi nhìn rõ mặt thì bà nhận ra không phải Ngữ mà là Bắc.

Vào đầu năm 1960, Ân nhận được thư Bắc gửi về, trong thư anh nói đang đóng quân ở Quảng Bình bên cạnh một dòng sông đẹp như sông Đáy quê anh.

“Chị Ân ơi - Mật cuống quít - Chị đi vào tìm anh ấy đi. Đi ngay đi. Mọi việc đồng áng cứ để em”.

Suốt mấy ngày sau đó, cứ chốc chốc Ân lại mang thư chồng ra đọc và khóc. Cuối cùng chị quyết định khăn gói đi thăm chồng. Nhưng cuộc đời thật trớ trêu. Ân đi được dăm ngày, thì Bắc về.

“Anh Bắc, anh gặp chị Ân không? - Mật hốt hoảng hỏi khi chị linh cảm thấy điều không bình thường - Chị Ân vào Quảng Bình tìm anh rồi”.

“Tìm tôi hả? Đi bao giờ?”

“Chị Ân đi được dăm ngày rồi”.

Nghe Mật nói, Bắc đứng chết lặng. Mãi sau anh mới nói:

“Người lính nay đây mai đó, tìm sao được”.

“Anh Bắc ơi, lần này anh phải ở nhà chờ chị ấy - Mật nói và khóc - Em không cho anh đi đâu cả. Anh Bắc ơi! Anh Ngữ hy sinh rồi”.

“Ngữ hy sinh rồi ư! Hy sinh bao giờ? Ở đâu?”.

“Có giấy báo tử rồi anh ạ. Hơn ba năm rồi”.

Đêm ấy Bắc nói với Mật:

“Sáng sớm mai tôi phải đi rồi. Lần này đi rất xa và có lẽ lâu lắm”.

“Không. Anh phải ở nhà chờ chị ấy về rồi đi đâu thì đi. Nếu không chị ấy chết mất.”

“Không làm sao khác được Mật ạ. Tôi phải đi.”

Khoảng canh tư thì Bắc khoác ba lô lên đường. Mật tiễn Bắc lên đến mặt đê. Bỗng Mật ôm lấy Bắc và khóc nức lên: “Anh Bắc ơi! Em thương chị Ân quá. Em thương anh hu... hu... và thương cả cái thân em nữa. Nếu anh Ngữ về được một lần thì em đỡ khổ, đỡ ân hận

biết bao. Anh Bắc ơi, sao em không phải là chị Ân, sao anh không phải là anh Ngữ, hả anh? hu... hu...”.

Bắc không nói được gì. Anh ghì Mật vào lòng. Cả hai người run lên. Mật vội đẩy Bắc ra và vội vã nói:

“Anh đi đi, anh Bắc, anh đi đi”.

Nói xong, Mật chạy nhào xuống chân đê. Chị vừa chạy, vừa ngã và nức nở gọi tên Ân và tên chồng chị.

Rồi Bắc cũng không trở về. Khi Ân và Mật vừa bước qua tuổi bốn mươi, hai người đàn bà thường xuống bến sông ngồi khóc. Và Tết lại đến, những ngọn gió chớm xuân thổi đầm ấm và rạo rực qua ngôi nhà của họ suốt đêm. Và những ngày giáp Tết là những lúc họ thường mơ nhiều hơn. Trong mơ có tiếng gà gáy và tiếng gõ cửa gấp gáp, có ngan ngát mùi lá dong xanh và hương ẩm đậm của gạo nếp đã vo sạch. Họ vẫn ở lại ngoài bãi sông, mặc dù những gia đình khác đã dọn vào làng theo quy hoạch của chính quyền xã và để tránh những năm nước sông lên to. Có một điều gì đó thiêng liêng và đau khổ đã gắn chặt họ với ngôi nhà nhỏ và bến sông này.

– Này, bà Mật! Bà Mật, ngủ mê đấy à? - Bà lão Ân lay gọi bà lão Mật - Kêu gì mà khiếp thế.

– Tôi ngủ... mê à? - Bà lão Mật ú ớ hỏi - Sáng chưa bà?

– Còn chán.

– Bà cho tôi mượn bao diêm - bà lão Mật ngồi dậy nói.

Bà lão Mật lục đục tìm đèn và bật diêm. Ngọn đèn dầu tỏa một quang sáng vàng ấm trong nhà.

– Bà dậy mà đi.

– Không.

– Già thì phải chịu khó mà đi. Không nhớ ra quần, ra áo khai lắm.

– Ôi giờ! - Bà lão Ân cựa mình và chép miệng - Bệnh già nó thế, ai mà muốn.

Khi gà trong xóm bên kia chân đê thi nhau gáy ran thì hai bà lão lại tỉnh giấc. Bà lão Mật lại nhóp nhép nhai cái bã trầu vẫn ngậm

trong miệng khi ngủ.

– Thế bà định Tết này gói bao cái bánh? - Bà lão Mật hỏi.

– Cứ bảo mẹ Phần nó mua cho đủ lá gói ba chục cái. Mình thì ăn là mấy, nhưng nhớ có ai về...

Nghe bà lão Ân nói vậy, bà lão Mật ngừng nhai trầu và hơi nghiêng đầu về phía bà lão Ân như định hỏi điều gì đó. Nhưng bà lại thôi.

Và bên ngoài, những ngọn gió sông đã chớm chớm xuân vẫn rạo rức thổi qua ngôi nhà nhỏ.

Chiếc lông chim màu đỏ

Thường vào lúc những cơn mưa tháng Giêng bay mờ trắng và ẩm áp, thì bầy chim đi tránh rét từ mùa đông trở về. Cả bãi vải rộng và chạy dài gần một cây số dọc triền sông quê Ngàn trở thành nơi nghỉ cánh của bầy chim. Không hiểu vì sao bầy chim di cư lại chọn bãi ấy làm nơi nghỉ trước khi bay chặng cuối cùng về một vùng đất ngập nước cách làng Ngàn khoảng 50 cây số. Chúng sống trên vùng đất ngập nước ấy từ mùa xuân cho đến đầu đông. Suốt thời gian ấy, chúng kiếm ăn và sinh nở. Bầy chim bay về những vùng ẩm áp ở phương Nam theo một đường khác. Khi trở về, chúng chọn một đường khác và nghỉ tại bãi vải vào giữa chiều. Người làng chạy ra mặt đê xem chim về. Bà nội Ngàn kể: Ngày trước, có mùa chim về nhiều quá, bãi vải không đủ chỗ cho chúng, bầy chim đậu tràn vào những khu vườn trong làng, nghỉ lại đúng một đêm, và mờ sáng hôm sau lại bay đi. Cả làng như thức giấc bởi tiếng đập cánh ngồm ngộp của bầy chim. Chúng bay cắt ngang qua làng và cất tiếng kêu trong như tiếng sáo trúc. Bà nội Ngàn bảo, đó là lời cảm ơn của chim. Những buổi sáng như vậy, Ngàn dậy sớm. Cô chạy ra sân, ra ngõ và đường làng để nhặt những chiếc lông chim rụng.

“Tại sao bầy chim chỉ ở lại bãi vải làng mình có một đêm hờ bà?”. Ngày còn bé, Ngàn hỏi bà nội như thế. Và bà nội kể câu chuyện về bầy chim do cụ nội Ngàn kể lại.

Từ thuở xa xưa bầy chim di cư đã chọn đường bay trở về qua vùng đất bãi quê Ngàn. Chúng chỉ bay qua chứ không nghỉ lại bãi vải. Nhưng một buổi chiều, người làng thấy bầy chim đổ xuống bãi vải. Thấy lạ, cả làng đổ ra xem. Trên ngọn của một cây vải to nhất, cao nhất, bầy chim lượn thành hình tròn như một dải mây khổng lồ. Gió từ cánh của bầy chim quạt rào rào vào những vòm lá vải. Chúng vừa bay vừa kêu thảm thiết. Trên tán lá dày nơi ngọn cây, một con chim lớn nằm xõa cánh. Đây chính là con chim chúa. Trong chặng bay cuối về vùng đất ngập nước, con chim chúa đã hạ cánh xuống bãi vải. Nó biết nó không còn đập cánh được nữa. Và nó chọn bãi

vải quê Ngần làm nơi yên nghỉ. Đàn chim bắt những chùm hoa vải phủ kín lên con chim chúa. Đêm ấy bầy chim ở lại bãi vải. Và sáng sớm hôm sau thì chúng bay đi.

Sau khi bầy chim ra đi, dân làng đổ ra bãi vải và mang xác chim chúa xuống. Con chim chúa to hơn những con chim khác. Đặc biệt, nó có một đôi cựa như một đôi ngà voi nhỏ xíu và một chiếc lông đỏ trên đỉnh đầu. Dân làng chọn con chim dưới gốc cây to nhất, cao nhất và hương khói như đối với một con người. Lạ thay, năm ấy làng được mùa vải chưa từng có. Hình như bông hoa nào cũng đậu quả, và vải quê Ngần là giống vải to và hơi chua, bỗng trở nên ngọt và thơm lạ thường. Cho đến bây giờ, ngoài giống vải thiều ra, không có loại vải nào ngọt như vải quê Ngần cả.

Và từ đó, làng Ngần đã chọn ngày 13 tháng Giêng làm ngày hội làng, hội thi cây cảnh. Những cây cối được uốn, cắt tỉa thành hình con chim, có cái lông đỏ trên đỉnh đầu. Buổi sáng người làng đổ ra mặt đê thấp hương và đợi chim về. Sáng sớm hôm sau, khi bầy chim đã ra đi, người làng ra bãi vải nhặt những chiếc lông chim rụng. Nếu ai nhặt được chiếc lông chim màu đỏ thì sẽ gặp phước lành. Người già nhặt được thì sẽ không bệnh tật và sống đến tận trăm tuổi. Trẻ con nhặt được thì ngoan ngoãn, thông minh. Con trai nhặt được thì sẽ khỏe mạnh, tài trí, làm ăn phát đạt. Và con gái nhặt được thì mỗi ngày một đẹp, một thảo hiền và sẽ lấy được người mình mong ước. Nhưng mỗi lần chim về, trong hàng ngàn chiếc lông chim rụng, chỉ có một chiếc màu đỏ.

Sau khi nghe bà kể, năm nào cũng vậy, đêm trước ngày hội làng. Ngần hầu như chẳng ngủ được vì thấp thỏm. Nhưng cho tới bây giờ. Ngần vẫn chưa nhìn thấy chiếc lông chim ấy. Bởi thế mà Ngần vẫn chỉ ru rú ở nhà với bà. Đám trai làng hầu như chẳng để ý đến cô. Nếu có chàng nào nói chuyện với cô thì cũng chỉ là những câu đùa cho vui mà thôi. Ngay cả khi ở tuổi 17, Ngần vẫn chỉ như một cô bé lên mười.

Đã có một thời gian dài, có lẽ cũng phải mười lăm năm bầy chim không trở về bãi vải. Vào một đêm trong chiến tranh, đúng cái đêm mà bầy chim nghỉ lại bãi vải thì bị bom đánh. Hàng chục quả bom đã ném xuống bãi vải. Sáng sớm hôm sau, người làng chạy ra bãi vải.

Một cảnh tượng đau lòng hiện ra. Bãi vải xơ xác, cây đổ ngổ ngang. Trên mặt đất, rụng kín hoa vải và la liệt xác chim. Người làng nhìn cây đổ, hoa rụng và chim chết mà nước mắt ròng ròng. Sau đêm ấy, bầy chim di cư không thấy bay về nữa.

Vào những ngày đầu Giêng, Ngần vẫn đôi lúc tha thần dọc bãi vải. Chính ở đó Ngần đã gặp Thư. Đó là một buổi chiều cách đây bốn năm. Họ đã làm quen và Thư hỏi:

– Cô có biết bầy chim di cư không?

Ngần đã kể cho Thư nghe về bầy chim ấy, cả câu chuyện về con chim chúa và cái lông chim màu đỏ.

– Cô đã nhặt được chiếc lông chim ấy chưa?

Ngần buột miệng:

– Chưa. Năm nào em cũng tìm.

Nói xong. Ngần đỏ mặt và vội bỏ đi.

Hôm sau, một cán bộ xã đưa Thư đến nhà Ngần. Lúc đó cô biết Thư là một người nghiên cứu về những bầy chim di cư. Thư đến để được nghe bà nội Ngần kể về bầy chim.

– Tôi đang đi tìm bầy chim ấy - Thư nói.

– Bầy chim nào? - Ngần hỏi.

– Bầy chim trước kia đậu lại làng mình một đêm ấy.

– Chúng nó ở tận trên trời, làm sao anh tìm thấy chúng.

– Tôi tìm thấy chúng rồi.

– Ở đâu hở anh? Chúng ở đâu?

– Chúng đã về bãi ven sông, nhưng không như ngày xưa, chỉ có vài chục con thôi.

Thư đưa Ngần ra bãi vải. Anh chỉ cho Ngần thấy một hai chiếc lông chim. Rồi cả làng xôn xao lên sau buổi Thư nói chuyện ở đình làng về bầy chim, rằng chỉ một vài năm nữa, bầy chim sẽ lại về. Những ngày sau đó, có những buổi Ngần và Thư lang thang dọc bãi vải cho đến tối. Thư nói với Ngần:

– Chúng sẽ trở về. Bầy chim biết rõ chúng sẽ phải bay theo nguồn gió nào và hạ cánh ở đâu.

Vào mùa xuân năm nay, Thư lại lĩnh kinh đồ đạc về làng Ngàn từ mùng 5 Tết. Suốt ngày Thư ở trên đê nhìn trời. Thi thoảng anh qua sông và đạp xe vào sát chân núi Mối. Mỗi khi trở về, mặt Thư tím đi vì gió lạnh. Ngàn thường đun một ấm nước nóng cho Thư rửa mặt.

– Anh có thấy chúng về không? - Lần nào thấy Thư dắt xe đạp từ ngõ vào sân. Ngàn cũng hỏi như thế.

– Chưa thấy gì - Thư đáp - Nhưng tôi tin năm nay chúng sẽ về đông hơn...

Thư bỏ lửng câu nói và im lặng nhìn Ngàn.

Một buổi tối. Thư ở lại nhà Ngàn rất khuya. Hai người ngồi nói chuyện với nhau bên bếp lửa.

– Đúng là những con chim này có một chiếc lông đỏ phải không anh? - Ngàn hỏi.

– Tôi tin là có. - Thư nói - Tôi... anh, cũng muốn nhặt được chiếc lông chim màu đỏ.

– Để làm gì?

– Để thực hiện được ước mơ của anh.

Câu ấy, Thư như nói bằng hơi thở. Và sau câu nói ấy, cả hai người im lặng cho đến lúc Thư đứng dậy. Khi hai người bước ra sân, Thư chợt kêu lên:

– Mưa ẩm quá!

Hai người đứng ở sân và cùng ngửa mặt lên bầu trời tháng Giêng tối thẫm. Mưa tháng Giêng từ xa thẳm đang thì thào phả vào mặt họ. Cả hai thấy ẩm rực lên như đang ngồi bên bếp lửa.

– Mưa ẩm quá! - Thư nói như reo khẽ. - Mưa ẩm thế này là bầy chim sẽ về!

Nói xong, Thư nắm lấy bàn tay Ngàn. Và họ nhận ra hai bàn tay họ cũng đang ẩm rực. Sau khoảnh khắc bàng hoàng đi qua, Ngàn vội rút tay mình ra khỏi tay Thư.

– Anh về đi, khuya rồi! - Ngàn nói vội vã.

– Ngàn! - Thư khẽ thảng thốt.

Ngân bước lên hiên nhà. Cô đứng nép vào cột hiên. Chưa bao giờ cô lại thờ như thế. Khi biết Thư đã đi xa, và khi hơi thờ dần trở lại đều đều, Ngân đẩy cửa vào nhà. Cô bước lại bên giường bà nội và nói:

– Bà ơi, bà ngủ chưa? Cháu đốt cho bà chậu lửa nhé!

– Bố cô! - Bà nội Ngân máng yêu. - Chờ được cô đốt lửa cho thì tôi đã chết cồng rồi!

Ngân cười khúc khích và chui vào màn. Cô ôm lấy bà nội.

– Bà ơi, mưa ẩm lắm. Mưa ẩm như thế bầy chim sẽ về.

– Ai bảo thế? - Bà nội hỏi.

– Anh Thư nói thế bà ạ!

– Thằng Thư à - Bà nội nói - Cháu ạ, bà bảo nhé, con gái mà da khô, tóc cứng và nóng như cháu thì đường tình duyên khổ lắm. Đứa nào nó yêu cháu thật thì nó phải là người chân thành lắm.

Đêm ấy, Ngân thao thức mãi không ngủ được. Tiếng Thư gọi Ngân lúc ở sân làm cho cô thấy chóng mặt. Chưa ai gọi Ngân với giọng như thế bao giờ.

Đúng chiều ngày 13 tháng Giêng năm ấy. Ngân theo Thư ra đê. Mưa xuân bay mờ cả triền sông. Vải đang trổ hoa. Họ đứng im lặng nhìn về phía trời xa. Bầy chim trở về thật, chừng vài chục con từ từ đậu xuống ngọn cây vải cao nhất. Thư nắm tay Ngân chạy xuống chân đê. Cả hai rón rén đến dưới gốc vải và nhìn lên. Bầy chim đậu sát bên nhau và khẽ kêu lên, tiếng trong như tiếng sáo trúc. Thư say sưa ngắm nhìn bầy chim cho đến khi trời đổ tối. Thư dắt tay Ngân đi lên mặt đê. Ngân để yên tay mình trong tay Thư. Lên đến mặt đê, Thư vừa thở vừa nói:

– Anh dự báo đúng. Bầy chim đã trở về rồi, Ngân ơi!

Nói xong Thư ôm choàng Ngân, Ngân gục đầu vào vai Thư. Cô thấy tim mình đập vang tận đỉnh đầu.

Sáng sớm hôm sau bầy chim rời bãi vải bay đi, Ngân lén ra bãi vải. Cô vừa hồi hộp vừa ngập ngừng tìm dưới gốc cây vải xem có chiếc lông chim màu đỏ không. Dù trong lòng cô nghĩ chiếc lông chim màu đỏ có lẽ chỉ là chuyện cổ tích. Nhưng khi không tìm thấy

chiếc lông chim ấy thì lòng Ngàn dâng lên một nỗi lo âu mơ hồ. Và rồi, cô buồn hết cả tháng Giêng.

Bầy chim đi được mấy ngày thì Thư cũng ra đi. Anh phải trở về vùng đất ngập nước cùng các đồng nghiệp tiếp tục công việc của mình. Đêm ấy, trong bếp lửa nhà Ngàn, nghe Thư thổ lộ tình yêu của anh, Ngàn đã khóc. Lời tỏ tình mà Ngàn đã chờ đợi bao năm tháng lại làm cho Ngàn hoảng sợ và đau khổ. Nếu Ngàn tin rằng mình xinh đẹp như các cô gái khác, cô đã chạy ủa đến đón nhận tình yêu của Thư.

– Làm sao em khóc? - Thư hỏi.

Ngàn không thể nói cho Thư biết vì sao cô khóc. Cô ngược mắt nhìn Thư. Cô nhìn thấy đôi mắt Thư đang nhìn cô đắm đuối và ấm áp vô cùng. Lúc đó, Ngàn muốn gào lên với Thư rằng: “Tại sao anh có thể nhìn gương mặt xấu xí của em đắm đuối như thế kia được”. Nhưng Ngàn không thốt lên được. Cô chỉ biết khóc. Thư kéo đầu Ngàn vùi vào ngực mình. Anh vuốt ve mái tóc Ngàn. Lúc đó, Ngàn cảm thấy mái tóc mình khô giòn và khét đắng. Đến khi Thư vuốt ve bàn tay Ngàn thì Ngàn vùng khỏi vòng tay Thư và ghen ngào:

– Tại sao em lại không nhặt được chiếc lông chim màu đỏ?

Câu hỏi của Ngàn vừa tủi thân, vừa oán hận. Thư nhìn Ngàn và nhận ra tất cả. Anh thì thào:

– Em sẽ nhặt được, chắc chắn là nhặt được.

Nửa tháng sau ngày Thư đi, Ngàn nhận được thư anh. Thư say sưa kể cho Ngàn nghe về những bầy chim di cư trở về trong những ngày xuân ấm áp. Ngàn thấy hạnh phúc và nhớ Thư vô hạn. Đêm ấy, cô đọc thư của anh bao nhiêu lần cũng không thấy chán. Nhưng khi cô lấy chiếc gương ra soi thì cô lại gục đầu mệt mỏi. Cô luôn luôn cảm thấy da cô khô và sạm, tóc cứng và khét, mắt cô hơi xéch, đôi môi cô có những vết rộp. Nhưng sao anh ấy lại yêu mình? - Cô thầm hỏi. Hay anh ấy chỉ yêu bầy chim thôi? Ngàn nhận được thư của Thư, nhưng cô không viết lại cho anh.

Thư viết cho Ngàn mỗi lúc một thưa và bật hẳn. Lá thư nào, Thư cũng xin được cưới Ngàn và mong câu trả lời của Ngàn. Nhưng Ngàn đã im lặng suốt cả một năm. Những lúc thấy Ngàn thần thờ,

bà nội lại bảo: “Bà biết cháu chờ nó. Nhưng cháu ơi, người ta khác mình lắm. Xem có đứa nào trong làng tốt bụng hỏi thì lấy. Tuổi cháu đứng rồi, đừng viển vông, trong nhà, bà lo và thương nhất mày. Nếu xinh đẹp như người ta thì lại đi một nhẽ, đằng này... Thôi, ông trời cho thế nào thì được thế, cháu ạ”.

Năm ấy, bầy chim di cư trở về đông lắm, có tới hàng trăm con. Cả làng xôn xao. Những người già trong làng họp lại để bàn về lễ đón chim năm sau. Sau khi bầy chim bay đi, chẳng có ai ra bãi tìm chiếc lông chim màu đỏ, chỉ có Ngần. Nhưng Ngần không tìm được chiếc lông chim mong ước ấy. Và năm đó, thời gian đối với Ngần trôi đi quá chậm.

Nhưng rồi mùa xuân lại trở về, dù rằng năm nay mùa xuân như về quá muộn. Nhưng mùa đông vẫn phải trả lại thời gian cho mùa xuân đúng quy luật của nó. Mới chỉ ngoài Tết mấy ngày mà mưa phùn đã ẩm như hơi nước nóng. Cũng vào lúc đó, có một người đến tìm Ngần. Đó là một người đàn ông tóc đã điểm bạc. Ông là một nhà nghiên cứu chim di cư. Ông làm cùng Viện với Thư:

- Cậu Thư đang lặn lội tận đồng bằng sông Cửu Long. Người đàn ông nói vậy. Sau đó ông không hề đả động đến Thư, mà chỉ chăm chú hỏi về bầy chim.

- Tôi đọc hồ sơ của cậu Thư về bãi đỗ chim làng cô và cả câu chuyện về chiếc lông chim màu đỏ...

- Chuyện cổ tích ấy mà, bác quan tâm làm gì. - Ngần buồn bã nói.

- Tôi lại tin chuyện đó là thật.

- Thật, sao chẳng thấy chiếc lông chim màu đỏ - Ngần nói, giọng chột xa xăm - Có người tìm cả đời chẳng thấy.

- Người nào có lòng tin thì sẽ gặp được điều mình mong muốn - Người đàn ông nói. Mỗi người phải tin vào một điều gì đấy. Trước hết phải tin vào chính mình.

Đêm ấy, Ngần lại mở thư của Thư ra đọc. Cô biết, cô vừa mong đợi những lá thư như thế, lại vừa nghi ngại những gì Thư viết cho cô.

Sau bao nhiêu năm, ngày 13 tháng Giêng năm nay, làng Ngần lại tổ chức đón bầy chim. Khoảng hai giờ chiều, người làng đã tụ tập kín mặt đê. Một chiếc bàn phủ gấm trải bày bánh trái, hoa quả và một chiếc lư đồng. Trầm được đốt lên tỏa hương thơm ngát. Ngần cũng có mặt trên đê. Nhưng cô đứng ở phía cuối đoàn người, khăn len che kín mặt. Với mặc cảm về sắc đẹp của mình, cô luôn luôn né tránh đám đông. Cô đứng đợi bầy chim trở về mà lòng buồn bã.

Khoảng ba giờ chiều thì bầy chim trở về. Chúng xuất hiện phía xa như một đám mây. Đám mây mỗi lúc một lớn. Và những người đứng lên trên mặt đê nghe thấy tiếng đập cánh của bầy chim như tiếng mưa rào đang đổ xuống. Và trong khoảnh khắc, bầy chim có lẽ đến vài ba ngàn con ngòm ngợp đập cánh trên đầu họ. Tiếng kêu của bầy chim vang lên như tiếng sáo trúc rộn ràng. Bầy chim lượn một vòng quanh làng Ngần rồi từ từ đậu xuống bãi vải. Mọi người đứng trên mặt đê reo hò.

Ngần đứng im lặng, mắt không chớp nhìn bầy chim.

– Tôi đã nhìn thấy con chim chúa.

Nghe tiếng người nói sau lưng, Ngần quay lại và nhận ra người đàn ông cùng Viện với Thư.

– Bác nhìn thấy thật à? - Ngần hỏi - Sao bác biết?

– Con chim bay ở giữa đàn - Người đàn ông nhìn về phía bãi vải, nói - Nó có đôi cánh dài, rộng gấp đôi những con khác. Nó bay nhanh nhưng đập cánh rất ít. Chỉ có con chim chúa mới có chiếc lông màu đỏ.

Câu nói của người đàn ông bỗng làm cho Ngần dâng lên một cảm xúc lạ lùng. Cô mở chiếc khăn ra. Gió xuân ấm áp phủ lên mặt cô. Và từ đó cho tới khi đi ngủ. Ngần nao nức lạ thường. Ngày mai cô sẽ dậy thật sớm để đi tìm chiếc lông màu đỏ.

Và Ngần đã khóc nức lên trong buổi sớm mùa xuân. Khi bước ra sân, cô thấy những chiếc lông chim rụng ở sân nhà cô. Sáng sớm hôm nay, bầy chim từ bãi vải đã bay cất qua làng cô để trở về vùng đất ngập nước. Và giữa những chiếc lông chim màu trắng là một chiếc lông chim màu đỏ như lửa. Ngần nhặt chiếc lông chim lên. Cô để chiếc lông chim trong lòng bàn tay. Chiếc lông chim khe khẽ rung

lên bởi hơi thở của Ngần. Cô vội mang chiếc lông chim màu đỏ vào nhà mở chiếc khăn tay và đặt nó lên đó ngắm nhìn, lòng ngập tràn hạnh phúc.

Suốt ngày hôm đó, Ngần cười nói khác thường. Đến khuya, khi tin chắc mọi người đã ngủ say, Ngần rón rén trở dậy. Cô vịn to đèn, run rẩy lấy ra chiếc gương rồi lại áp chiếc gương vào ngực, người run bắn. Cuối cùng cô đưa chiếc gương lên ngang mặt, mãi lâu sau cô mới lấy hết can đảm và từ từ mở mắt. Cô nhìn vào gương. Và thật kỳ lạ, cô thấy mình không hề xấu xí như những ngày xưa, nước da không phải khô và sạm, mà rám nắng, khỏe mạnh, đôi môi không hề có vết rộp mà mọng ươn. Cô từ từ đưa tay lên mái tóc. Mái tóc cô dày và mềm mại.

Cô soi gương, rồi bỏ gương đi. Rồi cô lại soi, lại bỏ, mỗi lúc lòng tin về nhan sắc của mình càng mạnh mẽ.

Ngày hôm sau, cô đi chơi khắp làng. Bạn gái cô kéo cô lại và thì thầm: “Yêu rồi phải không?”, “Yêu ai mà yêu” - Cô cãi. Bạn gái cô nói: “Đừng có giấu tao, mày đẹp ra như thế này thì chỉ do hơi đàn ông chứ còn gì”. Cô đỏ mặt sung sướng. Cô không muốn nói về chiếc lông chim màu đỏ. Cô không tin chuyện thần tiên. Nhưng cô không lý giải được vì sao lại thế. Chỉ có điều không ai cho là cô xấu. Chỉ có cô nghĩ mình xấu xí và tự ti về nhan sắc của mình.

Điều ấy chỉ mình Thư biết. Và anh yêu cô lạ lùng. Anh phải kéo cô ra khỏi sự mặc cảm ghê gớm đó. Chỉ làm như thế, anh mới có được cô. Và anh đã bỏ mọi công sức lang thang đến nhiều vùng để tìm được một chiếc lông chim màu đỏ. Anh đã nhờ một đồng nghiệp về làng Ngần trong mùa chim đi di cư trở về và bí mật thả chiếc lông chim màu đỏ xuống trước cửa nhà cô.

Mấy ngày sau, người đàn ông cũng ra đi, Ngần viết lá thư đầu tiên cho Thư và nhờ người đàn ông ấy chuyển giúp. Lá thư chỉ vắn vắn mấy dòng: “Em yêu anh. Ngày nào em cũng mong anh trở về. Hãy về với em! Ngần”.

Khúc hát của dòng sông

Khác với thông lệ, năm nay mưa sớm. Sông Đáy mùa nước cạn thất lại, gầy mảnh mà bây giờ nước dềnh lên, đẩy đôi bờ hút xa. Sau bữa cơm chiều ăn sớm, tôi khoác áo mưa đi ra sông thay bè vó cho ông Tường. Hàng năm vào tháng Bảy, tôi đều nghỉ phép vào mùa nước. Tôi và ông Tường đóng chung một cái bè vó ở gần cống sông. Tôi làm bè vó không phải để kiếm tiền. Đây là thú chơi của tôi. Thật thú biết bao khi được ngồi trong chiếc lều nhỏ trên một chiếc sạp tre, với một cái điều cày, một ấm chè đặc ủ trong giỏ và ngoài trời mưa rỉ rả suốt đêm. Và cứ mười phút, tôi và ông Tường thay nhau kéo vó. Sớm hôm sau, tôi tháo chiếc giỏ nổi dưới đáy vó, trút cá ra và bà vợ ông Tường mang đi chợ phiên hoặc vào gần đình làng bán. Chúng tôi chia ca kéo đêm, nhưng thường là cả hai cùng thức, vừa kéo vó, vừa nói đủ thứ chuyện chẳng ra đầu đuôi gì cả.

Thấy tôi lò dò ra lều, ông Tường hỏi:

– Sớm thế chú mày? Cơm nước gì chưa?

– Cháu ăn rồi, ông ạ.

– Đêm nay uống rượu nhé - ông Tường nói - Lão vừa kéo được con chép khá lắm.

Khoảng mười giờ đêm, cuộc rượu của chúng tôi mới bắt đầu. Và khi đưa đến chén thứ ba vào bụng tôi đã thấy cái lều bỗng bênh.

– Ông này, người ta nói sông làng mình có ma. Họ nói những đêm mưa thường có một con đò lượn lơ giữa sông.

– Có con đò như thế, nhưng không phải ma - ông Tường bỗng trầm ngâm. Ngoài lều mưa vẫn rả rích như chẳng bao giờ ngơi - Mùa nước năm nào mà lão chẳng đóng bè vó. Lão có thấy chiếc đò đó đôi lần. Không nhìn thấy nhưng nghe tiếng âm i mà sợ sớn đái, nhưng sau thì hết sợ. Tiếng âm i ấy buồn lắm, có lẽ đó là hồn người chết thuở xưa. Cứ tạnh mưa thì con đò và tiếng âm i biến mất.

Tôi ngồi im lặng nhìn ra dòng sông. Trời tối mịt và mưa tầm tã. Ông Tường cũng ngồi im lặng. Một lát sau ông ngả lưng xuống và nói:

- Lão nghỉ một tí, chú mày kéo thay lão đến canh ba.
- Ông cứ nghỉ đi - Tôi nói và vặn nhỏ ngọn đèn.

Bỗng gió lùa vào lều làm ngọn đèn phụt tắt. Bóng tối trùm kín. Trong bóng tối mênh mang và tiếng mưa triền miên vỗ trên mặt sông, tôi lại nghĩ đến chiếc đò mà ông Tường kể cho tôi. Đâu đấy có tiếng cá quẫy trong dòng nước chảy xiết. Cuối canh hai, tôi nghe thấy có tiếng mái chèo quấy nước và cả tiếng âm i. Và giữa dòng sông chợt hiện lên một con đò. Trời tối lắm, tôi khó nhận ra những vật ở gần nhưng lại nhìn thấy rõ con đò từ xa. Hay câu chuyện của người làng kể ám ảnh trong tâm trí tôi. Rồi con đò đến gần, một chàng trai chui ra khỏi mũi. Anh đẹp lắm, vẻ đẹp của một người sông nước. Anh nhìn tôi nhoẻn cười và hỏi:

– Anh bạn kéo vó à? Có điều thuốc nào không? Thuốc tở ướt nhèm cả rồi.

- Tôi có thuốc Lào thôi.
- Còn gì hơn thuốc Lào.

Tôi đưa điếu cày và thuốc cho anh. Anh bỏ thuốc và lấy bùi nhùi thổi lửa. Gió thổi mạnh thế mà ngọn lửa trong tay anh cháy như không. Hút xong anh đưa điếu cho tôi và nói.

- Cảm ơn anh bạn. Anh bạn người làng này hả?
- Vâng. Thế anh ở đâu nhỉ? - Tôi hỏi anh và nhìn anh nghi ngờ.
- Sông đâu thì quê tở đấy. Cậu không tin chứ gì, không quan trọng.

Anh nhoẻn cười nhìn tôi rồi cất giọng khẽ hát. Ôi, tiếng hát lạ lùng làm sao. Tôi quên ngay mọi sự nghi ngờ về anh. Tôi thấy người mình nhẹ bẫng. Chiếc lều vó cứ bồng bênh như trôi qua khỏi bờ. Bất chợt anh ngừng hát, lắc đầu thờ dài. Mãi lâu sau tôi mới tỉnh khỏi cơn mê vì giọng hát của anh.

- Anh tên là gì? - Tôi hỏi.
- Tôi tên Chi họ Trương, người đời gọi là Trương Chi.

– Trương Chi, Trương Chi - Tôi cười khẩy - Anh cũng là người hay tếu.

– Cậu không tin thì thôi.

Anh nói buồn buồn và thờ dài. Chợt trong tôi vọng về tiếng hát ru của bà tôi thuở xưa. Bà tôi chít khăn mỏ quạ, suốt ngày nhai trầu hát ru tôi bằng câu hát: “Ngày xưa có anh Trương Chi, người thì thậm xấu hát thì thậm hay”. Khi chúng tôi đã lớn, bà tôi vẫn hát câu hát ấy. Có lần tôi hỏi bà: “Bà yêu anh Trương Chi à?”. Bà tôi mắng yêu: “Tổ bố mày, chứ anh Trương Chi còn để trước bà mấy đời. Ngày xưa cụ kỵ chúng mày đã hát Trương Chi rồi. Người đâu mà ngoan mà giỏi thế, chỉ khổ cái là xấu người”.

– Anh nói dối vừa chứ - Tôi cảm thấy khó chịu - Trương Chi, ông ấy chết từ vạn đời nay rồi.

– Đúng thế, chúng nó giết tôi, cắt lưỡi tôi để không hát được nữa. Nhưng chúng quên không móc trái tim tôi. Bởi vậy tôi vẫn còn sống đến bây giờ.

– Nhưng anh còn quá trẻ.

– Cậu hỏi cũng phải đấy. Nhưng chuyện thế này, ngày xưa ông tôi cũng làm nghề chài lưới. Một hôm ông thả lưới vớt cái lọ vàng. Lòi đồn đến tai quan. Quan đến đòi thu lại cái lọ. Ông tôi phải nộp cho quan. Quan cầm cái lọ dốc ngược để đổ chút nước sông còn đọng trong lọ ra. Từ trong lọ một con hến trắng rơi xuống cát. Ông tôi nhặt con hến trắng bỏ vào cái chậu sành. Đêm đêm, khi ông tôi đi ngủ thì con hến trắng từ từ mở miệng và hát. Ông tôi thuộc câu hát ấy, truyền lại cho bố tôi. Ai thuộc được câu hát thì trẻ mãi.

– Nhưng người ta bảo anh xấu xí lắm cơ mà?

Nghe tôi hỏi anh cười phá lên. Một lát sau anh chậm rãi nói:

– Bọn quan lại ghét tôi nên nói xấu tôi như thế. Tôi sống ở trên sông nên ít người biết mặt. Chúng tuyên truyền mãi, mọi người cũng dần dần tin theo.

Mưa ngớt rơi từ lúc nào không biết. Bỗng anh giật mình kêu:

– Tạnh mưa mất rồi. Tôi đi đây, hẹn gặp lại nhé!

Anh nói xong vội vã bơi đò ra sông, từ từ biến mất. Tôi hoảng hốt quờ tay làm đổ chiếc điều cày trong góc lều. Ông Tường tỉnh giấc hỏi:

– Buồn ngủ hả? Để lão dậy thay cho.

– Không, không, ông cứ ngủ đi - Tôi lấp bắp - Cháu tìm cái bát lửa.

– Ờ ờ, lúc nào buồn ngủ thì gọi lão.

Tôi hút liên tục ba điếu thuốc Lào như để xua đi những hình ảnh mộng mị vừa rồi. Nhưng đầu óc cứ váng vất lạ thường. Trời lại mưa, tiếng mưa dầm dạt trên sông. Chiếc đò có tiếng âm i hiện ra, và lặng lẽ bơi về phía tôi.

– Năm nay mưa gió thế này thì mùa màng lại thất bát. Này, mấy đêm vừa rồi quan phủ có việc gì mà thức trắng ghê thế?

– Bây giờ làm gì có quan phủ - Tôi trả lời anh - Đây là trống canh đề của ban chống lụt. Anh buộc đò sang đây uống nước.

Buộc đò xong, anh leo lên bè vó. Tôi thấy anh đội nón chóp và chân quấn xà cạp, liền hỏi:

– Bây giờ mà anh vẫn ăn mặc kiểu này à? Cứ như lính lệ ngày xưa ấy.

– Tôi là lính đấy chứ. Dẹp xong giặc, tôi về tiếp tục làm nghề chài lưới.

Năm mười tám tuổi, Trương Chi đi lính. Anh chỉ huy một đội quân thủy, và góp nhiều chiến tích đánh bại giặc ngoại xâm. Hết giặc giã, anh trở về con sông quê sống bằng nghề chài lưới. Những đêm có trăng, anh thường gác chèo cho đò trôi theo dòng và cất tiếng hát. Những ngọn gió sông như những nàng tiên có đôi cánh mỏng mang câu hát của anh đi mãi. Và những ngọn gió sông mang tiếng hát của anh vào phòng Mị Nương. Gặp câu hát Trương Chi, tuổi dậy thì của Mị Nương bừng dậy như một ngọn lửa. Đêm đêm, nghe giọng hát, nàng không sao ngủ được. Trái tim nàng canh cánh lo âu và phập phồng hạnh phúc. Rồi nàng đem lòng yêu người có giọng hát. Nhưng ngày tháng cứ trôi đi, nàng thuộc lòng từng câu hát mà không thấy mặt người. Và thế là nàng bỏ ăn, bỏ uống, mắt phượng

mày ngài ử rữ. Nàng bỏ cả những thú chơi trong dinh quan thừa tướng. Suốt ngày đêm nàng nằm trong phòng gấm mà tưởng nhớ người có giọng hát kia. Quan thừa tướng lệnh cho người hầu đi khắp nơi tìm thầy thuốc giỏi về cứu chữa cho nàng. Nhưng tất cả thầy cao tay thuốc hiếm đều vô hiệu.

Đến một ngày kia, sức khỏe và tinh thần của Mị Nương sụp hẳn xuống, chỉ còn cách cái chết một phân. Vào một đêm, Mị Nương gọi người hầu nữ vào và nói:

– Ta có một việc nhờ em. Nếu em không giúp được thì ta không sống nổi. Em có nghe thấy tiếng hát những đêm trăng từ sông vắng tới không? Ta nghe người con trai có giọng hát đó, ta mong được nhìn thấy mặt người ấy và sau đó chết cũng cam lòng. Đêm nay, em trốn ra khỏi dinh tìm người ấy cho ta và nói rõ lòng ta thương nhớ chàng mà sinh đau ốm.

Đêm ấy, người hầu nữ bí mật ra khỏi dinh đi tìm người có giọng hát trên sông. Người hầu nữ gặp Trương Chi, kể cho chàng nghe sự tình và mời chàng vào dinh để gặp Mị Nương. Trương Chi một mực từ chối. Người hầu nữ khóc lóc và nói:

– Dẫu cô nương tôi chưa nhìn thấy mặt chàng, nhưng đã đem lòng yêu khôn xiết mà sinh bệnh nặng. Nếu chàng không đến gặp cô nương tôi, cô nương tôi chết mất, chàng ời.

Nói xong, người hầu nữ lấy chiếc trâm vàng đưa cho Trương Chi và nói:

– Chàng cầm lấy vật này làm tin. Cô nương tôi dặn gửi cho chàng.

Trương Chi đón lấy chiếc trâm vàng, lòng cảm động khôn tả. Rồi gạt mọi do dự, áy náy, chàng vội vã lên bờ theo người hầu nữ về dinh. Lợi dụng đêm tối, người hầu nữ dẫn Trương Chi tắt đường đến dinh Mị Nương.

Khi nhìn thấy Trương Chi, Mị Nương sững sờ:

– Chàng, có phải chàng đấy không? Em đợi chàng lâu quá.

– Xin cô nương tha thứ cho kẻ quê mùa dám đặt chân đến chốn thềm hoa - Trương Chi cúi đầu nói.

– Chàng đừng nói vậy mà tan nát lòng em. Em đã nghe tiếng hát của chàng. Bây giờ em không thể thiếu tiếng hát của chàng được nữa.

– Có gì đâu, những đêm trăng cô nương cứ ra lầu, tôi chèo đò đến khúc sông này và hát cho cô nương nghe.

– Nhưng em yêu chàng. Em muốn chàng...

Nói đến đó Mị nương òa khóc.

– Xin đa tạ cô nương. Có lẽ cô nương nên nghỉ ngơi thuốc thang cho khỏi bệnh.

– Em không có bệnh gì cả. Em chỉ nhớ thương chàng mà vậy thôi.

– Xin cô nương tỉnh lại. Tôi là kẻ chài lưới đâu dám làm điều của người quyền danh. Tôi đã phạm tội lớn là đặt chân đến đây. Bây giờ muện rồi, xin cô nương cho tôi trở lại với con đò và dòng sông của tôi.

Mị nương nghe nói vậy lại òa khóc rất to. Hồi lâu, nàng lau nước mắt và nói:

– Lúc này em không thể giữ chàng được. Nhưng nếu mai này có trát quan cha cho gọi chàng vào dinh thì chàng đừng sợ gì. Em đợi chàng.

Sau đó dăm ngày, có lính mang trát gọi Trương Chi vào dinh. Quan thừa tướng cầm gậy son chỉ vào chàng và hỏi:

– Anh hát hay lắm có phải không?

– Thừa quan, tôi là kẻ làm nghề chài lưới, biết vọc vạch vài câu hát của cha ông để lại, đêm buồn thì mang ra hát.

– Con gái ta là Mị Nương đang bệnh, muốn nghe hát. Trong dinh ta không thiếu gì bọn hát xướng và làm trò vui, nhưng con gái ta muốn nghe tiếng hát của kẻ lang thang như người, nên ta gọi người vào dinh hát cho con gái ta nghe. Người làm con gái ta vui, ta thưởng. Nếu trái lệnh ta chém đầu.

Lính hầu đưa Trương Chi vào một căn phòng rộng được ngăn đôi bằng những tấm trướng lớn. Phần trong phía sau tấm trướng là nơi Mị Nương ngồi để nghe hát cùng vài ba người hầu nữ. Nhưng

Trương Chi không hát được một câu. Suốt hai ngày bọn hầu cận quan thừa tướng hết mang vàng bạc, châu báu ra dụ dỗ lại đến dọa chém đầu chàng, nhưng Trương Chi cũng không mở miệng hát lấy một câu. Cuối cùng chàng nói với quan thừa tướng:

– Tôi không tham vàng bạc cũng không sợ cái chết, chỉ vì không có dòng sông, không có con đò và những ngọn gió của bờ bãi, tôi không làm sao hát được.

– Vậy thì hãy về với sông, với đò của người - Quan thừa tướng nhếch mép cười và nói - Nhưng ta cấm người đến hát ở khúc sông này.

Rồi lính hầu đuổi chàng ra khỏi dinh. Trương Chi lại trở về với con đò và dòng sông quê hương chàng. Đêm đêm, chàng lại gác chèo, ngồi tựa mạn đò và cất giọng hát. Những ngọn gió sông như những nàng tiên lại mang những câu hát của chàng đi khắp nơi và đến với Mị Nương. Nghe tiếng hát mà không gặp người hát, nàng càng héo hon, mòn mỏi. Quan thừa tướng lo lắng và nguyên rửa lũ thầy thuốc ngu dốt mà tham lam. Một hôm quan thừa tướng vào và hỏi Mị Nương:

– Cha rất đau buồn vì bệnh tình của con. Con muốn gì cha cũng làm để con khỏi bệnh.

– Thật không cha - Mị Nương vội nói - Có thật cha chiều con mọi điều không?

– Có bao giờ cha từ chối con điều gì đâu. Tất cả của cải trong dinh này là của con. Con muốn gì cũng được.

– Cha ời! Con muốn... muốn lấy chàng...

– Con muốn lấy chồng ư? Đúng rồi, con sẽ lấy chồng. Cha sẽ tìm cho con một tấm chồng xứng đáng.

– Con muốn lấy chàng trai hát trên sông mà thôi. Chàng Trương Chi làm nghề chài lưới cha ạ.

– Sao? Con muốn lấy cái thằng hát rong trên sông ấy ư?

– Vâng chính chàng, chính người mà con đòi cha gọi vào dinh để hát cho con nghe đấy.

– Trời ời! Con điên mất rồi.

– Không. Con không điên. Con yêu chàng. Vì thương nhớ chàng mà con sinh bệnh. Chỉ có chàng mới chữa bệnh của con, cha ạ.

Khi biết rõ con gái mình tương tự kẻ quê mùa chài lưới trên sông, quan thừa tướng hầm hầm nổi giận:

– Con thật đáng tội chết. Nếu người đời biết được chuyện này, thì danh giá của cha còn gì nữa.

Nói xong, quan thừa tướng rũ tay áo bỏ đi. Và từ đó bệnh tình Mị Nương vô cùng trầm trọng, không một thứ thuốc nào chữa được. Nàng nằm trên giường gấm, thoi thóp thở. Một tên nịnh thần biết chuyện bèn tâu với quan thừa tướng:

– Bẩm quan, tên lái đò kia chính là một con cá quả sống lâu năm dưới sông hóa thành tinh, mang tiếng hát mà ám hại các cô gái đẹp bên sông. Nếu quan cứ để cho nó lớn vờn ở khúc sông này thì bệnh tình cô nương không sao khỏi được. Bây giờ chỉ có cách là đuổi hấn đi nơi khác. Nếu hấn không nghe thì giết quách đi cho khỏi vạ về sau.

Nghe nói vậy, quan thừa tướng liền ra lệnh cho tên nịnh thần chọn dăm tên lính chờ đêm tối ra khỏi dinh tìm gặp Trương Chi.

Đêm ấy, kẻ nịnh thần cùng dăm tên lính lên thuyền, bơi đến gặp Trương Chi. Gặp chàng, tên nịnh thần nói:

– Anh phải đi khỏi khúc sông này ngay đêm nay. Đó là lệnh quan thừa tướng.

– Thưa ông, đây là con sông quê hương tôi. Tôi sinh ra và lớn lên ở đây. Tại sao tôi lại rời bỏ dòng sông này.

– Đây là lệnh quan thừa tướng.

– Thưa ông, tôi không phải là kẻ tham lam mà nhận vàng bạc để rời bỏ nơi này. Hơn nữa, tôi đã mang lòng thương nhớ một người con gái bên sông. Thiếu tiếng hát tôi có lẽ nàng sẽ đau khổ lắm. Tôi ở lại đây cũng để hát cho nàng nghe, thà chết chứ không rời xa khúc sông này được.

– Thằng này láo thật, dám chống lệnh quan - tên nịnh thần thét lên - lính đâu, bắt nó ra.

Nghe lệnh, những tên lính to khỏe nhảy sang dò Trương Chi vung dao băm nát thân thể chàng.

Sáng hôm sau, dân hai bên bờ nhìn thấy xác chàng bị băm nát nổi bập bênh giữa sông. Họ hò nhau ra vớt. Nhưng cứ bơi thuyền đến gần là cái xác lại từ từ chìm xuống. Dân làng thất kinh không dám vớt nữa. Họ lập bàn thờ hai bên bờ sông làm ma cho chàng.

Khi Mị Nương nghe tin dữ ấy, nàng kêu lên, thổ ra huyết mà chết. Sau khi Mị Nương chết, một người gia sư già chuyên dạy kinh sử cho Mị Nương và con cái của các quan cáo bệnh lui về quê. Một đêm ông tắm rửa sạch sẽ, đốt trầm rồi mở tấm lụa bạch ra và viết:

Ngày nay có anh Trương Chi

Người thì thật đẹp, hát thì thật hay

.....

Viết xong bài thơ ấy thì ông mất. Bài thơ ấy được bẩm báo cho quan thừa tướng biết. Viên quan cho lính sục đến nhà người gia sư già lấy đi tấm lụa bạch có đề thơ và chữa câu thay chữ bài thơ rất nhiều. Còn Mị Nương sau khi chết được chôn cất ngay trong dinh viên thừa tướng. Ít lâu sau trên mộ nàng mọc lên một loại cây, lá xanh, thân mảnh. Loài cây này chỉ nở hoa vào lúc đêm khuya. Những bông hoa màu trắng tinh khiết, tỏa hương thơm nhẹ, đến gần sáng thì hoa tàn. Về sau người ta gọi đó là hoa Quỳnh.

Tôi chợt tỉnh giấc, bàng hoàng một lúc mới nhận ra mình đang nằm trong bè vó. Người tôi nóng ran, cổ họng đau và khản. Ngoài cửa lều, ông Tường dậy từ lúc nào đang ngồi hút thuốc. Mặt sông hưng hửng. Mưa đã ngớt.

– Dậy rồi à? - Ông Tường hỏi - Chú mày bị cảm lạnh đấy. Đêm qua lão thấy chú ứ ớ nói mê nhiều lắm. Lão sờ trán chú thấy nóng ran. Chút nữa tạnh hẳn về bảo bà lão lấy lá xông là nhẹ ngay. Mà chú mày lo lấy vợ đi. Ở nhà còn có bố mẹ anh em, khi ốm đau có người chăm sóc, chứ làm ngoài tỉnh lại có một mình những lúc như thế khổ lắm. Nhưng lấy thì chọn con nhà danh giá, có địa vị mà lấy, đàn ông như chú thế mới tốt.

Tôi khật khừ ngồi dậy, người đau ê ẩm:

– Thế chiếc đò đâu rồi ông?

– Đò nào?

– Cái đò...

Tôi nói mà thấy đầu óc mình như có mây bay, gió thổi.

– Có đò thuyền nào đâu. Lúc sớm lão định gọi chú dậy lại thôi. Có người chết trôi xác luẩn quẩn trước bè vó. Lão định vớt người ta lên bờ, nhưng không kịp. Nước nó xoáy ra xa và cuốn xuôi dòng mất. Thật tội quá, không biết người ở đâu. Năm nào mùa nước mà chẳng có người chết trôi.

Tôi khoác tấm chăn chiên lên người, ngồi nhìn ra mặt sông ngầu đỏ. Tôi nghĩ đến Thủy.

Người với hoa tầm xuân

Lần nào về quê, tôi cũng ra thăm cô. Cô tôi ở trong một ngôi nhà nhỏ ngoài gò sông. Đây là thiên đường của tôi trong những ngày ấu thơ. Quanh ngôi nhà của cô tôi mọc um tùm những bụi hoa tầm xuân. Vào giữa Giêng thường có nắng ấm. Hoa tầm xuân nở xối xả. Hoa nở hết chỉ trong một ngày một đêm. Hồi nhỏ, tôi hay xin mẹ tôi cho ngủ lại với cô. Trong tiếng gió xuân thổi qua ngôi nhà, tôi nằm thu mình trong lòng cô. Cả ngôi nhà nhỏ sực nức mùi hoa tầm xuân.

Cô là con nuôi của ông bà tôi. Không rõ quê quán cô ở đâu. Ông tôi đi làm thuê thấy cô nằm khóc oe oe giữa đường bế về nuôi. Cô tôi càng lớn càng đẹp. Cô mảnh mai, tóc đen như than, môi đỏ, mắt sáng và hay thẹn thùng khi gặp người lạ. Năm cô 16 tuổi, ông bà tôi gả cô cho một chàng thư sinh. Hai người sinh được một cậu con trai đặt tên là Hậu. Chồng cô đêm nào cũng thức khuya đọc sách. Mùa hoa tầm xuân nở, chàng thư sinh thường hay lang thang bên những bụi hoa tầm xuân. Đêm về lại đốt đèn làm thơ. Trong một năm chàng làm được mấy trăm bài về hoa tầm xuân. Chung sống được năm năm thì chàng thư sinh mất. Cô tôi chôn chồng ở ngay trên gò sông cạnh nhà. Sang Giêng ấm áp gặp ngày có nắng cô tôi thường mang những bài thơ của chồng ra phơi và đánh những khóm tầm xuân nhiều mầm trồng thêm bên mộ người quá cố. Ở quê tôi, chị bố cũng gọi bằng cô. Và tất nhiên Hậu là anh tôi. Anh Hậu lớn lên giống cô như hai giọt nước. Anh có tài bắt cá. Lên bảy tuổi anh tôi có thể kiếm cơm giúp cô. Từ khi chồng mất, cô tôi cũng đã trở nên thạo công việc đồng áng. Nhưng dù vất vả, dáng hình cô vẫn thế, ông tôi khuyên cô tái giá để có người đỡ đần. Cô tôi chỉ cười. Đêm đêm, cô tôi đốt đèn đọc thơ của người chồng quá cố. Nước mắt cô cứ nhỏ không biết bao nhiêu giọt xuống những trang giấy đã ố vàng.

Rồi có một dạo, người làng tôi xì xào về cô tôi. Họ nói cô có quan hệ với một con ma sông. Họ nói rằng đêm đêm cô tôi mở cửa đón con ma từ sông lên. Rồi đến giữa đêm thì cô tôi tiễn con ma về

sông. Có người nhìn thấy con ma ôm cô rồi nhảy ùm xuống sông biến mất. Ông tôi nghe chuyện gọi cô tôi vào bảo:

“Thầy chẳng bao giờ tin có ma quỷ. Nhưng con có đi lại với ai thì cho thầy biết”.

Cô tôi cười và nói:

“Thưa thầy con không nói chuyện với thầy u vì chẳng có chuyện gì. Đúng là anh ấy thương con. Thi thoảng anh ấy bơi qua sông thăm con và cháu Hậu. Chứ có phải ma quỷ gì đâu”.

“Nó là người thế nào?” - Ông tôi hỏi.

“Dạ, anh ấy là bộ đội đóng quân bên kia sông, vợ anh ấy bị Tây càn bắn chết” - Cô tôi thưa.

“Thế ý con thế nào?” - Ông tôi thăm dò.

“Con quý anh ấy, nhưng không quên chồng con được. Cứ vào mùa hoa tầm xuân nở, con lại thấy chồng con về. Con chẳng tin có ma. Nhưng chuyện chồng con về thì có thật, thầy ạ”.

Nghe vậy, ông tôi thở dài:

“Con thờ chồng nuôi con như thế thật đáng trọng. Nhưng thầy vẫn muốn con đi bước nữa. Chẳng ai có thể trách con được”.

“Thầy cho con nghĩ thêm” - Cô tôi nói và thở dài.

Nhưng năm ngày sau buổi nói chuyện cùng cô, ông tôi mất. Cô tôi nói với anh bộ đội rằng cô phải để tang ông tôi 3 năm. Tôi không biết hai người có hẹn ước gì với nhau không. Anh bộ đội ấy vào chiến trường và sau này không thấy quay lại.

Anh Hậu tôi lớn vụt lên. Người lạ thấy cô và anh Hậu đi với nhau cứ tưởng hai chị em. Cô tôi hình như chẳng già đi chút nào. Có người nói vì cô tôi luôn thở bằng hoa tầm xuân nên trẻ mãi. Tôi không hiểu chuyện này. Tôi chỉ nhớ chè ướp hoa tầm xuân của cô thôi. Vào mùa xuân cô tôi thường chọn hoa rồi sao vàng ướp trà. Cô tôi chế biến nhiều món ăn có hương hoa tầm xuân như chè bột sắn. Nồi nước gội đầu nào cô cũng bỏ thêm một dùm hoa tầm xuân khô. Có lẽ thế mà người cô tôi lúc nào cũng phảng phất hương hoa tầm xuân.

Năm anh Hậu 17 tuổi, cô tôi cho anh Hậu nhập ngũ. Khi anh Hậu đi B, cô tôi đưa địa chỉ của người bộ đội đóng bên sông cho anh Hậu. Căn dặn anh Hậu cố hỏi thăm tình hình của người bộ đội đó. Hai năm sau, anh Hậu viết thư về cho cô tôi và thông báo chú Am (tên người bộ đội) đã hy sinh. Cô tôi nhận tin đó ồm mắt 3 ngày. Khởi ồm, cô tôi nói ít hơn, nhưng vẫn trẻ đẹp như xưa. Người làng tôi cũng hay bàn tán về sự trẻ và đẹp mãi của cô tôi. Nhất là đám đàn bà.

Anh Hậu đi được ba năm thì có giấy báo tử. Cô tôi nhận được tin đau đớn này không khóc. Nhưng cô bỏ nhà đi. Ba tháng sau cô tôi trở về. Mọi người hầu như không nhận ra cô tôi nữa. Cô tôi già đi như bị phép phù thủy. Bố mẹ tôi tha thiết mời cô dọn vào ở với gia đình chúng tôi. Cô không nghe. Cô tôi lập bàn thờ ba người: Chồng cô, chú Am và anh Hậu. Cô tôi muốn có một tấm ảnh của anh Hậu để thờ nhưng không biết làm thế nào. Cuối cùng cô tôi tìm đến người vẽ truyền thần ở phố huyện nhờ vẽ. Cô tôi nói với ông truyền thần cứ nhìn cô mà vẽ Hậu. Chỉ cần trẻ hơn và cho anh đội mũ bộ đội có ngôi sao vàng và mặc quần áo lính. Ông truyền thần hỏi:

“Cậu nhà ta chức gì?”

Cô tôi nói cô tôi không biết.

Ông truyền thần bảo:

“Tôi cứ vẽ cậu nhà ta đeo quân hàm đại úy. Người chết rồi phong chức gì mà chẳng được”.

Thế là cô tôi có chiếc ảnh anh Hậu để thờ. Họ hàng nhìn thấy ai cũng phục ông truyền thần không biết người mà vẽ giống quá.

Sau đó, cô tôi vẫn ở lại ngôi nhà bên gò sông. Vào mùa hoa tầm xuân, cô tôi vẫn chọn hoa để ướp trà và làm các món ăn quen thuộc. Vào ngày nắng ấm đầu tiên của tháng Giêng, cô tôi lại mang thơ của người chồng đã khuất, thư của chú Am và ảnh của anh Hậu ra phơi. Đêm đó, cô nấu chè bột sắn có hương tầm xuân và pha trà. Rồi cô gọi tôi ra ăn chè, uống trà và đọc thơ của người chồng cho tôi nghe. Những câu thơ tả hoa tầm xuân cánh mỏng, trắng hồng và mát như da con gái, nhưng những câu viết kết lại thường có sương muối và gió lạnh. Những năm cuối đời, cô tôi lẫn nhiều. Có bữa cô

ăn rồi nhưng các cháu đến lại nói chưa ăn. Các cháu vội nấu cho cô. Cô tôi lại bụng bát ăn. Nhưng giữa bữa chợt khách cười và nói: “Già cả lẫn lộn hết rồi, cô vừa nấu cơm ăn xong không nhớ, lại bắt chúng mày nấu, khổ thế đấy!” Nhưng có mấy việc cô tôi không bao giờ quên. Đó là chọn hoa trong mùa hoa, phơi thơ, thư và ảnh của những người thân đã khuất.

Trong đợt tuyên dương danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cô tôi được chọn. Hàng không Việt Nam nhận phụng dưỡng cô. Hàng tháng, họ chuyển tiền về cho cô. Cô tôi dành dụm số tiền đó để cho mấy đứa cháu con nhà nghèo trong họ. Cô tôi vẫn ăn uống như xưa với mấy vạt rau trên gò sông và một chum tương ngâm cà lấu cứu năm này qua năm khác.

Cô tôi mất vào một ngày hoa tầm xuân nở rộ. Cô thọ 90 tuổi. Đó là một buổi sáng cô đang chọn hoa. Thấy mệt, cô cắt rá hoa về rửa mặt rồi lên giường nằm ngủ. Và cô tôi không bao giờ dậy nữa.

Bố tôi sai bọn trẻ hái thật nhiều hoa tầm xuân. Bố tôi phủ đầy hoa tầm xuân lên thi thể cô tôi. Vừa rắc hoa, bố tôi vừa nói: “Chị ơi em bỏ hoa cho chị để xuống đó chị ướp trà, nấu chè bột sắn và gọi đầu, chị nhé”!

Theo nguyện ước của cô, họ hàng mai táng cô bên mộ người chồng cũ trên gò sông. Gò sông bây giờ khác xưa quá nhiều. Một hệ thống lò gạch máy dựng lên làm mất hết những bụi tầm xuân. Chỉ còn lại một vài khóm nhỏ mọc quanh hai ngôi mộ.

Một chiều cuối năm tôi về thăm mộ cô. Ngôi mộ đã trở thành ngàn xưa. Cô tôi cũng trở thành ngàn xưa. Chỉ những bụi tầm xuân vẫn còn đó, cằn cỗi và im lìm trong giá rét đợi một ngày sang Giêng.

Lời hứa của thời gian

Khi hoàng hôn xuống những đồi thông thì gió nổi lên. Tiếng gió u u không dứt cho đến tận sáng sớm hôm sau. Đối với ông Miêng, giấc ngủ không còn quan trọng nữa. Ông có thể thức suốt đêm hoặc ngồi trong ngôi nhà dưới chân đồi hoặc đi lang thang trong rừng thông sẫm tối và sạch sẽ. Buồn ngủ lúc nào thì ông ngủ lúc đó. Có ngày ông ngủ suốt buổi chiều trên lớp lá thông dày ở đỉnh đồi. Ông tin, một ngày nào đó ông sẽ ngủ mãi mãi trên thảm lá thông này. Ý nghĩ ấy làm ông hạnh phúc. Chính trên những quả đồi này, năm 1972, cả tiểu đội của ông chỉ còn sót lại một người. Đó chính là ông. Sau trận đánh chiều đó, ông ngất đi vì ba vết thương trên người. Khi ông tỉnh dậy trời đã khuya. Đêm ấy trời đầy sao. Cả vùng đồi im phắc. Ông gượng ngồi dậy. Và trong ánh sáng mờ của sao và vàng trắng đầu tháng, ông nhận ra đồng đội ông đang nằm như ngủ bình yên trên đỉnh đồi. Ông đã cất tiếng gọi. Tất cả đã hi sinh. Tiếng gọi của ông đêm ấy vang trên những quả đồi trơ trụi và vọng mãi đến bây giờ.

Sau chiến tranh, ông về thăm quê ít ngày rồi quyết định trở lại vùng đồi này. Trở lại vùng đồi, ông mang theo một người đàn bà trẻ. Người đàn bà đó là vợ ông. Người đã chờ đợi ông suốt mười mấy năm cuối cùng của cuộc chiến tranh.

Ngày ông dắt vợ đến vùng đồi người đàn bà trẻ ngơ ngác nhìn đồng đất hoang vu và hỏi:

- Chúng mình đến đây để làm gì hở anh?
- Để sống.

Ông Miêng nói một câu ngắn gọn như vậy. Rồi những ngày sau đó ông dựng một ngôi nhà nhỏ dưới chân đồi. Chính quyền địa phương không một chút đắn đo đã cho phép ông được sống ở đó. Một năm sau ngày đến vùng đồi, ông bắt đầu trồng thông. Ông nói với vợ:

- Anh sẽ trồng thông kín những quả đồi này.

- Bao giờ mới kín được? - Người vợ lo lắng hỏi.
- Anh không biết - Ông nói - Nhưng anh sẽ trồng và sẽ trồng kín.

Những đêm sáng trăng, ông thường ngồi im lặng nhìn lên đỉnh đồi. Mây lững lờ bay qua đỉnh đồi, và ông nghe tiếng ông gọi đồng đội mình. Những đêm như thế, ông thường đi lên đỉnh đồi và trở về nhà rất khuya. Vợ ông sợ hãi hỏi:

- Anh lên đó làm gì?
- Anh lên thăm bạn anh.
- Có ma nào ở trên đó mà anh thăm. Anh làm sao thế? Em sợ lắm.

Anh ôm chặt vợ vào lòng và rì rầm:

- Tất cả đang ngủ trên đó.

Vợ chồng Miêng sống trên vùng đồi như sống trên một vùng đảo hoang. Có những tuần lễ không một bóng người đi qua. Người dân ở đó không biết làm gì ở vùng đồi sỏi đá và còn sót lại cả mìn từ chiến tranh này. Ông Miêng trồng tất cả những thứ gì có thể mọc được trên đất đồi này quanh ngôi nhà nhỏ và nuôi tất cả những gì có thể sống được ở đây. Sau một năm, vùng đồi đỡ hoang vu hơn bởi những màu xanh đầu tiên được nhen lên và bởi tiếng gà tiếng chó. Ngày đầu tiên ông Miêng đến Công ty giống cây trồng của tỉnh xin cây thông non để trồng. Nhân viên công ty nói giá mỗi cây thông non cho ông biết. Và nhanh hơn máy, anh ta tính cho ông một món tiền khổng lồ mà ông Miêng phải trả.

“Tôi không có tiền. Tôi chỉ xin để trồng thôi”. Ông Miêng nói. Anh ta tròn mắt: “Thế thì ông lấy lá thông mà trồng”. Nghe vậy, ông Miêng bỏ đi. Ông xin gặp lãnh đạo tỉnh. “Tôi giúp tỉnh trồng thông kín những quả đồi đó. Tôi chỉ trồng thôi. Tôi không lấy công, không lấy gì hết”. Lãnh đạo tỉnh nhìn ông khó hiểu. Ông nói: “Tất cả đồng đội tôi đã chết trên quả đồi kia. Bây giờ họ đang ngủ ở đó. Khi nào thông mọc kín những quả đồi thì tôi sẽ trở về quê”. Lãnh đạo tỉnh ôm lấy ông. Sau đó Sở Lâm nghiệp chỉ đạo công ty cấp cây giống cho ông. Ông Miêng bỏ hết số tiền ông có mua một chiếc xe trâu để chở cây giống và giúp ông những việc khác. Mỗi tháng, ông đánh xe trâu đưa vợ xuống thị xã một lần để mua sắm những thứ cần thiết cho

hai vợ chồng hoặc mang bán một ít gia cầm. Những buổi chiều bớt việc, ông thường dắt con trâu đi lang thang quanh vùng đồi để tìm cho nó một đám cỏ ngon.

Có lúc, con trâu dừng bước ngẩng cao đầu nhìn về dãy Trường Sơn xanh mờ. Nó bứt rứt lắc chiếc mõ tre đeo nơi cổ. Tiếng mõ tre vang lên đơn độc và khắc khoải. Nhiều đêm con trâu đánh sừng suốt đêm vào những gióng tre chắn cửa. Và tiếng nó thở hắt ra như một tiếng thở dài. Những lúc ấy, ông Miêng tỉnh giấc. Ông cầm chiếc đèn bão ra chuồng trâu. Con trâu ngược đôi mắt ươn ướt nhìn ông. Ông bước lại bên con trâu, vuốt ve cái khoáy trắng trên trán con trâu và thì thầm: “Khi thông phủ kín những quả đồi, tao sẽ thả mày về với rừng”.

Hai năm sau, những cây thông được trồng đã bắt đầu rít gió. Đêm đêm, gió u u thổi qua rừng thông non trên sườn đồi. Và trong tiếng gió thổi lúc gần sáng có tiếng trâu khua sừng và thở gấp vừa náo nức vừa buồn bã. Những đám mây mang hình người lơ lửng trôi qua những đỉnh đồi trong ánh trăng. Nhiều đêm như thế, vợ ông đã khóc và đòi ông dời bỏ vùng đồi về quê.

Rồi vợ ông mang thai, ông ôm vợ và nói: “Chúng mình sẽ có một thằng con trai. Vùng đồi này sẽ có thêm một người và ông có thêm một người trồng thông”. Nhưng ngày vợ ông sinh là ngày khủng khiếp nhất đời ông. Đứa bé không thành người. Nó chết ngay sau khi được sinh ra. Ông đã bọc đứa con trong chiếc áo lính bạc trắng của mình và đi quá nửa ngày đường xe trâu đưa đứa bé về vùng đồi. Ông chôn đứa bé trên đỉnh đồi nơi cả tiểu đội của ông đã nằm ở đó. Những ngày sau đó thỉnh thoảng ông để cho vợ đánh chiếc xe trâu lọc cọc về thị xã chơi với người quen cho khuây khỏa. Còn ông lại lao vào trồng thông từ sáng đến tối. Vợ ông xuống thị xã và đôi khi ở lại vài ba ngày. Nhiều đêm chị hoảng hốt đòi ông trở về quê. Nhưng ông chỉ im lặng. Ông quyết liệt trồng thông phủ kín những quả đồi và quyết liệt có con. Vợ ông mỗi ngày một ít nói và đánh xe trâu về thị xã nhiều hơn. Cho đến một ngày, ông không thấy vợ trở về. Ông về thị xã tìm vợ. Vợ ông để lại chiếc xe trâu ở nhà người quen cùng với lời xin ông tha thứ và vĩnh biệt ông. Vợ ông đã không chịu nổi cuộc sống ngày dương đêm âm của vùng đồi. Và chị quá

sợ hãi phải sinh nở với ông bởi ông chỉ có thể sinh ra những đứa trẻ không thành người. Chị đã bỏ ông, bỏ vùng đồi đi theo một người đàn ông khác mà chị gặp trong những lần đánh xe trâu về thị xã.

Ông chết lặng khi nghe tin ấy. Và lần đầu tiên trong đời ông thấy mình như không còn một chút sức lực nào nữa. Ông tựa vào con trâu và run lẩy bẩy. Ông không đi tìm vợ. Ông cũng không có ý đánh xe trở về vùng đồi. Ra khỏi thị xã. Ông nằm xuống thùng xe và mặc cho con trâu kéo cỗ xe đi về đâu thì đi. Ông nằm trên đồng cỏ đã héo khô trên thùng xe, người như lên cơn sốt. Mặt trời dần tắt. Bóng tối phủ dần lên con đường. Con trâu vẫn kiên nhẫn bước đi từng bước.

Khi con trâu lắc mõ và rống lên một tiếng dài thì ông mới tỉnh khỏi cơn sốt của đau đớn. Ông ngồi dậy và sửng sốt nhận ra cỗ xe đã dừng trước ngôi nhà của ông dưới chân đồi. Ngôi nhà nằm im lìm trong bóng tối. Hai con chó thấy ông về mừng rỡ tru lên khe khẽ. Ông mệt mỏi bước xuống khỏi thùng xe. Gió đêm bắt đầu thổi. Những lá thông rung lên. Ông lặng lẽ bước lên đỉnh đồi. Hai con chó lặng lẽ theo sau ông. Ông đến ngồi xuống nắm mộ nhỏ của đứa con xấu số bên một gốc thông. Ông khóc.

Đêm đó, ông lên cơn sốt thật. Trong cơn sốt mê sảng ông thấy đồng đội mình ôm súng nằm phủ kín quả đồi. Ông đi lang thang trên những quả đồi và gọi tên đồng đội. Không ai trả lời ông. Tất cả đã ngủ mãi mãi trên những quả đồi kia. Ông nằm bệt trên giường hai ngày liền. Một nhân viên trạm cây giống lên thăm ông. Thấy ông ốm, anh ta vội đi đón một cô y tá đến chăm sóc ông. Mấy ngày sau ông khỏi và lại đánh xe đến trạm cây giống lấy thông con. Ông lại trồng thông từ sáng đến tối mịt. Lúc nào đói thì nấu ăn, lúc nào mệt thì nằm ngủ, không theo qui luật nào cả.

Cứ khoảng một tháng, ông Miêng lại đánh xe về thị xã. Sau khi mua sắm những thứ cần thiết cho sinh hoạt và công việc, ông ghé qua nhà quen của vợ chồng ông.

“Có thấy cô ấy về đây không?”

Khi gặp người quen, ông thường hỏi câu đó. Người đàn bà nhìn ông vừa ái ngại vừa như có lỗi và lắc đầu. Và trước khi bước lên xe

để trở về, ông đều nói: “Có gặp vợ tôi thì bảo với cô ấy là tôi vẫn đợi cô ấy”.

Mỗi lần từ thị xã trở về, ông Miêng thường ghé thăm cô y tá đã chăm sóc ông cái bệnh ông ốm. Cô y tá tên là Hoa, làm việc ở một trạm xá xã gần đó. Ông thường mang cho chị lúc thì một ít trái cây, lúc thì một hai chục trứng gà. Hai người ngồi nói chuyện vẫn vợ về vùng đồi. Dần dần họ trở nên thân thiết. Những lúc rảnh rỗi, Hoa đạp xe lên thăm ông. Ông Miêng dẫn chị lên đỉnh đồi để chỉ cho chị những cây thông mới trồng.

Những cây thông cứ từng ngày mọc lên trên những quả đồi sỏi đá. Ngày nào đến thăm ông, chị cũng ở lại ăn cơm chiều với ông. Hai người ngồi ăn cơm bên ngọn đèn chai trong tiếng gió thổi qua đồi thông.

Một buổi chiều đưa Hoa lên đỉnh đồi, ông Miêng đã nói với chị: “Không có người thì chẳng làm sao, nhưng đã có người đến đây rồi thì tôi thấy mình lẻ loi quá”. Nghe ông Miêng nói vậy, Hoa im lặng và đi xuống chân đồi. Ông Miêng bước theo và nói khẽ: “Ngày nào không có Hoa tôi thấy trống vắng quá”. Hoa càng bước vội hơn. Đến ngôi nhà của ông Miêng dưới chân đồi, Hoa vội vàng lấy xe đạp và nói: “Em phải về”. Ông Miêng vội hỏi: “Sao không ở lại ăn cơm với tôi?”. Hoa không trả lời, chị đạp xe xuống con đường đất đỏ chạy ven chân đồi.

Một tuần sau đó, Hoa không lên đồi thăm ông Miêng. Ông nóng ruột xuống làng tìm chị. Họ ngồi im lặng trước nhau. Hoa không nói một câu gì cho tới khi ông Miêng đứng dậy ra về. Hoa tiễn ông ra đến đầu ngõ và bỗng nói: “Anh đừng giận em. Chiều mai em lên”.

Buổi chiều hôm sau, Hoa lên thăm ông Miêng. Đó là một buổi chiều hạnh phúc trào lên bất tận với ông Miêng. Ông dùng xe trâu đưa chị đi thăm xung quanh vùng đồi. Ông nói say sưa và náo nức về vùng đồi. Hoa nghe ông và đôi mắt giàn giụa. Những ngày sau đó, cứ khi nào rảnh rỗi công việc ở trạm xá xã, Hoa lại đến với ông Miêng. Chị dọn dẹp nhà cửa cho ông và cuốc những vạt đất ven chân đồi trồng chuối và rau.

Một buổi chiều đang trồng thông non trên sườn đồi, ông Miêng giật mình nghe một tiếng nổ dưới chân đồi. Ông nhìn xuống và kinh hoàng nhận ra Hoa nằm úp mặt trên đất. Khói đen như trùm kín người chị. “Hoa!”. Ông Miêng rú lên và lao xuống chân đồi. Những cây thông non mới trồng gãy gập dưới chân ông. Khi ông chạy đến chỗ Hoa nằm thì khói đã tan hết. Chị nằm sấp trên mặt đất đồi, một bàn tay vẫn nắm chặt chiếc cán cuốc. Một quả mìn còn lại trong chiến tranh đã cướp đi mạng sống của chị. Ông Miêng từ từ quy xuống bên chị. Bỗng ông ngửa mặt lên trời và rống lên. Bầu trời trên đầu ông trong và xanh thẳm. Khói mìn đã tan đi trong gió. Cả vùng đồi yên tĩnh lạ thường.

Ông Miêng bế Hoa lên. “Hoa ơi là Hoa”. Ông gọi và bế Hoa về phía ngôi nhà của mình. Ông múc nước trong chiếc lu sành rửa mặt mũi, chân tay cho chị. Rồi ông đặt chị nằm ngay ngắn trên chiếc giường của mình. Ông mở hết cửa cho gió đồi buổi chiều lùa ào ạt vào ngôi nhà. Ông ngồi xuống bên chị và kể lể cho chị nghe về cuộc đời ông cho đến khi bóng tối phủ kín ngôi nhà...

Sau ngày vợ ông bỏ đi và Hoa bị chết bởi mìn, ông Miêng bỏ rất nhiều thói quen của cuộc sống hàng ngày. Chỉ còn vùng đồi và những cây thông non là niềm vui của ông. Đêm đêm ông lẫn thân với những công việc không đâu vào đâu. Gần sáng ông thức giấc, ông ra hiên nhà ngồi nghe gió réo u u qua rừng thông đã lên cao. Có một thời Sở Lâm nghiệp mời ông làm đội trưởng đội trồng rừng của tỉnh. Ông từ chối. Ông muốn sống một mình trên vùng đồi này. Ông muốn tự tay trồng kín thông trên những quả đồi sỏi đá và đầy mảnh bom đạn cùng với những quả mìn còn sót lại đâu đó trong đất đồi. Đêm đêm, ông sống cùng tiếng gió những đồi thông. Thỉnh thoảng ông lại nghe thấy chính tiếng ông gọi đồng đội xưa kia vọng về. Đồng đội ông đã yên nghỉ mãi mãi trên những ngọn đồi kia. Và ông cũng mong được yên nghỉ vĩnh viễn nơi đó. Hàng tháng ông vẫn đánh xe xuống thị xã. Và lần nào ông cũng cho xe đi qua cửa nhà người quen của vợ ông. Ông cho trâu dừng lại. Ông nhìn vào ngôi nhà rồi lại bỏ đi. Với vợ ông, ông không hề thù oán, ông chỉ thấy buồn. Người đàn bà ấy đã chờ đợi ông suốt mười năm không một điều tiếng gì. Nhưng chỉ ba năm sống với ông trên vùng đồi này, chị

đã không chịu đựng nổi. Nói đúng hơn là chị khiếp sợ. Chị khiếp sợ phải sinh cho chồng những đứa con bất thành nhân dạng.

Bây giờ thông đã mọc kín và cao trên những quả đồi. Tóc ông Miêng đã bạc trắng tuy ông mới ngoài 60 tuổi. Con trâu ông mua từ ngày mới đến vùng đồi, nay đã già yếu. Đôi sừng như đèn nặng hơn trên đầu làm mặt nó như chúi sát đất. Hơn một năm nay, ông không bắt nó kéo xe. Đã có lần, nhớ đến lời hứa trước kia với con trâu, ông đã dắt nó đến sát những cánh rừng Trường Sơn và nói với nó: “Mày hãy trở về rừng đi”. Nói xong ông tháo thừng cho con trâu và quay về. Ông nhớ con trâu nhưng ông giữ lời hứa của mình. Nhưng đêm hôm sau, trong giấc ngủ và nghĩ mình ngủ mê, rồi ông lại chập chờn vào giấc ngủ. Ông nghe thấy có ai gõ cửa. Tỉnh giấc. Ông ngồi dậy, lắng nghe và nhận ra có ai đó đang đẩy cửa. Ông bước vội ra mở cửa và nhận ra con trâu trở về. Ông khẽ kêu lên và ôm lấy cổ con trâu già. Rồi ông đốt đèn ra sau nhà hái một ôm lá sắn cho nó. Con trâu vừa ăn vừa nhìn ông. Ông âu yếm nhìn con trâu và nói: “Mày không muốn về rừng ư? Thôi thế thì ở lại với ta. Những quả đồi này cũng thành rừng thông rồi. Có công của mày đấy”.

Những ngày sau đó, chiều chiều ông dắt con trâu đi lang thang trên những đồi thông. Và những lúc ấy, ông nhớ đến đồng đội, nhớ đến đứa con đã chết của mình, nhớ đến người vợ đã bỏ ông đi không có tin tức gì và nhớ đến cái chết tức tưởi của Hoa trong một buổi chiều yên bình. Nỗi nhớ bây giờ của ông không còn mang nỗi đau tê tái nữa, mà chỉ như gió thổi qua những đồi thông vào những đêm gần sáng vừa da diết, bồn chồn, vừa xa xăm, thôi thúc.

Một chiều muộn, ông dắt con trâu già từ rừng thông trở về nhà, có một chàng trai đã đứng ở sân nhà đợi ông. Ông lặng lẽ bước đến trước chàng trai.

- Cháu chào bác ạ - Chàng trai nói khẽ.
- Cậu tìm ai? - Ông hỏi.
- Cháu tìm bác Miêng.
- Tôi đây - Ông nói - Tôi là Miêng.

Mặt chàng trai chợt biến động lạ lùng. Ông nhận thấy đôi môi chàng trai run lên.

– Cậu tìm tôi có việc gì?

Chàng trai không trả lời. Nước mắt chàng trai trào ra. Bỗng chàng trai nức nở.

– Có chuyện gì vậy? Sao cậu lại khóc?

Chàng trai cứ đứng trên sân khóc một hồi lâu. Rồi lấy tay lau nước mắt, anh bước một bước về phía ông và nói, giọng như lạc đi:

– Ba, ba Miêng. Con là con của ba.

– Con tôi - ông Miêng khẽ kêu lên - Cậu nhầm rồi.

– “Ba hãy tha thứ cho má con. Má cậu? Má cậu là ai?”. “Má con là Lợi. Má nói con đi tìm ba”.

Mọi cảnh vật trước mắt ông Miêng nhòa đi. Tim ông nhói lên như một mũi kim đâm vào. Hai chân ông run lên.

– Cậu là con tôi à? - Ông Miêng nói như bằng hơi thở của người ốm nặng.

– Con là con của ba. Má nói con đến đây tìm ba và nói ba hãy tha thứ cho má.

– Má cậu đâu?. Chàng trai khóc và nói:

– Má mất rồi, ba ơi!

Ông Miêng cúi đầu im lặng. Một lát sau ông đến bên chàng trai, đặt bàn tay chai sạn, đen đúa lên vai chàng trai và nói:

– Vào nhà đi.

Chàng trai mở túi lấy một bọc vải nhỏ và mở ra. Trong đó là một chiếc nhẫn. Ông Miêng nhận ra chiếc nhẫn đó. Chàng trai lấy chiếc nhẫn đưa cho ông Miêng.

– Trước khi mất, má đưa chiếc nhẫn cho con và nói con phải đi tìm ba. Đến lúc đó, con mới biết ba con là ai và ở đâu.

– Má cậu nói gì nữa không?

– Má nói, má đã phản bội ba, không phải vì má không yêu ba mà là má quá sợ.

– Má cậu sợ cái gì? - Ông Miêng hỏi.

– Con cũng hỏi má vậy, nhưng má không bao giờ nói cho con hay.

– Lâu nay má con cậu sống ở đâu?

– Dạ, ở Nha Trang, chàng trai đáp giọng đầy nước mắt.

– Má con cậu sống với ai?

– Chỉ hai má con thôi - chàng trai nói - Từ lúc sinh ra con chỉ biết có má.

Nói xong, chàng trai nhìn ông Miêng vừa sợ vừa chờ đợi. Hai người ngồi im lặng. Mặt ông Miêng bất động.

– Trước khi má mất - chàng trai nói - Má bắt con hứa là phải tìm được ba. Má nói con thay má tạ lỗi ba và mong ba tha lỗi cho má để má được thanh thản nơi chín suối. Má nói con phải đến đây và sống với ba hết đời. Ba sẽ che chở cho con.

Ông Miêng nhìn gương mặt non nớt, trong sáng và tội nghiệp của chàng trai. Lòng ông nhói đau. Ông biết chàng trai không phải con ông. Vì ông không bao giờ sinh được một đứa con lành lặn. Ông cũng chợt hiểu người đàn ông đã lừa dụ vợ ông và cũng đã ruồng bỏ người đàn bà ấy cùng hòn máu của mình. “Ba sẽ che chở cho con”. Giọng nói nức nở và như một lời cầu nguyện của chàng trai vang trong lòng ông. Và hơn thế, người đàn bà, vợ ông, đã quá yêu thương đứa con mình và cầu ông che chở cho một con người. Thấy ông ngồi bất động, chàng trai lại khóc và nói: “Ba ơi, má mất rồi...”. “Ba ơi!”, ông lẩm bẩm như người ngủ mê, nhắc lại tiếng gọi của chàng trai. “Ba hãy thứ lỗi cho má”. Giọng chàng trai đã khản. “Ba cho con về ở với ba. Ba đừng bỏ con”. Ông Miêng nhìn chàng trai. Nếu lúc này ông nói ra sự thật với chàng trai thì có nghĩa ông đập tan mọi hy vọng và sự chờ đợi của nó. Và nghĩa là, ông không chấp nhận lời cầu xin của một người đàn bà tội nghiệp trong cơn hấp hối. Và cũng chính lúc này, sự xuất hiện của chàng trai lại làm ông thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Nếu bây giờ chàng trai bỏ đi, ông sẽ gục ngã không thể đứng lên được bởi chính sự cô đơn mà bấy lâu nay ông cố vùng vẫy chống chọi. Khi chỉ có một mình, ông không nhìn thấy hết sự cô đơn. Nhưng khi có một con người khác đứng trước mặt ông, ông mới nhìn thấy toàn bộ sự cô đơn khổng lồ của mình.

Lúc này nhìn ông như một người cổ xưa, không tuổi tác và lặng phắc như đá. Bỗng từ trên những đỉnh đồi gió ào ạt đổ về. Ngọn gió lớn cuồn cuộn thổi qua hai người. Trong tiếng gió vọng lên những tiếng thì thầm bất tận. Ông Miêng chống gối đứng dậy. Ông bước đến trước chàng trai. Chàng trai đỡ lấy ông. Ông thấy hơi người ấm rục từ chàng trai phả vào cơ thể ông đang run lên như một cơn sốt rét. Ông quờ tay ôm lấy chàng trai và kêu lên như một tiếng rên.

Người thổi kèn lá dứa

Năm tôi học lớp 5 thì khoa Lý - đại học Sư phạm Hà Nội sơ tán về làng. Nhà tôi rộng nên nhận một số chị sinh viên về ở. Trong đó có chị Ty. Chị ở nhà tôi gần một năm. Chỉ chừng đó thời gian thôi, mà với tôi hình bóng chị không bao giờ phai nhạt dù chỉ là một nét.

Một buổi chiều mưa bão. Gia đình tôi đang chuẩn bị bữa chiều thì cha chị đưa chị đến nhà tôi. Chị Ty từ Thái Bình lên nhập học năm thứ nhất. Cho đến bây giờ, gần 30 năm rồi, tôi vẫn như đang nhìn thấy chị bước vào sân nhà tôi. Chị đội một chiếc nón cũ và mặc bộ quần áo tối màu. Chị xách một chiếc hòm gỗ nhỏ. Tôi hình dung hòm đó nhỏ như cái hòm của những ông thợ cắt tóc. Mẹ tôi vội đón khách.

Chiều hôm ấy cha con chị ăn cơm với gia đình tôi. Bữa cơm của một vùng quê nghèo 30 năm về trước bây giờ thật khó có thể tưởng tượng nổi. Cơm dọn khoai lang khô. Thức ăn hôm đó của gia đình tôi có một bát cà và một đĩa măng tre luộc chấm tương. Vào những ngày mưa bão, tôi thường đi nhặt măng gầy rồi bóc bẹ, ngâm trong nước gạo cho bớt đắng. Măng luộc ngâm ngâm đắng chấm với tương hoặc muối vừng. Chị Ty ngồi ăn lặng lẽ. Chị ăn rất ít.

Gia đình tôi ăn cơm xong thì trời ụp tối. Bão vẫn gào thét. Mưa càng nặng hạt. Tiếng côn trùng và ếch nhái kêu buồn bã. Chị Ty giành bát dũa đi rửa.

Đêm đó, trong ánh sáng đèn dầu, mẹ tôi ngồi nói chuyện với cha con chị Ty. Tôi ngồi trong bóng tối ở góc giường im lặng. Lúc này tôi mới dám nhìn vào mặt chị. Gương mặt chị Ty r ám nắng. Mái tóc dày chưa khô vì gội muộn như quá nặng đối với khuôn mặt nhỏ nhắn của chị. Tôi cảm thấy gần gũi chị vô cùng. Chị ngược đôi mắt to đen thẫm nhìn mẹ tôi vừa lắng nghe mẹ tôi chị vừa quạt cho tóc khô.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm. Đó là một ngày dậy sớm của đời tôi. Lúc đó chị Ty đang quét mảnh sân đầy lá tre rụng bởi cơn bão hôm qua. Thấy tôi, chị cười. “Em dậy sớm thế, giỏi quá nhỉ”. Tôi ngượng

ngừng. Chị bước đến trước tôi hỏi: “Em tên gì?” Tôi lí nhí: “Thiều ạ”. Chị lại nhoẻn cười, hàm răng đều và trắng như hạt ngô nếp non vừa độ cứng sữa: “Tên Thiều thì ngọt ngào lắm, vài thiều mà”. Chưa ai nói với tôi như thế bao giờ, tôi đỏ mặt, bỏ đi ra ngõ.

Một tuần sau thì chị không còn lạ lẫm gì với tôi nữa. Ngày ngày, tôi hay vẫn vợ ở ngoài ngõ chờ chị đi học về và lúc nào tôi cũng để chị nắm bàn tay nhỏ lem luốc của tôi dẫn về nhà. Những ngón tay chị mềm như nước, và ấm như hơi lửa. Đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi: “Tại sao trên đời lại có người có bàn tay mềm như thế và ấm như thế?”

Bước vào lớp 5 thời đó, học sinh phải soạn văn. Tôi không biết phải soạn bài văn như thế nào cả. Và chị Ty là người tối tối lại dạy và giúp tôi soạn văn. Chị nói cho tôi biết, soạn một bài văn phải có ba phần: Đại ý, thân bài và kết luận. Thế nhưng tối nào cũng vậy, nghe chị giảng xong thì tôi lại quên tất cả. Tôi luôn luôn lẫn lộn đại ý bài văn thành kết luận hoặc ngược lại. Sau này, tôi không hiểu tại sao có một cậu học trò dốt văn ở cấp 2 như tôi lại có thể trở thành nhà văn được. Hay là sự thường xuyên nhầm lẫn giữa đại ý và kết bài lại là phẩm chất của một nhà văn?

Cuối học kỳ một năm lớp 5, tôi bị ốm. Tôi chẳng ăn được gì mà chỉ thèm quả dâu da đất. Chị Ty mượn xe của người bạn và đạp lên tận Miếu Môn mua được mấy chùm dâu da đất cho tôi. Chị trở về từ Miếu Môn, người đầm mồ hôi. Vừa về đến cửa, chị vội gọi: “Thiều ơi, chị mua được dâu da đất cho em rồi đây”. Tôi lom khom ngồi dậy, vội lấy những quả dâu da đất ăn lấy ăn để. Chị Ty vừa quạt cho tôi vừa nói: “Em ăn từ từ thôi kẻo nghẹn”. Ăn hết mấy chùm dâu da đất thì tôi khỏi ốm.

Một tối thứ bảy, tôi nghe bố mẹ tôi bàn chuyện lấy vợ cho anh tôi. Bố tôi đưa ra mấy cô gái trong làng nhưng mẹ tôi đều gạt đi. Mẹ tôi nói: “Cưới mấy cô này về thì không biết tôi làm mẹ chồng hay họ làm mẹ chồng đây?”. Bố tôi hỏi: “Thế thì bà chọn ai?”. Mẹ tôi nói: “Con Ty. Tôi chỉ chấp nhận con Ty thôi”. Bố tôi như nhớ ra: “Ừ nhỉ”.

Sáng hôm sau, bố mẹ tôi nói chuyện với chị Ty về chuyện đó. Chị Ty cười và nói: “Anh ấy mà nhìn cháu thì anh ấy bỏ chạy ngay”. Bố

tôi hào hứng: “Bác sẽ điện cho nó về để hai đứa gặp nhau”. Nghe vậy chị Ty chỉ cười.

Và một tuần sau anh tôi về thật. Sau một tuần nghỉ phép anh tôi lẳng lặng ra đi. Tôi không biết anh tôi và chị Ty nói chuyện gì với nhau. Nhưng mẹ tôi buồn lắm, chị Ty thì chẳng có gì thay đổi. Một hôm chị hỏi tôi: “Em có thích chị trở thành chị dâu của em không?”. Tôi nói: “Em không biết”, và bỏ đi.

Chị Ty ra tận bờ đê để tìm tôi. Chị nắm tay tôi. Chị không dắt tôi về nhà như mọi bận. Chị dắt tôi lên mặt đê và kéo tôi ngồi xuống. Hai chị em tôi ngồi im lặng rất lâu trên mặt đê.

Rồi chị nói: “Chị không cướp mất anh của em đâu mà sợ. Chị chưa biết tình yêu là gì. Nhưng tình yêu không phải thế. Sau này lớn em sẽ hiểu. Lẽ ra chị không nên nói chuyện này với em”. Nói xong, chị chạy ào xuống chân đê. Chị lấy lá dừa đại cuốn thành hai chiếc kèn. Chị đưa cho tôi một chiếc và nói: “Hai chị em mình thổi thi, xem ai dài hơi hơn”. Rồi chị đưa chiếc kèn lá dừa lên miệng thổi. Tiếng kèn kêu u u dài bất tận. Tôi cũng đưa chiếc kèn lên thổi. Hai tiếng kèn lá dừa hòa vào nhau u u, đổ trầm trầm từ mặt đê xuống triền bãi.

Đến hết năm học thứ nhất, chị Ty chuyển về Hà Nội. Đó là lúc Mỹ tạm ngừng ném bom miền Bắc. Đêm chị rời làng tôi ra đi là một đêm trăng. Mấy chiếc xe tải đậu trên mặt đê để chở sinh viên. Tôi cùng mẹ tôi ra tiễn chị. Đó là đêm mùa hạ đầy gió. Chị ôm chặt tôi vào lòng. Hai chị em tôi cùng khóc. Hơi thở chị phả nóng mặt tôi. Và mái tóc của chị như phủ kín người tôi. Hương lá gội tóc của chị tỏa nóng ấm tôi. Tôi ôm chặt chị. Đó là một đêm đầy gió. Và tôi nghe tiếng kèn lá dừa u u dội về.

Tôi đâu có biết rằng, đêm chia tay ấy là đêm đầu tiên và cũng là đêm cuối cùng tôi thực sự có chị. Một năm sau tôi nghe tin chị mất vì tai nạn ô tô. Mẹ tôi khóc thương chị. Nghe tin đó, tôi đi ra đê. Tôi không khóc. Tôi lấy lá dừa làm hai chiếc kèn. Tôi ngồi xuống mặt đê. Tôi để một chiếc kèn trên cỏ bên cạnh tôi. Còn một chiếc tôi đưa lên miệng thổi. Tiếng kèn lá dừa đại u trầm đổ xuống triền bãi của một ngày cuối Giêng Hai vẫn còn đầy mưa bụi. Tôi khóc chị Ty.

Sau khi tốt nghiệp phổ thông, tôi về Hà Nội học tiếp. Ngày nhập trường, tôi kinh hoàng nhận ra một người giống chị Ty đến từng nét học cùng lớp tôi. Và suốt những ngày sau đó, tôi mê man với câu hỏi tại sao trên đời lại có người giống nhau đến thế. Một thời gian sau, một điều khác của cô bạn cùng lớp ấy làm tôi sợ hãi. Tên khai sinh của cô cũng là Ty, sau này lớn lên cô đã tự thay đổi tên mình là Tuyết. Và tôi đã theo cô bạn cùng lớp như một người bị ma chài.

Một buổi trưa, trong lớp học chỉ có tôi và Tuyết. Tuyết đã đến trước tôi. Cô nhìn tôi và hỏi: “Bạn yêu tôi phải không?”. Tôi đứng như trời trồng, người run lên. Bỗng Tuyết ôm lấy tôi và hôn tôi. Tôi bỗng yếu đuối như sắp quy ngã. Tôi nghe thấy từ phía cánh đồng sau trường vọng về tiếng kèn lá dứa. Tôi vừa hạnh phúc, vừa sợ hãi.

Một lần tôi hỏi Tuyết:

“Sao không để tên như ngày xưa?”

“Anh thích cái tên ấy à? - Tuyết đã gọi tôi bằng anh - Tên với tuổi. Có lần Tuyết đã khóc cả buổi chiều vì cái tên ấy đấy”.

Tôi nhìn Tuyết. Mặt Tuyết rục hồng, sung sướng. Tôi khẽ thở dài.

Mùa hè năm thứ nhất của đời sinh viên tôi đưa Tuyết về quê chơi. Mặc dù được tôi nói trước. Mẹ tôi vẫn bàng hoàng khi gặp Tuyết. Bà khẽ kêu lên “Ty”. Nghe mẹ tôi gọi vậy Tuyết sửng người. Mặt cô nặng xuống. Buổi chiều tôi đưa Tuyết ra đê Tuyết nhìn tôi và hỏi:

“Sao anh lại nói cho mẹ anh biết cái tên khỉ gió đó của em?”

“Anh có nói gì đâu?” - Tôi lúng túng. Đúng là tôi không nói cho mẹ tôi biết cái tên khai sinh của Tuyết.

“Không nói - Tuyết gằn giọng - Không nói sao người ta lại biết. Anh đừng có đùa cợt em”.

Tôi thấy buồn vô hạn. Tôi đi xuống chân đê lấy những tàu dứa dại làm hai cái kèn. Tôi đưa cho Tuyết một cái và thì thào: “Thổi đi, xem ai thổi dài hơn”. Tuyết hờ hững cầm lấy một chiếc kèn lá dứa và nhìn tôi khó hiểu. Tôi nhìn Tuyết và đợi chờ cái khoảng khắc Tuyết đưa chiếc kèn lá dứa lên. Và tiếng kèn lá dứa sẽ vang lên u trầm đỗi

xuống triền sông. Nhưng Tuyết đã vung tay ném chiếc kèn lá dứa xuống phía chân đê.

“Anh bỏ cái trò trẻ con này đi”.

Nói xong Tuyết bỏ đi.

Và sau khi trở lại trường chúng tôi đã lặng lẽ chia tay nhau.

Bây giờ, thi thoảng đưa các con về quê, tôi vẫn dẫn các con tôi ra đê và làm những chiếc kèn lá dứa cho chúng. Và lần nào cũng vậy, tôi đều làm thêm hai chiếc kèn. Một chiếc cho chị Ty và một chiếc cho tôi. Khi hoàng hôn phủ kín con đê. Tôi lặng lẽ đến nơi tôi và chị đã ngồi gần 30 năm về trước. Tôi lặng lẽ đặt hai chiếc kèn lên cỏ và quay về. Và hình như những đêm như vậy là những đêm đầy gió. Gió thổi suốt từ đêm tới sáng. Tôi cứ tin rằng, trong những đêm như thế chị Ty lại trở về. Chị cầm chiếc kèn tôi để trên cỏ và thổi suốt đêm cho tới khi gió hong khô mái tóc dày và nặng của chị.

Mùa hoa cải bên sông

Đêm xuống. Con thuyền neo lại giữa sông.

Ngọn lửa bếp trên mũi thuyền hắt một vầng sáng dịu dàng xuống mặt nước. Người trong xóm Trại trên bến Chùa không biết con thuyền từ đâu đến neo lại trên khúc sông này đã hơn một tháng nay. Hàng ngày, những người trong gia đình trên chiếc thuyền ấy làm một công việc là lấy cát rồi bán cho các gia đình trên thị trấn nhỏ bên kia sông đang thi nhau xây nhà. Hơn một tháng không ai thấy những người trên chiếc thuyền lên bờ. Họ đội cát bằng những cái thúng to, đi nhún nhảy trên tấm ván. Khi đến đầu mép ván gổi lên bờ, họ đổ cát xuống bãi cỏ cho người mua, bàn chân không hề chạm vào mặt đất. Hàng xóm của họ là những chiếc thuyền đánh cá, thuyền chở hàng thuê v.v...

Chủ chiếc thuyền cát là một ông già ngoài sáu mươi mốt, mái tóc dài được búi gọn trên đầu, chòm râu bạc xỏ che gần kín vòng ngực gồ lên như tảng đá. Đôi vai ông u lên, đồ sậm và rạn như vai trâu cày. Cơ thể ông đánh lại như đá tảng. Nhưng đôi mắt thì khác, đôi mắt lúc nào cũng u buồn, ngơ ngác như vừa đánh mất một điều gì.

Ông Lư (ông già chủ thuyền) ngồi im lặng trên sàn gỗ ở mũi thuyền. Bên cạnh ông là một thứ rượu do ông cất lấy ngâm với củ cỏ gấu, loại củ già đen như sừng. Trước ông là một đĩa cá sông nướng và một chiếc rổ con đựng những con trùn trọc đã hấp chín với gừng khô. Chiều nào ông cũng ngồi uống rượu như thế cho tới khuya và không hề động đến một hạt cơm. Chỉ những đêm mưa bão ông mới chịu ở trong chiếc nhà thuyền.

– Anh cả đâu? - Ông khẽ gọi. Tiếng ông trầm và nặng đổ xuống mặt sông đêm.

– Dạ bố bảo gì con? - Một người đàn ông trạc gần bốn mươi tuổi trong nhà thuyền chui ra.

– Mai nghỉ việc, lặn mặt trời thì đi Bãi Yên.

Đó là đoạn sông rộng và êm chạy ven chân một dãy núi đá vôi. Dưới đáy giữa khúc sông đó là mộ người vợ bất hạnh của ông. Thế là đã hơn mười năm rồi. Con sông đổ biết bao nhiêu nước ra biển cũng như ông có biết bao thay đổi trên đời. Vào mùa hè cách đây hơn chục năm. Đó là mùa hè đầy bệnh tật và đói kém. Dọc hai bên bờ sông ông qua, ngày nào cũng vọng tiếng kèn đám ma thảm thiết và thấp thoáng sau những lùm tre gầy nhẳng, úa vàng là những chiếc cờ tang vật vờ bay. Rồi vợ ông cũng trở thành nạn nhân của mùa hè ghê rợn ấy. Bà để lại cho ông ba đứa con. Đứa con gái hồi đó mới hơn bốn tuổi.

Trong suốt ba ngày ròng rã, ông ngồi trên mũi thuyền trước xác vợ. Hai đứa con trai ông vừa chèo thuyền vừa dỗ đứa em gái ốm yếu của mình khóc ngất nghêo suốt ngày. Ông cập thuyền vào những xóm dân cư hai bên bờ sông để xin được chôn cất vợ, nhưng không một nơi nào chấp nhận. Họ xua đuổi gia đình ông như xua đuổi thứ ma quỷ chuyên đi gieo rắc cái chết. Họ sợ bị lây bệnh dịch. Ông chỉ biết con thuyền và dòng sông. Đến tối ngày thứ ba ông ôm xác vợ khóc. Giữa dòng sông mênh mang, con thuyền vật vờ trôi với một ngọn đèn dầu heo hắt trên mũi. Cuối cùng chỉ còn lại dòng sông mở rộng lòng đón nhận mọi số phận. Ông chôn vợ xuống đáy dòng sông ở quãng khúc sông rộng và êm nhất. Ông cùng hai đứa con trai dùng gàu sắt thường dùng để lấy cát đào thành một cái hố dưới đáy sông và để người đàn bà yên nghỉ ở đó. Họ chờ một thuyền đá xanh xếp lên thành mộ để tránh nước cuốn đi. Đêm đó ông xoa tóc, đốt hương lễ thần sông. Ông đổ hết cả một bầu rượu lớn xuống sông và nguyện rằng: Tất cả những người trong gia đình ông không bao giờ đặt chân lên mặt đất. Họ sẽ sống hết cuộc đời trên sông.

Ông luôn luôn nói với con cái rằng: Nếu chúng để gót chân chạm vào mặt đất đôi bờ thì trái tim chúng sẽ biến thành tim quỷ, chúng sẽ trở thành những con thú độc ác. Hàng năm cứ đến ngày giỗ vợ, dù công việc bận rộn thế nào gia đình ông cũng nghỉ. Ông sắm sửa lễ vật và khi mặt trời khuất núi thì cả gia đình chèo thuyền đến Bãi Yên. Ông xoa tóc và mặc áo, đây là ngày duy nhất trong năm ông

mặc áo trừ những ngày mùa đông rét mướt. Sau khi làm lễ, ông cùng hai người con trai lặn xuống đáy sông sửa sang lại ngôi mộ.

Ít năm sau người con trai cả lấy vợ. Cô dâu là con gái một bạn thuyền của ông. Ngày cưới con, ông cho đưa con trai thứ hai bơi chiếc mảng nhỏ đi suốt mấy ngày dọc một dải sông dài mời các bạn thuyền. Đám cưới được tổ chức ở Bãi Yên với hàng chục chiếc thuyền các loại kết lại thành một chiếc bè lớn.

Đêm hôm sau, khi vàng trăng cuối tháng hiện lên phía ven trời thì chiếc thuyền từ Bãi Yên trở lại bến Chùa.

– Bố! - Ông nghe tiếng cô con gái út run run gọi ông ở phía sau. Cô ngồi xuống bên cạnh và ôm lấy cánh tay ông - Bố đưa mẹ lên bờ đi. Bố đừng để mẹ ở mãi dưới sông nữa.

Đã bao nhiêu lần cô nói như van lạy ông. Nhưng lần nào ông cũng nhìn cô bằng đôi mắt ngầu đỏ, u uất.

– Không đứa nào trong nhà này được nói đến điều đó - Ông rít lên - Không đứa nào được giẫm lên lời nguyện của ta.

Nhưng ngay sau đó chính lòng ông đầy đau khổ, giày vò. Ông nhìn con xót xa. Chinh - đứa con gái duy nhất của ông đã sinh ra trong chiếc thuyền trên dòng sông này. Ngày Chinh ra đời, ông cất rốn con thả xuống dòng sông và cầu nguyện cho con. Chinh lớn lên khỏe mạnh, dịu dàng và âm vang như dòng sông. Cô thừa hưởng sắc đẹp dịu dàng của mẹ, lòng dũng cảm của cha và sự bí ẩn của dòng sông. Là đứa con gái duy nhất, nhưng cô xông xáo, táo bạo hơn cả anh cô.

Những đêm trăng mùa hạ, cô thích thả mình xuống dòng sông. Cô bơi mềm mại như một nàng tiên cá trong chuyện cổ. Đêm đó có những đàn cá lạ lấp lánh trắng xuyên qua mặt nước bơi theo cô. Thình thoảng cô co người lại, hai tay ôm bó gối để cho cơ thể tuổi dậy thì lỏng lẻo như giọt thủy ngân lắng dần xuống đáy sông. Rồi bất chợt, cô ngoi lên khỏi mặt nước gọi bố và cười vang. Ông Lư ngồi trên mũi thuyền nhìn về phía cô gọi, đôi mắt chợt non tơ đến ngỡ ngàng. Ông không lo lắng gì khi thả cô xuống dòng sông ngay cả trong mùa nước lớn, nhưng ông lại lo sợ nếu như con gái ông để gót chân chạm vào đất đôi bờ.

Nhưng cô thèm khát đôi bờ. Thuở mẹ cô còn sống, cô vẫn được mẹ đưa lên bờ đi chợ hoặc kiếm củi khô trên những bãi vãi, bãi ổi ven sông. Sau ngày mẹ cô mất, các anh cô và cô không ai dám bước chân lên bờ. Và thế là hơn mười năm rồi, cuộc đời cô chỉ với con thuyền và dòng sông. Cô thèm khát được đặt chân lên dải đất mịn màng phù sa. Cô muốn được nằm trên thảm cỏ xanh ven đê làng. Có nhiều đêm cô bơi sát bờ và khi nghe thấy tiếng lá ngô khua xào xạc, khi ngửi thấy mùi râu ngô non dịu ngọt và mùi cỏ đêm hăng hăng, người cô lại cảm thấy nôn nao, nhịp tim cô dồn dập. Nhưng sau đó cô phải quay mình trở lại con thuyền ngay khi đã nghe tiếng mõ gọi của bố. Có một lần cô nhìn thấy một xác người chết trôi qua thuyền. Mặt nạn nhân bị chém nhiều nhát, vết thương đã rửa tóa mùi tanh nồng nặc. Cô ôm lấy bố run lên: “Trời ơi, ai làm sao vậy bố? Bố vớt người ta lên bờ đi”. Người trên mặt đất họ giết nhau đấy”. Ông Lư trả lời lạnh băng và đẩy cô vào nhà thuyền. Suốt ngày hôm đó ông không cho ai chạm vào dòng sông. Ông nói: “Hãy để nước sông đêm cuốn đi mọi bẩn thỉu của mặt đất. Đừng chạm tay vào nước sông cho đến sáng mai”.

Một lần khác cô hỏi Sỏi - người anh trai cả của cô: “Anh không thích lên bờ à?”. “Trên bờ có cái quái gì mà lên” - Sỏi nói - “Cứ ở đây, chẳng phải đụng chạm đến đũa nào. Làm gì thì làm. Ngày xưa ở trên bờ tao thấy chúng nó suốt ngày cãi và chửi nhau”. “Lúc nào anh cũng ngày xưa, thế còn anh Cát?”, cô quay sang hỏi người anh trai thứ hai. Cát đang nằm ngủ trên sàn thuyền: “Tao chán cảnh này lắm rồi, cứ như ở tù”. “Mày tưởng trên bờ là thiên đường chắc? Nhà tù đấy em ạ, gà vịt cũng còn bị tù nữa đấy!”. - Sỏi nhìn Cát càu nhàu. “Nhưng chắc chắn đó cũng là cái nhà tù rộng rãi hơn cái nhà tù thuyền này!”. “Ai, ai tù mày? Bố tù mày hay tao, hay con Chinh tù mày?” - Sỏi thốt lên giọng the thé. Cát thủng thẳng: “Chẳng ai tù ai hết cả. Ngu dốt nó tù tất cả”. Nói xong anh ngửa mặt lên cười. Rồi anh chống tay đứng dậy đi lảo đảo và cười. Rồi tiếng cười vụt tắt. “Trời ơi” - Anh kêu lên nức nở - “Một ông già độc đoán tự cho mình quyền ngự trị tất cả. Ông bỏ tù chính ông, bỏ tù một cặp đực cái, bỏ tù một thằng hèn hạ như tôi, bỏ tù cả con bé đẹp nhưng mù chữ. Tất cả ỉa đái xuống dòng sông rồi lại nói nước sông trong sạch, lấy nước

sông ăn, lấy nước sông uống!”. “Câm đi đồ mát dạy. Bó mà ở nhà bó sẽ giết mày”. “Mát dạy hả? Có đũa nào được dạy dỗ gì đâu mà mát!”.

Buổi tối ông Lư trở về. Cô con dâu thì thọt kể lại chuyện cãi nhau của hai anh em Sỏi cho ông nghe. Ông nhìn Cát rồi nói: “Mày muốn lên bờ hả? Được: Ta sẽ chặt đứt đôi chân mày và vứt mày lên bờ để xem mày có phải bò về với dòng sông không?” - Nói rồi ông cầm lấy lưới riu ấn mạnh vào bắp tay, máu trào ra. Ông lấy lưới riu lau máu và chém phập vào mạn thuyền: “Hãy nhìn lưới riu đi. Máu tao đã chảy ở đó. Sáng mai mày hãy trả lời xem mày có thích lên bờ không?”

Rồi Cát cũng không lên bờ. Con thuyền lại tiếp tục các công việc của nó. Thế rồi một mùa xuân lại đến. Chinh đã sang tuổi mười bảy. Một buổi sáng thức dậy ra mạn thuyền vo gạo, cô bỗng thấy trên bãi sông bên Chùa, một thảm màu vàng tươi, một màu vàng xôn xao, ấm áp ủa vào mắt cô. Hoa cải gặp gió ấm đêm qua đã bung nở. Mỗi khi có ngọn gió chạy qua, cả bãi hoa vàng rợn lên như sóng. “Đẹp quá” - Chinh khe khẽ thốt lên. Cái rá gạo từ từ tuột khỏi tay cô trôi theo dòng nước. Suốt cả ngày hôm đó cô không thể nào rời tâm trí khỏi thảm hoa vàng kia. Một cái gì náo nức vấy gọi cô. Thỉnh thoảng có đêm tỉnh giấc, cô cảm thấy một cái gì chập chờn, quẩn quít ở đâu đây. Không phải tiếng nước sông chảy trong đêm, không phải tiếng reo của ngọn lửa, không phải hương ổi chín từ bãi sông đưa lại, cũng không phải tiếng gọi nhau của bầy chim ri từ những lùm dứa dại ven đê. Một cái gì đấy làm cô đang chải tóc chợt dừng tay. Nó làm cho ngực áo cô bỗng đầy lên đến nghẹn thở. Cái đó chợt đến, chợt đi, chợt rời ra, quẩn quýt.

Một hôm, sau bữa cơm chiều, cô nói với bố là cô đi thả lưới câu.

Ông Lư chiều con và dặn: “Đi về sớm, trời lạnh đấy”. Cô vội vã cời dây thừng neo chiếc thuyền mủng. Cô không thả lưới mà bơi mủng vào bờ. Cô cắm mủng ở đó và đi về phía bãi cát. Đêm se lạnh nhưng trời có trăng. Cô ngồi xuống bên cạnh luống hoa. Đôi tay nâng khẽ những bông hoa cải ướt sương. Một ngọn gió lướt qua, những bông hoa đung đưa cọ vào má cô. Người cô rung lên. Những bông hoa nhảy múa và trò chuyện trước cô. Cô khẽ áp đôi môi mình

vào hết chùm hoa này đến chùm hoa khác. Bỗng cô nghe thấy mõ tre từ chiếc thuyền cái. Tiếng mõ được quy định thay tiếng gọi nhau của những người sống trên sông. Một lúc sau tiếng mõ lại vang lên. Chinh cuống quýt, cô quơ tay dứt những chùm hoa cải. Lần thứ ba, tiếng mõ nghe gấp và chói. Cô biết bố đã nổi giận. Cô ôm bó hoa gãy nhàu chạy xuống bờ sông. Vừa ngồi vào mủng, cô vội gõ trả lời và hỏi hả bơi về thuyền. “Mày đi đâu mà không trả lời”. “Con tưởng bố gọi anh cả”. Ông im lặng nghi ngờ nhìn cô.

Rồi đêm sau cô lại tìm cách lên bờ. Và trước khi trở lại thuyền, cô lại ngắt những chùm hoa cải mang về. Nhưng đến đêm thứ ba thì có người phát hiện ra việc làm của cô. Đó là một chàng trai chừng ba mươi tuổi, mặc một bộ quân phục đã cũ. Những ngày trước đó bà mẹ chàng trai thường xuống bến sớm và phát hiện những luống hoa cải bà để giống cho vụ sau bị ai đó ngắt nham nhờ từng quãng. Bà ca thán với con và chàng trai quyết rình bắt cho được kẻ phá hoại. Khi Chinh đang quỳ trước đám hoa cải vừa vuốt ve chúng vừa thì thầm trò chuyện thì nghe tiếng quát khế nhưng gắt của chàng trai. Cô giật mình hoảng hốt quay lại, và vẫn trong tư thế quỳ. Cô ngược mắt lên nhìn chàng trai, người run lên vì sợ hãi. Cô không khái niệm được sự sai trái do việc làm của mình, mà sợ hãi bởi trước cô trong đêm trăng lạnh là một người lạ.

– Cô là ai? Cô làm gì ở đây?

Chàng trai hỏi và bước lại gần cô. Cô lúng túng đứng dậy. Chợt những làn mây mỏng tan đi. Ánh trăng trong veo đổ tràn gương mặt cô. Bây giờ thì đến lượt chàng trai giật mình. “Đẹp quá!” - Anh thầm kêu lên. Sao trong đêm trăng tĩnh lặng trên bãi sông ở một làng quê hẻo lánh này lại xuất hiện một người con gái đẹp như thế? Chiếc áo tối màu và ánh trăng làm ngời lên đôi bàn tay, cái cổ thon và gương mặt đẹp. Đôi môi cô khế mím lại còn đôi mắt thì mở to. Chàng trai hồi hộp, liếc nhanh cơ thể cô và nhận ra dưới lớp trắng mỏng, dưới lớp áo tối màu, là tuổi dậy thì nóng hổi, dịu dàng và phập phồng thở.

– Em ở đâu đến? - Chàng trai nói bằng hơi thở. Giọng nói và gương mặt đàn ông đầy độ lượng của anh đã làm cho cô hết sợ. Cô mỉm cười nhìn xuống dòng sông, ở đó tỏa một quãng sáng đèn dầu.

“À” - anh chợt hiểu. Hàng tuần về thăm mẹ anh vẫn thấy chiếc thuyền lầy cát neo ở bến sông làng. Biết vậy nhưng anh vẫn hỏi lại:

– Em ở dưới thuyền à?

Cô gật đầu.

– Em thêm ăn rau cải à?

Chinh bật cười. Nụ cười ngợp lên người anh. Anh thấy mình mê đi trong khoảnh khắc.

– Thế em muốn gì? - Anh lúng túng hỏi.

Chinh không trả lời và giờ một nắm ngọn cải nhiều hoa ra trước anh.

– Hoa cải? Em thích hoa cải? - Anh ngạc nhiên hỏi. Cô gái lại gật đầu.

– Em về đây. Bố em gọi!

Anh bỗng hoảng hốt sợ cô biến mất. Anh đứng lặng nhìn cô rồi vội vã ngắt những chùm hoa cải. Chinh nhận bó hoa cải từ tay anh rồi quay người đi xuống bến.

– Này em! - Chàng trai chạy theo - Tên em là gì?

– Chinh.

– Anh là Thao. Nhà anh ở kia kia. Mai em lên nhé. Hoa cải nhà anh đây.

Chinh mỉm cười gật đầu và đi xuống bến. Anh nhìn theo. Đến lúc này anh mới nhận ra mái tóc như thiên thần của cô. Anh ngửa mặt lên trời. Có lẽ mái tóc ấy đã từ vàng trắng chảy xuống.

Sáng hôm sau, Thao dậy sớm. Suốt đêm qua hầu như anh không ngủ. Anh nghe tiếng bà mẹ ca thán dưới bếp: “Không biết đứa nào lại phá luống hoa cải đêm qua”. Thao mỉm cười sung sướng. Anh chạy theo con đường nhỏ xuống bến sông. Ở giữa sông, chiếc thuyền của gia đình Chinh nằm bình yên trên mặt nước. Một ngọn khói xanh tỏa ra từ con thuyền lặng lẽ tan xuống mặt sông như sương. Thao đứng trên bờ hồi hộp đợi, nhưng không thấy bóng một người con gái nào. Chỉ có hai người đàn ông đang loay hoay làm gì đó trên mũi thuyền. Hay là đêm qua anh nằm mơ. Có phải sự thật

đêm qua anh đã gặp một người con gái như thế không? Thao chờ mãi và cuối cùng anh buồn bã trở lại bãi hoa cải. Bên luống hoa vẫn còn in những dấu chân. Và cạnh đó là những cánh hoa cải rụng lảm tẩm vàng.

Rồi vào một đêm sau đó ít ngày, Chinh lại chèo chiếc mùng nhỏ lên bờ. Họ đứng nhìn nhau trong ánh sáng mờ mờ của trăng bị mây mỏng che khuất. Họ chưa biết gì về nhau nhưng cả hai đều nhận thấy có một cái gì đó mỏng, trong suốt đang đan quán vào họ như tơ nhện.

– Bố em đi rồi - Chinh thì thào.

– Đi đâu?

– Bố đi có việc mấy ngày tận cuối sông.

– Đêm nay em ở lại trên bờ với anh nhé. Em đừng về.

– Bữa trước ở dưới thuyền em nhìn thấy anh, nhưng em không dám ra. Nếu anh nhìn thấy em anh gọi thì bố em giết chết em.

– Sao lại giết? - Thao hỏi và bật cười.

– Thật đấy - Cô nói và nhìn anh bằng đôi mắt buồn, rồi cầm tay anh đi về phía bãi hoa. Họ ngồi xuống giữa những luống hoa cải. Hơi thở họ phả nóng mặt nhau. Xung quanh họ hoa cải vàng lấp lánh dưới trăng.

– Anh yêu em! - Anh nói như phải cố gắng hết sức mình. Cô nhìn anh lặng lẽ như không hiểu điều anh nói. Anh nâng gương mặt cô lên.

– Anh yêu em.

Chinh vẫn im lặng. Gương mặt cô như đang ngủ trong lòng đôi bàn tay anh. Anh cúi xuống hôn cô và thấy cô rung mình. Đôi môi cô khẽ mím. Cô không biết đó là tình yêu. Cô chỉ thấy rằng ngực cô như bị nén chặt. Người cô bừng nóng. Cô cảm thấy hơi ấm của mẹ cô từ những năm tháng xưa đang tỏa vào cô. Cô vội đứng dậy. Thao ngơ ngác đứng theo. Bỗng cô ôm lấy anh khóc nức nở. Một lúc sau, cô ngước lên nhìn anh và hỏi.

– Anh là người mặt đất à?

Thao không trả lời cô. Anh ngược mắt nhìn dọc triền sông mờ hút trong trắng và khẽ thở dài.

Trời mỗi ngày một ám lên. Những cánh hoa cải rụng xuống mỗi ngày một nhiều. Rồi đến một hôm anh giật mình nhận thấy hoa cải đã rụng gần hết, chỉ còn lại những bông nở muộn. Anh cứ cảm thấy rằng khi cánh hoa cuối cùng rụng xuống thì Chình sẽ biến mất.

– Em phải ở lại đây với anh. Em sẽ ở nhà anh với mẹ. Em không được đi đâu cả.

Cô nhìn anh lắc đầu. Anh rút trong túi một tờ giấy đưa cho cô.

– Anh chép thơ tặng em đây. Thơ Targo em biết không?

– Em không biết chữ.

– Sao, có thật thế không?

Anh ngạc nhiên hỏi và lòng anh bỗng xót xa, anh đỡ cô ngồi xuống và ôm cô vào lòng.

– Anh dạy em học. Anh cũng đang đi học đây. Bây giờ anh giúp gì được em nào, em nói đi!

Chình xoay người ngồi tựa vào lòng anh. Cô kể cho anh nghe cuộc đời của gia đình cô. Cuối cùng cô quay lại nhìn anh và nói:

– Em muốn nhờ anh một việc. Em muốn đưa mẹ em lên bờ.

– Lên bờ! Đúng rồi. Chúng mình sẽ đưa mẹ lên bờ. Chúng mình sẽ để mẹ yên nghỉ ở bãi sông này. Anh sẽ trồng nhiều hoa cải bên mộ mẹ.

Cô gật đầu cười hạnh phúc.

Thế là gần một năm gia đình ông Lư ở lại bên sông làng Chùa. Đôi khi họ cũng vắng bên dăm ba ngày. Một mùa hè lại đến. Đêm đêm Chình thích thả mình xuống dòng sông. Bơi bên cô là Thao. Anh có một cơ thể khỏe mạnh, cân đối. Năm năm rèn luyện trong lực lượng đặc công nước đã cho anh vốn sức khỏe và sự phát triển cơ thể ấy. Sau ngày giải ngũ, anh thi vào đại học ngoại ngữ khoa tiếng Anh. Những đêm trên dòng sông dịu dàng chảy, họ quán quýt với nhau như một đôi cá thần. Dòng sông bí mật truyền vào cuộc đời họ sức mạnh hạnh phúc và sự khổ đau. Một lần khi đang bơi bên anh. Chình thấy chóng mặt, cô ôm lấy vai anh thở dốc. Dòng

sông chợt dừng chảy, im phắc, lắng nghe cô, rồi bỗng trào lên những ngọn sóng reo vui, nhảy nồm nhau loan báo cho các loài thủy tộc biết điều hạnh phúc thiêng liêng. Quanh họ, có những con cá bay lên khỏi mặt nước như một mảnh trăng con lấp lóa.

Như thường lệ, vào ngày giỗ bà mẹ, cả gia đình ông Lư nghỉ việc nhỗ neo về Bãi Yên. Cũng chính vào ngày này Thao thay Chinh đốt những nén hương cắm lên mộ của bà mẹ. Thao đã bí mật đưa phần mộ của bà lên bờ mấy tháng nay và chôn ở ngay trong ruộng nhà anh. Ở Bãi Yên sau khi làm lễ xong, ông Lư sai Sỏi lặn xuống đáy sông để kiểm tra lại ngôi mộ. Gần một phút sau, tấm nổi lên sùng sục và Sỏi nhao lên mặt nước kêu thảng thốt: “Mộ bị phá! Mộ bị phá rồi”. Một ngọn lửa rất bỗng tấp vào mặt ông Lư. Ông lao xuống sông hít một hơi dài và lặn xuống. Những hòn đá xanh đã bị vứt ngổn ngang. Ông Lư biết không phải nước mà có một người nào đó đã phá ngôi mộ. Nhưng ai đã làm việc đó? Câu hỏi ấy làm máu ông sôi lên. Không ai biết ngôi mộ này ngoài những người trong gia đình ông. Ông ngoi lên và ra lệnh: “Thả gầu xúc cát xuống”. Họ bắt đầu đào. Sau gần nửa tiếng đồng hồ ông mệt mỏi trèo lên thuyền. Ông lấy bầy bước lên cửa nhà thuyền đỡ lấy quả bầu khô đựng rượu ngửa cổ lên uống.

– Đứa nào? - Ông gầm lên - Đứa.. ư.. ưa.. na.. ào.. ào?

Tiếng ông kéo dài như tiếng rú khản đặc dội vào đôi bờ vọng lại rền rền trên mặt sông. Tất cả những người trên thuyền cúi đầu im lặng. Trong góc nhà thuyền, Chinh ôm chiếc gối vào lòng kinh hoàng.

Đến gần nửa đêm chiếc thuyền mới quay trở lại bến Chùa. Ông Lư ngồi gục đầu trên mũi thuyền, trông ông già đi hàng chục tuổi. Hai người con trai im lặng chèo thuyền.

Buổi sáng hôm sau, mọi người dậy rất sớm. Ở ngoài mũi thuyền ông Lư vẫn ngồi đấy. Ông đã ngồi như thế suốt đêm qua. Bỗng cô con dâu chạy từ trong nhà thuyền ra.

– BỐ! - Cô gấp gấp gọi ông và giúi vào tay ông một xấp giấy cũ nhàu.

– Cái gì thế này? - Ông hỏi và giơ những tờ giấy ra... ông không biết chữ nhưng ông linh cảm thấy một điều không bình thường trong những tờ giấy.

– Cả đâu! - Ông gọi. Sỏi đang hút thuốc lao vội chạy ra - Mà đọc xem cái gì đây.

Sỏi cầm lấy những tờ giấy và đọc. Trước khi mẹ Sỏi mất, ông Lư vẫn gửi Sỏi đến học ở một trường làng cùng con một ông bạn thuyền làm nghề chở đồ ngang.

– Thừa bố. Đây là thư của một đứa nào đấy gửi cho con Chinh. Chúng nó nói chuyện yêu đương. Nhưng con Chinh nó biết chữ đâu nhỉ.

– Con Chinh đâu? Ra đây.

Ông Lư gầm lên. Từ trong nhà thuyền, Chinh vừa khóc vừa chui ra. Cô đã nghe thấy câu chuyện vừa rồi.

– Đứa nào? Của đứa nào? - Ông gầm lên và giúi nắm giấy vào mặt cô. Cô khóc nức lên.

– Của... của anh ấy. Con xin bố. Con lạy bố!

Ông Lư giáng một cái tát vào mặt cô. Chinh ngã vật xuống sàn thuyền. Cô chống tay ngồi dậy khóc nức nở. Cô chấp tay lạy bố.

– Con xin bố. Con lạy bố. Con và anh ấy yêu nhau.

– Trời ơi! - Ông Lư kêu lên - Thế là nó đã lên bờ rồi. Nó đã đập lên lời nguyên của ta. Nó giết chết cả gia đình này rồi!

Ông túm lấy mái tóc dài của cô, giúi đầu cô xuống sàn thuyền và vung rìu chặt mái tóc. Ông nắm phần tóc bị đứt ném xuống sông. Một ngọn gió ở đâu ào đến. Gió cuốn mái tóc lên không. Mái tóc bay rối bời, quăn quại.

– Đánh tuốt xương nó ra - Ông nói và rút chiếc cần câu trên mái liếp của nhà thuyền quất vào cô vun vút. Chinh vòng tay ôm lấy bụng. Người cô giật lên từng cơn. Một lúc sau ông dừng lại, túm lấy áo cô giật mạnh. Chiếc áo rách tan chỉ còn lại hai đoạn tay áo.

– Tao sẽ lột hết quần áo và vứt mày lên bờ....

Ông nói đến đó bỗng dừng lại, mắt mở tròn.

Những người trong gia đình ông cũng chẳng người lại nhìn cô. Trước mặt họ cô đang ngồi khóc không thành tiếng, mái tóc đứt nham nhở dính bết vào lưng cô đầy máu. Đôi vú cô hơi sệ xuống, núm vú thâm lại, chiếc bụng chữa đã năm tháng của cô bây giờ bỗng to hẳn lên, hỏn hển thờ.

– Nó có chữa. Nó có chữa, bố ơi!

Sỏi thẳng thốt kêu lên. Đôi mắt ông Lư dờ dẩn.

Chân tay ông run lên như bị bệnh thần kinh.

– Thảo nào... - Cô con dâu chặc lưỡi - đúng là con của ma của quỷ nên nhìn đẹp đến lạnh cả người.

Đúng lúc đó Thao bám mạn thuyền nhảy lên.

Anh chạy lại ôm lấy Chinh.

– Anh ơi! - Cô nấc lên.

– Các người không được làm thế. Các người thật dã man. Thao rít lên, lòng anh đầy đau đớn và uất hận. Ở sân nhà, anh đã nghe thấy tiếng kêu gào, khóc lóc của Chinh. Anh chạy xuống bến và nhận thấy ông Lư đánh Chinh trên thuyền. Anh không kịp cởi quần áo dài, cứ thế lao xuống sông bơi đến nơi con thuyền đậu.

– Mày, chính là mày - Ông Lư bước lại trước Thao - Mày đã hại đời nó. Tao sẽ giết mày. Tao phải giết mày.

– Chính ông đã giết chết cuộc đời cô ấy. Ông đã chôn vùi bà mẹ dưới đáy sông lạnh lẽo tối tăm, ông đã chôn vùi cuộc đời của con gái ông trên chiếc thuyền này.

– Trời! Ngồi mộ... ngồi mộ. Ở đâu? Mày, mày... ngồi mộ.

– Đúng! Chính tôi đã đưa ngôi mộ bà mẹ lên bờ. Con gái của ông đã nhờ tôi. Cô ấy đã làm đúng lương tâm và lòng hiếu thảo của một người con. Chính ông và gia đình này phải cảm ơn cô ấy. Bây giờ ông chỉ biết quyền lực của ông. Chỉ vài năm nữa ông chết đi. Nhưng ông đã và đang đày ải những người khác sống một cuộc đời tối tăm vô nghĩa. Bây giờ ông phải cho cô ấy lên bờ.

Anh cúi xuống xót xa nhìn tấm lưng cô, lưng Chinh bầm tím và ứa máu. Rồi anh ngẩng lên nhìn mọi người nói:

– Áo đâu? Đưa áo cho cô ấy mặc.

Cát lặng lẽ đi vào nhà thuyền và mang ra một chiếc áo đưa cho anh. Anh mặc áo cho cô và đỡ cô vào nhà thuyền. Một lúc sau anh bước ra nhìn ông Lư và nói:

– Ông phải cho cô ấy lên bờ và chính cả ông nữa. Tôi yêu cô ấy và tôi sẽ cưới cô ấy làm vợ.

– Mày là một con quỷ. Mày đã phá hại gia đình tao. Mày phải mang trả lại cho tao ngôi mộ.

– Nếu ông chấp nhận cho cô ấy lên bờ thì tôi sẽ chỉ cho ông biết ngôi mộ ấy ở đâu. Nhưng ông cũng không được đưa ngôi mộ ấy trở lại dòng sông. Bây giờ tôi về lấy thuốc cho cô ấy.

Khi Thao đi mua được thuốc cho Chinh trở về thì chiếc thuyền không còn trên bến Chùa nữa. Ông Lư đã cho con thuyền nhỏ neo ngay sau khi anh rời chiếc thuyền. Anh không biết con thuyền đi về hướng nào. Anh quyết định chạy theo hướng dòng sông chảy. Ông Lư biết trước chuyện đó. Ông căng buồm cho thuyền ngược dòng. Ông ngồi giữ bánh lái. Còn Sỏi và Cát phải lên bờ để kéo phụ cho chiếc thuyền đi nhanh hơn. Mây đen bỗng cuộn cuộn đổ về. Mưa ập xuống như trút nước. Dòng sông rộng nên gió càng thổi mạnh. Thao vừa đi vừa thở trong mưa. Đất trời mù mịt. Trên sông lác đác có những con thuyền cập vào hai bờ tránh bão. Cứ thấy bóng một con thuyền Thao lại cất tiếng gọi. Nhưng chỉ thấy gió bão trả lời anh, anh rét run lên rồi ở trong ngực như có một ngọn lửa. Ngọn lửa đốt nóng rát lồng ngực. Ngọn lửa chui qua cổ lên mũi, lên miệng. Thao phải quay về nhà. Anh không đủ sức đi tiếp. Vừa về đến nhà thì cơn sốt lên đến lúc cao nhất. Anh cố gắng thay quần áo và nằm vật ra giường. Bà mẹ hốt hoảng đắp chăn cho anh và đi rang cảm đánh gió cho anh. Đến tối anh mê sảng, người nóng ran. Mọi người vội vã đưa anh đi bệnh viện. Mỗi khi tỉnh lại anh lại hỏi:

– Thuyền về chưa?

Không ai hiểu câu anh hỏi. Mọi người nhìn anh lo lắng. Còn anh cứ mỗi khi nhắm mắt thiếp đi lại thấy chiếc thuyền, thấy dòng sông và Chinh đang bơi đến bên anh. Bỗng Chinh dừng bơi ôm chặt lấy anh kêu lên khe khẽ. Gương mặt cô vừa đau đớn vừa hạnh phúc.

Cô mỉm cười và trán đầm mồ hôi. Rồi anh nghe tiếng trẻ khóc. Tiếng khóc âm vang náo nức cả dòng sông. Anh bế đứa bé nâng lên khỏi mặt nước. Nhưng rồi đôi tay anh nhẹ bẫng. Anh giật mình, đôi mắt dài dài mở ra nhìn mọi người, môi anh thì thào:

– Thuyền đã về chưa?

Khi cơn sốt chưa kịp khỏi hẳn, anh đã quyết đi tìm Chinh. Anh nói với mẹ rằng có lẽ hai tuần tới anh không về nhà. Anh phải đọc một số sách tư liệu cho năm học mới. Anh lấy xe đạp và bắt đầu cuộc hành trình dọc sông Đáy nhưng suốt một tuần đầu anh không có được một tin gì về Chinh. Anh la cà ở những nơi thuyền tụ tập đông đúc. Anh kể cho những người làm nghề sông nước về gia đình cô. Có người nói họ nhìn thấy chiếc thuyền đó qua nơi họ đã ở mấy hôm trước. Ở trên mũi thuyền có một cô gái hai tay bị trói vào cọc.

Có người lại kể rằng họ thấy một chiếc thuyền câu nhỏ cứ quay tròn trôi theo dòng nước, trong thuyền có một đứa bé mới đẻ mắt tròn như mắt cá. Đứa bé ấy nhìn vào bờ cứ cười ba tiếng lại khóc ba tiếng. Một đôi vợ chồng già không có con đã đón đứa bé... Thao cứ đi mãi theo những lời đồn đại như chuyện cổ tích của những những người dân chài cho đến khi ra biển. Biển tím tấp không bờ bến và rền rĩ tiếng sóng.

Cho đến một buổi sáng. Thao dậy sớm. Suốt cả bãi sông làng anh rực vàng hoa cải. Những cánh hoa cải nhỏ nhắn, mềm mại, ấm áp đung đưa trong gió. Thao bỗng thấy trái tim rung lên, đập hồi hẫ. Anh chạy ứa xuống bến. Bỗng anh quỳ xuống bên luống cải nhà mình. Trước mắt anh, trên mặt phù sa rụng lấm tấm những cánh hoa mỏng và từ đó kéo dài xuống bến sông là những dấu chân mỏng và nhỏ nhắn.

Người đàn bà tóc trắng

Lần đầu tiên trong đời tôi đi đưa một đám ma rất dài nhưng không hề có một tiếng khóc. Chỉ có tiếng kèn bát âm réo rất buồn thảm tựa tiếng khóc của con người thuở chưa có ngôn ngữ như bây giờ. Đám ma cũng không có điệu văn. Trong làng có một người chuyên viết điệu văn cho các cụ già khi về cõi tiên. Thế mà khi bà Nhím chết, người viết điệu văn đành chịu bó tay. Chôn cất bà Nhím xong, tôi từ ngoài đồng trở về tạt qua ngôi nhà của người quá cố. Tôi đứng lặng hồi lâu nhìn ngôi nhà. Thuở còn là học trò trường làng, tôi và lũ bạn học thường lén vào vườn nhà bà Nhím ăn trộm ổi chín. Ngôi nhà lúc nào cũng thâm u như chùa. Sân gạch rộng thênh thang lác đác lá ổi, lá mít, lá bưởi rụng. Chiếc giếng khơi không biết đào từ thuở nào, nước bốn mùa trong như mắt mèo và lạnh như tay. Suốt cuộc đời bà Nhím sống ở đó. Hầu như chẳng mấy khi bà ra khỏi ngôi nhà ấy. Bà là người đàn bà góa chồng từ năm mười bốn tuổi. Gia đình chồng bà giàu lắm. Bây giờ nhìn nhà cửa, vườn tược còn lại người ta đều dễ dàng nhận thấy điều đó. Cả gia đình nhà chồng bà người nào cũng xanh bợt như da nhái bén. Sau khi chồng bà chết, những người trong gia đình chồng bà cũng lần lượt mất theo. Cũng từ ngày ấy tóc bà đổ trắng cho đến lúc bà tạ thế ở tuổi tám mươi lăm. Tóc của bà lạ lắm, trong và cứng như cước câu. Suốt đời bà Nhím không làm ruộng. Bà bán chuối, mít ổi, đu đủ chín trong khu vườn. Bà cũng là người duy nhất trong vùng biết làm thuốc cao để bán. Bà đựng cao trong một cái hũ sành mà người ta thường dùng đựng mắm tôm. Hễ người lớn, trẻ con trong làng bị ung nhọt, lên quai bị hay nổi hạch đều dùng cao của bà. Người bệnh dán cao và chỉ sau một đêm mủ ở nhọt được hút sạch vào cao. Bà quét cao vào miếng lá mít được cắt tròn nhỏ như đồng năm xu. Bởi vậy người ta gọi thuốc cao của bà là cao mít. Khách hàng của bà đông lắm. Thậm chí ở cả những vùng quê rất xa. Ngay cả khi trạm xá đã được thành lập với nhiều loại đông tây y thì thuốc cao của bà vẫn bán chạy như tôm tươi. Bà cứ thế sống một mình không cần ai

giúp đỡ. Người làng tôi đồn đại biết bao nhiêu chuyện về bà đến nỗi chúng tôi nhiều khi cảm thấy bà như một mục phù thủy trong truyện cổ.

Năm bà ngoài bảy mươi thì có một người nữa đến với bà. Đó là một cô bé ăn mày. Nó gõ cửa nhà bà một chiều đông rét mướt để xin ăn. Bà nhìn nó bằng đôi mắt trong và lạnh như nước giếng khơi trong vườn.

– Bố mẹ mày đâu mà mày đi ăn xin?

– Thừa bà, bố mẹ cháu chết cả rồi.

– Thế mày ở với ai?

– Cháu chẳng ở với ai cả, cháu đi ăn mày suốt năm.

– Tên mày là gì?

– Tên cháu là Nhút.

– Tên với tuổi. Tao đặt tên mày là Gừng cho nó ấm. Ở đây với tao, tao nuôi.

– Cháu đội ơn bà. Cháu xin ở lại hầu bà.

– Tao không cần người hầu. Nhưng phải nghe lời tao. Tổ tiên cha mẹ mày ác quá hay cũng đần độn nên giờ mày mới phải đi ăn xin. Vào đi, người hôi như chuột. Ra giếng mà tắm.

Từ ngày ấy Gừng ở với bà Nhím. Hằng ngày nó quét dọn nhà cửa, sân vườn và lấy trái cây để bán. Hàng tháng nó chỉ ra khỏi nhà vào những phiên chợ. Cũng như bà Nhím, nó sống âm thầm như một bóng ma. Tuổi con gái của nó cũng âm thầm lớn. Một hôm nó ngồi bên hiên nhà bới chấy cho bà. Bà chợt đẩy nó và nói:

– Mày tanh lắm. Đến tuổi rồi đấy. Cởi quần ra, tao xem.

Nó ngoan ngoãn làm theo, bà cuộn tóc lại và bảo: - Ra giếng rửa đi.

Một hôm trên đường đi chợ về, Gừng gặp Mô. Mô là người làng làm nghề đánh xe bò. Người Mô nhỏ nhưng rắn như tre đực. Mô ghìm bò đi chậm lại và bảo Gừng.

– Đặt thúng lên đây cho đỡ mỏi này.

Gùrng liếc nhìn Mô rất nhanh rồi lại cắm cúi đi. Không trả lời một câu.

– Không ai lấy tiền đâu mà sợ. Người làng cả đấy.

Gùrng vẫn im lặng cắm cúi đi. Mô nhảy xuống đất giằng lấy cái thúng trên đầu Gùrng đặt vào xe. Gùrng gắt lên:

– Trả thúng đây. Chả phải nhờ.

Mô nhe hàm răng xin khói thuốc lào cười rồi nhảy phốc lên xe. Mô ngồi quay lại phía sau, chân buông thõng xuống đất. Gùrng hấp tấp bước theo.

– Cũng ở Chùa à? - Gùrng lên tiếng:

– Ừ. Cùng xóm đấy. Bán mít cho tôi mà không nhớ à.

– Ai để ý mà nhớ.

– Thế thì bây giờ để ý.

– Hừ, hơi đâu.

– Lên đây mà ngồi này. Êm hơn ô tô chứ lì.

Mô nói và dừng xe lại. Gùrng ngượng ngập trèo lên. Con bò lại đứng đĩnh bước trên mặt đê làng.

– Sao chẳng thấy đằng ấy đi chơi làng xóm gì cả. Ở suốt trong nhà buồn chết.

– Bà không cho đi. Mà cũng chẳng biết chơi với ai.

– Sang nhà tôi.

– Hừ. - Gùrng lườm Mô, mặt đỏ ửng.

– Cho đằng ấy này - Mô móc trong túi một quả thị nhỏ như quả trứng gà đưa cho Gùrng - Thị nhỏ thơm phải biết.

Gùrng đón lấy quả thị và đưa lên mũi hít nhè nhẹ. Mô nhìn vào ngực áo nâu của Gùrng, người nao nao. Đến đầu làng Mô nhảy xuống và nhắc giúp Gùrng chiếc thúng lên đầu.

– Phiên tới có đi không? - Mô hỏi.

– Chả biết. - Gùrng vừa nói vừa vội vã đi.

Buổi tối khi đi qua chỗ Gùrng, bà Nhím chợt dừng lại khịt khịt mũi và nói:

- Mày mua thị đấy à?
- Vâng - Gừng nằm trên giường trả lời.
- Tiền đâu mà mày mua - Bà rút lên - Con gái thích mùi thơm là hư đốn đấy. Để đâu rồi? Đưa đây!

Vừa hỏi bà vừa lật đầu giường Gừng lấy quả thị và ném mạnh vào tường. Quả thị vỡ nát. Gừng ngồi dậy thần thờ. Trong đêm, hương thị thơm đậm, thơm quán mãi trong nhà. Gừng chợt nhớ đến Mô. Mặc dù cô chưa biết tên anh. Đêm ấy là đêm đầu tiên trong đời Gừng thao thức mãi mới ngủ. Phiên chợ tới. Mô chờ Gừng. Khi thấy Gừng đội thúng từ dốc chợ đi lên, Mô chạy vội xuống đỡ thúng cho Gừng. Họ như thân thiết từ lâu rồi. Sau khi chiếc xe bò chuyển bánh Mô móc túi đưa cho Gừng một chiếc gương nhỏ bằng lòng bàn tay.

- Tôi mua cho Gừng đấy. Gừng soi mà chải tóc.

Gừng cầm lấy gương nhỏ đưa lên. Lần đầu tiên cô được nhìn thấy gương mặt mình. Gừng đỏ mặt. Cô vội áp chiếc gương vào ngực. Cô nhìn sang Mô then thùng nói:

- Gớm xóc chết người ta mà cứ bảo êm.

Buổi chiều Gừng ra bờ giếng. Cô kín đáo lấy chiếc gương nhỏ ra soi. Cô vừa ngỡ ngàng, vừa thích thú với gương mặt mình trong gương. Cô cười. Cô bĩu môi. Cô chun mũi. Cô thì thầm trò chuyện với chính mình. Bỗng giật mình nhận thấy sau gương mặt mình trong gương có một gương mặt khác, một gương mặt già quần queo, tóc bạc trắng. Cô hoảng hốt quay lại, bà Nhim đang đứng nhìn cô. Cô sợ hãi giấu chiếc gương sau lưng.

- Hừ thật không ngờ. Đồ ăn xin ăn mày mà cũng ngấm vuốt. Con gái soi gương trộm là đồ lẳng lơ. Mày đưa cái gương đây. Đưa!

Vừa nói bà vừa sấn tới giằng chiếc gương. Gừng không hề chống cự. Chưa bao giờ trong đời cô có ý thức chống cự người khác. Bà Nhim ném mạnh chiếc gương xuống nền gạch lát bên bờ giếng.

Chiếc gương vỡ vụn.

- Đồ gian dối - Bà Nhim chì chiết - Tao đưa tiền cho mày đi chợ. Mày bớt gạo, bớt muối để mua gương. Mày không nhớ mày là kẻ

đầu đường xó chợ ngửa tay xin ăn à. Tao cấm mày không được ăn uống gì cả ba ngày để trừ vào tiền mày mua gương. Nhớ chưa.

– Bà! - Gừng kêu lên. Giọng cô đầy nước mắt - Cháu không lấy tiền của bà.

– Mày có của riêng chắc?

– Người ta cho cháu.

Bà Nhím mở to mắt nhìn cô. Bao nhiêu năm nay bà đinh ninh rằng Gừng không biết ai ngoài bà. Bà là người không hề thân thiện với ai, và bà cũng không muốn cho Gừng thân thiện với ai. - À ra thế. Mày đã biết theo trai rồi đấy. Từ nay mày không được bước ra khỏi nhà.

Nói rồi bà bước đi. Gừng nấc lên.

Những ngày sau đó bà Nhím gọi mua những thứ cần thiết ngay ở cửa ngõ. Đêm đêm Gừng hay tỉnh giấc, cô thấy nhớ con đường đi tới chợ. Cô nghe thấy tiếng bánh xe bò lăn mơn hờ đầu đây. Tiếng Mô quát con bò và mùi cỏ tái hăng hăng trong thùng xe. Cô ngồi lặng trong bóng đêm ngọt ngào và bí ẩn đến hoảng sợ. Cô lén ra khỏi nhà ngồi xuống thềm hiên. Cô quên đi tất cả những gì đã thuộc về quá khứ. Từ ngày bố mẹ cô mất, cô chưa lần nào thắp một nén hương. Chưa bao giờ cô có ý nghĩ đi khỏi nơi đây. Trước kia trên mặt đất này cô chỉ biết có hai người, cô và bà Nhím. Bây giờ thêm một người nữa đó là Mô. Lúc này cô ước được ngồi trên thùng xe bò của Mô và đi, đi mãi.

– Mày ra đây làm gì? - Tiếng bà Nhím chột vang lên từ bóng tối sau cánh cửa gỗ đã bị mọt ăn rỗng.

Gừng giật mình. Một lát sau cô mới trấn tĩnh lại. Cô không trả lời bà.

– Chỉ có mèo cái mới đêm hôm chờ đợi như thế này. Con gái mà hay tỉnh giấc là đồ... đồ...

Nói đến đó bà Nhím im lặng đi vào. Gừng thấy rét run lên. Gừng cảm thấy bà Nhím có mặt ở mọi nơi mà Gừng đến. Hình như không phải có một bà Nhím mà có hàng trăm, hàng ngàn bà Nhím. Bà như

một ngọn gió của âm ty cứ mỗi lần chồm qua cô lại làm cô sồn gai ốc.

Một buổi cô đang nhặt củi ở góc vườn thì chợt có tiếng gọi cô từ vòm lá cây phủ sát bờ tường.

– Gùng ơi! Gùng.

Gùng tròn mắt kinh hãi, vòm lá động xào xạc và gương mặt Mô lộ ra. Gùng thở phào và nhoẻn miệng cười.

– Sao Gùng không đi chợ nữa. Tôi đợi mãi.

– Bà không cho đi. Bà cấm. - Gùng thì thào.

– Tôi nhớ Gùng quá.

– Thế à - Gùng hỏi lại như ngớ ngẩn - Tôi cũng nhớ.

– Mai là phiên chợ Tía. Gùng đi nhé!

– Không được đâu. Bà cấm.

– Thích đi thì đi, sợ gì.

– Tôi ở nhờ, ăn nhờ. Tôi chẳng dám làm gì theo ý tôi cả. Tôi buồn lắm.

– Mình còn trẻ, mình tự làm lấy mình ăn chứ có nhờ ai đâu mà lo. Nếu Gùng muốn tôi đăng ký ruộng cho mà cấy.

– Thôi xuống đi kéo ngã - Gùng nói và thở dài - xuống đi. Tôi phải vào đây. Bà lại gọi bây giờ.

– Gùng ơi! - Giọng Mô run lên - Tôi muốn nói chuyện với Gùng. Tối nay Gùng ra đây nhé. Vào lúc trăng lên ấy.

– Không. Không được đâu.

– Nếu Gùng không ra tôi lên vào nhà đấy.

– Đừng làm thế. Bà biết thì tôi sống thế nào được với bà.

– Tôi nhớ Gùng. Tôi muốn nói chuyện với Gùng. Gùng không thích nói chuyện với tôi à?

– Có... nhưng không được đâu - Gùng nói và vội vã ôm đồng củi đi vào.

Trước khi Mô tụt xuống đất còn dặn với theo:

– Tối tôi trèo vào đấy. Gùng đợi tôi nhé!

Đêm ấy trăng sáng lắm. Ánh trăng chui qua khe cửa gỗ cũ hắt vào nơi Gùng nằm. Gùng thở hồi hộp, Gùng linh cảm thấy Mô đang sốt ruột chờ Gùng ở góc vườn. Góc nhà tối om và im ắng đến lạnh buốt. Gùng cảm thấy từ khoảng tối đen ngòm kia bà Nhím đang nhìn Gùng. Hai con mắt bà trong đêm sáng như hai mảnh lân tinh. Gùng quay mặt vào tường nhắm mắt để cố quên đi lời hẹn tha thiết của Mô đang vang lên bên tai. Đêm càng trôi đi trăng càng sáng, và tiếng Mô hẹn cứ gấp gấp kêu gọi Gùng. Cuối cùng Gùng run rẩy ngồi dậy. Cô ngồi yên lặng bên mép giường rất lâu. Cuối cùng cô quyết định ra góc vườn để gặp Mô. Vừa gặp Gùng, Mô đã cầm lấy tay Gùng và ôm chầm lấy cô. Gùng không hề có một cử chỉ chống cự nào. Cô chấp nhận hành động của Mô như ngày trước cô chấp nhận ở lại nhà bà Nhím. Bởi cuộc đời cô quá nhiều bất hạnh và quá cô đơn. Cô im lặng và tựa vào lòng Mô. Cô thấy ấm áp. Bất chợt cô nhận thấy trăng đẹp quá.

– Gùng ơi...

– Dạ.

– Tôi muốn cưới Gùng.

– ...

– Tôi muốn Gùng về với mẹ con tôi.

– Đừng nghĩ đến tôi mà khổ. Tôi không cha không mẹ, không nhà không cửa. Tôi chỉ là kẻ ăn mày ăn xin.

– Gùng đừng nói thế mà đau lòng tôi. Tôi yêu Gùng. Mẹ tôi bảo Gùng là người nhân hậu lắm.

– Mẹ làm sao mà biết tôi.

– Mẹ nhìn thấy Gùng đôi lần. Mẹ bảo nhìn con mắt thì biết người ấy lành hay ác.

– Thế à? Mẹ bảo thế à?

Nói đến đó Gùng chợt quay người lại nhìn Mô. Cô gục đầu vào vai Mô. Cô nấc lên. Cô cố kìm tiếng khóc. Bởi thế tiếng khóc cô méo đi.

– Anh ơ! - Gùng kêu lên. Tiếng kêu âm thầm như chỉ để cho Mô nghe thấy. Tiếng kêu vỡ ra như đã bị nén chặt trong cội lòng đầy cô

đơn, đau khổ gần hai chục năm của cô. Mô ghì chặt Gừng vào lòng mình. Mô hôn lên mặt Gừng. Những cái hôn vụng về đến thương hại.

– Gừng ơi... chúng mình lấy nhau, Gừng nhé!

Gừng vừa khóc vừa gật đầu. Trong ngôi nhà âm u, lạnh lẽo này, trong cuộc đời tưởng mãi mãi như một dòng nước đục này, Gừng còn mong gì hơn một người bạn như Mô, với một tình cảm ấm áp chân thật như thế của Mô, Gừng không có khái niệm về sự trinh tiết như những người con gái khác. Gừng chỉ biết những gì Gừng có là của Mô. Gừng cảm thấy hai cánh tay mềm mại đang dịu dàng đỡ lấy cơ thể cô. Gừng vẫn khóc. Cô thấy tiếng lá khô đang giã ra dưới tấm lưng. Cô thấy ánh trăng đêm như một dòng nước đang tan chảy trên da thịt cô. Bỗng cô run lên. Cô thấy một dòng sông lấp lánh ánh mặt trời ấm nóng đang cuốn Mô và cô vào một miền cực lạc.

Một đêm cô tỉnh giấc. Cô thấy bụng mình nhói đau. Cô không rõ ràng hiểu được điều ấy và cô hoảng sợ. Cô ngồi dậy và bước ra ngoài. Sương khuya loáng ướt trên gạch. Đến đầu nhà cô nhận thấy trong bếp có ánh lửa. Cô lén bước lại gần và nhận ra bà Nhim đang đun một nồi gì đó. Trong ánh lửa bếp chập chờn, cô nhận thấy trên một tàu lá chuối tươi là những con cóc đã bị lột da. Mùi cóc tanh xộc vào mũi, vào họng cô. Cô thấy chóng mặt và buồn nôn. Cô vội vàng ngồi xuống. Nghe tiếng động bà Nhim quay ngoắt ra cửa:

– Ai! - Bà hỏi và một tay cầm đèn dầu còn tay kia cầm cành củi đang cháy bước ra. Khi nhận ra Gừng bà rít lên:

– Đồ ăn cháo đá bát. Tao đánh cho mày chữa thói rình mò người khác. - Nói rồi bà cầm cành củi đang cháy quất túi bụi vào cô, Gừng ôm lấy đầu. Cô không kêu một tiếng.

Cái thai trong bụng cô ngày một lớn dần lên. Cô cố ém giữ cũng không giấu được bà Nhim. Một bữa ngồi ăn cơm bà nhận ra điều đó. Bà bỏ bát xuống mâm nhìn cô chằm chằm và nói:

– Bụng mày làm sao thế kia? Đứng dậy tao xem.

Gừng ngừng ăn. Cô ngồi im không nói.

– Đứng dậy - Bà Nhim hét lên.

Gừng nhìn bà rồi chống tay từ từ đứng dậy. Bà Nhim bước lại gần cô. Cô như một con chim đã kiệt sức trước một con mèo già. Con mèo bước những bước ma mãnh đến trước cô. Con mèo đưa bàn chân đầy móng cứng đặt lên lưng con chim bé bỏng. Con chim nằm ép xuống đất run rẩy.

– Giỏi thật. Gái không chồng mà chữa thì giỏi thật. Nhưng mày đã làm nhor bản nhà tao. Sự nhor bản ấy đã giết tao.

Nói đến đó bà Nhim bật khóc. Lần đầu tiên trong những tháng năm sống với bà Nhim, Gừng thấy bà khóc. Bao nhiêu sự sợ hãi và căm ghét bỗng tan biến trong cô. Giờ đây cô hoang mang trước tiếng khóc của bà. Cô bỗng thấy thương bà và cô òa khóc theo. Một lúc sau bà Nhim thôi khóc. Bà lấy vạt áo lau nước mắt. Bà vào nhà thấp ngọn đèn dầu và lồm cồm trèo từng bậc thang lên cái gác xép làm bằng những cây tre đực già đen bóng. Bà lôi một chiếc bình sứ nhỏ từ trong hòm ra. Bà giữ chặt cái bình sứ trong tay và ngồi bệt xuống sàn gác mà thở.

Năm bà mười hai tuổi thì bà đi làm dâu nhà người. Chồng bà là con trai độc nhất của một gia đình giàu có nhất vùng. Bà chỉ sống với chồng được hai năm. Sau khi chồng mất thì những người trong gia đình cũng lần lượt đi theo. Ông bố chồng bà là người cuối cùng ra đi. Đêm trước ngày từ giã cõi trần thế, ông gọi bà vào trước giường ông nằm và nói:

– Ta chỉ ở lại cõi trần thế một đêm nay nữa thôi. Bởi vậy, ta gọi con vào mà khuyên bảo đôi điều trước lúc ra đi. Ta không phải là người mang dòng máu Việt. Tuy rằng dòng họ ta đã mấy đời sinh sống trên mảnh đất này. Ông tổ ta là người họ Vũ. Nhà thờ tổ nay còn ở Triều Châu. Ta không nhận được tin tức gì, nhưng thần giao cách cảm cho ta biết họ hàng ta bên đó suy thịnh ra sao. Nay con đã là người họ Vũ, khi chết linh hồn phải về với tổ tiên họ Vũ. Chắc tổ tiên ta có việc nên mới gọi chồng con và đến nay gọi ta trở về bên ấy. Rồi có ngày chồng con trở lại cõi trần đoàn tụ cùng con. Từ nay về sau con phải ở lại ngôi nhà này mà trông coi, hương nến. Con giữ lấy nghề thuốc cao gia truyền mà sinh sống, nhớ là không được truyền cho ai. Con không cho bất cứ kẻ nam nhi nào lưu lại ngôi nhà này. Nếu có kẻ đàn bà nào khốn khó mà nhân hậu thì cho nương lại

để có người trò chuyện sớm hôm. Nếu con để cho da thịt của lũ đàn ông chạm vào bất kỳ người đàn bà nào sống trong ngôi nhà này thì lúc đó con phải về với tổ tiên họ Vũ mà tạ tội.

Nói rồi ông sai bà Nhim lấy từ chiếc hòm gỗ một chiếc bình sứ trắng. Ông ta cầm lấy chiếc bình và đổ ra một thứ bột trắng như bột thạch cao và pha lẫn một chén rượu trắng. Ông cầm chén rượu đưa cho bà Nhim và nói:

– Con hãy uống thứ thuốc này. Nó sẽ giúp con giữ được lòng trinh tiết với chồng và lòng thờ kính tổ tiên họ Vũ. Khi có kẻ ăn lộc họ Vũ mà làm ô nhục họ Vũ thì con cho họ uống thuốc này để họ quên đi những ước muốn ma quỷ mà thờ kính tổ tiên ta.

Bà vừa khóc vừa đưa chén rượu thuốc lên uống. Sáng hôm sau thì ông bố chồng mất. Sau khi làm ma cho bố chồng xong, bà lẫn ra ngủ mê mệt suốt ba ngày. Sau đó tóc bà cứ bạc dần và chỉ một thời gian ngắn tóc bà đã trắng xóa. Sau khi đoạn tang chồng và những người trong gia đình chồng, bố mẹ đẻ của bà cùng người nhà đến khuyên nhủ bà trở về quê. Nhưng bà không hề nghe một lời khuyên nào và nói:

– Tôi đã là người họ Vũ. Khi còn sống tôi phải thờ họ Vũ. Khi chết tôi về với tổ tiên họ Vũ. Làm người đàn bà phải biết thủ tiết với chồng và thờ kính tổ tiên nhà chồng.

Mới vừa đầy mà đã mấy chục năm trôi. Nay bà lại mở chiếc hòm gỗ này. Khi phải mở chiếc hòm bà biết đã đến ngày bà phải về với tổ tiên họ Vũ. Bà đã cho Gừng nương lại ngôi nhà này vì thấy Gừng là kẻ khốn khó và nhân hậu. Gừng đã được bà nuôi nấng. Trong ý nghĩ bà Nhim thì Gừng là người ăn lộc họ Vũ và cô đã làm ô nhục họ Vũ. Theo lời dặn của người bố chồng từ mấy chục năm trước kia, bây giờ bà phải cho Gừng uống thứ thuốc gia truyền mà quên đi những ước muốn ma quỷ.

Nhưng khi bà Nhim mang được chiếc bình sứ xuống nhà thì Gừng không còn ở đấy nữa. Bà chạy khắp nơi tìm Gừng. Lúc bà Nhim nhìn Gừng bằng đôi mắt chưa bao giờ cô thấy và khi bà Nhim trèo lên gác xép, nơi chưa một lần Gừng thấy bà lên đó thì Gừng linh cảm thấy một điều gì đó không bình thường sắp xảy ra. Cô

hoảng sợ. Cũng lúc ấy đứa bé trong bụng cô đang đạp mạnh mẽ, và những cơn đau sung sướng của người mẹ lại làm cô hoảng sợ. Cô không biết chạy đi đâu ngoài ý nghĩ đi tìm Mô. Cô chạy ra sân mở cổng. Cô vừa chạy vừa hỏi thăm nhà Mô. Tuy ở cùng xóm nhưng chưa bao giờ cô đến nhà Mô và những gia đình khác. Khi đến sân nhà Mô cô dừng lại. Tất cả sự lạ lùng trong nỗi sợ hãi bây giờ của cô giống như cái cảm giác xưa kia khi mỗi lần cô đến trước cổng ngõ của một gia đình nào đó xin ăn. Mô luống cuống chạy ra đón cô. Bà mẹ Mô chau mày nhìn cô một thoáng, rồi bà giục Mô đưa cô vào nhà. Bà ngồi xuống hỏi thăm cô ân cần như một người mẹ đối với con gái. Rồi bà đi xuống bếp nhóm lửa đun nước. Mô ngồi gần lại Gừng hơn.

– Có chuyện gì vậy em? - Mô hỏi lo lắng.

– Em sợ... - Gừng nói. Giọng cô nghẹn trong hơi thở.

– Đừng sợ gì cả, anh nói với mẹ về chuyện chúng mình rồi. Mẹ thương lắm.

Lúc đó, trong chiếc sân gạch rộng thênh thang bà Nhim gào thét gọi Gừng. Khi nhìn thấy chiếc cửa ngõ như suốt đời đóng im lìm nay đã mở tung thì bà tru lên khóc. Bà xiêu vẹo đi về phía sau vườn. Tất cả sự nhanh nhẹn, khỏe mạnh đến nghi ngờ của bà trước kia không còn nữa. Bây giờ bà đi như một chiếc lá khô đang dạt theo từng cơn gió. Đêm xuống, bà đốt hương và quỳ trước bàn thờ nhà chồng hầu như suốt đêm. Đôi mắt lạnh và trong như nước giếng khơi của bà giờ đục trắng. Và suốt những ngày sau bà nằm liệt trên giường.

Vào một buổi chiều, Gừng quay lại ngôi nhà khi nghe tin bà Nhim ốm nặng.

Bàn chân Gừng run lên khi cô bước vào đến chiếc sân gạch quen thuộc. Gió chiều thổi những đám lá khô dạt từ góc sân này đến góc sân kia. Tiếng lá khô lăn trên sân gạch nghe như tiếng một bầy trẻ con đang xao xác gọi mẹ. Gừng bước từng bước một đến chiếc giường nơi bà Nhim nằm. Ngôi nhà tối lạnh và xông lên mùi ẩm mốc của vôi tường đã quá cũ. Chỉ có một vệt sáng duy nhất của nắng chiều chiếu qua khe cửa nhỏ vào nhà. Bà Nhim nằm như một tàu chuối khô trên giường. Mái tóc trắng đổ vung vãi.

– Bà ơi! - Gừng run gọi. Hai bàn tay cô áp lên ngực mình như sợ hãi - Bà, bà ơi.

Không có tiếng trả lời dù chỉ là một tiếng ú ớ, không một tiếng của mình và cả như một hơi thở. Chỉ có ngôi nhà im ắng và vệt nắng chiều đang nhọt nhạt dần. Gừng ngồi xuống mép giường và cầm lấy cánh tay bà. Cô cảm thấy tay bà như một cành củi cháy dở đã nguội lạnh. Một lát sau cô đứng dậy xuống bếp rửa nồi nấu cháo.

Sáng hôm sau đột nhiên bà Nhim tỉnh hẳn tựa như người ngủ dậy thường ngày. Gừng gọi bà. Bà nhìn cô một lúc lâu rồi thì thào:

– Con đỡ bà ngồi dậy một chút.

Gừng đỡ bà ngồi dậy. Cô để bà dựa vào lòng mình.

– Con xin lỗi bà. Con bỏ bà lúc đau ốm thế này - Nói thế rồi cô khóc.

– Con trốn... đi... như thế... là... đúng. Nếu không... thì... - Nói đến đó bà Nhim thở hổn hển - Bây giờ con mở cái hòm gỗ kia... lấy cho bà... bộ... quần áo... trắng.

Gừng đỡ bà nằm xuống và lấy bộ quần áo bằng lụa trắng.

– Con thay quần áo cho bà.

Gừng khế khàng cởi bộ quần áo cũ bằng vải đen và mặc cho bà bộ quần áo lụa trắng mà lần đầu tiên cô nhìn thấy. Tấm thân bà Nhim mỏng như một tờ giấy và trắng như thạch cao.

– Con ơi! - Chợt bà Nhim gọi Gừng - Con sống với ta từng ấy năm nhưng con không biết gì về ta cả. Ở đây, cái làng Chùa này cũng chẳng ai biết rõ về ta. Trước kia ta cũng là một cô gái như con. Ta được đi học và biết việc gia đình. Nhưng gia đình ta đã gả chồng cho ta khi ta chưa hiểu biết gì về cuộc đời cả. Ta có chồng, nhưng thực ra ta vẫn là người đàn bà trinh tiết. Chồng ta là người ốm yếu và bệnh tật. Cứ đêm xuống ông ta lại ngồi trên chiếc ghế khảm mà lầm rầm những điều gì đó. Sau khi ông ta chết, ông bố chồng của ta đã nhiều lần đòi chung chạ với ta. Nhưng ta không cho. Ông ấy không cho ta trò chuyện hay thăm hỏi bất cứ người nào ở làng này. Đêm đêm, ông ấy vào ngồi gần giường ta mà nói những điều ma quỷ cho đến tận khi gà gáy canh ba. Tất cả những điều ông ấy nói ta

không làm sao hiểu được, ta chỉ thấy sợ hãi mà thôi. Khi ông ấy sắp chết, ông ấy bắt ta uống một thứ thuốc gia truyền...

Bà Nhim chợt ngừng nói. Đôi mắt bà mở to, tưởng chỉ thêm một chút nữa là đôi mắt ấy vỡ tung ra. Đôi mắt đục trắng của bà nhòe ướt.

– Và... sau khi uống thứ thuốc đó vào người, ta không còn là ta nữa. Tóc ta cứ thế mà đổ trắng, nhưng không hề rụng. Ta dần dần mất đi tính nết của một người đàn bà. Nhìn thấy đàn ông ta kinh tởm, nhìn thấy đàn bà ta căm ghét. Ta cũng không hiểu tại sao ta lại cho con ở lại với ta. Nhưng đúng là ta đã nhìn thấy đôi mắt con hôm ấy, đôi mắt mà không một ai trong gia đình nhà chồng ta có được. Mãi sau này ta mới hiểu được nỗi đau của ta... vì thế mà ta đã trút nỗi đau khổ và căm thù người khác vào con. Khi con có chữa thì nỗi bất hạnh, đau thương của đời ta cào xé hơn bao giờ hết. Ta đã quyết định giết con... con ơi, thật đấy... ta định giết con thật đấy.

Bà Nhim bật khóc. Bà khóc như một đứa trẻ.

Gừng cũng òa khóc theo. Lúc này cô thấy bà Nhim như bà cô. Trong ký ức xa vời và buồn bã của cô hiện về hình ảnh người bà nhân hậu và tội nghiệp. Khi bà Nhim ngừng khóc thì cũng là lúc bà tắt thở.

Gừng gào thét gọi bà. Tiếng cô dội lên trong ngôi nhà âm u và ẩm mốc. Ngoài sân gió thổi mạnh. Tiếng lá khô lăn trên sân gạch như tiếng trẻ con xào xạc gọi mẹ.

Khi cô chạy trốn khỏi nhà bà Nhim trong đầu cô chỉ có một ý nghĩ là chạy đi tìm Mô. Bây giờ bà Nhim đã chết, cô cũng chỉ có một ý nghĩ là chạy đi tìm Mô. Gừng thẳng thốt lao ra cửa, thì vừa lúc từ ngoài ngõ Mô và bà mẹ anh cũng đang bước vội về phía cô.

Gió đại

– Mày không phải là con tao, tao nói cho mày biết thế. Tao phải chịu đựng mày từng ấy năm đủ rồi. Mày là con hoang, con đại, làm động mồ động mả nhà tao. Mày đi khỏi nhà tao đi. Đi tìm đứa đẻ ra mày đi.

Những lời chửi rửa cay độc thốt ra từ miệng một người đàn bà có đôi mắt toét nhèm và mái tóc rối bù hôi như tổ cú.

– Chị đi tìm đứa đẻ ra chị đi - Lũ con gái của người đàn bà kêu lên, hòa cùng mẹ chúng - Nhà tôi chẳng có cơm gạo mà nuôi báo cô chị. Chị ám nhà tôi đến chết hết hay sao.

Những lời chửi rửa như thế đã hành hạ cô gần một năm rồi. Lần nào cô cũng im lặng để đến tối ra đầu ngõ khóc một mình.

Từ lúc ra đời cho đến khi mười bảy tuổi, cô vẫn đinh ninh người đàn bà hôi như tổ cú kia là người đẻ ra cô, và người đàn ông đã mất cách đây gần một năm là bố cô. Nhưng bây giờ thì không phải như thế. Cô không hề dính líu một chút máu mủ nào với những người đàn bà bẩn thỉu, xấu xí và cay độc suốt đêm ngày nguyên rửa cô.

Bao nhiêu năm qua, cô sung sướng sống trong ngôi nhà này với những người đàn bà ấy. Những buổi trưa mùa hạ, họ ngồi bới chấy cho nhau. Có khi họ gội chung một nồi nước bồ kết lá bưởi. Những chiều mùa hạ họ xuống sông tắm. Họ kỳ cọ cho nhau. Đùa nghịch té nước vào nhau, rồi cùng thi nhau vỗ bum bum vào mặt nước. Mỗi lần cô từ lòng sông bước lên thì cả ba cô gái mà một thời gian cô xưng chị, xưng em và yêu thương sùng sờ nhìn cô. Những lúc ấy cô đẹp như con gái thần sông. Đến bây giờ thì cô hiểu cô không phải là con của gia đình này. Khi biết điều đó cô khóc trắng đêm. Cô không hiểu tại sao cô lạc vào gia đình này, và tại sao bây giờ người ta nguyên rửa và đuổi cô đi.

Với người đàn bà mà hơn hai mươi năm qua cô gọi bằng mẹ. Cô đã hết lòng yêu thương bà ta. Cô cố gắng đỡ đàn bà. Đôi khi cô thấy

bà đẹp và linh thiêng như bao nhân vật trong các vở chèo, tuồng cổ mà cô đã được xem.

Và đã bao nhiêu đêm, khi cô đã đóng cửa đi ngủ thì có một bàn tay vô hình giật tung cánh cửa ra. Người cô chớm lạnh. Cô đứng lặng nhìn ra ngoài xa. Những vòm lá trong vườn xôn xao lên rồi lạnh ngắt. Hình như có bóng người loáng qua sân nhà ra vườn và khuất vào bóng tối của cây lá. Hình như có tiếng người gọi cô.

– Ào... ào...ào. Con.. con.. con.. co..o..on

Có nhiều đêm trong mơ cô nghe thấy tiếng gọi đó. Tiếng gọi đôi lúc âm âm như tiếng lòng bàn tay vỗ vào mặt sông.

Bây giờ thì cô ra đi sau bao tháng ngày chịu đựng và chờ đợi. Cô đi tìm người đẻ ra cô. Cô không biết họ là ai và đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Cô đi tìm họ để làm gì? Cô không biết. Cô chỉ biết rằng tiếng gọi mơ hồ đã cuốn hồn cô. Cô cần được xưng với ai đó tiếng “con” và được gọi một tiếng “mẹ”.

Cô đi ra bờ sông. Sông chảy phờ phạc. Mặt sông vắng bần. Sông thì thảo mỗi mết kể cho cô nghe về bố cô - Một người đàn ông hầu như suốt đời không nói. Ông chỉ trò chuyện với con trâu cụt sừng nhà ông. Ông đã cùng nó làm quần quật tháng ngày để nuôi lũ con sớm mồ côi mẹ.

Nhưng cô không nghe thấy lời sông. Cô hình dung bố cô là một người vạm vỡ, trắng trẻo và đẹp như những người đàn ông trong tranh treo bán ở thị trấn đã có lần cô nhìn thấy. Phải là người đàn ông như thế mới đẻ ra được một đứa con đẹp như cô. Cô nghi ngờ tất cả nhưng chưa bao giờ nghi ngờ sắc đẹp của mình.

Cô đi lên đê. Cô khẽ bật cười buồn bã vì tên cô trùng với tên cỏ may mọc xơ xác trên đê. Cỏ may cuốn lấy chân cô và găm vào những lời gan ruột của cô. Cỏ kể về mẹ cô. Một người đàn bà điên khi bước vào tuổi dậy thì. Bom Mỹ đã giết sạch gia đình bà. Nỗi đau đón ấy làm bà hóa dại. Suốt ngày bà đuổi cào cào, châu chấu và đồ dế mèn trên đê nướng ăn. Tối đến bà ngủ trong chiếc đệm canh đê bần thiu và nồng nặc mùi xú uế. Bà cười và hát suốt ngày. Những bài hát của một người điên.

Nhưng cô không hiểu được lời cô. Cô tin mẹ cô là người đàn bà đẹp và giỏi nhất thế gian này, thì mới có thể để lại cho riêng cô một di sản quý báu, đó là sắc đẹp của cô.

Dọc theo đê sông Đáy cô đi. Con đê dẫn cô ra đường quốc lộ. Cô đi về phía thị xã. Đói lả và lạ lẫm. Cô tựa cửa một ngôi nhà mặt đường thị xã và ngủ. Sáng sớm một bà chủ mở cửa để dọn hàng. Bà thấy cô dựa cửa ngủ mê mết. Bà cầm chổi đập đập vào vai cô:

– Này, này dậy đi. Ở đâu mà đến tựa cửa nhà người ta ngủ thế này.

Cô choàng tỉnh, ngơ ngác:

– Cháu đi tìm mẹ cháu:

– Mẹ nào ở đây, rõ dờ hơi.

– Cháu... cháu đi tìm mẹ.. - Nói xong cô òa lên khóc.

– Mẹ nào? Nói tao xem.

– Người ta bảo cháu là con hoang, đuổi cháu đi. Cháu chẳng biết mẹ cháu là ai... Cháu đi tìm.

– Tao chả biết ngô khoai thế nào cả. Thôi đứng dậy, tao quét đã.

Cô đứng dậy mệt mỏi.

– Cháu chào bà, cháu đi.

– Đi đâu bây giờ? - Bà chủ quán ngừng quét hỏi.

– Cháu... cháu cũng không biết.

– Vào nhà đã, tao hỏi cái này. Bà chủ quán hạ giọng sau khi đã quan sát kỹ cô. Thấy cô còn đứng nguyên tại chỗ bà gắt - Vào đi.

Sau khi uống xong chén nước. Cô kể lại hoàn cảnh của mình cho bà nghe. Bà chép miệng rồi nói:

– Nhà tao không thiếu con cái, cũng chẳng thiếu người làm. Tao thấy hoàn cảnh của mày đáng thương tao muốn giữ lại ở đây, rồi thì dò hỏi dần, chứ đi tìm bây giờ như tìm kim đáy bể, có mà mục thất. Thấy ở lại được thì ở, không thì đi không ai ép.

– Cháu cảm... ơn bà - Cô nức lên.

– Đừng khóc nữa cháu ạ, mỗi người một hoàn cảnh. Đi rửa mặt mũi chân tay đi, bác mua cho nắm xôi mà ăn, chắc đói rồi chứ gì.

Rồi cô ở lại nhà bà. Những ngày đầu cô sợ sệt, dò xét nhưng sau thì quen. Cô không biết là cô sẽ đi đâu nữa. Cô nguyện không trở lại gia đình của những người đàn bà đã hắt hủi cô. Thế là cô yên tâm ở lại nhà bà chủ quán. Hàng ngày cô giặt giũ tất cả quần áo cho gia đình và nấu cơm. Cô quá quen với những công việc như thế hơn mười năm nay rồi. Tối tối cô ngủ trong buồng cùng với bà chủ quán. Có một lần cô bị cảm. Bà mua lá xông cho cô. Buổi tối đó bà bưng bát cháo sườn đến bên giường cô:

– Con ơi! Mẹ mua cho con bát cháo. Dậy mà ăn. Dậy đi con, ăn xong nó nhẹ người đi đấy.

Nghe bà gọi, người cô run lên. Tiếng “Mẹ” nghe ngọt ngào và sự yếu đuối của một cơ thể ốm làm cô òa khóc. Cô muốn ngồi dậy ôm lấy bà mà nói: “Mẹ ơi! Con chẳng phải đi đâu nữa, con sẽ ở lại đây mãi mãi với mẹ”.

Nhưng cô không nói được. Cô quay mặt vào tường khóc. Lát sau cô quay lại bưng bát cháo. Cô sung sướng húp từng thìa cháo, và cảm thấy sau mỗi thìa cháo bệnh tật tan đi và hạnh phúc cứ lấp đầy lòng cô.

Sau ngày đó cô thấy hạnh phúc hơn nhiều. Chỉ có một điều làm cô đôi lúc thấy sợ hãi. Đó là đứa con trai tàn tật của bà chủ quán. Hàng ngày cô phải vào buồng của anh để lấy quần áo của anh mang đi giặt. Trong căn phòng nửa sáng nửa tối, lúc nào anh cũng mở to đôi mắt của kẻ bệnh tật nhìn cô. Mỗi khi thấy cô vào anh sung sướng nằng người lên như một đứa trẻ và gọi “Ơi.. cho cho... cốc cốc... nước”. Hầu như suốt ngày bà chủ quán nhốt anh ở trong buồng. Thỉnh thoảng bà mới cho anh ra nhà ngoài. Anh dẹo dẹo bám vào tường cố lần ra. Anh lật bật ngồi xuống chiếc ghế xa-lông. Anh mở đôi mắt đờ dại nhìn ra đường phố náo nhiệt và cả cơ thể bị tật cứ co quắp, run rẩy. Anh chỉ được ngồi đó chừng mười lăm phút. Bà chủ quán đuổi anh vào:

– Này, đứng dậy vào buồng đi - Bà gắt lên. Lúc nào bà cũng gắt với anh như thế - Vào buồng cho khuất mắt. Đã không giúp đỡ được gì mà ngồi đấy mắt cứ trố lên. Sốt cả ruột. Hàng họ thì đầy rẫy ra

đấy. Con già này mà bỏ đây thì chúng mày bán cả váy đi cũng không đủ ăn.

Bà quát tháo ầm ĩ. Anh lại lặng lẽ đứng dậy. Run rẩy, lập cập mãi anh mới mò được vào giường của mình. Anh nằm xuống và khóc tu tu. Tiếng khóc của người tàn tật cũng tàn tật. Bà chủ quán không hề xúc động với tiếng khóc của anh. Bà dừng dưng hơn là nghe tiếng của hai con chó cảnh của bà cắn nhau hay nghe tiếng gà mổ nhau trong chuồng.

Một hôm bà bảo cô chuyển chiếc giường một cô vẫn nằm vào buồng của đứa con trai tàn tật.

– Con vào đó ngủ cho yên tĩnh. Nằm ngoài này gần đường ầm lăm. Và mẹ thì hay tỉnh giấc. Con gái như chúng mày đang tuổi ăn tuổi ngủ.

Cô hoảng hốt nhưng không dám nói gì. Đêm đầu tiên ngủ chung trong căn buồng với anh, cô không thể nào chợp mắt. Cô ngồi trên giường tựa vào tường. Cả đêm anh cũng không ngủ. Đối với anh không có ngày đêm. Anh ăn ngủ không có giờ giấc nào cả. Những lúc thức anh tha thẩn chơi với những đồ vật trong buồng. Đêm ấy, thỉnh thoảng anh xoay người về phía cô. Đôi mắt bệnh tật nhìn cô rất lâu rồi nhoèn cười. Cái cười méo mó và khốn nạn.

– Ngủ ngủ... đi đi... kéo kéo.. mệt mệt!...

Anh vất vả nói với cô. Cô bậm môi cho khỏi khóc vì sợ hãi và vội vàng gật gật đầu. Cô len lén nằm xuống. Trời nóng mà cô vẫn lấy tấm vỏ chăn trùm kín người. Anh ngồi nhìn cô một lúc rồi quay ra với những trò chơi lẩn thẩn. Thỉnh thoảng anh lại cười nắc nẻ lên với những ý nghĩ và sự thích thú bí ẩn của mình.

Lâu dần mọi sự thành quen. Cô không còn thấy sợ hãi gì anh nữa mà chỉ thấy anh đáng thương. Thỉnh thoảng ngứa ở đâu đấy anh lại co quắp chân tay và rối rít gọi cô “ô ời... gãi gãi... hộ hộ... cái cái...” “nào ngứa ở đâu nào?”. Cô hỏi anh và kéo áo anh lên. Cô lấy chiếc quạt nan hay một vật gì đó cạo lên tấm lưng xanh bủng của anh. Một lần khi cô đang gãi cho anh thì bà chủ quán nhìn thấy. Bà đứng lại bên cửa mỉm cười.

Rồi một buổi tối sau đó ít ngày bà dọn hàng sớm. Bà bảo cô:

– Tối nay mẹ muốn nói chuyện với con.

Cô thừa “dạ” và hồi hộp chờ đợi.

Buổi sáng sau khi cơm nước xong. Bà kéo cô vào buồng và nói:

– Con ạ, mẹ có ba đứa con trai. Hai người đã có vợ con cả rồi, mẹ muốn tính chuyện cho nó...

– Chuyện gì ạ? - Cô tò mò hỏi.

– Chuyện riêng tư, chuyện vợ con ấy mà.

– Mẹ lấy vợ cho anh Tấn? - Cô tròn mắt hỏi.

– Ủ, tuy nó hình thức méo mó, nhưng cũng là đứa hiền lành. Mẹ muốn lo cho nó. Mẹ chẳng thiếu gì vàng bạc đâu, cũng đủ thuê người trông coi nhà cửa và chăm sóc nó đầy đủ cả đời...

– Nhưng mà.... mẹ đã chọn cho anh ấy đám nào chưa? - Cô hỏi hết sức ngạc nhiên với ý định của bà định cưới vợ cho anh con trai tàn tật như thế.

– Ấy thế mẹ mới gọi con vào đây mà nói chuyện với con...

– Chuyện ấy là do mẹ quyết định. Con làm sao mà giúp được gì cho mẹ và anh Tấn.

– Nói gần nói xa chẳng qua nói thật. Mẹ muốn hỏi ý con nếu... con đồng ý, nếu con thương nó...

– Mẹ! - Cô kêu lên. Cô cảm thấy chân tay rã rời - con... con là em anh Tấn, là... là con của mẹ.

– Mẹ con mình không cùng máu mủ, có gì mà con phải suy nghĩ. Mẹ đã chuẩn bị chục cây vàng cho chúng mày làm vốn riêng. Cái nhà này mẹ sẽ làm giấy tờ cho con đứng tên sở hữu...

– Mẹ! - Cô kêu lên và òa khóc.

– Con cứ suy nghĩ kỹ đi, rồi trả lời mẹ - Bà nói và tởm tẻm nhai trầu - Mẹ cũng chỉ muốn con hạnh phúc, no đủ. Thấy hoàn cảnh của mày mẹ thương, chứ... chứ....

May im lặng. Cô ngồi như hóa đá. Đầu óc cô mê muội như không còn nghe thấy gì nữa. Đến khuya thấy cô vẫn ngồi như thế, bà chủ quán ngọt nhạt. “Đi ngủ đi con, ngồi thế muối nó đốt cho thì khổ”. Cô lặng lẽ đứng dậy đi vào buồng. Khi đẩy cánh cửa bước vào thì thối

quen ngủ chung buồng với người con trai tàn tật kia lâu nay chợt biến mất. Cô hoảng sợ. Gai ốc sờn khắp người. Anh con trai thấy cô bước vào lại nằng lên như muốn nhảy lên sung sướng.

– Không! - Cô kêu lên và lùi lại. Nụ cười bệnh tật từ từ tắt trên gương mặt bủng xanh của anh.

– Mẹ mẹ... mắng mắng... à à...?

Anh vất vả hỏi cô. Cô im lặng trên giường. Cô ngồi thu vào góc giường và trùm vỏ chăn kín người. Đêm ấy cô không dám chột mắt. Nghe tiếng động từ bên chiếc giường của anh cô lại giật mình hoảng hốt.

Sáng hôm sau bà chủ quán lại mang câu chuyện tối hôm trước nói với cô. Cô nhìn bà òa khóc. Cô quỳ xuống nền nhà lạy bà:

– Con van mẹ, mẹ thương con...

– Mẹ thương con thì mẹ mới nói chuyện đó với con. Vợ chồng mày muốn gì mẹ cũng cho.

– Con... con... không thể, con xin mẹ cho con đi...

– Ái chà - Bà chủ quán nghiêng rằng - Hóa ra là tao nhầm mày. Tao thấy mày có vẻ tử tế và hoạn nạn tao thương, tao nuôi mày. Bây giờ mày trả ơn tao thế đấy hả.

– Con mang ơn mẹ cả đời con. Nhưng còn chuyện với anh Tấn... con... không thể...

– Mày khinh tao, khinh con tao phải không? Nó méo mó còn hơn chán vạ đũa không cha không mẹ kia đấy.

Bà ngừng nói và đứng dậy. Bà nhìn May rồi cười khẩy.

– Tùy mày thôi. Tao chỉ thương con tao mang tiếng là đã ăn ngủ với mày mấy tháng nay rồi.

– Không! Mẹ đừng độc mồm thế.

– Cả phố này họ biết là mày đã ngủ trong buồng với nó chán rồi đấy.

– Trời ơi! - May kêu lên nức nở - Mẹ cho con đi khỏi đây, con lạy mẹ, con van mẹ...

– Mày không đi đâu ra khỏi cái nhà này được. Mày đi, tao báo mấy thằng anh nó giết mày với tội lừa đảo lấy hết vàng nhà tao.

May không biết nói gì nữa. Cô chạy vào buồng gục xuống khóc mê man.

Anh con trai tàn tật nhìn cô. Đôi mắt anh ánh lên một thứ ánh sáng lạ. Thứ ánh sáng như từ mắt của một loài khỉ nhìn thấy đồng loại mình trúng tên quàn quại. Chợt anh cùng òa khóc tu tu. Tiếng khóc bệnh tật như của một oan hồn.

Đêm ấy trong lúc bà chủ quán đi xuống nhà vệ sinh cô đã rời khỏi ngôi nhà trốn đi. Trước lúc ra đi cô quay vào buồng nhìn Tấn và nói:

– Tôi đi nhé. Cầu Phật cho anh khỏi bệnh. Tôi không ghét anh đâu.

Cánh tay tàn tật của anh quơ quơ trong không khí như muốn giữ cô lại và cũng như xua xua ý bảo cô đi thật nhanh. Khi cô bước ra khỏi buồng thì anh nằm quay ra giường, người giãy như con cá trên cạn. Tiếng khóc của anh như gió thổi vào ống tre.

Ra khỏi thị xã cô vừa đi vừa chạy ngược phía con đường trước kia dẫn cô ra thị xã. Trời đã sang đông. Gió thổi lạnh. Mỗi khi có ánh đèn ô tô đến gần, cô dừng lại và vẫy như điên dại. Nhưng những chiếc xe cứ rú máy lướt qua cô. Đến khi kiệt sức cô chỉ nâng được cánh tay lên thì một chiếc xe com măng ca dừng lại. Người bước ra khỏi xe là một phụ nữ khoảng 50 tuổi, người khô quắt và giọng nói ồm ồm như giọng đàn ông.

– Cháu đi đâu một mình đêm hôm khuya khoắt thế này?

– Cô ơi! Cô cho cháu đi nhờ với. Người ta giết cháu mất - Cô kêu lên hồn hèn.

– Bình tĩnh lại đi cháu, ai giết cháu? Ừ mà thôi lên xe đã nào, đứng dưới này gió chết.

Người đàn bà đi lại gần đầu xe và nói:

– Đồng chí lái xe cho cô này đi nhờ. Chắc cô ấy có chuyện gì đó, để tôi hỏi xem sao. Trông thấy mặt mũi thế này là con nhà lành đây.

Anh lái xe không nói gì. Dìu cô ngồi vào trong xe. Anh nhún ga. Chiếc xe lăm lũi lao đi.

- Cháu tên là gì?
- Cháu tên là May.
- Quê cháu ở đâu?
- Cháu ở làng Chùa.
- Có chuyện gì xảy ra với cháu? Cướp à?
- Dạ... không...

Nghỉ một lát rồi May kể lại cho người đàn bà nghe về cuộc đời mình. Nghe xong bà im lặng rất lâu rồi nói:

– Đồng chí lái xe cho cô ấy vào nhà tôi nhé. Mai tôi sẽ giải quyết trường hợp này.

Anh lái xe không nói gì. Chiếc xe làm lủi chạy về phía thị trấn huyện.

Gần mười giờ đêm thì xe về đến nhà. Bà mở cửa và bật điện. Một ngôi nhà nhỏ nhắn nhưng lịch sự và sạch sẽ.

– Ngồi xuống đi cháu. Cơm nước gì chưa? Cô đun ấm nước cho mà rửa ráy.

Vừa nói bà vừa làm thoãn thoắt. May khép nép ngồi xuống ghế và đưa mắt nhìn ngơ ngác quanh nhà.

– Cô ở có một mình thôi. Cháu cứ thoải mái nhé.

Sau khi dọn giường chiếu xong bà bảo May:

– Cháu đi ngủ trước đi. Cô cháu mình nói chuyện với nhau sau. Cô phải tranh thủ làm việc một lúc. Sáng mai cô có cuộc họp ở ủy ban huyện.

Nói rồi bà mở tủ lấy cặp tài liệu và ngồi vào bàn. May rón rén lên giường. Chăn chiếu sạch sẽ tỏa vào cô dễ chịu. Nằm trong chăn một lúc cô xoay người nhìn về phía bàn làm việc của bà. Bà đang im lặng cúi xuống một đồng giấy tờ. Tự nhiên cô thấy yên tâm. Cô khẽ nhoẻn cười một mình và ngủ thiếp đi.

Mãi hai hôm sau bà mới có thời gian ngồi nói chuyện với May. Bà hỏi cô hết sức tỉ mỉ về hoàn cảnh của cô. Cuối cùng bà nói:

– Bây giờ cô giải quyết thế này nhé. Nếu cháu muốn thì cháu ở lại đây với cô. Bước đầu cháu ở nhà đọc sách, xem báo. Muốn làm

gì thì làm. Sau này cô sẽ tìm cho cháu một việc làm ở huyện. Còn việc tìm mẹ cháu thì đáng hoan nghênh. Làm con phải giữ chữ “hiếu”, nhưng để cô dò hỏi dần dần. Cô sẽ cho người về gia đình mẹ nuôi cháu để hỏi xem thế nào. Đây, vấn đề là thế, cháu thấy có được không?

May nấc lên vì xúc động. Cô nhìn bà với ánh mắt đầy biết ơn.

Buổi tối hôm đó từ cơ quan huyện trở về bà nói với cô:

– Cô đã báo cáo với lãnh đạo ủy ban về trường hợp cháu. Cô nhận cháu làm con nuôi. Các anh trong ban thường vụ đồng ý cả... Vì hoàn cảnh cô...

– Cô... Mẹ. Con cảm ơn mẹ...

Từ ngày đó cô vui vẻ hẳn lên. Cô cũng ít nghĩ lại những gì đã xảy ra trong gia đình bà chủ quán. Mà có nghĩ đến cô chỉ thấy thương người con trai tàn tật của bà. Bây giờ, hàng ngày cô dậy sớm lo cơm nước cho bà mẹ nuôi ăn để đi làm sớm. Sau khi bà xách cặp đến cơ quan huyện, cô ở nhà giặt giũ, lau chùi bàn ghế, nhà cửa. Tối đến cô ngủ chung với bà trên chiếc giường đôi. Bà thường ôm cô vào lòng vuốt ve cô. Cô dụi đầu vào ngực bà tin cậy và hạnh phúc.

– Ngủ với con như thế này mẹ lại nhớ lại ngày trước - Bà thủ thỉ, giọng trầm trầm - Ngày còn chiến tranh ấy. Đơn vị thanh niên xung phong của mẹ toàn là con gái cả. Tất cả sống với nhau mấy năm liền trong những căn hầm ở Trường Sơn. Mùa rét cứ ôm ghì lấy nhau mà ngủ cho ấm...

Đúng, ngày ấy ác liệt và thiếu thốn tưởng không sống nổi. Cái họ thiếu nhất là giọng nói và bóng dáng của đàn ông. Nhiều lúc buồn quá, họ tổ chức trò chơi lễ cưới. Ngày ấy bà thường đóng đàn ông. Vì bà có dáng người cứng và khuôn mặt thô. Mỗi lần như thế bà phải giả giọng nói đàn ông. Bà phải tỏ tình, phải nâng đón cô dâu, phải sửa soạn phòng cô dâu. Phòng cô dâu thường là một căn hầm nhỏ được trang trí bằng những tấm dù pháo sáng và hoa rừng. Nhiều khi các cô gái bắt “chú rể” “cô dâu” phải sống với nhau một đêm trong “căn hầm cô dâu” như thế. Những ngày đầu thì buồn cười lắm. Nhưng sau đó, mỗi khi bà dặt tay “cô dâu” của mình vào bụng

“cô dâu” thì tự nhiên trái tim của bà đập rộn lên. Giọng nói của bà tự nhiên cứ ồm ồm mặc dù bà không có ý định bắt chước. Bà đỡ “cô dâu” xuống giường và vuốt ve “cô dâu”. Nhiều lúc cả hai chột ngợp đi trong một tình yêu lạ lùng. Họ chột nhìn nhau đắm đuối. Họ cảm thấy hơi thở phả vào nhau nóng bỏng. Và cả hai nghe thấy từ đâu tiếng trẻ sơ sinh. Tiếng trẻ sơ sinh xuyên qua tiếng bom đạn rền rĩ, mơ hồ vọng về làm họ nghệt thở. Rồi sau đó họ chột tỉnh, ngơ ngác và ngượng ngùng nhìn nhau rồi cả hai bỏ chạy vào rừng, gục đầu vào thân cây âm thầm khóc.

Rồi một ngày, “cô dâu” của bà hy sinh. Bà đã chạy vào “căn hầm cô dâu”, bà vừa khóc vừa cào xé tấm dù pháo sáng và đập nát tất cả những “đồ mừng đám cưới” của họ. Những ngày sau đó, những “đám cưới” như thế vẫn được tổ chức. Tất cả những người tham dự đám cưới khóc cười như điên dại trong cơn ác mộng của sự đau khổ và hạnh phúc ấy.

Chiến tranh kết thúc, bà trở về làm văn thư cho ủy ban huyện và phân đấu học hành. Bây giờ bà trở thành một trong những cán bộ lãnh đạo của ủy ban nhân dân huyện. Bà không lấy được chồng bởi vì dáng người gầy quắt và khô cứng cùng giọng nói đàn ông của bà. Và đêm đêm, bà mơ thấy “đám cưới” của mình trong cánh rừng khắc nghiệt của Trường Sơn. Bà thấy “cô dâu” của bà trở về. Cả người “cô dâu” đầm máu và được cài kín bằng những bông hoa dại của rừng Trường Sơn. Ban ngày bà lặn xả vào công việc. Đến đêm bà vật vã trong những cơn mơ kỳ dị. Đôi lúc bà mê đi trong một nỗi đau khổ rằng “người vợ” yêu thương của bà đã bị chiến tranh cướp mất.

Sau nhiều lần May nhận ra sự không bình thường trong vòng tay ghì chặt của bà. Cô cảm thấy sợ hãi nhưng vẫn nằm im. Sau những lần như thế bà lại ngồi dậy đến bên bàn làm việc. Bà lôi từ cặp ra hàng chục thứ giấy tờ và ngấu nghiến đọc. Có lần tỉnh giấc, May thấy bà ngủ gục trên đồng giấy tờ, tài liệu. Những lúc ấy cô thấy thương bà hơn cả là nỗi lo sợ mơ hồ.

Rồi đến một hôm nỗi sợ hãi mơ hồ của cô thành cụ thể. Hôm ấy là ngày hai mươi bảy tháng bảy. Buổi sáng, bà cùng lãnh đạo huyện và ban ngành đi đặt vòng hoa viếng các liệt sĩ ở nghĩa trang của

huyện. Tối trở về nhà bà không ăn uống gì. Bà lên giường nằm sớm. Bà cứ nằm im lặng và hai mắt mở to không chớp nhìn lên trần nhà. Đến khi còi đài phát hiệu chín giờ tối bà nhắc May đi ngủ. Cô rụt rè nằm xuống cạnh bà. Cả hai người im lặng.

Ngôi nhà im ắng chỉ còn nghe thấy tiếng thở ngắn và gấp của hai người đàn bà. Rồi đột nhiên bà quay lại phía cô. Bà ghì xiết cô vào lòng. Bà mê dại hôn lên mặt cô. Bàn tay bà lần cởi cúc áo cô. Người cô nhũn đi trong sự sợ hãi. Bàn tay khô héo của bà xoa lên đôi bầu vú cô căng tròn và trắng hồng như viên ngọc. Rồi bà lần cởi cúc áo mình. Bà cầm lấy tay cô đặt vào bầu vú khô héo của mình. Bà ghì cô vào bằng một cánh tay. Bàn tay kia của bà run rẩy, điên loạn lần cởi quần áo cô. Cô mê đi trong sự sợ hãi kinh hoàng. Trong nỗi kinh hoàng ấy cô nghe thấy tiếng bà: “Em ơi, anh yêu em... Trời... chúng nó lại ném bom đấy. Em... có nghe... thấy... con khóc... không?”

May như choàng tỉnh. Cô đẩy bà ra và vùng ngồi dậy. Cô ngồi thu vào góc giường và khóc. Bà gục đầu vào gối òa khóc theo. Một lát sau bà ngồi dậy bước xuống đất. Bà mở cửa và đi vào đêm tối mênh mông. May ngồi trên giường mãi đến khuya vẫn không thấy bà quay về. Cô thức và mong trời sáng.

Sáng dậy cô thu dọn nhà cửa và đến cơ quan huyện tìm bà. Từ gốc cây nhãn ngoài sân nhìn vào, cô thấy bà đang ngồi trước một đồng giấy tờ cao gần lấp mặt. Một lát sau cô lặng lẽ quay ra. Cô gửi chìa khóa nhà lại cho bà ở phòng thường trực.

Cô trở về làng Chùa. Bàn chân cô nặng trĩu trên con đường đất gồ ghề đầy bụi. Trời oi nồng như sắp có bão. Tiếng ve bồng rát từ những bụi tre trong những xóm ven đường kêu miên man.

Qua đò Áng thì trời nổi giông. Mưa đổ xuống ào ạt. Mưa như trăm ngàn viên sỏi nhỏ bắn vào cô. May chạy về phía cây đa đầu chợ. Cô ngồi xuống rễ cây đa già nổi trên mặt đất như lưng một con nghé tơ. Trên đầu cô mưa xối dũ dội vào tán lá. Trời mù mịt nước như sấm tối. Gió nổi lên mỗi lúc một to. Nước mưa chui qua tán lá dày của cây đa ròng ròng chảy xuống ướt đẫm người cô. Trước mặt cô có một cái quán nhỏ, trong đó năm bảy thanh niên làm nghề xe thồ đang trú mưa. Họ vừa hút thuốc vừa dõi mắt về phía cô và tán

chuyện gì đó. Có đưa thè lưỡi về phía cô rồi rú lên. Có đưa giơ tay làm một động tác thô tục. Có hai đứa ôm nhau ngoáy mông một điệu nhảy. Cô xoay người về phía chân đê. Bỗng một thằng rời khỏi lều chạy lại phía cô. Nó vừa vuốt nước mưa trên mặt vừa nhe răng cười. Đôi mắt nó nhìn dò dẫm trên cơ thể bết dính một lớp vải mỏng của cô vì nước mưa.

– Lại lều với bọn anh đi - Nó nói và cầm lấy tay cô.

Cô giật tay mình ra khỏi bàn tay của nó và quay về phía đê. Trời mỗi lúc một tối. Mưa vẫn xối xả trút xuống. Thằng thanh niên phá lên cười và ôm chầm lấy cô. “Chúng mày đâu”. Nó kêu lên. May cố vùng vẫy thoát ra khỏi vòng tay nó. Cả bọn đạp xe thồ từ trong quán lều ủa ra như một lũ chuột cống bắn thiu. Chúng xúm vào khiêng cô về quán. Cô kêu gào. Tiếng cô bị tiếng mưa gió nuốt chửng. Cô cắn mạnh vào một cánh tay gần đó. Tiếng một thằng rú lên. Cô quấy mạnh người thoát ra những cánh tay đang tua tủa như vòi bạch tuộc quăn lấy cô. Cô chạy như điên như dại về phía chân đê. Cả đám thanh niên sững lại rồi một số đưa lao theo cô. Cô băng qua những bụi dứa dại ven chân đê. Gai dứa sắc nhọn cào ngang dọc trên cơ thể cô. Cô lao lên mặt đê. Gió thổi tốc vào người làm cô lão đảo. Cô đứng lại rồi cứ theo mép cỏ trên mặt đê chạy thực mạng. Đến lúc mệt quá, cô ôm ngực thở hổn hển. Cô quay lại phía sau. Cả một triền đê dài mù mịt mưa. Không thấy bóng một thằng xe thồ nào đuổi theo nữa. Lúc ấy cô mới òa khóc. Nước mắt của cô tan vào trăm ngàn giọt mưa đang ràn rạt ném vào mặt cô. Trời sập tối. Cô lập cập đi dò từng bước trên mặt đê trơn.

Đi mãi, bỗng cô nhận phía trước có ánh lửa. Ánh lửa mơ hồ trong trời đêm mờ mịt. Lòng cô chợt thấy ấm lại. Người cô đỡ run. Bước đi của cô vững vàng hơn. Cô vội vã đi về phía ánh lửa.

Khi chỉ cách mười bước chân, cô mới nhận ra ánh lửa hắt ra từ một cái điểm canh đê. Những cái điểm canh đê như thế có rải rác dọc những con đê sông. Cô bước đến bên cửa điểm. Trong cái điểm khuất gió có một người đàn bà đang ngồi co bên đồng lửa nhỏ. Cô đứng rất lâu mới cất tiếng được. Giọng cô run cầm cập.

– Bà cho cháu vào ngồi nhờ một chút ạ.

Nghe tiếng cô, người đàn bà quay lại. Bà nhe răng ra như cười. Bà nhìn cô một lát rồi quay về phía ngọn lửa. Cô lặng người đi vào, nhận ra đó là người đàn bà điên. Khi bà bình tĩnh trở lại, cô khẽ khàng đến bên đồng lửa và ngồi xuống. Người đàn bà điên như không hề để ý đến cô, bà nhặt những mẩu củi nhỏ bỏ vào bếp lửa. Bà cời từ đồng lửa ra những quả chuối xanh đã nướng chín. Bà cầm một quả đưa cho cô. Cô vội đón lấy. Bà ra hiệu cho cô ăn và bà cũng bóc một quả ăn ngon lành. Cô nhìn bà ăn và rụt rè bóc lớp vỏ. Mùi chuối nướng chín tỏa ra thơm ngậy. Cô cảm thấy khỏe lại và đỡ lạnh.

Sau khi dùng xong bữa tối đặc biệt. Cô cảm thấy vui vẻ hẳn lên. Mọi ngày nhìn thấy người điên cô cảm thấy hoảng sợ. Nhưng bây giờ bên cạnh một người điên cô cảm thấy yên tâm. Dù sao cô cũng có một người bạn và một bếp lửa trong đêm mưa bão lớn và ở trong một cái điểm canh đê chơi vơi như thế này. Cô nhìn người đàn bà điên và nhoẻn cười.

– Cháu cảm ơn bà, bà ạ.

Người đàn bà nhe răng ra cười. Bà ra hiệu cho cô cởi quần áo và chỉ vào ngọn lửa.

– Vâng, vâng - Cô vội vàng trả lời. Cô hiểu ý bà. Cô ngượng ngùng cởi áo và vắt kiệt nước. Bà bỏ thêm những que củi vào bếp. Một lát sau ngọn lửa bùng cao lên. Bà đứng dậy và lấy một chiếc áo rách nát như một mớ giẻ lau đưa cho cô và ra hiệu cho cô mặc áo vào.

– Mưa lắm - Bà chợt cất tiếng nói. Lúc này cô mới biết là bà không bị câm.

– Cháu cảm ơn bà, cháu xin bà - Cô nói và loay hoay mặc chiếc áo vào người. Khi da thịt cô chạm vào những sợi vải thì cô thấy người ấm rục lên. Bà nhìn cô, đôi mắt sáng lên sự thích thú dài dại. Rồi bà chỉ vào góc điểm có lót những tàu lá chuối khô và nói.

– Ngủ đi.

– Bà ngủ đi. Cháu ngồi đây cũng được.

Bà xua tay như không đồng ý và rồi rút ra hiệu cho cô đi ngủ. Vì quá mệt mỏi và cũng vì cô cảm thấy yên tâm lạ thường. Cô đi lại ổ lá

chuối và nằm xuống. Bà nhìn cô và bật cười khanh khách.

Chỉ một lát sau cô đã chìm vào giấc ngủ ngon lành. Gương mặt ngây thơ và ngơ ngác của cô nghiêng về phía bếp lửa. Người đàn bà diên đứng dậy đi quanh bốn góc tìm bất cứ cái gì để vút vào bếp được. Ngọn lửa vượn cao hơn một chút tỏa ánh sáng hồng hào trên gương mặt cô. Bà đi như bò đến bên cô và ngồi xuống. Bà nhìn trân trân gương mặt cô. Rồi như vụng trộm bà đưa bàn tay của mình chạm rất khẽ vào cánh tay cô. Trên cánh tay thon thả, mịn màng độn những vết máu do gai cửa. Bà lấy ngón tay trở di di vết máu rồi từ từ đưa lên mũi ngửi. Đôi mắt bà từ từ mở to hơn. Đôi mắt của một người diên chợt như đổi thành kinh hoàng. Bà quay lại nhìn cô như nhìn một vật lạ. Rồi bà lại đưa ngón tay di di vào vết máu còn ướt. Bà đưa lên mũi ngửi rất lâu. Cánh mũi bà phập phồng, cả bầu ngực gầy lép của bà cũng phập phồng theo. Người bà bỗng run lên. Đôi mắt mở to đến man dại. Bà run rẩy đứng dậy đi ra phía cửa điếm. Trời vẫn mưa. Gió hất vào bà những bụi nước lạnh. Gương mặt diên của bà chợt buồn. Mưa và gió vẫn rít trong đêm. Và cái phần trí óc lạnh lặn nhỏ nhoi còn sót lại trong đầu bà bắt đầu cựa quậy. Phần trí óc đó dần thực hiện chức năng của mình. Nó đưa lại cho bà những dữ kiện đặc biệt của quãng đời trước kia.

...Cũng một cái điếm canh đê, cũng những tàu lá chuối khô lót ổ, cũng những bữa ăn như của con người buổi sơ khai, bà đã sống gần 20 năm trước ở đây như thế. Hàng ngày có một người đàn ông góa vợ và con trâu cụt sừng của ông trên đường từ ruộng về ghé qua điếm canh đê. Ông ngồi hóng gió và hút thuốc Lào. Khác tất cả những người làng gặp bà, ông không nói gì cũng chẳng nhìn bà. Trước cửa điếm là con trâu cụt sừng của ông nằm nhai cỏ. Nhưng đến một buổi chiều mưa gió dữ dội. Ông ngồi thu lu trong góc điếm và hút thuốc Lào nhìn mưa. Cơn mưa chiều ấy làm tan đi cái nóng oi nồng của một ngày hạ. Con trâu cụt sừng sung sướng ngửa mặt lên trời kêu. Bà cũng sung sướng trước cơn mưa như loài vật. Bà bình thản trút bỏ áo quần và tắm dưới mái điếm canh đê. Mưa mùa hạ rửa sạch bụi bặm và những vết bẩn trên cơ thể bà. Trong làn mưa mờ trắng, mênh mông, bà hiện lên xinh đẹp đến lạ kỳ. Bà vũng vầy trong mưa. Bà ngửa mặt lên trời kêu lên sung sướng. Cơ thể của

một cô gái tuổi đôi mươi trinh bạch tỏa ra một thứ hào quang bí ẩn làm người nông dân góa vợ choáng váng. Ông đứng dậy đến gần bà. Ông mê dại ngẩn nhìn và ông nắm lấy tay bà. Ông dắt bà vào trong đêm. Bàn tay thô nháp của ông run rẩy trên da thịt bà. Ngoài cửa đêm trời vẫn mưa dào dạt. Con trâu cụt sừng lim dim đôi mắt trong mưa, thỉnh thoảng nó ngửa mặt lên trời rống lên sung sướng.

Sau chiều mưa ấy bà mang thai. Khi họ hàng nhà bà biết chuyện đó thì họ làm ầm lên. Họ tìm mọi cách để truy hỏi một người điên về người đàn ông đã chung đụng với bà. Khi bình thường chẳng ai quan tâm đến bà. Nay bà có thai sắp đến ngày sinh nở thì họ điên cuồng tìm ra thủ phạm của cái thai để bắt người đó gánh vác lấy trách nhiệm thay cho trách nhiệm của họ. Bà không nhớ được mặt ông. Bà chỉ nhớ con trâu cụt sừng. Bà chỉ con trâu cụt sừng. Họ hàng nhà bà phao ầm làng lên. Dân làng hiểu rằng, người chung đụng với bà là chủ của con trâu cụt sừng. Suốt ngày đêm họ nói bóng nói gió và cuối cùng thì họ tuyên bố thẳng rằng, trách nhiệm đó thuộc về gia đình có con trâu cụt sừng.

Tiếng đồn đến tai người đàn ông góa vợ. Ông hoảng hốt và lo lắng. Đã bao nhiêu năm nay ông được dân làng khen ngợi là âm thầm ở vậy nuôi con. Người con trai cả của ông hiểu được nỗi hoảng hốt và đau khổ của bố mình. Anh hiểu bố đã hy sinh hạnh phúc riêng để vun đắp cho anh em nhà anh. Tiếng đồn đại, xì xào càng lan rộng thì ông càng lâm bệnh nặng. Cuối cùng người con trai cả của ông đứng ra nhận là mình đã ăn nằm với người đàn bà điên. Anh đã đón đứa bé về nhà nuôi khi nó sinh ra được ba ngày. Lúc đó vợ anh cũng đang nuôi con nhỏ. Chị gào thét chửi rủa anh. Chị cương quyết không cho đứa bé bú. Anh cầm con dao dùng để chặt tre đến trước vợ và nói: “Nếu cô không nuôi đứa bé này, tôi sẽ chém chết cô và cả đứa bé nữa.”

Một thời gian sau bố anh mất. Ông chết vì nỗi đau buồn giày xé trái tim ông. May cứu lớn và hòa đồng vào cuộc sống của gia đình ấy. Chỉ khi người đàn ông mà May vẫn gọi là bố qua đời, cô mới được biết cô không phải là con của họ.

Trời vẫn mưa, gió rít mạnh, chân trời dựng lên rách nát bởi những tia chớp đục trắng trong mưa. Người đàn bà điên lặng lẽ

quay lại ổ lá chuối. May vẫn ngủ ngon lành. Bà ngồi xuống bên cô.

– Co... o.. on. - Bà gọi. Tiếng gọi méo mó và tội nghiệp biết chừng nào. Bà từ từ cởi chiếc áo cẩu bần... hai bầu vú ồm yếu chảy thẳng xuống. Bà lấy bàn tay nâng bầu vú mình lên.

Gần 20 năm trước. Sau ngày sinh ra May, bà vẫn lang thang trên đê và tới về điểm ngủ. Ngày ấy đôi bầu vú bà căng sữa. Sữa nhiều quá trào ra và chảy ướt áo bà. May không được bú sữa mẹ. Chỉ có những con kiến ở góc điểm bò đến ăn sữa khi bà ngủ.

Và bây giờ bà nhận ra May là con bà, có thể bằng một giác quan kỳ lạ của người điên hay bằng mùi máu đã khô do gai dứa cào lên cánh tay cô. Bà cúi người sát xuống bên cô, và tay nâng bầu vú đặt lên đôi môi đỏ của cô.

Ở trong mơ May thấy mình như một đứa trẻ mới sinh còn đỏ hỏn. May ngửi thấy mùi sữa mẹ ngọt ngào, ấm nóng. Cô quờ tay tìm vú mẹ và ngậm lấy bú ngon lành. Cô nuốt từng ngụm sữa lớn. Và cứ sau mỗi ngụm sữa ấy cô lại vụt lớn lên. Bầu vú của mẹ cô cũng lớn lên theo và rộng như bầu trời. Bầu vú lớn như làm cô nghẹn lại. Cô cựa mình và kêu ú ớ trong mơ.

Người đàn bà điên thần thờ nhìn cô một hồi lâu rồi đứng dậy đi về phía đồng lửa nhỏ. Ngọn lửa đã tắt chỉ còn những cục than nhỏ tỏa hơi lửa ấm áp. Bà vợ lấy những mảnh lá chuối khô bỏ vào bếp, lửa bùng cháy lên ngay sau đó. Lửa hắt bóng bà chập chờn trên bức tường xám mốc của điểm canh đê. Một lát sau bà từ từ đứng dậy và đi ra khỏi điểm. Trời đêm mưa tối đặc và mênh mông nuốt chửng lấy bà.

Tiếng gọi lúc hoàng hôn

Mọi ngày chỉ ngay sau tiếng hú gọi đầu tiên của ông, con Mu (tên con chó) đã tru lên trả lời.

– Hu... u... u...

Ông Hiền hú gọi con chó một lần nữa. Vẫn không thấy tiếng con Mu tru trả lời. Ông bực tức quay vào dọn dẹp đồng củi nhỏ phơi ở góc sân.

Mưa bắt đầu ném xuống. Ông ngồi im lặng nhìn ra cánh đồng mờ trắng mưa. Ông lo cho con chó.

Ông lấy vợ muộn. Chỉ khi vợ có con rồi ông mới được làng coi là một người đàn ông thực sự. Ông đặt tên con là Nhức. Sau này nhiều lúc ông ngẩn người không hiểu tên con ông mang ý nghĩa gì. Ông yêu con với tất cả khả năng có thể của ông.

Trong mơ, nó gọi ông. Tỉnh giấc, nó gọi ông. Trong sự tưởng tượng miên man của mình, ông thấy nó lớn lên khỏe mạnh, nhân hậu và giống ông như đúc. Và nhất nhất mọi điều nó đều làm đúng ý ông. Có đêm nằm mơ, ông thấy nó quỳ xuống van lạy ông đừng bắt nó lấy vợ. Nó không muốn rời xa ông nửa bước.

Nhưng rồi đến một ngày ông hoảng sợ. Đó là khi thằng Nhức đang theo học lớp 4 trường làng. Một đêm ông giật mình nghe thấy nó gọi và nói chuyện với một ai đó về một điều gì đấy ở trong mơ mà ông chưa một lần nghe thấy. Nhiều buổi sáng ngủ dậy, nó không gọi ông nữa mà hoảng hốt tìm túi sách mà nó ngủ mê thấy có một người lấy trộm. Ngày ngày, sau bữa cơm chiều, nó không thích ngồi nghe ông kể chuyện đi làm thuê, chuyện bắt cua, bắt rắn của ông ngày xưa nữa. Nó đắm say vào từng trang sách. Nó mơ đến những lâu đài lấp lánh pha lê trên lưng con ngựa trắng có bộ lông mao lông lầy.

Ông Hiền hoảng hốt và rình mò theo dõi con. Một đêm khi thằng Nhức đã ngủ say. Ông rón rén đến bên chiếc bàn cũ kỹ nơi thằng Nhức vẫn ngồi học. Ông vịn to ngọn đèn và run rẩy mở từng cuốn

sách của con. Ông hy vọng tìm thấy thủ phạm đang dần dà kéo con ông ra khỏi vòng tay ông. Nhưng ông không tìm thấy gì cả. Nói đúng hơn, ông không hiểu gì cả. Những dòng chữ tưởng như bất động kia chứa đựng một ma lực đối với con ông. Gấp những cuốn sách lại, ông hoảng hốt, người đổ đầy mồ hôi. Một nỗi hoảng sợ và căm thù những cuốn sách kia từ đêm ấy dai dẳng bám vào ông.

“Sau này học được thật nhiều con sẽ đi thật xa... thật xa”. Một lần thằng Nhức nói với ông như thế. Câu nói ngây thơ và đầy mơ ước của con ông lại làm ông thức trắng nhiều đêm. “Thật xa, thật xa”, điệp ngữ ấy làm ông khế bật khóc. “Ta không thể nào mất nó”, ông tự nhủ. Và càng ngày, lời tự nhủ ấy thành tiếng gào thét trong ông. Nó đã đưa ông đến một quyết định ngu dốt và đáng thương hại: Ông không cho con đến trường.

Thằng Nhức không được đến trường. Nó làm sao chống lại được ý ông. Nó trở nên câm lặng. Đôi mắt nó buồn như nước ruộng bữa đóng váng. Những lâu đài trong mơ vỡ vụn trong những cơn mơ nước nở đòi được đến trường của nó. Và, đôi lúc nó giật mình ngơ ngác nghe tiếng vó ngựa giòn tan gõ hổi hả đầu đây trong hoàng hôn. Những lúc như thế, nó lầm lũi đi ra phía cánh đồng nhìn chân trời xa lắt với những quàng mây màu tím. Đêm đêm, ông không còn nghe thấy tiếng nó thì thầm với ai đó về những điều gì đó nữa. Thay vào đó là tiếng thở dài. Hình như tiếng thở dài của nó lại làm ông yên tâm hơn. Bởi vì đời ông đã quá quen với những tiếng thở dài của chính bản thân mình. Rồi vợ ông mất. Mâm cơm hàng ngày chỉ còn lại hai bố con ông. Bữa cơm âm thầm và đáng ngất. Ông vừa ăn vừa liếc nhìn con. Nhưng không bao giờ ông thấy nó ngược mắt nhìn ông. Hai mí mắt nó như hai cánh cửa luôn luôn khép hờ. Ông không làm sao biết được những gì đang xảy ra sau hai cánh cửa mí mắt kia. Sự im lặng như một bóng ma của thằng Nhức làm ông không chịu nổi.

Một lần ông ốm. Biết tính ông thích ăn cháo lươn, thằng Nhức lặn lội suốt đêm để bắt cho được vài ba con lươn đem nấu cháo cho ông. Thằng Nhức đầm đìa mồ hôi bưng bát cháo nghi ngút hơi đến bên đầu giường ông nằm ấp úng mời ông ăn. Ông quay mặt vào tường im lặng. Và bát cháo cứ để đó đóng váng lạnh tanh suốt hai

ngày liền. Thằng Nhức đứng nhìn bát cháo giàn giữa nước mắt. Và một lần khác vào ngày giỗ vợ ông, thằng Nhức dậy rất sớm đi chợ mua về một con cá chép to làm cơm giỗ mẹ. Ông Hiền không thèm để ý đến con. Ông lui cùi trong bếp sắp cơm cúng vợ. Khi ông bưng mâm cơm đặt lên bàn thờ thì thằng Nhức cũng bưng một đĩa cá rán và bát canh cá đặt vào mâm. Thấy vậy ông Hiền liền bỏ cả đĩa cá và bát canh ra ngoài. Thằng Nhức trân trân nhìn cha, người nó run bắn lên, hai bàn tay nó bấu chặt vào cột nhà. Nó gào lên: “Bố ác lắm. Bố tồi lắm”. Và cả hai bố con cùng khóc bỏ đi. Mâm cơm cúng nguội tanh trên bàn thờ lất phất tàn hương.

Sau lần đó ông Hiền quyết định ra ở riêng. Trong suy nghĩ của ông thằng Nhức là đứa con bội bạc công sinh thành và nuôi dưỡng của bố nó. Khi ông nói điều quyết định của mình với thằng Nhức, nó ngược đời mắt nhìn ông rất lâu và nói: “Tùy bố”. Thái độ ấy của nó làm ông khẳng định sự bất hiếu của nó và củng cố vững chắc quyết định ra ở riêng của ông.

Ra ở riêng, ông tham gia vào tổ cá của đội sản xuất. Ông xung phong coi đầm cá vào ban đêm. Chính trên bờ đầm cá ông đã nhặt được con Mu. Khi ôm con chó lên, đôi mắt ngơ ngác, cái mõm nhỏ ươn ướt và mùi lông chó con làm ông chột hẫng người. Có một cái gì đó thân thuộc đã xa xưa chột thoáng qua ông. Ông quyết định mang con chó về nhà nuôi chứ không nhả tin cho ai đó đi bán chó con trong phiên chợ Tía đã đánh rơi nó.

Chỉ sau mấy tháng ở với ông, con Mu lớn vụt lên. Tiếng sủa của nó đầy uy lực. Nó ít khi rời ông. Nó phục tùng ngoan ngoãn mệnh lệnh của ông. Ông tự hào khi thấy con chó hiểu được mệnh lệnh của mình như: “Nằm xuống”, “đứng dậy”, “lại đây”, “câm mồm”, “cút”... Những lúc con Mu làm theo mệnh lệnh của ông thì ông lại chua chát nghĩ đến thằng Nhức.

“Nuôi con chó nó còn biết nghe lời. Thế mà con mình đẻ ra...”, nghĩ đến đó ông lại vòng tay xiết con chó vào ngực và vuốt ve lớp lông vàng nham nháp trên đầu nó. Và không thể nào khác được, mùi lông chó lại làm ông nhớ mùi tóc tơ thằng Nhức thuở nhỏ. Hình như sự liên tưởng vô hình ấy đã thành rãnh mòn trong óc ông.

Gần đây, thằng Nhức ra thăm ông thường xuyên hơn. Trên chiếc chõng tre, thỉnh thoảng nó lại liếc nhìn con chó. Đôi mắt nó lóe lên những tia sáng vừa đau khổ vừa man rợ. Thấy nó vụng trộm nhìn con chó, ông Hiền cười mỉa trong bụng: “Mày ghen với nó à. Tại mày cả thôi, tao suốt đời vì mày mà mày không hiểu. Bây giờ thì mặc xác mày, tao cóc cần. Tao yêu con chó vì nó nghe lời tao. Chó mà khôn hơn chán vạn người ấy chứ”. Mỗi khi tự nguyện rửa thềm đưa con của mình ông lại cố tình vuốt ve con chó trước mặt thằng Nhức và tự thưởng cho mình một điều thuốc Lào rõ to.

Mỗi buổi tối đến thăm ông, nó cứ ngồi im lặng như thế, nếu có nói chỉ vắn vện một câu “Bố dọn về làng mà ở”. Câu nói của thằng Nhức hăng và cay như hơi ớt xanh khi người ta bẻ đôi quả xộc vào mũi và mắt ông. Nhưng ngay sau đó ông vội trả lời con bằng một tiếng “hừ”. Và trong đầu ông lại chói lên một điệp khúc khoái trá: “Bây giờ lại cần tao à. Uống rượu hết gạo thóc trong bồ rồi chứ gì. Mặc xác mày, ai bảo không nghe lời”. Nhưng khi thằng Nhức lặng lẽ rời khỏi ngôi nhà thì một cảm giác buồn bã và bồn chồn ngấm đẫm da thịt ông.

Còn con Mu, khi thấy thằng Nhức đi đã khá xa ngôi nhà, liền xô ra sân, sửa ông ổng vào bóng thằng Nhức cho hả giận. Mỗi lần bắt gặp cái nhìn của thằng Nhức, con Mu nhận thấy sự không yên ổn trong đôi mắt kia.

Mưa đã vơi nhưng vẫn còn nặng hạt. Con Mu vẫn chưa thấy về. Ông cảm thấy có chuyện không bình thường với con chó. Ông đội nón và đi về phía bãi tha ma.

– Hu... u... u...

Tiếng hú gọi của ông nửa gần gũi, nửa hoang dại lan xa trong hoàng hôn tím dẫm mưa.

Con Mu nghe thấy tiếng gọi ấy, nhưng nó không chạy về như mọi bữa. Trên một vạt cỏ cạnh ngôi mộ cũ mà thường ngày nó vẫn lên ra sục tìm hang chuột có một con cá diếc thơm ngậy.

Khoảng mười ngày trước đây, mỗi chiều trốn ông Hiền ra tìm chuột trong bãi tha ma, nó đều thấy có một con cá diếc nướng vàng ươm ai đặt sẵn ở đó. Nó tru lên sung sướng và lao vào nhai ngấu nghiến. Chưa bao giờ nó lại được thưởng thức một món ăn tuyệt

vời như thế. Vài ba ngày sau thành thói quen. Cứ khi hoàng hôn bắt đầu buông xuống cánh đồng thì nó lại lao đến bãi tha ma, vừa chạy, nước miếng nó vừa chảy ròng ròng hai bên mép. Khi chỉ còn cách miếng mồi chừng dăm mét thì nó tru lên. Đây là những phút sung sướng tột độ trong đời chó của nó.

Nhưng hôm nay nó bỗng dừng lại trước con cá nướng chừng mười bước chân. Trong mùi cá nướng mê hoặc kia, nó nhận ra có mùi thăng Nhức. Tuy nó không biết được thăng Nhức đang nấp sau một ngôi mộ gần đó. Khi mõm nó vừa chạm vào con cá cũng là lúc hai chân trước của nó đã nằm gọn trong vòng dây thòng lọng của thăng Nhức.

Con Mu chưa kịp quay người thì sợi dây đã thít chặt lấy nó. Một tay thăng Nhức giữ chặt chiếc ống tre nhỏ dài chừng một mét có lồng sợi dây thòng lọng vào trong, còn tay kia ra sức kéo con Mu lại gần.

– Hu... u...u..

Tiếng ông Hiền gọi chó da diết trong hoàng hôn đặc quánh mỗi lúc một gần. Càng nghe tiếng bố gọi chó, thăng Nhức càng điên dại bóp cổ con chó và khóc nức nở. Nó khóc cho sự u buồn và mất mát của đời nó. Nó khóc cho hành động đang được thực hiện của nó. Mặt nó nhàu nát và méo mó đến kinh sợ.

Trong suốt bao nhiêu năm qua, bố nó đã không hiểu nó. Nó đã yêu người sinh ra nó bằng một tình yêu u buồn và câm lặng. Nhưng cả hai bố con nó yêu nhau đều bằng một tình yêu do ý thức về dòng tộc đậm tính ƠN NGHĨA và chiếm đoạt chứ không phải do sự hiểu biết nhau. Khi ông Hiền ra ở riêng, nó âm thầm đau khổ và đổ vỡ. Những ngày đầu đến thăm bố, nó không dám công khai. Nó lén ra sau nhà, áp tai vào cánh cửa sổ liếp sát tấm phản gỗ nơi bố nó nằm. Nó nghe tiếng bố nó trò chuyện với con Mu. Nó nhìn vào cuộc đối thoại của cha nó và cứ ngỡ rằng hai bố con nó đang trò chuyện với nhau trong tấm chăn dạ rách vào những đêm đông thuở nó còn thơ. Nhưng khi rời ngôi nhà của bố nó, thăng Nhức đau đớn nhận ra rằng cha nó trò chuyện âu yếm với một con chó chứ không phải với nó. Và ngay tức khắc, trong đầu nó lóe lên ý nghĩ giết con chó.

Chính vì thế gần đây nó chăm ra thăm ông Hiền hơn để tìm cách làm quen con Mu cho ý đồ sục sôi của nó. Nhưng nó không sao làm quen con chó được. Nó không thể nào giấu được cái nhìn đầy căm thù trước con chó. Khi phát hiện ra con Mu hay lén ra bãi tha ma cuối làng để tìm chuột trong những ngôi mộ cũ thì nó tìm kế đưa con chó vào tròng. Và bây giờ, niềm khao khát đau khổ và man rợ của nó đã được thực hiện.

Khi con Mu đã bị dây thòng lọng thít chặt, thằng Nhức cười lên sằng sặc. Nhưng khi nhận thấy sự quấy đạp của con vật đuổi dần trong tay nó thì nó òa khóc.

Và lúc này con Mu đã tắt thở. Hàm răng trắng nhõn và sắc lạnh của con Mu cứ nhe ra như cười mãi với thằng Nhức, cái cười mỉa mai và căm giận. Thằng Nhức quỳ bên xác con Mu, người nó rung lên nức nở.

– Hu... u...u... - Tiếng ông Hiền hấp tấp và lo lắng - Mu ơi, Mu...

Trong ánh chớp sau mưa, thằng Nhức nhìn thấy bố nó đã đến đầu con đường nhỏ mọc đầy cỏ đuôi chó rẽ vào bãi tha ma. Bóng bố nó đội chiếc nón quen thuộc muôn thuở đi lảo đảo trên con đường đất ướt. Mặt nó như có ai cầm một cành cây gai quất vào.

– Mu ơi, Mu. Đâu rồi... Mu?

Nghe tiếng gọi con chó hốt hoảng của bố nó, thằng Nhức òa khóc to hơn. Nó ôm lấy xác con chó vẫn còn nóng rực từ từ đứng dậy. Và trong ánh chớp lóe lên, trông nó như một xác người vừa từ dưới một ngôi mộ nào đấy trong bãi tha ma của làng đội đất đi lên.

Nó bước từng bước một trong ánh hoàng hôn cuối cùng đã tắt ngấm về phía bố nó. Khi thằng Nhức chỉ còn cách ông Hiền chừng vài chục bước thì nó dừng lại, ngừng khóc và gào lên:

– Cha ơi! Con đây, cha... a... a... a...

Thị trấn những cây bàng cụt

Ký ức của tôi về thị trấn ấy bao giờ cũng bắt đầu bằng hình ảnh những cây bàng cụt. Không hiểu lý do gì mà tất cả bàng có ở thị trấn đều cụt ngọn. Thị trấn nhỏ, chỉ dăm cây bàng đã chạy hết phố. Vào đông, lá bàng đỏ sậm khô xác. Tôi còn nhớ có hai cây bàng còng trong thị trấn. Một cây treo đầy lớp xe đạp và bánh xe bò hồng. Còn một cây giữa thị trấn treo vỏ một quả bom để làm kèng. Suốt những năm tháng chiến tranh, mặc dù thị trấn nằm gần một trục đường cũng khá quan trọng, nhưng chỉ có một quả bom rơi lạc vào. Quả bom không nổ. Dân thị trấn không biết nó sẽ nổ lúc nào. Và trong suốt mấy ngày chờ công binh của tỉnh đội về tháo gỡ, dân thị trấn không ai bảo ai đều lặng lẽ biến khỏi thị trấn. Sau khi quả bom được tháo kíp và thuốc nổ. Ủy ban nhân dân thị trấn làm công văn xin lại vỏ quả bom để làm kèng. Và người đàn ông được phân công gỡ kèng sớm bạc tóc, vì mỗi khi cầm cái răng bừa sắt gõ vào quả bom, anh ta lại nhắm nghiền mắt lại với một cảm giác tê lạnh khi nghĩ rằng quả bom có thể nổ bất thành linh. Và đã lâu lắm rồi, chiếc kèng vỏ bom không dùng đến nữa, gỉ quện. Người ta nhét vào bụng quả bom đủ thứ giẻ rách, vỏ chuối, lá bánh, vỏ bao thuốc...

Suốt ba năm học phổ thông, thi thoảng vào buổi chiều tôi lại lang thang trong thị trấn. Gọi là thị trấn nhưng chỉ có một con đường rải đá học chạy qua và lúc nào cũng đầy phân bò kéo. Cứ sau mỗi trận mưa, cả thị trấn nồng mùi phân bò khô sũng nước. Sau khi đi thơ thẩn hết dãy phố, tôi tạt xuống chợ thị trấn nằm sát bờ sông. Quang cảnh chợ chiều ở thị trấn hẻo lánh lúc nào cũng như ngái ngủ. Buổi chiều, chợ chỉ còn lại vài người bán hàng xén, hàng khô và một người đàn bà bán bún.

Cứ mỗi khi thấy tôi xỏ hai tay vào túi quần rộng thùng thình màu xanh sẫm đã bạc, lách qua những cái lều chợ, chị bán bún lại đơn đả: “Hôm nay ăn bún hả chú”. Và không cần tôi trả lời, chị đã nhanh tay vét số bún còn lại đã thoáng mùi chua và bọc lại bằng những

chiếc lá hoàng tinh đã héo cùng với một gói nhỏ mắm tôm đen như đất bùn và mùi nặng đến chóng mặt.

Những ngày trọ học ở thị trấn, bọn học sinh nghèo chúng tôi thường cải thiện bằng bún với loại mắm tôm như thế. Tôi hay mua bún hàng chị và trở thành người thân quen. Chị là một người đàn bà đẹp. Da chị rám nắng, nhưng mái tóc mượt dài. Chị học xong phổ thông thì lấy chồng.

– Chị lấy anh ấy dễ lắm - Chị nói - Thấy anh ấy là thương binh và giọng nói là lạ, thế là cưới.

Chồng chị là một thương binh người Thuận Hải. Anh bị cụt một chân, ra Bắc tập kết. Trại thương binh ở ngay sát thị trấn. Gặp nhau vài ba lần, anh mời một cán bộ Ủy ban thị trấn cùng đến nhà chị và xin cưới.

– Yêu nhau lạ lắm chú ạ - Chị tủm tỉm - Cả cái chân gỗ của chồng cũng đẹp, có xước một tý sơn cũng xuyt xoa tường đứt thịt đứt da.

Khi tôi biết chị thì chị đã sinh nở một lần nhưng không được. Đứa bé lọt lòng mẹ đã chết rồi. Sau này tôi mới biết là chết lưu thai nhưng tôi không thấy chị quá đau buồn. Khi mang thai lần thứ hai, chị như đẹp hẳn lên. Gặp tôi, chị bảo:

– Lần này chị sẽ đẻ cho anh ấy một thằng cu. Rồi tha hồ mà nuôi nhau.

Sát đến ngày ở cữ, chị vẫn đi bán bún. Sau khi bán hết bún. Chị lại tha thẩn nhặt vỏ bánh và bã mía ở bãi chợ. Sau đó chị lên thị trấn bóc những mảng phân bò khô. Thấy tôi, chị cười: “Phân bò khô đượm than lắm, mùa đông đốt cho ấm. Lúc chị ở cữ là lạnh lắm”.

Bẵng đi một thời gian rất lâu tôi lại mò ra chợ thị trấn. Không phải để mua bún, mà tôi muốn biết chị sinh nở ra sao.

– Trời chưa để ý đến chị, chú ạ. - Giọng chị buồn bã, đôi mắt mọng nước - Cháu nó không muốn ở với anh chị chú ạ. Nó đi ngay sau khi lọt lòng mẹ, không kịp khóc chào mẹ nó nữa.

Tôi chết lặng bên lều chợ. Tôi ngồi xuống bên chị và thờ dài. Tôi muốn an ủi chị một câu nhưng không nói được.

Vừa nói chị vừa vét cả những sợi bún đã heo héo bám quanh lòng thúng cho tôi. Chị không quên gói cho tôi một gói nhỏ mắm tôm khô.

Tôi mệt mỗi chào chị. Tôi muốn rời khỏi chợ càng nhanh càng tốt. Nhưng vào đến phố thị trấn, tôi không biết phải đi đâu. Mùi phân bò khô, mùi mắm tôm khô và câu chuyện về những đứa con của chị làm tôi choáng váng như người bị cảm nắng.

Cái thai trong bụng chị mỗi ngày một lớn. Và niềm vui của chị cũng lớn dần theo cái thai. Khi bụng chị vươn cao hơn cả thúng bún thì tôi không dám gặp chị nữa. Tôi đi chợ sớm hơn mọi lần. Tôi trà trộn trong đám người đi chợ quan sát chị. Gương mặt chị mệt mỏi, nhưng miệng chị luôn cười. Tay chị bốc bún, gói bún vẫn nhanh nhẹn, gọn ghẽ như xưa.

Một chiều tôi đang lang thang ngoài thị trấn thì nghe tiếng gọi:

– Chú Thiều, chú Thiều.

Tôi quay lại và nhận ra chị. Tôi hoảng hốt định quay đi. Tôi sợ gặp chị.

– Chú Thiều, dừng lại chị hỏi cái này.

Tôi phải quay lại. Chị nặng nhọc bước về phía tôi.

– Sao lâu nay chú không ra chợ mua bún. Chú chê bún chị chứ gì?

– Dạ không. Em... em...

– Không có tiền thì chị bán chịu - Giọng chị đơn đả - Mà chị cũng chẳng đòi, mấy sợi bún chứ tã, tã gì.

– Em bận học. Chúng em chuẩn bị thi hết cấp.

– Cố mà học để thi cho đỗ khỏi phụ công bố mẹ, thầy cô. Chị cũng thế... bận này là bận sinh nở thứ ba. Chị phải sinh được một đứa.

– Sao chị không nghỉ... mà vẫn cứ đi chợ?

– Chị thấy khỏe lắm. Có thêm được đồng nào, lúc nằm ỏ có đồng ra đồng vào.

Tôi kìm tiếng thở dài và nhìn vào chiếc thúng của chị.

– Chị lấy phân ướt làm gì? Gánh cho khô.

– Mang về rải ra sân, chứ mùa này mấy khi có phân bò khô.

Đêm ấy, tôi đốt đèn đến khuya mà không học được một chữ. Rồi phần vì bận học, phần vì tôi sợ gặp chị, tôi không ra chợ mua bún nữa.

Thi tốt nghiệp xong, tôi về quê. Mỗi khi có người bán bún qua ngõ, nghe tiếng rao hàng, lòng tôi thất lại. Một nỗi thoáng sợ và thương cảm xuyên vào lòng tôi.

Mấy tháng sau, tôi có việc phải trở lại trường cũ. Buổi sáng hôm ấy, tôi quyết định ra chợ thị trấn. Tôi muốn biết chị ra sao. Tôi đội mũ che gần kín mắt và lúi lũi sau những người đi chợ. Hơn nửa năm rồi tôi không gặp chị. Nếu lần sinh nở thứ ba mẹ tròn con vuông thì đứa bé cũng được sáu, bảy tháng tuổi rồi. Tôi đi về phía lều chị bán bún mà tim đập như đi ăn trộm lần đầu.

Và... chị đang ngồi kia, miệng vẫn luôn cười, tay vẫn nhanh nhẹn và gọn ghẽ gói bún. Mặt tôi sầm tối. Tôi nhận thấy cái bụng mang thai của chị vươn ngang miệng thúng. Tôi nấc lên. Tôi khóc. Tôi quáng quàng bỏ chạy khỏi khu chợ. Thế là, lần sinh nở thứ ba của chị đã không thành, và chị lại mang thai lần thứ tư. Tôi đạp xe như mê muội dọc theo đê sông Đáy về quê. Những ngày sau đó, gương mặt chị luôn luôn hiện lên trong tâm trí tôi và tiếng chị cứ văng vẳng: “Chị phải đẻ. Giời cho chị làm đàn bà thì chị phải đẻ. Chị phải có con”.

Những năm sau đó, tôi muốn về thăm trường cũ và gia đình tôi trọ ngày đi học. Nhưng nghĩ đến chị tôi lại không dám trở về. Cuối cùng, nỗi thương nhớ chị đã kéo tôi trở về thị trấn những cây bàng rụng. Tôi không dám ra chợ. Tôi tìm một quán nước ở gần đó và ngồi nghỉ. Thị trấn thay đổi nhiều nhưng vỏ quả bom làm keng vẫn còn. Cái dây thép to treo quả bom vào cây bàng còng đã bị vỏ cây bàng ăn kín. Và trên vỏ quả bom một hàng chữ bằng sơn trắng được viết là: “Cây tơ bảy món”.

Sau khi uống hết chén nước thứ ba, tôi mới dám dò hỏi bà bán hàng nước về chị. Bà cụ nhìn tôi một lúc rồi nói:

– Chắc chú lâu ngày mới về đây. Cô ấy chết rồi.

- Chị ấy mất rồi hở bà? - Tôi hỏi mà giàn giụa nước mắt.
- Cô ấy để đến bận thứ năm thì mất. Nhưng đứa bé thì sống. Khổ thân, giờ bắt đổi mạng ấy mà.

Tôi đã rời đạp xe về quê. Xa phía chân đê, con sông hiền biệt trôi ra biển. Về đến đầu làng tôi trời đã sẫm tối. Tôi vút xe trên đê và ngồi xuống cỏ. Tôi nhìn những ngôi sao đầu hôm và thì thầm trong ký ức: “Chị Tâm ơi! Đời chị quá khổ đau. Nhưng em hiểu lòng chị. Chỉ hiểu rằng chị phải sinh ra sự sống chứ không phải cái chết. Nhưng đôi khi sự sống sinh ra từ cái chết. Chị ơi, cho em lạy chị ba lạy”.

Bầy chim chìa vôi

Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:

- Anh Mên ơi, anh Mên!
- Gì đây? Mà không ngủ à? - Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.
- Anh bảo mưa có to không?
- Lại chẳng to. Thế mà không nghe thấy gì à?
- Nhưng anh bảo nước sông lên có to không?
- Bây giờ phải ngập đến cánh bãi dưới rồi.
- Thế anh bảo...
- Bảo cái gì mà bảo lắm thế - Mên gắt em nó.
- Em bảo - Mon ngập ngừng - Thế cái bãi cát giữa sông đã ngập chưa?
- Ừ nhỉ - Giọng thằng Mên chột thẳng thốt - Có lẽ sắp ngập mất bãi cát rồi.
- Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất.
- Tao cũng sợ.
- Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?
- Chim thì bơi làm sao được. Mà làm chim chìa vôi cứ như vịt ấy.

Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thào nói chuyện. Bên ngoài mưa vẫn to. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, xiên xiết chảy.

- Chiều qua em theo bố đi kéo chũm ở gần cống sông ấy.
- Thế thì sao?
- Bố bảo chỉ có ở sông làng mình chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Sao nó lại không làm tổ ở trên bờ hả anh?

– Tao không biết.

Gần sáng mưa to và gió lạnh. Cánh cửa liếp bị gió thổi dập canh cách. Có tiếng người đi qua đầu ngõ nhà hai đứa bé gọi nhau. Một ai đó nói: “Mẹ kiếp. Năm nay nước sông to phải biết”.

– Ai đi đâu đấy hả anh? - Mon hỏi.

– Người trong làng đi kéo chũm sông về.

– Nhỡ nước ngập bãi cát thì sao, hả anh?

– Mà đừng hỏi nữa, ngủ đi.

Mên gắt và quay lưng về phía em nó. Hai đứa bé nằm im, nhưng không ngủ.

Có lẽ bố chúng nó nói đúng. Chỉ ở khúc sông làng chúng, những con chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên một dải cát. Sau một thời gian, những đám rong sông tốt bời bời héo dần làm thành một lớp đệm trên cát. Vào lúc đó, những con chim chìa vôi mảnh khảnh và ít lời từ hai bờ sông bay ra bãi cát. Chúng tìm những đám rong khô và dày để đẻ trứng. Khi những con chim chìa vôi đã đủ lông cánh cũng là lúc có những đám mây lạ từ dãy núi đá vôi Hòa Bình bay về báo hiệu mùa mưa. Những tiếng sấm sau mỗi đêm lại chuyển dần từ một chân trời xa về bên kia sông. Và bất chợt một đêm nào gần sáng, sấm nổ vang trên nóc nhà và mưa ném xuống. Con sông Đáy cựa mình lớn lên. Chỉ sau dăm đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ. Khi vòng vây của nước ập vào phần cuối cùng của bãi cát thì những con chim chìa vôi non lần đầu tiên trong đời đập cánh bay lên. Những con chim bé bỏng bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay vào bờ. Và đến mùa khô sang năm chúng lại ra dải cát nổi bắt đầu mùa sinh nở của chúng.

Mười ngày trước, hai anh em thằng Mên đã trốn bố mẹ lội ra dải cát nổi giữa sông. Chỉ có lũ trẻ con mới biết con đường đi an toàn nhất chạy ngoằn ngoèo dưới đáy sông. Chúng tránh được những hố sâu dưới đáy sông do người làng lấy cát để lại. Hai anh em thằng Mên tìm đến cái ổ chim chìa vôi. Thấy động, những con chim chìa vôi non kêu líu ríu tưởng bố mẹ chúng đi kiếm ăn về. Hai đứa bé cẩn thận quì xuống bên cạnh tổ chim.

“Anh bảo bao giờ thì chúng nó bay được?” - thằng Mon hỏi.

“Mấy ngày nữa”.

“Thế mẹ chúng đi kiếm ăn à?”

“Ừ”

“Chim chìa vôi có ăn được hến không?”

“Tao không biết, nhưng bố mẹ nó vẫn lội kiếm ăn ở ven sông”.

“Mình bắt hến bỏ vào tổ cho chúng ăn anh nhé?”

“Ừ, thì đi”.

Hai đứa bé đi ra mép nước. Chúng tìm những cái lỗ hang nhỏ. Trong những cái hang nhỏ ấy luôn luôn có một con hến hoặc một con trùng trục. Chỉ một loáng hai đứa đã bắt được một nắm hến. Chúng xếp những con hến dính đầy đất cát bên tổ chim. Trước khi rời bãi cát, Mên nói với em nó:

“Mày không được nói cho đứa nào biết cái tổ chim này nhé. Mày mà nói tao không cho mày ra đấy nữa”.

“Thế bao giờ mình lại ra thăm chúng nó?”

“Ba ngày nữa. Này, nếu bố hỏi đi đâu thì bảo là xuống bãi ỏi nhé”.

Nhưng hai đứa trẻ không thực hiện được dự định của chúng. Mùa mưa năm nay như về sớm hơn. Mấy ngày mưa liên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.

– Anh ơi! - Thằng Mon lại thì thảo gọi.

– Gì?

– Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?

– Chưa.

– Tổ chim sẽ bị chìm mất.

Thằng Mên nằm im lặng không trả lời em nó. Lâu sau nó hỏi:

– Thế làm thế nào bây giờ?

– Hay mình mang chúng nó vào bờ.

– Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đấy được.

– Em không biết.

Hai đứa bé lại nằm im lặng. Mưa vẫn đổ xuống mái nhà và gió vẫn thổi vào phen cửa liếp càn cạch.

- Chiều qua bố kéo chum được một con cá măng.
- Thế mà cũng khoe, ai mà chẳng biết.
- Cả một con cá bóng rất to và đẹp. Em lấy trộm con cá bóng.
- Thế để đâu rồi? - Thằng Mên quay sang phía em nó hỏi.
- Em thả vào chỗ cống sông rồi. Anh bảo đấy có phải là con bóng ở hốc cắm sào đò dưới bến không?
- Mày có nhìn thấy cái chấm đen to ở vậy nó không?
- Em không nhìn. Chiều về đổ giỏ cá ra chậu, bố kêu mất con bóng. Bố bảo có khi con cá măng ăn con bóng rồi. Bố bảo mẹ mổ con măng xem có con bóng trong bụng nó không.
- Hí hí - Thằng Mên bật cười khoái chí.
- Cái hốc cắm sào đò ngập bùm rồi anh nhỉ?
- Ngập từ chiều hôm kia rồi. Ngập đến mái nhà con bóng cũng chẳng sợ.
- Anh ơi...
- Gì?
- Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.
- Đi bây giờ à? - Thằng Mên hỏi sau một phút im lặng.
- Vâng, cứ lấy đò của ông Hảo mà đi.

Lần này thằng Mên im lặng lâu hơn. Cuối cùng nó quay lại phía em nó.

- Đi. Nhưng phải khế thôi. Bố tỉnh dậy bố đánh chết.

Hai anh em thằng Mên bò khe khế ra khỏi chần và tụt khỏi giường. Chúng ngồi im ở mép giường rất lâu.

- Đi không? - Mên hỏi.
- Có anh ạ - Mon trả lời run run.

Hai đứa bé lần mò trong ngôi nhà tối om ra phía cửa. Khi cánh cửa liếp được mở hé ra thì gió ùa vào. Hai đứa bé khế rùng mình và

lách ra ngoài.

– Để tao xem bố để áo mưa ở đâu.

Thằng Mên nói và lần theo hiên nhà xuống bếp. Một lát sau nó mang lên hai tấm áo mưa và hai chiếc mũ lá chúng thường dùng để đi chăn trâu. Chúng khoác áo mưa và đội mũ rồi bước xuống sân, một tiếng sấm nổ vang trên đầu. Chớp lóe sáng. Thằng Mon vội ôm lấy cánh tay anh nó:

– Anh ơi, có ai đứng ở đầu ngõ...

– Đầu? Làm gì có ai. Đầu?...

– Lúc chớp em nhìn thấy.

Hai đứa bé đứng lặng giữa sân. Người chúng run lên. Mưa rào rào ném vào chúng.

– Đấy, người đấy. Anh thấy không? - Thằng Mon kêu lên sau ánh chớp vừa lóe sáng.

– Mà ngu lắm - Giọng thằng Mên như thổi phào. Đấy là cây chuối tao chặt lúc chiều cho lợn. Thôi đi.

Hai anh em thằng Mên lần ra khỏi ngõ đi xuống bến sông. Trong ánh chớp, hai đứa bé nhìn thấy dòng sông rộng lớn lạ thường.

– Anh có nhìn thấy dải cát không?

– Tội lắm.

Khi xuống đến giữa bãi sông, hai đứa trẻ như dạt vào nhau vì gió. Một tiếng sấm nổ chói tai như ở ngay trên chớp mũ chúng. Hai đứa bé như bật lên khỏi mặt đất.

– Anh ơi - Thằng Mon kêu lên và ôm choàng lấy anh nó.

– Cái gì? - Thằng Mên hoảng hốt!

– Ai đội nón đứng ở kia kìa.

– Mà đừng nói nữa.

– Đấy anh - Giọng thằng Mon như khóc.

Một tia chớp phóng ra từ đâu đó và chạy lan trên trời như một cái rễ cây khổng lồ.

– Thế mà cũng nhìn - Thằng Mên bức tức - Cái bù nhìn đuổi chim chứ người đâu mà người.

– À đúng rồi.

Thằng Mon kêu lên. Bây giờ nó mới nhớ ra cái bù nhìn của ai đó dựng lên từ đầu vụ ngô bãi. Sau này bọn trẻ trâu vẫn dựng lại để chơi.

Hình như sau lần này, hai đứa bé đỡ sợ hơn.

Chúng đi nhanh xuống bên nơi có con đò cột ở đó, thằng Mên hì hục cởi cái dây buộc đò. Bàn tay nó run bần bật. Thi thoảng nó lại ngoái lại nhìn về phía nhà ông lái đò ở sát chân đê.

– Được rồi. Lên đò đi.

Thằng Mon hấp tấp trèo lên đò. Hai đứa bé cùng ôm cây sào chống đò dài và nặng quá sức của chúng đẩy con đò ra khỏi bờ.

Con đò nặng nề trườn ra khỏi bờ. Nhưng khi vừa gặp dòng nước thì con đò quay mũi và cứ thế trôi xuôi dòng. Hai đứa bé luống cuống với chiếc sào chống đò. Nhưng con đò không để ý đến hai đứa bé cứ thế trôi đi. Thằng Mên kéo cây sào và đi lên phía mũi đò, rồi rít gọi em nó:

– Lên đây, nhanh lên.

Thằng Mon loạng choạng bước trong lòng đò lên phía mũi. Khi nó vừa bước lên tấm sạp gỗ ở mũi đò thì một cơn gió mạnh ủa đến thổi hất tung chiếc mũ lá ra khỏi đầu nó. Thằng Mon vội huơ tay với theo và ngã xuống mạn đò.

– Anh ơi.

Thằng Mên hoảng hốt buông cây sào lao đến ôm lấy em nó. Nó nghe thấy trái tim hai anh em nó đập lên vánh đầu.

– Mũ rơi xuống sông rồi.

– Cả cái sào chống đò nữa.

Một tiếng sấm nổ như muốn tung con đò lên.

Hai đứa bé ôm chặt lấy nhau.

– Mất... mất sào đò rồi hả anh?

– Ờ - Thằng Mên hỏn hển. Nếu không có em nó ở đó chắc nó đã òa khóc. Nó tháo chiếc mũ lá của mình đội cho đứa em và nói - Phải thả cái mái chèo mà chèo, không đồ trôi mát.

Hai đứa trẻ nắm tay nhau lảo đảo đi trên những tấm ván cập kênh trong lòng đò xuống phía mái chèo. Phải rất vất vả chúng mới hạ được cái mái chèo gỗ to và nặng xuống nước. Hai đứa bé rướn người giữ lấy tay chèo. Mái chèo gặp nước xiết trở nên nặng khủng khiếp. Hai đứa bé không sao quây nổi mái chèo. Mưa vẫn rậm rập. Dòng sông dâng lên nghiêng ngả.

– Giữ chèo như thế này thì đò mới vào bờ được.

Hai đứa bé mang hết sức lực để giữ mái chèo.

Đầu chúng cúi vào nhau.

– Mày khóc đấy à? - Thằng Mên hỏi khi thấy em nó sụt sịt.

– Khô...ô..ông.

Trôi đến đoạn sông cách bến đò làng chúng chừng gần hai cây số con đò mới tạt được vào bờ.

– Vào bờ rồi anh ơi - Thằng Mon kêu lên sung sướng.

– Chứ còn sao - Lúc này giọng thằng Mên tỏ vẻ rất người lớn - Nào xuống đò được rồi đấy.

Hai anh em thằng Mên lập cập tụt khỏi đò.

– Mình để đò lại đây hả anh?

– Phải kéo về bến chứ, không thì chết. Bây giờ tao kéo còn mày đẩy.

Thằng Mên quán cái dây buộc đò vào người nó và gò lưng kéo. Phía sau, thằng Mon lội bì bõm đẩy.

– Cái dải cát chưa chìm đâu anh nhỉ?

– Chắc là chưa.

Khi hai đứa bé đưa được con đò trở về chỗ cũ thì trời đã tang tảng sáng. Chúng vội vã tìm cách buộc đò lại. Rồi ngay sau đó, cả hai đứa bé không nói gì và cũng chạy ngược lên đoạn bờ sông đối diện với dải cát.

– Anh có nhìn thấy gì không?

- Tao chưa nhìn thấy, còn tối lắm.
- Thế anh bảo đã ngập hết chưa?
- Để tao nhìn xem? - Thằng Mên nói và ngồi thụp xuống. Nó căng mắt nhìn sát mặt sông.
- Ướt cánh, chim nó có bay được không?
- Mà lại ra đây mà hỏi.
- Anh ơi, có khi bố dậy rồi đấy.

Sau câu nói của thằng Mon, cả hai đứa trẻ bắt đầu thấy sợ. Từ phía ngôi nhà của chúng ở chân đê vọng lại tiếng người lớn gất gổng điều gì đấy. Hai đứa trẻ vẫn căng mắt nhìn ra giữa dòng sông. Trời đã sáng.

- Anh ơi, kia kìa, bãi cát. - Thằng Mon chợt kêu lên.
- Ừ, đúng rồi. Vẫn chưa ngập hết. Còn bằng cái mũ thôi.
- Anh bảo bây chim còn ở đó không?
- Không biết. Nhưng bố bảo khi nước vừa ngập hết thì chim mới bay lên.
- Sao chúng lại không bay trước?
- Làm sao mà tao biết được.

Khi ánh bình minh đã đủ sáng để soi rõ những hạt trên mặt sông thì cũng là lúc dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại cuối cùng của dải cát. Và trong mắt hai đứa trẻ, một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra. Từ mặt nước sông, những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên. Hai đứa bé không kêu lên được một tiếng nào. Người chúng như đang ngùn ngụt tỏa hơi nóng.

Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn. Nước dâng lên đến đâu, con chim bố và chim mẹ lại dẫn bầy chim non tránh nước lên theo đến đó. Cứ như thế chúng tiến dần đến phần cao nhất của dải cát. Và cứ thế bầy chim non nhảy lò cò trên những đôi chân mảnh dẻ chưa thật cứng cáp và đập cánh suốt đêm. Chim bố và chim mẹ vừa đập cánh theo đàn con vừa dẫn chúng đi. Hình như chúng biết chính xác khi nào thì đàn con chúng mới có đủ sức

để nâng mình lên khỏi mặt đất một cách đảm bảo. Nếu bầy chim con cất cánh sớm hơn, chúng sẽ bị rơi xuống dòng nước trên đường từ bãi cát vào bờ. Và nếu chúng cất cánh chậm một giây thôi, chúng sẽ bị dòng nước cuốn chìm.

Và bây giờ bầy chim đã bay lên. Mặt trời như lên nhanh hơn mọi ngày và mưa đã đột ngột tạnh hẳn. Chợt một con chim như đuối sức. Đôi cánh của nó chợt như dừng lại, nó rơi xuống như một chiếc lá. Con chim mẹ xòe rộng đôi cánh lướt quanh đứa con và kêu lên. Nhưng khi đôi chân mảnh dẻ và run rẩy của con chim non chạm vào mặt sông thì đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định. Tấm thân bé bỏng của con chim vụt bật ra khỏi dòng nước và bay cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.

Quanh hai đứa bé tất cả vụt im lặng, chỉ có tiếng đập cánh quyết liệt của bầy chim non. Hình như chúng nghe thấy trong ngực mình nhịp đập của những trái tim hồi hả nhưng đều đặn. Cuối cùng bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kỳ vĩ nhất trong đời chúng. Những đôi cánh mỏng mảnh, run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.

Hai anh em thằng Mên vẫn đứng không nhúc nhích. Trên gương mặt tái nhợt vì nước của chúng hừng lên ánh ngày. Thằng Mên lặng lẽ quay lại nhìn em nó. Và cả hai đứa bé nhận ra chúng đã khóc từ lúc nào.

– Tại sao mày lại khóc - Thằng Mên hỏi.

– Em không biết, thế anh?

Hai anh em thằng Mên nhìn nhau và cùng bật cười ngượng ngịu. Rồi bỗng cả hai đứa cùng quay người và rướn mình chạy về phía ngôi nhà của chúng. Được một đoạn, thằng Mên đứng lại thở và gọi:

– Anh Mên, anh Mên. Đợi em với. Không em ứ chơi với anh nữa.

Mưa ẩm

Khoảng tám giờ tối đồ đi ngang qua một thị trấn nhỏ. Ông lái đồ cặp vào bờ, nói: “Các anh, các chị nghỉ đây một chút. Tôi lên bờ có tí việc. Xuống ngay”. Ông cắm sào, buộc dây đồ, rồi dò dẫm lên dốc bờ sông.

Sương phủ kín sông. Hai bên bờ lặng phắc, và trong sương đầu đó le lói ánh lửa. Chưa bao giờ chúng tôi lại có một chuyến đi như thế này. Năm nay chúng tôi đi hội Chùa Hương sớm hơn những lần trước. Cả bọn thuê một chuyến đồ từ ngã ba sông ở thị trấn Ba Thá đến đoạn sông gần chùa Hương. Buổi dờn bến dưới chân cầu Ba Thá sau bữa chiều. Ba tiếng đồng hồ đi được bảy cây số đường sông. Càng đi trời càng tối, sương sông lên mỗi lúc một dày. Đôi bờ sông từ từ bị bóng tối và sương khỏa lấp. Chúng tôi trò chuyện mỗi lúc một thưa. Cuối cùng ai nấy đều im lặng thả ý nghĩ vào sông nước, sương khói.

Ông lái đồ đã trở lại, tay xách theo một vật gì đó.

– Ông mua được gì thế?

– À hà. Mua gì đâu, tôi lấy cái điều đồng. Bỏ chữa trên thị trấn nửa tháng nay. Giờ mới có dịp qua.

Ông lái cởi dây đồ. Con đồ lại lặng lẽ rời bến.

– Điều đồng là cái gì, bác lái ơi?

Một người lên tiếng hỏi. Chắc cậu ta từ nãy đến giờ vẫn băn khoăn về điều đó.

– À hà. Các anh chị ở thành phố chắc không quen cái này - Từ dưới đuôi đồ ông lái nói - Nó là cái điều bát hút thuốc Lào làm bằng đồng, ngày xưa các cụ dùng đồ đồng nhiều lắm. Mâm đồng, nôi đồng, ấm đồng, chậu đồng, cối đồng... Bây giờ thì bói cũng chẳng thấy.

– Chỗ lúc nãy bác lên là thị trấn đấy à?

– Thị trấn đấy - Ông lái nói - Thị trấn Kinh Đà. Nhưng chúng tôi vùng này không gọi là thị trấn mà là phố Kinh Đà.

– Phố Kinh Đà có gì hay không ông lái?

– Ghê lắm. Ghê lắm!

Tiếng chèo khỏa nước đều đều. Ông lái im lặng sau câu nói xuýt xoa ấy. Tôi nhìn ra xung quanh không biết đâu là nước đâu là sừng, đâu là bờ đâu là sông nữa.

– “Ghê lắm” về cái gì hở, ông lái? - Một người sốt ruột hỏi.

– Nhiều chuyện lắm, trộm cướp, đâm chém, đốt nhà, bỏ chồng con dâu. Nhưng ghê nhất vẫn là chuyện ông hàn nôi. Cái điều đồng của tôi là ông ấy chữa đấy.

– Ông kể cho chúng cháu nghe xem nào.

– À hà. Cứ thông thả, tôi biết nhiều chuyện vặt lắm. Hết sông cũng chưa hết chuyện. Hút điếu thuốc xong, tôi kể nghe cho đỡ buồn.

Ông lái xòe diêm. Chiếc điếu đồng hắt sáng. Mùi khói thuốc lao thơm thơm tạt qua chúng tôi.

– Thăng Mỡ chèo chậm lại một chút - Ông lái bảo anh con trai - Có gió thuận đấy. Mai sẽ mưa đẹp lắm. Gió ẩm thế này cơ mà.

Bọn chúng tôi lục đục chuẩn bị chỗ ngồi. Các cô bạn gái ngồi túm vào nhau, choàng chăn chiên kín cổ.

“Không ai biết tên ông hàn nôi phố Kinh Đà. Mọi người gọi ông là Hàn. Có lẽ vì nghề của ông thế, gọi mãi thành tên thật. Bố ông là người vùng khác dạt đến Kinh Đà lấy vợ sinh con. Ông cụ mất sớm. Trước khi chết ông cụ để lại cho đứa con trai độc nhất của mình một chiếc búa hàn, một cái kéo cắt đồng và một cái bô nhỏ đựng toàn những miếng đồng vụn. Ông Hàn lấy toàn bộ gia tài của cha không một giọt nước mắt. Ông ở lại túp lều cũ, tiếp tục công việc của người bố. Năm đó, ông Hàn mười bốn tuổi. Mỗi buổi sáng ông dậy sớm, và cứ thế gõ búa đến tối. Những lúc không có khách, ông ngồi lau từng miếng đồng vụn sáng đến nỗi người ta ngỡ đó là những

miếng vàng lá. Đối với ông những miếng đồng vụn đó quý như vàng. Trong bồ có bao nhiêu miếng đồng ông đều nhớ.

Năm mười tám tuổi ông lấy vợ. Vợ ông là một người đàn bà đẹp ở cái phố chợ ấy. Nhưng chỉ sau vài tháng, người đàn bà đó bỏ ông và ra đi biệt tăm. Cô ta lấy ông bởi nghĩ rằng ông có nhiều vàng thật. Nhiều đêm cô ta gạ hỏi ông về những miếng vàng lá, ông tùm tùm không nói gì. Thế rồi một lần ông đi vắng, người đàn bà đã lục tung mọi xó xỉnh trong túp lều của ông để tìm vàng, nhưng chỉ thấy những miếng đồng vụn được lau chùi sáng bóng như gương mà thôi. Thất vọng, người đàn bà bỏ ông ra đi, sau một đêm khóc lóc vì uất ức và nguyên rủa ông.

Ông không đi tìm người đàn bà đó. Ông ở lại túp lều của ông và tiếp tục gõ búa ngày ngày. Cho đến một buổi chiều, có một người đàn bà làm nghề chài lưới trên sông đến lều ông và mang theo một chiếc nồi đồng thủng. Khi ông làm xong chiếc nồi cho người đàn bà xa lạ thì trời nổi giông. Mưa đổ. Phố chợ chìm trong mưa. Cóc nhái ra đầy đường. Con dốc chạy xuống sông mù trắng. Mưa miên man và không có dấu hiệu tạnh sớm. Người đàn bà nhìn túp lều của ông, nói:

“Cho tôi ở lại, hết mưa tôi đi”.

“Ừ” ông trả lời.

Trời sập tối trong mưa. Ông bắc nồi cơm và hỏi:

“Ăn cơm nhé?”

“Vâng”.

Đến khuya mưa vẫn không ngớt. Bao to hơn. Người đàn bà hỏi:

“Cho tôi ngủ nhờ một tối?”

“Ừ”.

Ông Hàn đáp và dọn chỗ ngủ cho người đàn bà xa lạ. Nền túp lều bị dột sũng nước.

Gần trưa hôm sau người đàn bà xách chiếc nồi đồng xuống bến và ra đi.

Hơn hai năm sau, người đàn bà trở lại và mang theo một đứa bé. Đặt đứa bé chập chững xuống nền túp lều, người đàn bà nói:

“Con ông đấy”.

Ông Hàn lặng lẽ nhìn đứa bé và “ừ” một tiếng. Người đàn bà ở lại với ông mười ngày. Chị giúp ông sửa sang túp lều. Dân phố chợ xì xào suốt ngày về sự kiện đó. Ông Hàn vẫn im lặng và gõ búa. Rồi một buổi tối sau bữa cơm, người đàn bà nói với ông Hàn:

“Tôi phải đi, ở lâu trên bờ tôi không chịu được. Ông cố trông nom thằng bé cẩn thận. Tôi sẽ quay lại”.

“Ừ”. Ông Hàn nói và chăm chăm nhìn đứa bé.

Đến khuya người đàn bà lặng lẽ xuống bến. Chị để lại cho ông và đứa bé một bọc cá khô lớn và đẩy thuyền ra đi.

Ông không biết người đàn bà đi đâu. Ông không biết đứa bé có phải con ông không. Nhưng ông yêu đứa bé và nó làm cho cuộc sống của ông như có điều gì đó vô cùng kỳ lạ. Đêm khuya, khi cả phố chợ đã chìm đắm vào giấc ngủ, ông lại nhớ đến đêm đầu tiên người đàn bà ở trong túp lều của ông. Đêm ấy chị cởi tấm áo mỏng và đến trước ông. Chị nhìn xuống đôi bầu vú đẹp đến kiêu hãnh của mình và hỏi ông: “Ông có vừa lòng không?”

Và cũng hơn hai năm sau, người đàn bà trở lại. Cả phố chợ xôn xao khi nhận ra chị từ dốc sông đi lên. Lưng chị cồng một đứa bé khác và tay xách một bọc cá khô lớn.

Người đàn bà đặt đứa bé trước ông. Ông Hàn nhìn đứa bé rất lâu rồi ngược nhìn người đàn bà như thăm hỏi: “Đứa bé này là thế nào?”. Người đàn bà nói:

“Con ông đấy”.

Giọng chị nhỏ, nhưng quả quyết và đầy kiêu hãnh.

Lần này người đàn bà ở lại với ông lâu hơn. Chị giúp ông dựng một ngôi nhà mới với số tiền bán cá chị dành dụm được. Dân phố chợ đồn đại biết bao nhiêu chuyện về chị, về những đứa con và những chuyến đi biệt của chị.

Sau gần một tháng ở lại phố chợ, người đàn bà để lại hai đứa bé cho ông Hàn và lại lên thuyền.

Như hạn định, hơn hai năm sau đó chị lại trở về. Và trên lưng chị lại có một đứa bé khác, tay chị xách một bọc cá khô lớn.

“Con tôi chứ?”

Ông Hàn hỏi khi người đàn bà đỡ đứa bé từ trên lưng xuống.

“Con ông đây”.

Người đàn bà nói và bước đến góc nhà. Chị tháo chiếc bao tải đựng cá khô lần trước, mang ra cửa giữ tải. Chỉ còn lại một con cá khô nhỏ bị kiến ăn rỗng. Chị treo bao cá khô mới vào góc nhà.

Lần này, người đàn bà ở lại với ông Hàn và ba đứa nhỏ lâu hơn hai lần trước. Dân phố chợ lại ít ngủ hơn bởi những lời thì thầm về chị. Chị đi giữa chợ rạng rỡ và tươi tắn, nước da rám nắng và một bầu ngực căng tròn.

Rồi chị lại ra đi, những đứa bé con xuống bến sông tiễn mẹ. Ông Hàn vẫn lặng lẽ lau chùi những miếng đồng vụn.

Hai năm trôi qua.

Năm năm trôi qua.

Mười năm trôi qua.

Và...

Người đàn bà không thấy trở lại. Mỗi khi có một chiếc thuyền lạ cập bến dân phố chợ lại xôn xao. Người ta không thấy ông Hàn nhắc đến người đàn bà bao giờ. Đôi khi họ rình xem buổi tối ông có xuống bến ngóng đợi không? Nhưng cuộc sống ông Hàn hình như vẫn như xưa. Ông vẫn hàng ngày gõ búa và lau chùi những miếng đồng vụn. Những đứa bé lớn lên thành những chàng trai đẹp đẽ và khỏe mạnh, nhưng không đứa nào theo nghề ông. Chúng lần lượt rời ông đi kiếm sống và lập nghiệp ở thành phố.

Cho đến một buổi chiều khi ông đã già, một chiếc thuyền nhỏ cập bến. Dân phố chợ không còn để ý đến những chiếc thuyền lạ nữa. Người đàn bà trở về. Tóc người đàn bà đã bạc, bầu ngực căng tròn xưa kia đã biến mất. Trên lưng người đàn bà không còn một đứa bé nào nữa. Thay vào đó một bao tải cá khô to gấp nhiều lần những bọc cá khô lần trước. Người đàn bà chậm chạp đi lên dốc bờ sông.

Ông Hàn ngược đôi mắt không còn tinh nhanh như xưa nhìn người đàn bà. Tay vẫn lau miếng đồng vụn, ông hỏi:

“Sao bà đi lâu thế?”

Người đàn bà đặt bao tải cá khô xuống và nói:

“Chúng nó bỏ ông đi hết rồi à?”

“Không phải bỏ, việc của chúng nó, sao bà biết?”

“Tôi biết, bởi thế tôi trở về đây với ông”.

“Bà đừng đi nữa”.

Ông Hàn nói, giọng nghẹn lại. Lần đầu tiên trong đời ông muốn người đàn bà ở lại với ông. Lần đầu tiên ông thấy cô đơn.

Đêm ấy, người đàn bà xuống sông, chắt củi đốt con thuyền mà bà gắn bó gần hết cả cuộc đời mình”.

Câu chuyện đã kể xong từ lâu. Tất cả chúng tôi im lặng. Chỉ còn tiếng nước chảy mơ hồ hai bên mạn đò. Sương đặc. Đò như trôi trong một thế giới hoang đường.

– Các anh, các chị ngủ đi. Mai thăm chùa, leo núi, mệt đấy.

– Tôi cảm thấy bức bối bởi câu chuyện - Một người trong bọn tôi lên tiếng.

– Tớ lại không - Người khác nói - Lòng tớ nhẹ bồng như sương.

– Những đứa con đó có phải là con của ông Hàn không, hờ bác lái?

– Có giới mới biết. Nhưng với ông Hàn thì chúng là con ông. Tất cả là ở đấy.

– Thế người đàn bà kia đi đâu và sinh nở như thế nào?

– Đấy là bí mật. Và bí mật đó làm cho cuộc sống buồn tẻ ở phố chợ này có ý nghĩa.

Sau những lời bàn luận, tất cả lại im lặng. Con đò như trôi trong không trung. Càng về khuya gió ẩm về càng dày.

– Nếu các anh, các chị chưa buồn ngủ - Ông lái nói - Tôi kể cho nghe một câu chuyện khác.

– Vâng. Ông kể đi, kể đi - Chúng tôi nhao nhao.

– Chúng ta đang ở địa phận sông làng Áng Thượng, một vùng trũng vãi, nhưng không phải vãi thiều. Ở đó có một cô gái mù từ

nhỏ. Những đêm trăng hạ cô thường ra sông tắm...

Trời đã bắt đầu có mưa bụi. Hơi mưa ẩm lạ lòng. Từ hai bên bờ sông mơ hồ nghe tiếng mầm cây rầm rì thức dậy. Nhưng mà nghe gần lắm, hình như là ở ngay hai bên mạn đò gỗ.

Bầu trời của người cha

Bữa cơm tối của người cha tàn tật thường kéo dài đến hai tiếng đồng hồ. My vừa cho cha ăn vừa dỗ dành ông như dỗ một đứa trẻ ốm yếu. Trong chiếc ghế mây rách có lót một cái ruột gối cũ, ông run rẩy như một con chim non mới mọc lông măng. Người cha trệu trạo nhai từng thìa cơm. Trán, cổ và hai thái dương trắng xanh của ông túa mồ hôi. Đôi môi ông vất vả ngậm thìa cơm như con chim non phải giữ con mồi khỏe bằng cặp mỏ mềm mại của mình. Thời gian đầu, cứ mỗi khi bón cơm cho cha My lại khóc. Người cha cũng khóc không thành tiếng. Hai năm trở lại đây cô không khóc nữa. Thay vào đó cô nhí nhảnh kể cho cha cô nghe những chuyện đại loại như cây hoa trà ông trồng giờ đang trổ nụ, những chậu xương rồng nhiều loại của ông mọc thêm nhiều nhánh, hay buổi sáng nào đó trong vườn nhà xuất hiện một con chim lạ, giọng con chim rất trong và mảnh như tơ nhện. Cô cứ kể những chuyện như thế cho tới khi người cha ăn xong thìa cơm cuối cùng. Đặt cái bát sang một bên, và lúc nào ngay sau đó cô cũng nói với người cha: “Ba đã hoàn thành nhiệm vụ. Con quyết định tặng Huân chương cho ba”. Người cha cổ ngược mắt nhìn con và cười. Và chỉ có cô mới biết là ông đang cười.

Ngày nào cũng vậy. Bữa ăn thường kết thúc vào lúc những tia nắng cuối cùng trong ngày tan biến trong vòm lá bên cửa sổ. Và mảnh trời nhỏ nhìn qua ô cửa sổ ngả sang màu dâu chín. Hai cha con My ngồi im lặng bên nhau. Cô đặt những ngón tay gầy và hơi lạnh lạnh của người cha trong bàn tay nhỏ nhắn của cô. Cả hai cha con cô ngồi như bất động nhìn về phía mảnh trời nơi có những ngôi sao bé bỏng và ướm át thường hiện lên rất sớm vào những đêm không mây.

Bóng tối của đêm thường bắt đầu ủa kín những góc nhà, rồi sau đó lan vào gầm giường và gầm bàn ghế. Khi bóng tối đã ủa kín căn phòng cũng là lúc hình như hai cha con nghe rõ hơn tiếng gió đi qua những tán cây ngoài vườn. Trong bóng đêm rộng lớn và bí ẩn trùm

xuống, những tiếng xào xạc quen thuộc bỗng trở nên huyền bí như từ những ngôi sao xa xăm vọng về. Cũng lúc ấy, My thấy những ngón tay của người cha ấm dần lên. My khẽ ngược mắt nhìn cha. Trên gương mặt bệnh tật của ông hắt mờ mờ một thứ ánh sáng từ đâu đó. My nhận thấy đôi mắt cha cô như tối hơn và cũng như rạng rỡ hơn. Những giây phút như thế cô không dám thở mạnh. Cô biết cha cô đang bước từng bước mê đại trong ý nghĩ lạ lùng về phía vòm trời kia. Rồi ông khóc. Và chỉ có My mới biết được cha mình đang khóc.

“Ba đi nghỉ đi ba. Ba ngồi lâu quá rồi”. Cô nói và đứng dậy bật đèn. Ánh sáng tràn ngập căn phòng. Đâu đó trên tường có bóng một con gián thấy ánh sáng vội chạy vào một khoảng tối gần đó. My đỡ cha lên giường và bắt đầu bài xoa bóp chân tay cho cha theo hướng dẫn của bác sĩ chuyên khoa. Khoảng chín giờ tối cô buông màn cho cha. “Con chúc ba ngủ ngon”, cô nói và hôn lên trán người cha lúc nào cũng như lấp dấp mồ hôi. Sau đó cô tắt đèn và đứng một hồi lâu trong bóng tối bên giường cha. Khi cô quay ra cửa thì giật mình nhận ra có người đang đứng tựa vào một bên cánh cửa.

“Mẹ đây” - bóng người nói.

“Mời mẹ sang phòng bên” - My nói sau một lát im lặng.

“Mẹ vội. Mẹ muốn nói chuyện với con một chút” - người đàn bà nói.

“Có chuyện gì không mẹ?” - My hỏi, giọng cô như quá mệt mỏi.

“Mẹ đến chỉ để nói với con chuyện công việc của con thôi. Mẹ đã xin cho con làm họa sĩ trình bày ở một tờ báo đang thịnh hành, lương khởi điểm khoảng dăm trăm ngàn. Như thế... sẽ đỡ cho con. Ý con thế nào?”

“Con vẫn dạy vẽ và tiếng Anh cho bọn trẻ con cùng phố. Tiền thu nhập cũng đủ chi tiêu. Vả lại... còn ba, con cũng không đòi hỏi gì nhiều lắm”.

“Nhưng còn công việc của con, còn tương lai của con” - bà mẹ ngập ngừng.

“Tương lai của con ư? - My khẽ bật cười - Cái đó thì mẹ khỏi lo. Còn công việc... con cũng đang làm việc đấy chứ”.

“Không, con phải đi làm. Mẹ đã tốn khá nhiều tiền để xin chỗ làm cho con”.

“Mẹ làm thế để làm gì - My chau mày - Nếu con đi làm thì ai trông nom ba”.

“Đây cũng là điều mẹ muốn nói với con - Giọng bà mẹ chột hồ hởi - Mẹ sẽ bỏ tiền ra thuê người chăm sóc ông ấy, con đừng lo”.

Cô định nói: “Ngay cả chính mẹ...”, nhưng cô lại thôi.

“Sao lại không có ai chăm sóc được ông ấy. Chỉ cần trả công khá một tí là khỏi kẻ tranh việc, mà có gì phức tạp đâu. Mỗi ngày cho ăn hai bữa, đổ bỏ vài lần và giặt một bộ quần áo mỏng”.

Trong bóng tối hiên nhà, My im lặng nhìn mẹ, mãi lâu sau cô mới nói: “Mẹ về đi, hôm nay con mệt lắm”. Nói xong, cô bước xuống bậc thềm sân nhỏ. Bà mẹ lặng lẽ bước theo. My mở cổng và có ý để bà mẹ đi ra.

Bước đến cổng, mẹ cô dừng lại trước mặt cô và nói: “Con phải suy nghĩ cho kỹ đi. Mẹ lo cho con”.

“Cám ơn mẹ”, My nói và lại bật cười khe khẽ. Cô đóng cửa và vội vã đi vào trong nhà.

Hơn một tháng trở lại đây, mẹ cô thường đến thăm cô vào buổi tối. Bà thường đứng ngoài cửa buồng cha cô và lặng lẽ nhìn vào. Bà đứng sững đó đợi cho đến khi My đã buông màn cho người cha đi ngủ. Lần nào bà cũng nói đến chuyện công việc của cô. Và lần nào My cũng chỉ đứng trong hiên nhà trong bóng tối mệt mỏi nói chuyện với mẹ. Cuối cùng lúc nào cô cũng nói với mẹ cô câu:

“Con mệt lắm, mẹ về đi”, rồi bước ra mở cổng.

Có tiếng xe máy nổ và xa dần. My chậm rãi bước vào nhà. Căn phòng nhỏ của cô chưa bật đèn và đầy mùi thuốc vẽ. Ở góc phòng, cạnh cửa sổ mở ra vườn, tấm toan trắng bắt sáng mờ mờ. My lần từng bước trong bóng tối đến trước giá vẽ và ngồi xuống. Cô đưa những ngón tay nhỏ chạm khẽ lên mặt toan. Hơn một năm nay cô đã đợi chờ những mảng màu kỳ diệu từ đâu đó sau tấm toan hiện về. Nhưng mỗi lần vẽ xong cô lại càng thấy thất vọng hơn. Cô đã điền khùng rạch nát không biết bao nhiêu tấm toan. Và cũng đã bao

nhiều lần cô gục khóc trên giá vẽ. Cô khóc không phải vì sự thất bại trong nghệ thuật. Nói đúng hơn, chưa bao giờ cô đeo đuổi một thành công nào đó trong nghệ thuật. Cô chỉ vẽ như cô cần phải vẽ. Cô khóc về sự bất lực trong tình yêu của cô đối với người cha bệnh tật.

Cha cô vốn là một phi công lái máy bay quân sự trong chiến tranh. Sau giải phóng ông chuyển sang lái máy bay dân sự. Sau mỗi chuyến bay trở về, ông say đắm kể cho mẹ con cô về những vùng trời ông đã đi qua. Ông quen thuộc những vùng trời tưởng như vô định ấy như mảnh vườn nhỏ của gia đình ông, hoặc như làng quê ông bên bờ sông Hàn. Nhiều đêm, những câu chuyện của người cha đã đưa cô đến những vùng trời ấy trong giấc mơ.

Cô gặp những đứa bé trong suốt vừa bay vừa hát trên những bông hoa lạ.

“Hoa này là hoa gì, bạn nhỉ?” - cô hỏi.

“Hoa Anh My” - những đứa bé đồng thanh nói như hát.

“Ôi! cùng tên với mình đây - Cô thích thú kêu lên - Thế những con chim vàng óng kia là chim gì?”

“Tao Linh à, mình chưa bao giờ nghe nói tới loài chim này - Cô hơi nghiêng đầu và nhú mào. Rồi cô nhoẻn cười và nói - Ba mình cũng hay bay qua đây, các bạn có biết không?”

“Ba của bạn à?” - Những đứa bé hỏi và nhìn nhau.

“À, chúng mình nhớ rồi. Ba của bạn cười giống bạn lắm. Ông đến đây và thường quì trước những bông Anh My. Mặt ông hơi ngửa lên, đôi mắt khép nhẹ và say đắm trong tiếng hát của bầy Tao Linh. Nhưng ông đã...”

Lũ trẻ nói đến đó chợt im lặng và nhìn nhau khác thường.

“Ba bạn đã... đã mang hương của hoa Anh My và tiếng hát Tao Linh về mặt đất. Lẽ ra lúc này thì chưa nên, nhưng không sao đâu, bạn đừng lo”, lũ trẻ an ủi My.

“Thế ba mình...”, My định hỏi tiếp một câu thì chợt nghe một tiếng nổ. Những đứa bé biến mất. My tỉnh giấc. Ngọn đèn ngủ vẫn tỏa

ánh sáng xanh nhạt trong nhà. Qua màn, My nhìn thấy ba mẹ cô đang ngồi quay ra cửa. Trên nền nhà có những mảnh cốc vỡ.

“Tôi không chịu nổi cuộc sống như thế này nữa rồi”, mẹ cô tức tưởi nói.

“Anh chưa làm một điều gì xúc phạm đến em cả. Anh không hiểu vì sao lâu nay em luôn luôn cảm thấy khó chịu khi anh về”.

“Anh không hề nghĩ gì đến cái gia đình này. Anh cần những vùng trời của anh. Anh mang về cho mẹ con tôi những gì từ đây. Những mây, sao, gió máy của anh không thể bán lấy tiền được”.

“Anh nghĩ gia đình mình rất hạnh phúc. Sinh hoạt cũng không thiếu thốn lắm”.

“Hạnh phúc - Mẹ cô bĩu môi - Anh đến nhà đồng nghiệp anh mà anh không thấy ngượng à. Họ cũng bay như anh. Sau mỗi chuyến bay họ mang về cho vợ con họ những thứ cụ thể. Còn anh chỉ thấy mang về cho vợ con anh những thứ ngớ ngẩn, hão huyền, hết sức vô dụng”.

“Em im đi. Em khác xưa quá nhiều rồi đấy”.

“Tôi không khác xưa gì cả. Chẳng qua anh không nhận ra sự thật của cuộc đời này mà thôi”.

Mẹ cô nói và đứng phắt dậy đi sang phòng bên. Ba cô lắc đầu và đốt thuốc hút.

Sau lần ấy, sau mỗi chuyến bay trở về, ba cô lặng lẽ và hay thờ dãi. Ông không còn háo hức kể về những chuyến bay của ông như trước nữa. Một hôm cô hỏi cha:

“Sao ba không kể cho con nghe về chuyến bay của ba?”

Người cha cúi xuống nhìn cô. Rồi như quên hết mọi phiền muộn, ông lại say sưa kể cho cô nghe về một vùng trời nào đó của ông. Phòng bên cạnh, mẹ cô vút mạnh những vật gì đó và mắng chửi cay nghiệt con mèo hoa tội nghiệp. Người cha ngừng câu chuyện đang kể cho cô con gái của mình. Ông bước sang phòng mẹ cô. Và cô nghe thấy tiếng ba cô rất nhỏ.

“Em làm gì thế? Em có biết anh đang nói chuyện với con không?”.

“Con My lớn rồi. Nó sắp ra trường và phải đi làm. Cần phải giáo dục cho nó biết những điều cụ thể của cuộc đời mà nó sẽ đón nhận, chứ không phải những điều lảm nhảm vô bổ”.

“Chính cô đang phá hoại tâm hồn của con, cô biết không. Trước hết con người phải có một tâm hồn đẹp, rộng lượng và biết tha thứ, chứ không phải là một người tham lam, ích kỷ và hay thù vặt”.

“Vâng, tôi tham lam, tôi ích kỷ và hay thù vặt. Nhưng thưa anh, tôi còn biết lo toan trước mỗi bữa ăn của con, còn anh, anh viễn vông và điên rồ quá rồi”.

“Như vậy - Ba cô chột im lặng rất lâu - Như vậy chẳng còn gì cho chúng ta có thể nói chuyện với nhau được nữa”.

Nói xong ba cô bỏ đi ra khỏi nhà, mãi khuya ông mới trở về.

Một buổi sáng ít ngày sau đó, người cha phờ phạc nói với cô: “Ba và mẹ đã quyết định chia tay. Chắc con cũng đã tự biết trước điều này”. My nấc lên khi nghe người cha nói vậy. Cô bỗng thấy hoảng sợ và cô đơn khủng khiếp. Buổi tối đó, cô đến trước mẹ cô. Cô ngồi xuống trước mẹ rất lâu và nói:

“Mẹ nghĩ lại đi, mẹ ạ”.

“Con ranh con - Mẹ cô trừng mắt giận dữ - Mà cũng nhiễm cái thói mơ mộng vô bổ của ba mà rồi đấy. Cuộc đời sẽ dạy cho mà biết”.

Rồi ba mẹ cô ra tòa và lặng lẽ chia tay nhau. Mẹ cô về ở với bà ngoại cô và lấy một người đàn ông khác sau đó năm tháng.

My ở lại với cha và gấp rút chuẩn bị cho năm học cuối cùng ở trường Mỹ thuật. Người cha vẫn thỉnh thoảng xa nhà với những chuyến bay. Ông ít kể về những chuyến bay của ông. Nhưng vào những buổi hoàng hôn, ông thường ngồi im lặng trên chiếc ghế bành bọc vải nhung nhìn qua cửa sổ.

Khi My vừa kết thúc năm học cuối cùng thì cha cô bị tai nạn giao thông và bị liệt nửa người. Biết bệnh tình của cha khó có thể hồi phục, My quyết định ngừng xin việc làm. Cô mở lớp dạy vẽ và tiếng Anh cho bọn trẻ con cùng phố để kiếm tiền sinh sống và tiện có thời gian chăm sóc cha. Đêm giúp ông tiểu tiện. Và ngày ngày, khi hoàng

hôn từ từ buông xuống, ông lại yêu cầu cô đỡ ông ngồi vào chiếc ghế bành bọc vải nhung để nhìn về phía vòm trời nho nhỏ qua ô cửa sổ. Khi bóng tối đã trùm kín căn phòng thì người cha thì thầm: “Vùng trời... vùng trời, cha muốn trở lại... vùng trời”. Những lúc ấy, giọng người cha lạ lùng và xa xăm. Cô cảm thấy rung mình và thương cha vô hạn.

Một đêm, trong căn phòng của cô đầy mùi thuốc vẽ. Trong đầu cô lóe lên ý nghĩ mang lại cho người cha vùng trời của ông về trên toan. Sau ý nghĩ ấy cô lao vào giá vẽ. Cô vẽ trong sự hoảng sợ mộng mị và mơ hồ về người cha. Và suốt hơn một năm qua cô đã vẽ thất vọng và đã khóc.

Đêm đêm, cô đứng lặng hàng tiếng đồng hồ bên cửa sổ nhìn mãi vào vùng trời có những ngôi sao bé bỏng, ướt át và đầy bí ẩn kia. Cô như thoáng nghe thấy tiếng nói thì thầm của những ngôi sao và những vầng mây bạc trong những đêm sáng trắng. Cô nghe thấy cả tiếng bày kiến gọi nhau trên những song cửa sổ trong cuộc hành trình muôn đời không ngủ của bày kiến. Cô nghe thấy cả tiếng con chuột lờ đễnh rơi từ giàn gác xuống vườn. Một cảm giác lạnh đặng và bạc trắng lan tỏa khắp cơ thể cô. Cô lao vào giá vẽ và vẽ cho đến khi tưởng như kiệt sức. Đến rồi sáng hôm sau tỉnh giấc, cô lại khóc cho những mảng màu lạnh lẽo và bất động.

Mấy ngày trước vào một buổi sáng có nắng, cô mang chiếc va li đựng những đồ lặt vặt của người cha ra phơi, tình cờ cô thấy cuốn nhật ký của người cha. Cô cầm cuốn nhật ký bước vào hiên nhà ngồi xuống và đọc.

“Đêm qua tỉnh giấc mà Lan (tên mẹ cô) không hay biết gì. Hình như chưa bao giờ Lan mất ngủ. Lan vẫn đẹp và đầy sức sống như ngày mới cưới. Và... Lan chưa bao giờ hiểu mình. Sao những đêm tỉnh giấc mình hay nghe thấy những tiếng gì đó mơ hồ gọi mình. Mình thấy cô đơn”.

“Mình đã sống một tuổi thơ đầy cô đơn và ốm yếu. Không quên nổi những chiều mưa mờ mịt bên bờ sông Hàn, ba đi thuyền về. Má cũng đi chợ xa bán cá. Ngôi nhà lá nhỏ bên sông lúc nào cũng tối và đầy mùi ẩm ướt của màn mưa. Mình ngồi thu lu trong góc nhà. Đói

và tủi. Rồi ba má mất sớm, mình theo một người bác đi thuyền. Đã bao nhiêu buổi chiều mình ngồi khóc nức nở trong mưa trên mũi thuyền.”

“Cái mình cần là hơi ấm của con người. Nhưng đời sống càng đầy đủ thì con người càng xa nhau. Cái mà những người đang sống quanh mình tìm kiếm là đồng tiền. Đồng tiền hết sức cần thiết. Nhưng vì nó mà con người lao vào như rô đại, cắn xé lẫn nhau, nghi ngờ nhau và căm thù nhau”.

“Sao từ ngày cưới nhau đến giờ, Lan chưa một lần thức dậy trong đêm và thì thầm những điều gì đấy một mình. Lan giầy vò mình vì những chuyện gia đình như sắm sửa, xây cất. Lan bức tức với những người giàu hơn và tỏ vẻ khinh bỉ những người đói kém. Mình đã từng đói khát và tủi nhục. Nhưng mình không thể sống được khi chỉ nghĩ đến cái dạ dày căng tròn và lầy nhầy”.

“Mỗi lần bay qua những vùng trời vô tận, sao mình cứ ước được bước ra khỏi khoang lái. Tất cả những gì trong khoảng mênh mông của vũ trụ mà mình cảm nhận được lại làm cho mình yên tâm, tin tưởng hơn khi mình đi trên mặt đất. Những cơn mê làm mình hạnh phúc và muốn khóc. Mình thèm khát được ngồi im lặng trong hoàng hôn và vui bàn tay trong mái tóc đẹp lạ lùng của Lan, Lan không bao giờ ý thức được trong bóng tối. Lan quá rành rọt với những thứ mà có thể đếm được dưới ánh sáng đơn giản”.

Đêm nay hình như trời trong hơn. Có lẽ cũng đã khuya. My áp mặt vào những song gỗ cửa sổ. Bỗng cô nghe thấy tiếng ba gọi. Cô vội vã đẩy cửa bước sang phòng người cha.

“Có con rần... đang quán... chân ba”.

Nghe người cha nói, My hốt hoảng lật chiếc chăn dạ mỏng và sờ soạng đôi ống chân ông. “Không có gì đâu ba ạ. Chắc ba mê ngủ đấy”, My nói và ngồi xuống mép giường bóp chân cho cha.

“Nó bò đi rồi hả con?” - người cha thì thào.

My không nói được. Cô gật gật đầu. Khi người cha trở lại giấc ngủ, cô đứng dậy tắt đèn và trở lại phòng mình. Cô bước trang nghiêm và quyết liệt đến bên giá vẽ. Cô ngồi xuống và nhìn ra cửa sổ. Những ngôi sao như đang bay về. Hình như đêm nay có trăng

non. Những song cửa sổ gỗ ánh lên. Cô ngửi thấy hương Anh My, tiếng hót của bầy Tao Linh, tiếng riu rít của bầy trẻ trong suốt như pha lê. Cô thấy đôi mắt người cha căng lên như hai tấm toan chờ đợi.

“Con, My đâu... con...” - người cha gọi.

My lảo đảo bước sang phòng cha. Cô bật đèn.

“Ba gọi con ư?”

“Ba thấy người nóng quá. Hôm nay mẹ con có đến không?”

“Có ba ạ” - Cô trả lời sau một thoáng lưỡng lự.

“Mẹ bảo gì con không?”

“Mẹ đến thăm ba”. - Cô cố gắng nói.

“Có bao giờ con thấy mẹ khóc không?”

“Dạ...”

“Ba thấy... nóng quá, mà, mà lạ lắm. Mẹ có khóc hả con. Mẹ đến thăm ba sao không nói cho ba hay. Lan... có khóc”.

“Ba ngủ đi ba. Mai con sẽ mượn cái xe đẩy để đưa ba ra Hồ Tây”.

My kéo tấm chăn dạ mỏng đắp ngực người cha.

Rồi cô trở về phòng mình và ngồi xuống trước giá vẽ. Cô thấy người nóng lên ghê gớm. Cô cầm lấy bút vẽ. Cô bật hai ngọn đèn dùng để vẽ đêm mà ba cô đã mua cho cô.

Đến gần trưa hôm sau My mới tỉnh dậy. Khi vẽ xong cô kiệt sức và gục xuống sàn nhà. Cô mở mắt ngơ ngác. Nắng tràn ngập ô cửa sổ phòng cô. Cô nhìn vào bức tranh và kinh ngạc. Cô nhận thấy có bóng cha cô trong suốt đang bay trong đó. Cô nhớ đến cha. Cô vội chạy sang phòng cha. Người cha nằm yên lặng. Gương mặt ông như đang trôi trong vô tận.

Người cha đã trút hơi thở cuối cùng khi My vẽ xong nét vẽ cuối cùng.

My quy xuống bên mép giường. Hình như cô nghe thấy người cha hỏn hỏn hỏi: “Có bao giờ con thấy mẹ khóc không?”. Đôi môi cô mấp máy như trả lời: “Mẹ sẽ khóc, ba ạ.”

Tiếng đập cánh của chim thần

Duyên mở cửa sổ nhìn sang nhà Lợi ở phía bên kia hàng rào râm bụi. Lợi chưa về, ngôi nhà vẫn đóng cửa. Bếp không một sợi khói. Trời vẫn mưa sậm sùi. Mưa đã hơn một tuần nay rồi. Nước sông lên cao. Hàng năm cứ vào mùa mưa là trai làng nghỉ việc để ra sông. Dọc bờ sông làng, họ đóng bè vó và thả câu. Hàng đàn câu dài, đen bóng, cắm sát mép nước. Những chiếc phao ngô khô nổi bồng bênh trên mặt sông ngầu đỏ. Họ nhổ những gốc ngô bãi để lấy mồi câu. Những con giun sống mình rấp như vỏ quả đậu tương nằm cuộn tròn trong đám rễ ngô... Mùa nước năm nào Lợi cũng ra sông. Thường đến đêm anh mới trở về. Anh đứng bên kia hàng rào gọi Duyên, và đưa biếu mẹ cô một con cá chép sông lớn nhất trong số cá câu được, những con cá chép sông mình dài, vẩy vàng óng, cứng hơn vẩy chép ao, quấy bần bật trên tay. Duyên xách con cá và rói rít:

– Sao anh về muộn thế! Anh sang mà ăn cơm đi kéo muộn. Mẹ phần cơm anh đấy. Mẹ ơi! - Duyên vừa chạy vào nhà vừa gọi - Anh Lợi lại cho con cá này. Úi giời, quấy khiếp thế.

Nhà Lợi cách nhà Duyên một khoảnh vườn nhỏ. Anh sống độc thân. Lẽ ra thì anh đã trở thành con rể của gia đình Duyên. Chiến tranh đã cướp mất Dịu, chị ruột Duyên. Ngày ấy, trước khi nhập ngũ, hai người đã làm lễ ăn hỏi. Gần một năm sau họ xin phép gia đình về tổ chức ngày cưới qua những bức thư thời chiến. Trước ngày cưới ít hôm, Dịu băng gần một trăm cây số từ đơn vị về nhà. Nhưng đến đêm trước ngày cưới vẫn không thấy Lợi về. Nhà trai một mặt vẫn cho dựng rạp, mặt khác cho một người trong họ đạp xe đến nơi đơn vị Lợi đóng quân để đón anh. Tới nơi, đơn vị thiết giáp của anh đã chuyển quân đột xuất vào phía Nam từ hai ngày trước đó. Khi hai gia đình biết tin đó thì Dịu chạy vào buồng nằm khóc. Duyên lặng lẽ ngồi xuống mép giường quạt cho chị suốt đêm. Sáng hôm sau. Dịu xốc ba lô trở về đơn vị.

Bốn năm sau, gia đình Duyên nhận được giấy báo tử Dịu. Mẹ Duyên ngất đi nhiều lần, cứ mỗi khi tỉnh lại bà lại gào khóc gọi tên Dịu và Lợi. Trên chiếc giường trước kia Duyên ngồi quạt cho Dịu đêm ấy cô ngồi khóc lặng lẽ và quạt cho mẹ.

Hai năm sau ngày đất nước thống nhất. Lợi mới trở về. Thoạt đầu người làng không kịp nhận ra anh. Hai bàn tay và mặt anh đầy sẹo bỏng na-pan. Mẹ Duyên ôm lấy anh khóc. Lúc ấy anh mới biết Dịu đã hy sinh. Từ ngày đó anh sống như con của gia đình Duyên, nhất là sau ngày mẹ anh qua đời. Ngày nào không thấy anh sang, bà mẹ lại bắt Duyên đi tìm anh. Những buổi không lên lớp cô thường sang nhà Lợi giúp anh dọn dẹp nhà cửa, cơm nước hay giặt giũ. Thường đêm anh sang nhà Duyên ngồi hút thuốc văt và nghe mẹ Duyên thủ thỉ đủ thứ chuyện. Cuối cùng thì bà giục anh lấy vợ. Bà kể tên các cô gái nết na trong làng. Những lúc ấy, qua ánh đèn dầu Duyên lại thấy anh mỉm cười, gương mặt méo đi đau khổ đến nỗi Duyên không dám nhìn nữa. Cô lặng lẽ vào buồng mở tập giáo án. Nhưng tâm trí cô lại để ở một nơi nào đó mông lung, xa thẳm. Những lúc ấy lòng Duyên trào lên một cảm giác lạ nửa như nỗi buồn, nửa như lo lắng, hoảng hốt khi nghĩ đến một ngày kia anh đi lấy vợ. Cô cố gạt mình ra khỏi cảm giác ấy. Nhưng mỗi khi gặp Lợi thì ý ấy lại ùa đến dần văt dai dẳng trong cô mà cô không sao giải thích được.

Duyên khép cửa sổ xuống bếp.

– Anh Lợi chưa về mẹ ạ - Cô nói và ngồi xuống bên mẹ - Suốt ngày câu vớ kéo, cứ như trẻ con ấy.

– Con lấy cái gì mà mang cơm cho anh - Bà mẹ lo lắng - Hôm qua thấy nó sụt sịt. Mưa gió thế này ồm thì khốn.

Duyên cho cơm và thức ăn vào chiếc hăng gô cũ đã tróc gần hết sơn. Cô khoác áo mưa ra bến. Trời đã mờ tối. Cuối bãi sông làng thấp thoáng bóng người. Duyên nhìn mãi không nhận ra Lợi bèn gọi:

– Anh Lợi, anh Lợi...

– Anh đây. Duyên ơi. Chỗ này này.

Duyên theo hướng tiếng gọi tìm đến. Lợi nhoẻn cười nhìn cô, bàn tay anh nhột nhạt vì nước mưa.

– Em mang cơm cho anh đây. Anh đang mệt mà cứ dầm mưa gió thế này. Thôi anh đi về đi. Em nhỏ cần câu nhé.

– Ấy đừng. Chiều nay nước về nhiều, sẽ gặp đàn chép cù đầu nguồn đấy. Chỉ cần hai con cần câu là đủ.

Lợi nói và cười vang đầy hứng thú, tự tin.

– Thêm vào ăn - Duyên giận dỗi nguýt Lợi - Chả bỏ ốm.

Bỗng cô bắt gặp đôi mắt Lợi rục lên. Gương mặt anh nhợt nhạt trong bóng tối dưới vành mũ. Con mắt như đôi môi mấp máy định nói điều gì.

“Lợi ơi! Anh Lợi. Bắt cho em con cào cào này. Nhanh lên, nhanh lên”. Trong ký ức Lợi chợt vang lên tiếng gọi của Dịu bao nhiêu năm trước. Nghe tiếng gọi. Lợi chạy như băng qua những luống ngô cao ngút đầu. Lá ngô phất vào anh ràn rạt. Giữa bãi ngô rộng ven sông. Lợi ôm ghì Dịu vào lòng. Anh hôn lên trán, lên mắt, lên cổ người yêu. Con cào cào trong tay Dịu thừa cơ bay vù lên. “Ồi, mất rồi!” Dịu kêu lên thảng thốt. Con cào cào xòe đôi cánh mỏng lấp lánh bay lên. Cả hai ngẩn ngơ nhìn theo cho đến khi tiếng những người xã viên bẻ ngô đến gần. Lợi búng vào mũi Dịu rồi biến mất vào bãi ngô. Một lát sau Dịu nghe thấy tiếng anh vang lên ở phía lũ trai gái cùng đội sản xuất.

Bây giờ làng vẫn trồng ngô bãi, Nhưng Dịu thì mãi mãi không trở về. Chiều nay nghe tiếng Duyên lòng Lợi cứ vang lên tiếng Dịu gọi thuở xưa. Và đâu đây, trong tiếng mưa sông rả rích Lợi như nghe tiếng xòe cánh của hàng trăm con cào cào.

– Ôi, mẹ cần thận quá - Lợi như chợt tỉnh, vội vàng mở nắp hăng gô - Đói quá. Em ăn đi, ăn cùng anh cho vui.

Duyên không trả lời. Cô im lặng nhìn vào mặt sông nơi có những chiếc phao câu làm bằng cuống hoa ngô khô, mờ trắng bỗng bênh.

Đêm khuya Lợi mới trở về. Duyên đốt lửa cho anh đỡ lạnh. Hơi lửa ấm chia đều cho họ. Cả hai ngồi im lặng. Bóng họ lung linh trên tường, lúc chập vào lúc tách ra. Trong chiếc chậu sành, những con chép sông nằm thờ. Ánh lửa hắt vào làm mắt chúng long lanh như ngọc.

Lợi tỉnh giấc và ngỡ ngàng nhận ra trời đã sắp tối. Buổi trưa anh thấy người đau ê ẩm. Anh chẳng buồn nấu nướng gì và cứ lăn ra ngủ. Công việc gặt hái đã xong rồi. Anh tự cho phép mình yên tâm ngủ. Lâu lắm rồi anh mới ngủ một giấc ngày dài. Lợi dậy ra sân. Cả sân rơm phơi đã được dọn gọn ghẽ. Trong bếp lửa đã nhóm. Anh biết Duyên đã dọn dẹp và nấu cơm cho mình. Bao nhiêu năm nay rồi. Duyên thường xuyên đỡ đàn như thế. Anh ra giếng kéo nước vổ lên mặt. Duyên đang ghế cơm trong nồi. Mái tóc dài của cô được búi gọn để lộ tấm lưng thon thả, nói lên sự khéo léo, dịu dàng của cô. Cơm cạn, cô gặt than và khẽ nghiêng người về phía cửa.

– Dịu... ịu...

Lợi hoảng hốt kêu lên. Hoàng hôn thoảng những khoảng tối mờ trên khuôn mặt Duyên. Gương mặt hiền như một lá trầu của cô cứ ảo mờ trước anh. Đó là Dịu, trời ơi, làm sao lại không phải là Dịu. Một cảm giác đau đớn ủa vào anh. Nỗi đau giật khuôn mặt anh méo xệch. Những vết sẹo nóng bỏng như than củi. Không phải bây giờ anh mới cảm nhận thấy điều ấy. Bao nhiêu năm rồi, anh luôn giật mình, khi chợt nghe thấy tiếng cười của Duyên, khi chợt bắt gặp khuôn mặt Duyên trong khoảnh khắc hay khi bóng Duyên thoáng qua hàng rào thưa vào ngõ nhà anh. Anh cứ ngỡ Dịu về. Cảm giác ấy không đến từ từ mà nó lóe lên như một tia chớp rồi để lại cho anh đầy kinh hoàng đau khổ. Bao năm nay rồi, cảm giác ấy trong một thoáng đốt nóng những vết sẹo bỏng bom na-pan trên cơ thể anh như đến hàng ngàn độ. Điều ấy làm anh sợ bất chợt gặp Duyên nhưng chính nó lại kéo anh ngày càng gần cô mà anh không cưỡng nổi. Ý nghĩ anh đã hàng trăm đêm phải vật vã chống lại trái tim anh. Và một điều làm trĩu nặng, đau khổ là Dịu đang còn sống kia mà sao anh chẳng dám đến. Có những đêm trăng anh tỉnh giấc mở cửa ra ngoài. Anh đến bên thềm giếng. Một khoảng trong im lặng, xa vời, thăm thẳm. Đã bao lần anh cảm thấy mình sắp sửa bước qua thềm giếng và cái khoảng lặng im, thăm thẳm xa vời kia sẽ êm ái đón anh về. Nhưng khi chạm tay vào thành giếng mát lạnh thì anh lại dần dần hồi tỉnh. Anh buồn bã nhìn qua khoảnh vườn vào nhà Duyên. Anh cảm thấy có ánh đèn chiếu qua khe cửa sổ phòng cô. Ánh đèn mơ hồ ấm áp kia thổi hơi nóng vào anh. Hơi lửa mỏng manh cứ

nóng dần, nóng dần cho đến khi những vết sẹo trên mặt anh bỗng rất.

Duyên vẫn ngồi bên bếp lửa đã còi than nhìn Lợi. Trong bóng tối của gian bếp nhỏ, những hòn than nhấp nháy như một vùng sao ấm áp. Cô nhận ra sự thay đổi kinh hoàng trên gương mặt Lợi. Cô đã nghe thấy anh gọi tên người chị ruột của mình. Cô nói vội vã, nghẹn ngào tưởng như không nói thật nhanh thì cô sẽ òa khóc.

– Em về đây. Anh đợi cơm chín thì ăn cho nóng.

Ra khỏi ngõ nhà Lợi, Duyên đi như chạy. Về đến cửa ngõ nhà mình, cô đứng lại, bật khóc. Tất cả nỗi nhớ thương người chị đã hy sinh ngày tháng thổn thức trong cô. Mỗi lần đi dạy học hay đi đâu về đến cửa ngõ cô cứ thẳng thốt. Cô cứ cảm thấy Dịu đang đứng đâu đó quanh cô, trên tay cầm cái cặp tóc mới hay đôi khuyên bằng vàng giả, thưởng cho cô. Tất cả những kỷ niệm ấu thơ về người chị đã thấm vào máu thịt cô. Bây giờ đã trưởng thành, cô cảm nhận được mọi điều. Duy chỉ có một điều cứ dần vặt, buốt nhói trong cô. Đó là ngày chị cô băng gòn một trăm cây số về nhà chờ Lợi tổ chức lễ cưới. Rồi Lợi không về. Rồi Dịu xốc ba lô đi vào mặt trận. Từ đó họ chẳng gặp nhau một lần. Giá chỉ một lần Dịu được gặp Lợi thì có lẽ bây giờ lòng Duyên đỡ thương đau hơn.

Lợi từ cây ổi còn nhảy xuống đất. Hai tay anh giữ chặt những quả ổi vừa hái. Anh sung sướng đưa những quả ổi cho Duyên. Duyên đưa hai bàn tay đón lấy và kêu lên thích thú như một đứa trẻ:

– Ôi, thích quá!

Nhưng Duyên bỗng im bật. Cô vội ngẩng lên và thấy khuôn mặt Lợi cúi sát nhìn cô. Hai bàn tay Lợi bóp chặt đôi bàn tay bé bỏng của cô. Cô giật mình nhận ra có một ngọn lửa đang réo cháy và quần chặt vào đôi bàn tay cô. Cô lại ngẩng lên và nhận thấy đôi mắt Lợi mở to hoang dại và đau khổ.

– Anh - Cô hoảng hốt kêu lên và cố rút đôi bàn tay mình đang giữ những quả ổi găng chín vàng ra khỏi đôi bàn tay Lợi.

– Anh... Anh... yêu em - Lợi nói, mặt anh méo đi. Những vết sẹo trên mặt anh như đang quần quai. Chợt anh buông tay mình ra thở hổn hển. Duyên lặng người nhìn anh rồi vùng bỏ chạy. Khi cô chạy

ra con đường đất đầu ngõ thì gió nổi lên. Duyên cảm thấy rung mình. Cô đứng lại. Từ phía trước con đường có một người con gái lướt nhẹ nhàng trên mặt đường như một cảnh phim quay chậm và mái tóc như một dải mây dài bồng bênh trôi theo. Đến trước Duyên, người con gái dừng lại. Mái tóc như một ngọn sóng đập vào bờ tung lên rồi đổ xuống phủ kín gương mặt chị. Chị khẽ khàng đưa tay lên gỡ mái tóc. Một khuôn mặt con gái như một mảnh trăng hiện ra. Duyên kinh hoàng kêu lên:

– Trời ơi! Chị Dịu.

Rồi như chợt nhận ra điều gì đó, cô quỳ xuống. Hai tay vẫn còn giữ nguyên những trái ổi găng chín vàng run rẩy đưa ra trước người con gái.

– Chị, chị Dịu. Đừng giận em - Cô òa lên khóc như một đứa trẻ - Của chị... của chị mà... em... em không... em không... chị Dịu ơi!

– Em tội nghiệp của chị - Người con gái vẫn đứng nguyên, nói - Của em đấy. Của em thật mà. Sao em lại khóc. Chị về mừng cho em... Duyên ơi! Chị mừng.

Duyên nấc lên và đưa hai bàn tay ôm lấy mặt. Những quả ổi rơi xuống đất lăn vào đám cỏ bên đường. Dưới nắng chiều đang tắt, những quả ổi ánh lên như những giọt mật ong.

Đêm ấy, trong giấc ngủ chập chờn, cô nghe văng vẳng bên tai mình tiếng gọi:

– Dịu... Dịu... Dịu...

Duyên choàng tỉnh giấc. Cô ngỡ mình mơ ngủ. Nhưng có tiếng gọi thật. Tiếng gọi của một người đàn ông từ phía bên kia bờ rào cửa sổ phòng cô, đang gọi tên cô:

– Duyên! Duyên!

Duyên nín thở lắng nghe và nhận ra đó là tiếng Lợi. Tiếng gọi thật chứ không phải trong mơ. Cô ngồi thu mình trong bóng tối, môi cắn chặt ghìm tiếng khóc. Một lúc lâu sau cô khẽ nằm xuống. Nhưng khi vừa chợp mắt, cô nghe thấy tiếng gọi văng lên gấp gáp, khổ đau:

– Dịu... Dịu... Dịu ơi.

Cô hốt hoảng choàng dậy và nghe rõ tiếng gọi chính tên mình, cô trở dậy thắp đèn và đốt một nén hương đặt lên bàn thờ. Ánh đèn tỏa một vàng sáng chập chờn lên tấm ảnh Dịu. Cô đưa hai bàn tay áp lên ngực, thì thào:

– Chị ơi! Chắc chị đã nghe thấy tất cả và chị biết được tất cả rồi. Chị tha thứ cho em. Em thương chị và thương anh Lợi quá. Nhưng không... không đâu mà. Tất cả đã thuộc về chị. Em... Em khổ quá chị ơi.

Một buổi sáng thức dậy. Duyên nhận thấy trên bậu cửa sổ có đặt một mảnh giấy nhỏ và chèn hòn sỏi lên trên. Duyên linh cảm thấy một điều gì đó. Cô run run cầm mảnh giấy.

Duyên thương yêu!

“Như vậy em đã hiểu được anh sẽ nói gì với em trong lá thư này. Anh chẳng có tội khi nói ra sự thật của lòng anh.

Nhưng anh có tội vì suốt đời sẽ làm cho em phải trăn trở vì điều anh nói: Anh yêu em, như vậy anh có phải là kẻ có tội không? Kể cả lúc bình tĩnh nhất anh cũng không tin câu trả lời của anh là đúng. Điều gì đã dẫn anh đến với em. Đó là Dịu. Lúc nào anh cũng thấy rằng: Mọi điều em đã dành cho anh là do Dịu mách bảo. Anh cần Dịu, một Dịu ở trong em, ngoài ra không có gì giúp anh được nữa. Dịu không chết, mãi mãi không. Nhưng Duyên ơi sự thật thì Dịu đã mất rồi...”

Duyên không đọc được hết lá thư, cô gấp lá thư ầm vì sương đêm lại và lặng lẽ bước ra khỏi nhà. Duyên theo con đường mọc đầy cỏ đuôi chó đến khu vườn bên kia bờ đầm trước nhà... Khi bàn chân cô đặt lên thảm cỏ dày của khu vườn hoang ấy thì lòng cô bỗng trào lên cảm xúc mãnh liệt. Gai cổ sắc và mỏng cứa vào bàn chân cô một cảm giác vừa hạnh phúc vừa khổ đau.

Gió thu từ cánh đồng lướt qua mặt đầm còn lác đác hoa súng tím thổi vào khu vườn, cô nghe có tiếng hát ở trên cao và tiếng lá của những cây phù dung già xào xạc như có đôi chim nào đó vừa về. Từ trong kí ức linh thiêng và nức nở của cô lại hiện lên hình ảnh rực rỡ và mỏng như pha lê của Lợi và chị cô.

Thuở ấy, Duyên còn là một cô bé học trò đầy thơ mộng.

Những buổi trưa không ngủ, cô thường trốn bố mẹ cùng mấy đứa bạn hàng xóm bí mật xuống khu vườn. Khu vườn hầu như ít ai đặt chân tới. Cô cùng bạn bè rón rén đi trong khu vườn đầy những tổ chim các loại. Mùa chim làm tổ, lũ trẻ thường lấy trộm những mẫu vải màu của mẹ và các chị, đặt lên cỏ cho bầy chim tha về làm tổ. Có nhiều buổi chúng nằm trên cỏ thì thầm trò chuyện và ngủ quên đến xế chiều mới tỉnh giấc.

Lúc đó bầy chim đi kiếm ăn đang về tổ và khu vườn hoang bắt đầu dâng lên hương giảnh giảnh - một loại hoa hay mọc ở bờ đầm, bờ ao, cánh nhỏ, trắng ngà. Hoa giảnh giảnh thơm đậm vào xế chiều. Hương giảnh giảnh tựa như hương của hoa huệ, nhưng mềm hơn, sâu hơn và thốn thức hơn.

Một buổi trưa lũ trẻ phát hiện có một ổ cỏ khô mịn màng ở góc vườn bên cạnh những bụi hoa giảnh giảnh. Chúng thì thầm với nhau về ổ cỏ khô ấy. Cuối cùng tất cả quả quyết rằng đây là tổ của một đôi chim thần. Và thế là chúng nhớ lại có những buổi trưa trời bỗng xanh thẫm, nắng ngọt ngào và đầy hương thơm, không gian có gì đó cứ xào xạc mơ hồ. Những lúc ấy tất cả chợt lắng xuống và lũ trẻ cảm thấy chúng đang trôi trên cỏ. Sau này bọn trẻ cho những phút đó là lúc đôi chim thần bay về khu vườn. Rồi một lần trong lúc lũ trẻ đang ngồi dưới gốc phù dung ăn chua me đất với muối thì chúng nghe thấy có tiếng động. Chúng vội nấp mình sau một bụi gai hồi hộp. Từ phía sau vườn bên kia có tiếng cười khúc khích và Dịu hiện ra. Dịu mặc một chiếc áo hoa đỏ, mái tóc vừa gội xõa kín đôi vai nhỏ. Dịu đi rón rén lại phía ổ cỏ khô và ngồi xuống, mặt ngửa lên trời, đôi mắt nhắm lại như ngủ. Rồi Lợi cũng từ phía ấy bước ra.

Anh đến quỳ xuống trước chị và chờ đợi. Một lúc sau, Dịu mở mắt nhìn Lợi và cười. Lợi bò lại gần chị và hôn lên những sợi tóc trên vai chị. Dịu co vai lại và cười khúc khích. Tiếng cười như không phải của chị mà là của thiên nhiên ngân vang và ngọt ngào đến lạ lùng. Lợi từ từ đứng dậy đi lại bụi hoa giảnh giảnh. Anh ngắt một vốc hoa rồi vừa đi quanh chị vừa thả từng bông hoa nhỏ, trắng ngà trên người chị. Dịu ngồi im mặt ngửa lên trời, đôi mắt khép lại như ngủ. Nhưng bông hoa lấp lánh rơi như vô tận, như không ngừng.

Đến bây giờ đã mười năm trời rồi. Khu vườn vẫn còn đó dấu cỏ xơ xác. Bây giờ Duyên đang bước đi nhẹ nhàng về phía góc vườn có ổ cỏ khô thối trước. Đến góc vườn cô dừng lại như để thở và run rẩy đặt lá thư xuống thảm cỏ dày đầy gai. Bỗng cô nghe trên cao có tiếng đập cánh khê khàng của bầy chim. Nắng thu đang dâng lên hương giảnh giảnh ngào ngạt. Và quanh cô, những tổ chim cũ xác xơ, phập phồng thối. Cô đứng lặng một hồi lâu. Khi cô vừa quay lại thì nhận ra Lợi đang đứng ở mé vườn bên gốc phù dung già từ khi nào đang nhìn cô. Cô bước lại gần anh. Cô nhìn anh lòng đầy yêu thương và đau khổ.

– Dịu - Lợi run rẩy gọi - Tiếng anh nghẹn đắng.

Tiếng gọi ấy như từ ổ cỏ khô mềm mại góc vườn, từ một căn hầm Trường Sơn triền miên rung trong tiếng bom giặc, từ bãi ngô ven sông mùa thu vọng về. Chưa bao giờ Duyên bình tĩnh như lúc này. Bình tĩnh đến nỗi cô như nhìn thấy những mạch máu nhỏ li ti ở bên trong những vết sẹo bỏng bom na-pan trên mặt Lợi đang tung ra những chùm pháo hoa bảy sắc. Cô nghe bên tai mình một giọng nói ấm áp đang thì thầm: “Em thừa đi Duyên, thừa đi em”. Cô từ từ đặt bàn tay mình lên ngực Lợi. Từ lồng ngực bên kia, trái tim Lợi đang đập mạnh rung cả người cô. Bây giờ cô cảm thấy đầy đủ nhất nỗi đau của anh. Cô nhận thấy tình yêu của anh đối với chị cô mãnh liệt đến chừng nào, đến mức nó không cho phép anh được nghĩ rằng chị cô đã chết. Tiếng anh gọi chị trước cô bao lần không phải là tiếng gọi mê sảng. Tiếng gọi ấy là tiếng đập của trái tim về mình chứng cơ thể kia còn tồn tại. Nếu thiếu tiếng gọi ấy nghĩa là anh không còn tồn tại và nếu cô đi khỏi tiếng gọi của anh thì một lần nữa anh sẽ phải chịu đựng nỗi đau mất Dịu đến kinh khủng. Anh bị ném ra khỏi con thuyền của lòng tin xuống đại dương của sự khổ đau và thất vọng không có bến bờ.

Duyên bước lại gần anh hơn nữa và ngả đầu vào ngực anh. Cô thấy những sợi tóc của cô khe khẽ bay đi và có những sợi tóc óng dài từ rất xa như những sợi mây mỏng bay về cứ dần dần thay vào chảy kín cơ thể cô, cô thấy da thịt cô đang tan dịu dàng, mát rượi và những tế bào mới vô hình từ nắng, từ gió, từ cỏ cây, đất đai đang dâng lên cho cô đầy đặn, ngọc ngà. Và tất cả những khái niệm của

cô về chính con người cô của hơn hai chục năm qua cũng đang hối hả đổi thay để cho cô kịp ngược lên nhìn anh mà nói: “Dạ, em đây”.

Nói xong, cô kéo ghì anh xuống mà hôn lên gương mặt đầy vết sẹo bỏng bom na-pan. Có những giọt mưa chưa có ở mùa nào trên trái đất như những trái cây lạ chín mọng, mát lạnh như thể vỡ tan trên đôi môi cô. Và qua vai anh, Duyên nhìn thấy trên con đường nhỏ đầy cỏ đuôi chó chạy từ nhà cô đến khu vườn hoang một cô bé Duyên bé bỏng đang đứng đó. Cô bé Duyên ấy mở to đôi mắt sung sướng, tin cậy nhìn cô và nhoẻn miệng cười như mười mấy năm về trước cô nhìn chị cô và Lợi trên ổ cỏ khô mịn màng và quanh họ những cánh hoa giành giành lấp lánh bay.

Đứa con của hai dòng họ

Lần đầu tiên Văn gặp Thảo là một ngày tháng mười. Con đường xuyên qua cánh đồng buổi chiều thoảng sương, hơi se lạnh. Cỏ đã ít mầm và sát lại. Suốt cả hai cây số đường đê mặc cho Văn hỏi, nói rất nhiều, nhưng Thảo không một lời đáp lại. Cuối cùng, Văn kinh ngạc nhận ra anh đang nói chuyện với một người câm.

Khi Thảo rẽ vào con đường về làng cô, Văn lúng túng trong miệng và gật đầu chào cô. Thảo quay lại nhìn Văn. Mặt Thảo đẹp lạ thường và u buồn hiện lên trong buổi chiều mênh mang, lẳng lẳng đến thổn thức của tháng mười khô sạch, làm Văn không thể nào quên được.

Khi những lùm tre che khuất bóng Thảo, Văn giật mình nghĩ: “Có lẽ cô gái ấy là người nhà Chánh Hợi ngày xưa”.

Buổi tối, sau bữa cơm tối mệt mỏi của nhà nông, Văn nói:

– Làng Vĩnh nhiều người câm quá.

– Chỉ có nhà Chánh Hợi thôi. Mấy đời nay con cháu nó câm cả. Thật sượng.

Bố Văn nói như rửa, rồi ngả mặt cười ha ha. Ông vờ một mồi thuốc lào, châm đóm rít nghiêng ngáu. Tiếng điệu cày xé dài.

– Lạ thật - Văn trầm ngâm - có lẽ di truyền?

– Truyền chất quái gì - Ông bố nói và vén hai ống quần lên quá gối - Trời Phật trừng phạt nhà nó. Thế anh quên cái thù của nhà này rồi hả? Liệu đấy.

– Chuyện cũ con vẫn nhớ. Nhưng tội là của Chánh Hợi, liên can gì đến con cháu lão mà họ phải chịu mãi.

– Thôi anh ơi, đừng có thương vay khóc mướn. Chánh Hợi đuổi cụ anh ra khỏi làng, cướp nhà cướp ruộng, lại làm nhục cụ bà anh. Thế mà bây giờ anh còn xót thương. Vứt mẹ cái đạo đức của anh đi. Liệu đấy.

Văn im lặng, thờ dài. Văn ra đê làng. Anh nằm xuống. Cỏ đã lành lạnh. Anh nhớ buổi chiều tháng mười. Anh nhớ gương mặt Thảo. Anh xoay người nhìn phía làng cô. Tất cả tối sẫm và xa xăm. Từ đó vắng vắng tiếng chó. Anh thấy lòng không yên tĩnh.

Có một câu chuyện cũ buồn, cụ anh kể lại cho ông anh. Ông anh kể lại cho bố anh. Bố anh kể lại cho anh. Câu chuyện mang cảm giác u uất, thương cảm. Nhưng lúc này anh thấy câu chuyện thức dậy đau đớn trong lòng anh. Đau đớn không phải bởi mối thù, mà bởi cô gái làng Vĩnh anh gặp trên cánh đồng tháng mười có liên quan đến câu chuyện.

Chuyện xảy ra giữa Chánh Hợi và cụ anh. Ngày ấy cụ anh là một trai làng khỏe mạnh, mặt sáng và cũng được theo thầy đồ làng học chữ. Cụ anh có cái tên lạ: Mặc. Mặc và Chánh Hợi cùng tuổi nhau. Cả hai cùng yêu một cô gái làng. Cô gái ấy không những đẹp nhất làng mà nhất vùng. Nhìn thấy cô gái ấy, kể cả kẻ có lý trí mạnh cũng lú lẫn, mê mẩn như bị ma ám. Chánh Hợi dùng mọi láai xin cưới cô gái làm vợ nhiều lần. Nhưng lần nào cô cũng mỉm cười từ chối. Đêm đêm, cô lại vượt qua đê đến cái gò bên sông mọc đầy cây tầm xuân và dựa dãi để gặp Mặc. Rồi hai người cưới nhau. Chánh Hợi uất ức. Hắn vác dao chém đổ hết mọi thứ cây trong khu vườn rộng của nhà hắn. Hắn thề tìm mọi cách làm nhục vợ chồng Mặc và đuổi họ ra khỏi làng. Hắn tụ tập tay chân bàn định âm mưu. Bọn tay chân mang đồ thờ ở đình làng vùi vào chuồng lợn nhà Mặc rồi báo cho tuần đến khám. Mặc bị mang tội ăn cắp đồ thờ thiêng của làng giấu vào nơi bẩn thỉu. Biết chuyện ấy, người làng kẻ thì nguyên rửa, đòi trị tội vợ chồng Mặc. Người thấu lòng dạ Mặc thì thương xót, nhưng không ai dám mở miệng kêu oan cho vợ chồng Mặc. Chánh Hợi chọn ngày xử phạt vợ chồng Mặc.

Sau khi làm lễ rửa xú uế bám ở đồ thờ đình làng, Chánh Hợi mổ lợn làm lễ khao làng và đứng ra luận tội Mặc. Hắn có quyền, có của nên muốn gì, làm gì cũng được. Hắn bắt vợ chồng Mặc, lột quần áo, trói như trói lợn để giữa sân đình và sai tuần đổ phân lợn vào mồm. Mặc thét kêu oan. Chánh Hợi vạch quần đái vào mồm Mặc chửi:

“Mày ăn cắp đồ thờ của làng, làm bẩn đồ thờ thiêng của làng, mày muốn thần Phật giết cả làng, tội vợ chồng mày đáng chém,

nhưng làng cho mày sống, nội nhật hôm nay chúng mày phải đi khỏi làng”.

Đêm ấy, tuần đến thúc vợ chồng Mặc rời làng. Hai vợ chồng Mặc rờn rờn nước mắt ra đi.

Đến giữa cánh đồng. Mặc uất ức định quay về sống chết với Chánh Hới. Người vợ trẻ ôm lấy chồng khóc: “Em xin anh. Em đã có thai hai tháng rồi. Anh làm liều con nó không có cơ hội ra đời. Anh thương lấy con mà chịu nhục. Vợ chồng mình đi nơi khác mà sinh sống”. Nghe vậy, Mặc nguôi đi, dắt vợ đến khu mộ tổ, dập mặt xuống bùn mà cầu: “Thần Phật, tổ tiên linh thiêng hãy chứng giám cảnh này. Cầu cho nhà thằng Hới con cháu sau này không có lười”. Cầu xong, Mặc dắt vợ bỏ làng ra đi.

Gần hai mươi năm sau Chánh Hới qua đời. Lúc chết hẩn mới có được đứa con trai ba tháng với người vợ ba. Khi liệm, người nhà hẩn cạy mòm để bỏ tiền, gạo thì thấy lười hẩn thụt lại bằng cái lười cóc. Rồi đứa con trai duy nhất của Chánh Hới lớn lên bị câm.

Vài năm sau khi Chánh Hới mất, Mặc đưa vợ con trở về. Nhưng vì thấy nhục và uất với người làng thuở trước, không dám mở miệng mình oan cho mình nên Mặc mua một mảnh đất ở làng bên, cương quyết không về làng. Còn con cháu nhà Chánh Hới sau này đều câm cả. Không hiểu vì lời cầu của Mặc thiêng hay do bệnh tật gì.

Nghe câu chuyện này không biết đã bao nhiêu lần rồi. Càng lớn Văn càng cảm thấy rùng mình. Lòng anh thấy thương xót cho con cháu nhà Chánh Hới, và lời cầu của cụ anh năm xưa làm giày vò và đôi lúc thảng thốt. Nhất là khi biết Thảo là cháu gái mấy đời của nhà Chánh Hới thì lòng Văn rối loạn. Một cô gái đẹp như thế mà không biết nói. Đây là hậu quả của tội lỗi hay là sự đánh đổi của cái đẹp.

Khuya. Gió đồng thổi lạnh. Sương đã ướt cỏ. Văn chợt tự hỏi: “Cô gái ấy đã ngủ chưa? Khi thức cô gái không nói được, trong mơ cô ấy nói được không?”

Nếu cả trong mơ cô gái cũng không nói được thì bất hạnh đến nhường nào.

Nghĩ vậy, Văn dần mạnh nắm tay xuống mặt đê. Anh thấy mệt rã rời. Anh đứng dậy đi về làng. Chân bước chệnh choáng. Quanh

anh, tiếng chó làng cắn cầu.

Bước vào nhà, anh ngược mắt lên bàn thờ. Bố anh đêm nào cũng để đèn hạt đỗ ở đó. Anh nhìn những chân hương chập chờn sáng tối, lẩm bẩm: “Con lạy tổ tiên ông bà hãy cho con cháu nhà Chánh Hội nói được”.

– Anh đi đâu giờ này mới về - Từ trong chiếc màn dùng đục và trũng như đáy vỏ tôm, bố anh lên tiếng - Ngủ đi còn đứng đấy làm gì? Liệu đấy! Sáng mai xuống phòng Nông nghiệp huyện xem công việc thế nào? Ba năm học đừng có thành công toi. Liệu đấy.

Văn im lặng chui vào màn. Đêm ấy hầu như anh không ngủ. Và câu hỏi “Trong mơ cô gái ấy có nói được không” cứ bò lạo xạo trong óc anh như con cua càng bò trong chiếc giỏ rỗng.

Chiều hôm sau từ huyện về, anh mua một thẻ hương và ghé qua cánh đồng làng Vĩnh. Một tổ họ anh vẫn ở đó từ xưa. Anh muốn cầu cho cô gái nhà Chánh Hội nói được. Anh ngồi nhìn khói hương bay dài trong gió. Cánh đồng tháng mười yên ả và chứa đựng một thứ gì đó bí ẩn.

Chợt anh nhìn thấy dáng người quen thuộc trên con đường chạy qua cánh đồng. “A, cô gái câm”, Văn thầm kêu lên. Anh vội dắt xe theo bờ ruộng nhỏ lên con đường. Anh đi về phía Thảo. Khi Văn đến trước mặt Thảo, cô khẽ ngược mắt lên và đi sát vào mép cỏ tránh anh.

– Chào em - Văn đáp ứng.

Thảo vẫn cúi mặt bước đi.

– Em có nhận ra tôi không? Chiều qua tôi đi cùng đường với em đấy.

Thảo dừng lại. Cô nhìn Văn một lát rồi khẽ gật đầu. Văn khẽ rung lên. Gương mặt đẹp rất lạ của Thảo làm Văn lúng túng. Mãi sau anh mới tìm được câu hỏi:

– Em đi đâu về đấy?

Thảo im lặng nhìn anh. Cô đôi khi cũng bị một gã thanh niên xa lạ chặn đường và hỏi. Nhưng ánh mắt, giọng nói và cử chỉ lúng túng của Văn làm cô thấy yên tâm. Cô giơ chiếc túi xách về phía Văn.

Anh thấy chiếc túi có những miếng vải cùng một cái thước thợ may và chọt nhận ra.

– À, em đi học may, đúng không? - Văn hồ hởi.

Thảo nhoèn cười, gật đầu. Mặt cô hất lên một vàng dịu dàng.

– Em tên là gì nhỉ?

Thảo lại im lặng nhìn anh. Sau đó cô lấy ngón tay viết vào không khí.

– Anh không hiểu - Văn nói vội vã - Em nói ra đi anh mới biết, em nói đi. Lúng túng, hồi hộp và cả sung sướng làm Văn chọt quên rằng cô gái không biết nói.

Mặt Thảo chọt tối. Cô bước như chạy qua Văn. Văn hốt hoảng chạy theo.

– Em ơi, anh... anh xin lỗi. Anh hiểu rồi. Anh xin lỗi em...

Thảo vẫn bước đi như chạy. Nước mắt chảy trên mặt cô. Văn hấp tấp dắt xe đạp theo sau cô. Bóng tối bắt đầu khẽ khàng dâng lên từ những chân cỏ.

Một buổi chiều tháng mười sạch sẽ và thơm thảo nữa lại đến. Văn đến đoạn đường cuối cánh đồng làng Vĩnh đợi Thảo. Thảo nhìn anh không còn xa lạ như những ngày trước đó. Họ ngồi xuống bên mép cỏ. Cả hai im lặng nhìn ra cánh đồng rộng.

– Em tên là gì?

Thảo lấy trong cuốn sổ ghi chép các chỉ số may đo cô đang học và viết “Em tên là Thảo”. Văn bất ngờ thấy Thảo biết viết. Chữ cô tròn trĩnh và đều đặn. Cô nhìn Văn, viết tiếp: “Thế anh tên là gì?”

– Anh là Văn, ở làng Sóc. Anh xin lỗi vì hôm trước anh chặn đường em, hỏi tên em, em có sợ không?

Thảo viết: “Em không sợ, nhưng em buồn lắm, sao anh lại gặp em?”

Văn nói:

– Anh không biết. Anh chỉ muốn gặp em thôi.

Thảo viết: “Vợ anh mà biết thì anh chết”. Viết xong Thảo cười.

Văn vội vã:

– Anh chưa có vợ, chưa có. Thế em?

Chiếc bút chết đứng giữa những ngón tay Thảo. Cô khóc. Chiều tháng mười lặn xuống rồi lại ngân lên quanh hai người.

Lát sau, Thảo lại viết. Đôi môi cô bặm chặt: “Em không biết dòng họ em có tội gì mà ai cũng bị câm. Em sợ lắm. Em là người bỏ đi. Anh đừng gặp em nữa, em khổ thêm”.

– Em đừng nói thế. Anh quý em, thật đấy. Anh nhớ em, thật đấy.

Thảo khẽ lắc đầu, nhìn ra xa, im lặng.

– Anh nói lừa em, Trời Phật trừng phạt anh.

Thảo lại cúi xuống viết: “Em tin anh. Chiều đi học về em cũng... muốn gặp anh. Nhưng anh đừng gặp em nữa”.

– Tại sao vậy? Anh có làm em thấy phiền hà không?

Thảo viết: “Em không biết”.

– Ai dạy em học viết? Em viết đẹp lắm.

Thảo viết: “Có lớp học ở gần nhà. Em hay ra đó xem trộm. Cô Dung người làng thấy vậy dạy cho em. Bố em cũng dạy em. Bố em thương em nhất nhà”.

Trời đã hết nắng. Sương đang mờ hồ dâng lên, Văn đặt bàn tay mình lên bàn tay bé bỏng của Thảo. Anh thấy những ngón tay Thảo run rẩy. Văn thì thầm: “Anh nhớ em, ngay từ buổi gặp đầu tiên. Anh biết hết chuyện của gia đình em, anh biết hết... Anh biết có những lời nguyên...”

Thảo vẫn đề bàn tay mình trong tay Văn. Thảo nhìn Văn, đôi mắt mọng nước.

– Anh đã thắp hương cầu xin thần Phật, tổ tiên phù hộ cho em nói được. Anh chính là một đứa con của họ Lê. Chính cụ anh đã nguyện cho con cháu gia đình em không nói được. Em có nghe chuyện này bao giờ chưa?

Thảo vội rút tay ra khỏi tay Văn. Cô mở to đôi mắt kinh hoàng nhìn Văn. Cô lập cập đứng dậy. Văn hốt hoảng đứng theo và nắm chặt tay Thảo.

– Hãy nghe anh nói đây, Thảo, hãy nghe anh nói. Giữa gia đình em và gia đình anh có một mối thù ghê gớm. Em không có tội. Tại sao anh tìm gặp em? Tại sao anh lại nhớ em? Tại sao anh lại thấp hươu và luôn luôn cầu khẩn cho em nói được. Không phải sự thương hại. Không phải để xóa đi mối thù xưa, mà vì anh yêu em, anh yêu em.

Thảo vẫn mở to đôi mắt nhìn anh. Trên gương mặt cô đầm đìa nước mắt tự khi nào.

– Anh yêu em. Tất cả chỉ vì anh yêu em. Anh muốn sống cùng em - Văn nói như gào.

– Huơ... u... ơ... hơ

Thảo bất chợt ngửa mặt và kêu lên. Đây là lần đầu tiên cô nói thành tiếng trước mặt Văn. Đây là ngôn ngữ của cô. Ngôn ngữ của gia đình cô.

– Huơ... u... ơ... hơ

Thảo đứng như một cái cây, mặt hơi ngửa lên bất động, chỉ có cái miệng cô méo đi, giần giật. Văn chết lặng. Anh thấy gió lạnh và lửa cùng thổi vào. Anh ôm lấy Thảo. Thảo òa khóc.

– Anh yêu em. Anh phải sống với em. Anh biết hết chuyện giữa hai gia đình ta thuở xưa. Anh đã cầu khẩn cho em. Anh yêu... Anh muốn sống với em.

Thảo khóc mãi, khóc mãi cho đến khi cô lả người vào Văn. Hai tay cô vòng lấy cổ anh. Chưa bao giờ cô khóc như thế. Và cũng chưa bao giờ cô thấy đỡ tủi thân và ấm áp như thế. Cô cảm thấy Văn gần gũi biết nhường nào. Cô thấy hạnh phúc nhen lên trong lòng. Trên đầu họ, trời đã phẩy lăm tằm sao.

Một buổi sáng, tiếng trống nhà thờ họ Lê bỗng dồn dập vang lên. Đó không phải là một ngày giỗ họ. Đó là cuộc họp bất thường bàn về chuyện của Văn. Văn đã xin phép bố mẹ được cưới Thảo. Ông bố kinh hoàng khi nghe chuyện đó. Ông đã dọa dẫm, khuyên giải anh, nhưng không được. Ông cầu cứu họ hàng.

Khi thấy những nhân vật quan trọng nhất của họ đã có mặt. Ông Quyền, trưởng họ trình trọng lên tiếng:

– Hôm nay họ họp bất thường vì có chuyện không lành. Anh Văn, con ông Vận xin cưới vợ.

– Tốt quá. Đến tuổi lấy vợ rồi còn gì.

– Chuyện lấy vợ mà ông trưởng họ lại bảo là chuyện không lành, hơ hơ.

– Mùa năm nay cũng khá, ông Vận cứ phải sắm năm chục mâm.

– Mọi người im nào - Ông Quyền gắt - Chưa nghe ra ngô ra khoai mà cứ nhao nhao lên. Anh Văn xin cưới cái con câm bên làng Vĩnh, con cháu nhà Chánh Hợi, kẻ thù của họ ta.

Ông Quyền vừa dứt lời, tiếng nhao nhao lại nổi lên:

– Ồi giời ơi! Sao lại có chuyện lạ thế - Nhà ấy tha không chém hết cả lũ là may.

– Xem lại cậu Văn có mắc bệnh dở hơi không?

– Thế này, thế này - Ông Quyền nói - Việc lấy con câm nhà Chánh Hợi thì không bao giờ họ ta cho phép. Nhưng ngay chiều nay phải cử người xem khu mộ tổ có sạt lở gì không? Ông Vận phải sắm lễ đến mòng Một vào mộ tổ. Tôi cho triệu tập họ đến để thông báo như vậy, cũng là để nhắc lại thù xưa. Ông bà, chú bác lo giáo dục con cái. Còn anh Văn nhớ cho là, anh rước con câm về đây là anh giết cả họ, rồi con cháu trong họ sau này câm hết.

– Giết cả họ. Giết cả họ.

– Câm hết. Câm hết.

Tiếng nhao nhao lại nổi lên. Văn vẫn ngồi cúi mặt im lặng ở góc nhà. Lòng anh đau đớn.

– Thế nào anh Văn - Ông Quyền cao giọng - Họ nói như vậy là đúng chứ? Anh là người có học chắc anh hiểu.

Văn từ từ đứng dậy. Anh chậm rãi nhìn mọi người.

– Thừa các ông các bà, thừa cả họ. Chuyện thù hận xưa giữa họ ta, cụ thể là gia đình cháu, với nhà Chánh Hợi thật không nên quên. Nhưng con cháu họ bị chịu thế là đủ lắm rồi. Thiết nghĩ, họ ta cũng mãn nguyện mà xóa thù xưa. Họ mình có truyền thống thương

người. Cháu mong họ thương cháu và cô Thảo. Âu cũng duyên trời. Cháu xin họ cho cháu cưới cô ấy.

– Anh là con cháu mà lão - Ông Quyền dẫn chén nước xuống mặt bàn - Anh coi họ là cái gì. Tôi còn, họ còn thì anh không được mở mồm nói chuyện cưới xin nhục nhã ấy.

– Thừa ông Trưởng - Văn nói - Cô ấy không có tội. Chuyện vợ con là do cháu quyết định.

– Này, tôi đổ anh cưới nó đấy. Cứ gọi là... nát xương. Anh làm nhục họ Lê chúng tôi à.

– Cưới hay không cưới không quan trọng, nhưng cháu vẫn lấy cô ấy làm vợ, xin có lời trước với họ như vậy.

Văn nói xong bước vội ra ngoài. Ông Quyền run bần bật, một lúc sau mới đập bàn hét:

– Nổi trống họ lên. Chúng bay lôi cổ thằng Văn về. Đánh tuốt xác nó ra.

Phê, trai họ, đang ngủ gật, nghe tiếng quát của ông Quyền, vội lấy dùi trống nện liên hồi. Mọi người nháo nhác, mỗi người một ý, chẳng ai nghe ai.

Trời đã vào đông, những bông hoa cúc trên mộ như sáng hơn và ấm áp hơn. Văn đứng trước khu mộ tổ thì thầm: “Con không quên chuyện cũ. Nhưng con nhớ không phải để tiếp tục trả thù. Sự trả thù luôn luôn là hành động của kẻ quẩn trí. Con cầu mong tổ tiên hãy tha thứ cho con, hãy phù hộ cho con và cô ấy. Con xin quỳ lạy tổ tiên tha thứ cho con cháu nhà Chánh Hối từ nay khỏi bệnh câm”.

Đợi cho hết tuần hương. Văn đi về cuối cánh đồng đợi Thảo đi học may về.

Họ nhìn thấy nhau từ xa. Chân họ ríu lại. Khi đứng trước nhau, cả hai thấy ngạt thở. Văn cầm tay Thảo, cánh đồng chợt hừng ấm. Họ ngồi xuống mép cỏ.

– Anh đã nói với gia đình là anh sẽ cưới em.

Thảo nhìn xuống lắc đầu.

– Em không đồng ý ư?

Cô lại lắc đầu.

– Tại sao? Tại sao hở em?

Cô im lặng rút cuốn sổ học may và viết: “Em sợ lắm. Chúng mình không lấy được nhau đâu. Em không thể làm khổ anh”.

– Em không yêu anh ư?

Thảo lại viết: “Không phải thế. Nhưng em không lấy được anh. Em là người tàn tật. Cả gia đình em tàn tật”.

– Đừng nghĩ thế nữa. Anh yêu em. Hãy nói với anh một lời đi. Nói đi em.

Thảo quay lại nhìn Văn. Đôi môi cô giàn giụa:

– O... ừ... oa... ê...

Và cô khóc. Cô ôm chầm lấy Văn, ngửa mặt lên trời khóc như tru. Lòng Văn như bị cắt từng nhát.

– Em ơi! Thảo ơi - Văn thổn thức.

Thảo gạt đầu thay câu trả lời.

– Em đồng ý làm vợ anh nhé?

Thảo lắc đầu trên vai Văn.

– Sao vậy em? Thảo ơi!

Thảo lấy bút viết: “Em sợ...”

– Có gì làm em sợ mãi thế?

Thảo khóc và viết: “Em sợ những đứa con của chúng ta ra đời sẽ không nói được như em”.

Viết đến đó, Thảo vứt bút và khóc to hơn.

– Không có chuyện đó. Hãy tin anh. Tình yêu của chúng mình sẽ làm cho những đứa con biết nói. Thật thế mà.

Thảo gục đầu vào ngực Văn. Cô như thiếp đi trong sự rã rời của đau khổ, sợ hãi và cả hạnh phúc bất ngờ.

Một buổi sáng Thảo bỏ học may. Ông bố cô ra hiệu hỏi “Con không đi học à?” Thảo lắc đầu “Ồm hay làm sao?” “Con có chuyện muốn nói”- Thảo trả lời bằng ra hiệu. Ông bố hất hàm như có ý nói “Có chuyện gì thế?”. Thảo lấy giấy bút viết: “Có người làng Sóc

muốn xin cưới con”. Ông bố sững sờ. Đôi mắt ông chột tứa ra hai giọt nước mắt hiếm hoi. Đã mấy chục năm nay, con trai gia đình ông cũng có người lấy được vợ, dù là lấy vợ lấy vào. Nhưng con gái trong gia đình ông chưa hề có ai xin cưới bao giờ. Họ chỉ có thể đi làm người ở cho những gia đình ở tận miền ngược. Cả vùng này ai cũng biết bệnh câm di truyền của gia đình ông. Thế mà bây giờ con gái ông có người hỏi làm vợ. Sau giây phút sững sờ, ông thấy hoảng sợ. Nhưng con gái ông đang ngồi trước ông, đẹp và buồn. Ông cầm bút viết:

“Chuyện như thế nào? Nó là con nhà ai? Ở đâu?”

“Anh ấy ở làng Sóc, con ông Vận. Anh ấy nói nhà ta và nhà anh ấy có mối thù. Nhưng anh ấy yêu con, muốn con làm vợ”.

– Ơ a... hu... u... u.

Ông bố kinh ngạc kêu lên. Sau tiếng kêu ông bật khóc. Thảo ôm lấy cánh tay bố. Một lát sau ông bố vừa lau nước mắt vừa viết: “Nhà Vận thù nhà ta. Nhà Vận nguyên cho nhà ta câm”. Thảo giằng lấy bút từ tay ông bố: “Anh ấy tốt lắm, thương yêu con lắm. Con yêu anh ấy. Con không bỏ được”.

“Nghĩ lại con ơi! Kẻo nhà Vận nó lừa để làm nhục nhà ta đấy”. Ông viết vội vã những dòng chữ xiêu vẹo. “Không, anh ấy yêu con. Chúng con sẽ cưới nhau. Bố ơi, bố hãy thương con, thương lấy con”. Thấy con nói vậy, ông ôm con vào lòng. Nước mắt ông đầm đìa trên mặt. Rất lâu sau ông viết:

“Bố thương con, bố không cấm con. Nhưng đây là ý của anh ta, còn gia đình và họ hàng anh ta sẽ không bao giờ để cho con cháu họ quan hệ với những người trong gia đình nhà ta đâu, con ạ”.

“Con biết, anh ấy đã nói với con tất cả từ một tháng nay rồi”.

“Nó kể cho con nghe hết rồi ư?”.

Thảo gật đầu. Ông bố thở dài.

Sau bữa cơm tối, ông bố Thảo ra hiệu cho tất cả mọi người trong nhà tập trung lại. Ông vừa u ơ vừa lấy tay làm hiệu, kể lại câu chuyện giữa Thảo và Văn cho gia đình biết. Khi ông vừa kể xong thì tất cả mọi người đều hướng mặt ra cửa về phía cánh đồng làng Sóc

kêu lên giận dữ như tiếng kêu hú của con người buổi sơ khai. Ông bố lấy tay ra hiệu mọi người im lặng. Ông nhìn Thảo và từng người một. Rồi ông chỉ về làng Sóc và chỉ vào Thảo. Ông bố lấy ngón tay áp vào nhau tỏ sự đồng ý cho họ lấy nhau. Sau đó, ông nhìn từng người, rồi ung dung biểu thị sự dứt khoát của ông. Tất cả mọi người im lặng, cúi mặt buồn bã. Ngôi nhà chìm vào im lặng. Chỉ còn ngọn đèn dầu sáng vàng ở giữa vòng người.

Đến khuya ông vẫy Thảo đến bên ông. Ông viết những lời dặn con: “Nếu các con có lòng thương nhau thì phải đưa nhau đi thật xa mới có thể sống được. Sẽ không có lễ cưới như mọi người đâu. Bố thương con, nhưng không làm gì được. Bố biết chuyện gì sẽ xảy ra sau này. Nhưng con hạnh phúc là bố vui. Sướng khổ thì chịu, đừng trách oán tổ tiên, ông bà. Giời đất cho thế nào thì được thế”.

Rồi sau đó. Vào một đêm mưa gió lạnh giá, Thảo gói ghém ít tư trang và rời nhà ra đi. Ông bố lặng lẽ đưa con đến cuối làng. Ông ôm lấy con và khóc. Trong bóng đêm buốt lạnh trên con đường dẫn ra cánh đồng cuối làng, hai bố con ông “Hu...hơ...” dặn dò, an ủi và cầu nguyện cho nhau.

Văn đón Thảo ở đoạn giữa cánh đồng. Họ ôm nhau rất lâu. Rồi cả hai dắt nhau bỏ quê ra đi. Văn đưa vợ về làng chài ở huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa. Ở đây anh có một người quen.

Khi phát hiện ra Văn và Thảo cùng nhau bỏ quê đi mất, người họ Lê hùng hổ kéo đến nhà bố đẻ Thảo. Dẫn đầu là ông Quyền. Họ ủa kín vào sân nhà Thảo hò hét, chửi rủa. Họ tràn ra vườn chặt phá cây cối. Nhiều người bứt vôi cam quýt còn xanh bỏ đầy túi áo, túi quần.

Ông bố Thảo đứng im lặng trên hè nhà. Sau ông là tất cả những người trong gia đình này. Gương mặt họ u tối.

Ông Quyền bước đến trước mặt bố Thảo, chống tay vào sườn hỏi như quát:

– Lũ con cháu nhà Chánh Hối kia. Chúng mày còn món nợ tày trời với họ chúng ông, giờ lại để con gái rủ rê người họ chúng ông bỏ làng lần nữa. Muốn sống, cho người đi gọi con gái chúng mày mang trả lại người của họ chúng ông. Nếu không chúng ông đốt nhà.

- U... ủa... ớ - Ông bố Thảo hươ tay như phân bua.
- Hê... á... ủa...
- Đ. nghe mày nói. Cầm cả nhà không nhục mà lại còn định làm đĩ, dụ dỗ trai họ ông à.
- Á... ê... hú... ô...
- Chúng ông đếch nghe. Chúng ông đếch hiểu gì cả.
- Nó có hiểu gì đâu mà chửi.
- Đ. hiểu cứ chửi. Đánh cho chúng nó một trận.

Tất cả những người họ Lê có mặt ở đó chửi bới gào thét. Họ đập phá những gì có thể đập phá. Cái gì có thể lấy được là họ bỏ túi... Cuối cùng một thanh niên xòe diêm đốt cây rơm ở góc sân. Trời đang hanh, rơm gặp lửa bốc ngùn ngụt. Trên hè nhà, những người cầm nhà Thảo vẫn đứng cầm lặng sau ông bố Thảo. Khi ngọn lửa cây rơm bốc cao, những người họ Lê hò hét nhau rút lui. Họ tập trung lại ở nhà thờ họ. Trưởng họ đốt hương, quỳ xuống vái. Sau đó ông mang cuốn sổ ghi tên đàn ông của họ ra gạch tên Văn. Rồi đồng dục tuyên bố với tất cả họ từ giờ phút này Lê Đức Văn không phải người họ Lê nữa.

Vào một ngày biến động, một đứa bé cất tiếng chào đời ở một làng chài. Nó là đứa con của Văn và Thảo. Người bố ứa nước mắt và nói:

- Con nó biết khóc em ơi!

Thảo gật đầu nhìn chồng. Nhưng đôi mắt mệt mỏi của người mẹ đầy lo lắng. Mấy ngày sau khi sinh con, Thảo vẫy chồng lại ra hiệu cầm bút giấy. Văn mang bút giấy cho vợ, chị viết: “Em vẫn sợ lắm anh ạ, không hiểu Trời Phật có cho con nó làm người bình thường không?”

- Cu cậu khóc to lắm. Người ta nói ai sinh mà biết khóc là biết nói.

Thảo viết: “Gia đình em sinh ra ai cũng biết khóc cả, thế mà tất cả không nói được”.

- Em đừng lo lắng nhiều. Em định đặt tên con là gì?

Thảo viết: “Em không biết, tùy anh”.

Văn hồ hởi:

– Anh đặt tên con là Ngôn, Lê Minh Ngôn.

Thảo ứa nước mắt, mỉm cười, gật đầu.

Thằng Ngôn lớn lên khỏe mạnh. Và khi nó cất tiếng gọi “ẹ ời” thì cả hai vợ chồng ôm lấy nhau, đầm đìa nước mắt.

“Con tôi không câm, con tôi không câm”. Suốt ngày hôm đó Văn lảm nhảm nói như một người điên. Văn mổ gà, nấu xôi mời hàng xóm bạn bè đến uống rượu chung vui.

Thằng Ngôn không câm. Nhưng bước sang tuổi thứ sáu nó vẫn bị ngọng. Văn đi khắp nơi tìm mọi thứ thuốc và hỏi cả những mẹo chữa dân gian cũng không làm đứa bé khỏi bệnh.

Những ngày biển động Văn không đi biển. Vợ anh ngồi cùng anh vá những tấm lưới rách. Thằng Ngôn nghịch ngợm chui vào đồng lưới kêu lên:

– On à on á! On à on á! (Con là con cá! Con là con cá)

– Chui ra. Tao quật chết bây giờ - Văn gào lên.

Thằng bé lập cập chui từ đồng lưới ra. Nó nhìn bố đầy sợ hãi và òa khóc. Thấy nước mắt con, Văn không chịu nổi, anh ôm con vào lòng.

– On êu ồ, on êu ồ ắm (Con yêu bố, con yêu bố lắm) - Thằng bé meo meo.

Nghe con nói, lòng Văn như dao cắt. Mắt anh ứa lệ. Anh vò mái tóc lẫn đầy cát biển của con. “Trời ơi! - Lòng Văn run lên - Cả tiếng yêu thương mà con ta cũng không nói được”. Văn vụt đứng dậy. Anh đi ra bờ biển. Những chiếc lá phi lao rít lên nóng bỏng bởi gió cát. Mây ngàn ngụt bốc lên từ biển, Hải âu nháo nhào đặc trời và kêu lên thất thanh.

Văn lão đảo bước đến mép sóng và từ từ quỳ xuống. Anh ngửa mặt lên, hai tay vươn lên trời như cầu nguyện, như phán hỏi. Toàn thân anh rung lên như một cây buồm trong bão, và lòng anh gào hỏi: “Biển triệu năm vẫn mang tiếng biển, hải âu sinh ra triệu năm vẫn

nói tiếng hải âu, có sao có những con người sinh ra như con ta lại không được nói đúng tiếng người”.

Một đợt sóng mới ào đến khắp người anh. Sóng mang về một mảnh thuyền vỡ. Mảnh thuyền bị nước mặn ăn mòn rỗ. Mảnh thuyền đã trôi dạt bao nhiêu năm rồi trên biển để nay về lại với bờ bến. Nó nằm lại trên cát ướt và ẩm trầm giọng gỗ kể lại cuộc đời thuyền. Một đợt sóng nữa lại ào tới. Sóng mang về những vỏ ốc nhỏ trắng xanh. Vỏ ốc nằm lại trên cát và kể lại cuộc đời nó bằng giọng âm ỉ ngai ngái trong gió biển triền miên.

– Hỡi biển cả! Hỡi biển cả!

Văn kêu lên bằng cả ký ức và nỗi khát khao vô bờ. Một ngọn sóng mang mang đi qua người anh. Và trong khoảnh khắc đồng hành cùng nước và muối, lần đầu tiên nghe thấy biển cát lên tiếng người từ chính máu thịt anh.

Cái chết của bầu môi

Họ vào đến công viên thì trời đổ mưa.

Cả hai dắt tay nhau chạy vào trú dưới mái tôn của quầy bán vé đu quay. Người đàn bà tựa vào ngực người đàn ông thở gấp. Mưa như những viên sỏi ném ran ran xuống mái tôn.

– Mưa đầu hạ, anh nhỉ? - Người đàn bà hỏi.

– Mưa đầu hạ - Người đàn ông đáp.

Rồi cả hai im lặng trong tiếng mưa ngân lên trên những vòm lá trong công viên. Qua ánh đèn cao áp, những hạt mưa lung linh như những viên ngọc của các nàng tiên từ trên trời thả xuống.

– Anh có thích mưa đá không? - Người đàn bà chợt hỏi.

– Có - Người đàn ông trả lời và mỉm cười - Ngày còn bé ở quê có lần mưa đá. Anh chạy ra sân nhặt đầy một ống bơ sữa bò, rồi giấu kín vào góc gầm giường. Khi tìm đến thì đá tan hết. Anh khóc suốt buổi chiều vì nghĩ rằng ai đó đã lấy trộm của mình.

Người đàn bà bật cười khúc khích. Chị xoay người ôm lấy người đàn ông và hôn lên ngực anh. Chợt chị thở dài im lặng.

– Em cũng như những viên nước đá ấy - Chị thì thào.

– Không, anh không bao giờ để mất em. Em không thể tan chảy.

– Không phải em nói thế - Người đàn bà lắc đầu - Nhưng anh đừng nói gì nữa cả.

Bầu trời đêm vỡ ra từng chùm sấm. Mưa trút xuống dào dạt. Gió thổi làm tạt những hạt mưa bay xiên.

– Em đứng vào trong kèo ướm - Người đàn ông nói và xoay người đàn bà vào phía trong. Anh đứng chắn mưa cho chị. Họ như hai con gà con chúi đầu vào nhau tránh mưa. Cả hai im lặng như đã ngủ. Họ thiêm thiếp trong nỗi nhớ về họ.

Chính ở quầy bán vé đu quay này họ đã quen nhau. Khi cả hai đưa con đến chơi công viên vào một ngày chủ nhật. “Mẹ ơi, con

đang bay lên cung trăng”. Đứa bé trai ngồi trong chiếc máy bay hàn bằng tôn đã tróc sơn gọi chị.

“Con cũng bay lên cung trăng. Bỏ lên đây với con”. Đứa bé gái ngồi ở ghế sau cũng líu ríu gọi anh.

Cả hai rạng rỡ nhìn theo hai đứa bé và cùng reo lên sung sướng. Sau tiếng reo thích thú, hai người lớn chợt quay lại nhìn nhau. Cả hai gương mặt ửng đỏ, và trong khoảnh khắc họ thấy lòng nao nao như sắp bay lên. Từ buổi ấy họ quen nhau.

Chiều thứ bảy đó, anh gọi điện cho chị: “Ngày mai em đi đu quay chứ?” “Con em chứ không phải em”. Chị nói và cười trong máy. “Mấy giờ em đến đây”, “Chín giờ, ngày chủ nhật em cũng khỏi việc”. “Anh sẽ đợi mẹ con em”.

Buổi sáng chủ nhật đó anh đến sớm đợi mẹ con chị. Hai đứa trẻ ríu rít nói chuyện với nhau. Còn hai người lớn im lặng nhìn nhau lúng túng.

Sau khi hai đứa bé đã bay liên ba suất vé, anh đề nghị:

“Bây giờ anh sẽ chiêu đãi hai viên phi công nhí này và em”.

“Anh không phải chiêu đãi. Ta góp gạo thổi cơm chung”.

“Hôm nay anh có tiền mà”.

Anh lúng túng nói và nhìn chị. Và trong khoảnh khắc đẹp nhất của vũ trụ họ bỗng bay lên chơi vui trong mắt nhau.

Những ngày sau đó, lúc nào có thể là họ gọi điện cho nhau, ríu rít và ngọt ngào.

“Lúc nào em cũng nhớ anh” - Từ bên kia đầu dây người đàn bà nói giọng run rẩy.

“Đêm qua anh mơ thấy em”. - Người đàn ông nói như hụt hơi.

“Em cũng thế.”

“Anh thấy em ướt hết.”

“Em cũng thấy anh thế.”

“Anh thấy em giật mình.”

“Em thấy anh cũng thế.”

“Anh... anh có lỗi với em.”

“Em mới là người có lỗi.”

“Nhưng anh yêu em.”

“A... a... anh.”

Cả hai ghì chặt ống nghe vào tai. Họ trôi miên man trong ngôn từ được truyền qua dây cáp.

“Anh ơi! - Từ đầu dây kia vọng tiếng gọi của chị như một chân trời xa lắc - Anh đâu?...”

“Anh đây.”

“Đâ... â... âu.”

“Đây.”

“Lại gần em đi, ôm em chặt vào.”

“Anh đang ôm em đây.”

“Chặt nữa vào”.

Hơi thở người đàn bà phủ một lớp hơi nước mỏng trên ống nói. Cả hai im lặng. Không gian quanh họ đông cứng lại.

“Em... mệt quá. - Giọng người đàn bà như gió thoảng. - Thôi anh nhé, hơn năm giờ rồi. Em còn về nấu cơm”.

Nhưng khi ngắt ống nói rồi cả hai lại vẫn ngồi im lặng lắng nghe những tiếng “tút, tut” đều đều và trong như tiếng chim từ ống nghe vọng ra. Rồi cả hai vội đứng dậy, đạp xe về ngôi nhà riêng của mình.

“Chồng mình là người đàn ông tồi ư?”, người đàn bà ôm chặt đứa con vào lòng bậm môi tự hỏi trong đêm. “Không, không được hỏi thế - Chị tự trả lời và thấy trái tim nhói đau. Anh ấy là một người tốt, thế nhưng...”

Thế nhưng chị đã gặp người đàn ông kia. Chị ôm vội xiết anh vào để lấp đi khoảng trống như một bãi sa mạc trong lòng chị bấy lâu. Bấy lâu chị trống vắng đến hoảng sợ. Ý nghĩ của chị lang thang suốt những đêm trên vùng sa mạc ấy mà không hề gặp một ai. “Mình sẽ yêu anh ấy như ngày xưa”, chị luôn luôn tự nhủ như vậy mỗi khi bóng đêm trùm xuống. Trong những lúc chồng chị đi vắng. Chị chuẩn bị cả ý chí và tình cảm để đợi chồng về. Chị sẽ âu yếm và nói

với anh những lời đắm say như những ngày mới cưới. Nhưng mỗi khi mở cửa cho chồng thì mọi sự chuẩn bị của chị đều tan biến.

Trong đêm, chị thường quờ tay qua người đứa con để chạm vào bàn tay chồng. Nhưng chị lại vội vàng rút tay khi bắt gặp một sự xa lạ đến xấu hổ nơi da thịt chồng. “Có phải ta đã gặp một tình yêu đích thực với người đàn ông không phải chồng ta hay là ta đang lao vào một ảo ảnh của hạnh phúc, hay là ta đang tội lỗi”. Chị tự hỏi và âm thầm khóc.

Cũng trong ngôi nhà của mình, người đàn ông sống những đêm trần trọc: “Vợ ta là người xấu ư? Không, đó là người đàn bà dịu dàng và yêu ta. Nhưng sao trái tim ta...”

Trái tim anh đã đập miễn cưỡng trong sự vuốt ve, âu yếm của người vợ. Họ đã có một đứa con với nhau. Nhưng sự đắm say không còn trong anh nữa. Anh cố níu giữ mà không sao làm được. Nhiều lúc đi trên đường, bất ngờ một gương mặt phụ nữ nào đó làm anh hoảng hốt: “Hình như đó mới là người đàn bà cứu mạng nỗi cô đơn của ta”, anh xót xa nghĩ.

Anh thường ngồi dậy trong đêm, hôn dịu dàng lên vàng trán bé bỏng, ươn ướt của đứa con. Anh ngồi rất lâu ngắm gương mặt người vợ trong ánh đèn ngủ. Anh rùng mình lắc đầu để cố quên đi cái cảm giác lạnh nhạt từ gương mặt đẹp và thanh thoát của người vợ và một...

– Anh nhìn kia. Chợt người đàn bà reo lên - Đẹp quá!

Đôi mắt người đàn bà ngược nhìn lên, trên hàng mi cong đẹp đẽ những bụi nước mưa nhỏ li ti, lấp lánh như những hạt nhũ. Trong khoảng sáng đẹp cao áp giữa hai vòm cây lớn phía trên đầu họ có những hạt mưa đang mờ màng bay là những con mối. Những con mối xòe đôi cánh mỏng như màng nước từ một ổ đất dưới gốc cây cuồng nhiệt bay lên.

– Mưa đầu hạ, mưa mối - Người đàn ông nói khẽ.

– Mưa mối - Người đàn bà thì thầm theo.

– Mưa đầu hạ là mùa hạnh phúc của chúng.

– Hạnh phúc!

Sau câu nói ngơ ngác của người đàn bà, cả hai lại rơi vào im lặng. Mưa dạt dào trút xuống. Trong ánh sáng đèn cao áp, đàn mối bay lên thành một dòng sáng lấp lánh.

– Ôi, anh ướt hết rồi - Người đàn bà kêu lên. Chị đưa tay quờ quạng khắp lưng áo anh - Anh đứng vào đi.

Người đàn ông nhích sát vào người đàn bà. Họ dán chặt vào nhau.

– Em...

– Dạ.

Hai gương mặt đầy nước mưa áp vào nhau. Hai cặp môi xoắn bện lại tưởng đến giáp võ. Khi hai cặp môi rời nhau, họ thở như kiệt sức. Trên lối đi nhỏ bằng xi măng trước mặt họ có những con mối bị nước mưa đập nát đôi cánh. Chúng bò lết trên mặt xi măng xâm xấp nước và phô ra những cái bụng căng tròn trắng bột có những đường gân nhỏ.

– Những con mối chết mất - Giọng người đàn bà run rẩy.

– Chúng sẽ chết - Người đàn ông nói và ôm xiết người đàn bà vào lòng - Cả đời mối chỉ biết bay lên có một lần rồi chết. Và, đến mưa đầu hạ sau bay lên và chết.

Nói xong anh lại ôm xiết chị chặt hơn. Bàn tay thô nháp và nóng rực của anh nằm ngoan ngoãn ở khoảng giữa hai bầu vú người đàn bà. Chị khế co người lại, đôi mắt vẫn mở to nhìn những con mối đang quẩn quại trên mặt đường xi măng.

Mưa vẫn trút xuống. Đàn mối vẫn ngùn ngụt bay lên.

– Anh ơi, hình như...

– Sao em?

– Hình như... chúng đang khóc, đàn mối ấy.

– Đừng nghĩ thế. Có lẽ chúng đang... hạnh phúc.

– Hạnh phúc.

Giọng người đàn bà ngân lên như một câu hỏi.

Chị thu mình vào lòng người đàn ông.

– Em lạnh phải không?

Người đàn bà lắc đầu.

– Thế là sau bao mong đợi, giờ thì anh được đứng bên em như thế này. Chúng mình sẽ... có con... đêm nay - Người đàn ông nói như thở hắt ra.

– Em... sợ - Người đàn bà cuộn tấm thân mềm mại và rực nóng trong vòng tay người đàn ông. Gương mặt chị ửng và xanh như một chiếc lá trong mưa.

“Em có một chiếc áo ngủ màu tím. Màu tím như viền chân trời sau mưa chiều thu - người đàn bà đã một lần nói với người đàn ông như thế - Em chờ một ngày mặc để đón anh. Chỉ đón... anh thôi”.

“Anh sẽ khóc mất - Người đàn ông nói như mê sảng - Anh sẽ hôn ướt người em”.

“Em... em sẽ...”

“Em sẽ làm sao?”

“Khô... ô... ông. Em không biết”.

Thế rồi suốt những ngày sau đó, cứ mỗi lần mở tủ chị lại lặng người trước chiếc áo ngủ màu tím ấy.

“Sao em không mặc chiếc áo ngủ này nhỉ?” Có đôi lần chồng chị hỏi. “Em... em chưa muốn mặc - Chị lúng túng - Em sẽ mặc”. “Anh rất muốn em mặc chiếc áo đó”, chồng chị nói và khẽ thở dài. Chị xót xa và choáng váng. Chị cuộn chiếc áo và giấu kín vào góc tủ.

Một hôm đi làm về, chị thấy trên bàn có một lọ hoa tươi tuyệt đẹp.

“Anh mua đấy. Hôm nay kỷ niệm ngày cưới của chúng mình”. Chồng chị nói khẽ, giọng xúc động. Chị thấy một bàn tay vô hình lùa vào ngực bóp mạnh trái tim chị. Chị đứng lặng không dám quay lại nhìn chồng. Những ngón tay chị run rẩy trên những bông hoa đọng những giọt nước trong vắt.

Đêm ấy khi đi ngủ, đầu chị rung lên giọng nói của chồng như tiếng rung của lưỡi dao cạo mỏng và sắc:

“Anh rất muốn em mặc chiếc áo ngủ đó”.

Chị lặng lẽ bước tới tủ đựng quần áo. Chị mở tủ và đứng lặng rất lâu. Cuối cùng chị rút chiếc áo ra. Chiếc áo mỏng xỏ xuống như một

mái tóc dài.

“Em sẽ mặc” môi chị mấp máy. Chị mở to đôi mắt nhìn vào bóng mình trong gương. Chị run rẩy mở từng chiếc cúc áo. Khi chiếc áo mặc thường ngày ở nhà tuột khỏi đôi vai chị, chị thấy người trong gương không phải là chị mà đó lại chính là người đàn ông chị đang yêu.

“Em có một chiếc áo ngủ màu tím... Em chờ một ngày mặc để đón anh... Chỉ đón anh thôi...”, chị thì thầm đau khổ với người đàn ông trong gương.

“Anh sẽ khóc mất. Anh sẽ hôn ướt người em”, người đàn ông nói và đi về phía chị.

“Không... anh ơi”, chị thì thầm kêu lên và ôm chặt chiếc áo vào ngực, quay lưng lại phía gương.

“Hôm nay kỷ niệm ngày cưới của chúng mình”. Giọng người chồng ban chiều lại rung lên trong óc chị như tiếng rung của lưỡi dao cạo mỏng và sắc.

Chị bặm chặt môi, gỡ chiếc áo ra và khoác vào một cánh tay.

“Anh sẽ hôn ướt người em”. Hình như người đàn ông chị yêu đã bước ra khỏi gương đến sát sau chị. Chị thấy hơi thở của anh phả nóng một vùng sau gáy chị. Hình như anh đã đặt một nụ hôn lên vai chị. Nụ hôn dịu dàng vỡ ra như một giọt nước. Rồi một nụ hôn khác mơ hồ lên cánh tay trần còn lại của chị. Và giọt nước thứ hai cũng đã vỡ, loang ướt một vùng trên da thịt chị. Trời ơi! Chị nhắm mắt lại. Rồi sẽ đến giọt nước mắt thứ ba, thứ tư, và.... Chị xúc động đến buốt ngực.

“Đi ngủ đi em, khuya rồi. Em còn làm gì đấy?”. Từ trong phòng ngủ chồng chị cất tiếng hỏi vọng ra.

“Dạ... em xem lại... chiếc áo của con. Nó tuột cúc”.

Chị nói và hoảng hốt rút tay ra khỏi chiếc áo ngủ. Chị ôm chiếc áo vào ngực như giấu. Rồi chị cuộn chiếc áo và nhét mãi vào góc tủ. Chị mặc lại chiếc áo cũ kỹ và bước xuống bếp. Chị khóc nức lên. Sợ chồng nghe thấy tiếng khóc của mình, chị vừa khóc vừa lấy chiếc gáo nhựa múc nước trong chiếc bể nhỏ lên và đổ xuống chính chiếc

bể đó như thể chị đang cọ rửa, dọn dẹp một vài thứ gì đấy. Thôi khóc, chị vội vã chuẩn bị cho hơi thở và gương mặt trở lại bình thường. Khi vào đến cửa phòng ngủ, chị bỗng hoảng sợ. Qua tấm màn tuyền màu xanh nhạt, chị thấy đứa con mọi ngày vẫn nằm ở vị trí giữa chị và người chồng, giờ nó đã được chồng chị đặt vào phía trong sát tường.

Những con mồi rụng cánh rơi xuống mỗi lúc một nhiều. Quanh hai người mưa vẫn mênh mang, xa ngắt.

– Anh đợi em lâu quá.

– Em cũng thế, nhưng... anh có hiểu em không?

Giọng chị như từ cuối cơn mưa vọng về. Đôi mắt chị khép lại, đôi môi khẽ mở đầy khát vọng và đau khổ. Rồi cả hai người như bước hụt xuống một hồ nước mênh mông, sâu thẳm. Họ cứ thế trôi miên man vào cơn mê không sao cưỡng lại được. Trong cơn mê chị thấy chiếc áo ngủ màu tím của mình tan rữa trông như những cánh mồi. Chị thấy thân thể mình bị phơi ra với cái bụng trắng bợt có những đường ngấn. Chị thấy mình đang bò về phía ngôi nhà của chị. Dưới mái hiên, chồng chị và đứa con năm tuổi đang đứng nhìn ra ngoài trời mưa.

“Mẹ đi làm mãi chẳng về”, đứa bé phụng phịu ngái ngủ.

“Mẹ sẽ về, sẽ về - Chồng chị dỗ dành - Bố con mình chờ mẹ một chút nữa thôi mà”.

Chợt đứa bé kêu lên và chỉ tay về phía chị.

“Eo ơi, con gì khiếp không kìa, bố”

“Mối đấy, con ạ”.

– Không - Chị giật mình kêu lên và đẩy người đàn ông ra. Rồi chị hoảng hốt quờ khắp người - Chiếc áo ngủ màu tím đâu rồi, đâu rồi. Nát, nát hết rồi. Không bao giờ còn nữa. Chiếc áo.

– Em làm sao thế? - Người đàn ông ngơ ngác nhìn chị. Rồi anh ôm choàng lấy chị.

Người đàn bà thở hổn hển và òa khóc. Hai bàn tay chị bấu chặt vào đôi vai người đàn ông. Gương mặt chị như bị cơn mưa phủ mờ.

– Chết. Chết hết rồi - Chị nói và khóc to hơn.

Người đàn ông không nói gì. Anh lặng lẽ vắt nước từ mái tóc chị.

Mưa đã vơi. Trong khoảng sáng đèn cao áp giữa hai vòm cây chỉ còn lác đác những con mối muộn. Trên mặt xi măng của lối đi nhỏ la liệt xác mối. Người đàn bà mở đôi mắt kinh hoàng nhìn bầy mối và lẩm bẩm như một người điên.

– Chết hết rồi. Bầy mối, chẳng còn gì nữa. Chết.

– Em - Người đàn ông kêu lên khe khẽ. Anh đưa những ngón tay vụng về lên lau những giọt nước mưa đọng trên mặt chị.

– Anh đưa em về đi.

– Còn mưa mà em.

– Không. Em phải về.

Người đàn bà gỡ vòng tay của người đàn ông ra và hốt hoảng bước đi.

Đến đoạn rẽ vào khu tập thể nhà mình người đàn bà dừng lại. Chị nhìn rất lâu vào đôi mắt người đàn ông và nói:

– Hãy tha thứ cho em. Em yêu anh.

Nói xong chị quay ngoắt người đạp đi. Người đàn ông đứng lặng trong mưa nhìn theo bóng người đàn bà đạp xe nhoáng nhoàng qua những khoảng đèn sáng ẩm ướt.

Người nhìn thấy trăng thật

– Đêm nay ra đê chơi chúng mày nhé. Đêm nay trăng đẹp lắm. Tiếng các cô gái làng đi làm đồng về qua ngõ vọng vào. Sơn chột tỉnh. “Đêm nay có trăng”. Tiếng thì thảo của ký ức vọng về từ đâu đó. Sơn dò dẫm bước ra sân. Anh từ từ ngửa mặt lên trời. Trước mặt anh mênh mông một màu tối đục. Đã ba năm nay, anh không nhìn thấy gì. Một trận ốm làm mất anh lòa đi rồi dần dần tối lại. Cũng gần ba năm trước, các bác sĩ chuyên khoa mắt thực hiện cuộc phẫu thuật mắt cho anh, họ đã thất bại. Anh bỏ dở sự nghiệp học hành trở về quê. Nhiều lúc anh nghĩ đến cái chết. Anh quên mọi vui thú, mọi gặp gỡ, mọi trò chuyện.

“Đêm nay có trăng”. Câu nói đó như một tiếng gọi. Nó thì thầm dẫn anh ra khỏi nhà. Anh lần ra đê và xuống bến sông. Gió hạ về đêm mát rượi thổi tung tóc anh. Anh ngước mắt lên lần nữa. Trời trong mắt anh tối thẫm. Anh bước đi chúi chổng. Anh đã thấy ở rất gần sông bởi hơi nước mát rượi trong gió. Anh như nghe thấy tiếng sông chảy. Tiếng chảy dịu dàng như làm tan đi những mệt mỏi, u buồn. Anh cởi áo, bước từng bước xuống dòng sông. Nước sông đêm chậm chậm dâng lên cơ thể anh. Anh nhào người bơi. Từ trên đê thoang thoảng vọng lại tiếng cười của các cô gái đi chơi trăng, hóng gió. Cứ thế anh như tan vào nước sông và thênh thang trôi. Ý nghĩ và da thịt anh như mê man trong nước mát rười rượi và sự tĩnh lặng mênh mang của trời đất đầy trăng.

– Ai thế này?

Một tiếng con gái thẳng thốt làm Sơn giật tỉnh. Anh dừng lại ngỡ ngác. Xung quanh anh trời đất mờ đen. Anh lặng lẽ khỏa nước đi về phía tiếng người vừa cất lên.

– Ai thế này? Người ta đang tắm mà cứ sấn đến làm gì?

Sơn chột hiểu. Có một cô gái đang tắm đêm. Anh vừa thấy xấu hổ vừa thấy cay đắng. Anh vội nói:

– Xin lỗi cô. Tôi... tôi không nhìn thấy. Tối quá.

– Trăng vàng vặc thế này mà bảo tối.

Giọng cô gái đầy vẻ tức giận.

– Tôi... tôi, tôi bị... hỏng mắt.

Dòng sông chợt lặng phắc như không còn một giọt nước sau câu nói của Sơn.

– Tôi xin lỗi anh - Giọng cô gái rất khẽ - Tôi không biết.

Dòng sông lại lặng phắc sau câu nói của cô gái.

– Con gái mà lại tắm đêm một mình thế này, không sợ à?

– Tôi thích thế. Mà có gì phải sợ.

– Cô ở trên xóm Sóc à?

– Vâng.

– Lâu lắm rồi mới lại tắm sông, đã gần ba năm nay rồi, từ ngày mắt tôi bị hỏng.

Sau câu nói đó, cả hai cùng im lặng. Họ nghe thấy tiếng những giọt nước chảy từ tóc họ xuống mặt sông.

– Trăng đẹp lắm phải không cô?

– Vâng - Cô gái đáp sau hồi lâu im lặng.

– Cô có thể kể cho tôi nghe trăng đêm nay đẹp thế nào. Ba năm nay, tôi không được nhìn thấy ánh sáng, nhất là ánh trăng. Trước mắt tôi là màn đêm dày đặc. Nhiều lúc cứ nghĩ giá mà lấy dao rạch mắt thì tôi có thể nhìn thấy ánh sáng...

– Anh đừng nói đại mồm - Cô gái vội kêu lên.

– Cô kể cho tôi nghe đi!

Cô gái lại im lặng rất lâu. Cuối cùng cô nói khẽ:

– Vâng, tôi sẽ kể cho anh, nhưng kể như thế nào nhỉ? Hôm nay là mười ba, sắp rằm rồi, trăng đêm nay...

Sơn từ từ ngược lên. Gió đêm như từ lòng sông thức dậy và khẽ rướn mình. Bầu trời mênh mang! Trăng như đang trôi miên man. Và hình như có những âm thanh như tiếng những chiếc chuông bạc, chuông vàng mỏng tang đang trôi bất tận không bến bờ. Sông như không còn đôi bờ đất nữa. Nước sông như dâng ngập cả đất trời

hay đó là ánh trăng chảy giàn giụa xóa đi mọi giới hạn. Những lá cỏ bên bờ sông kia kia. Chúng đang hắt những tia sáng trong vắt. Và xa hơn một chút là những vòm cây như những vòm ánh sáng xanh mơ màng và run rẩy. Và xa nữa là dãy núi. Dãy núi đang thiêm thiếp trong trắng. Cả dãy núi như bằng kim cương. Và xa nữa, xa nữa, những dải mây mỏng, ánh bạc, run rẩy và mơ hồ như đang trôi về xứ sở của thần thoại. Và gần lại, gần lại, dòng sông như một dòng ánh sáng chói lòa. Và trong dòng nước ấy có những con cá làm bằng pha lê...

Sơn như trôi đến bên bờ của xứ sở trắng. Anh đưa bàn tay về phía trước. Những ngón tay run rẩy. Trước anh, một thế giới của ánh sáng lạ từ từ mở ra bất tận.

– Thôi anh lên bờ đi kẻo lạnh. Mình tắm lâu quá rồi. Tôi phải về.

– Đừng - Sơn vội kêu. Anh vừa chột thoát ra khỏi cơn mê ánh sáng - Cảm ơn cô....

– Về đi anh, lạnh rồi đấy, ở dưới nước lâu ồm mất.

Cô gái nói và đi lên bờ.

– Nhà tôi ở ngay đây thôi, anh trở lại bến nhà anh đi. Anh cứ đi dưới sông dễ hơn đi trên bờ.

– Tôi muốn gặp lại cô. Tối mai cô có xuống sông không?

Im lặng.

– Tôi muốn nghe cô kể...

– Vâng. Tôi sẽ xuống bến.

Đêm hôm sau. Sơn lại ra sông và bơi về phía bên xóm cô gái.

– Anh đấy à?

Tiếng cô gái vang khẽ trên mặt sông.

– Tôi đây.

– Mình lên bờ ngồi, kẻo ở lâu dưới nước lạnh đấy.

Sơn đi theo tiếng khỏa nước của cô gái lên bờ. Họ ngồi xuống bãi cát. Và sau một hồi im lặng, cô gái lại kể cho Sơn nghe tất cả. Rồi cứ thế, theo lời kể của cô, Sơn lại trôi mê man vào thế giới của

ánh sáng. Và anh lại giật mình thoát ra khỏi cơn mê khi nghe thấy tiếng cô giục anh về.

– Tên cô... à, tên em là gì?

– Đừng hỏi tên em. Chúng ta gặp nhau thế này là được rồi.

Và cứ thế, đêm đêm Sơn lại xuống sông và bơi về phía bên xóm cô gái. Họ lại ngồi bên nhau.

– Cuối tuần trăng rồi - Giọng cô gái thoáng buồn.

– Đêm nay trăng ở xa lắm...

Trăng cuối tháng buồn hơn. Dòng sông như chảy chậm hơn. Những con cá sông bơi chậm hơn. Và cây đôi bờ như thẫn thốc hơn. Mây như nặng hơn và gió như không muốn rướn mình nữa.

Đêm sau đó, Sơn lại gặp cô gái. Họ lại ngồi xuống bãi cát. Cô nói:

– Đêm nay em không kể cho anh nghe nữa. Mà anh hãy tự kể cho em nghe.

Nói xong, cô gái đặt bàn tay mình lên tay anh, Sơn quay về phía cô. Anh như chợt thấy gương mặt cô hiện lên mỗi lúc một rõ.

– Anh kể đi, kể đi anh...

Tiếng cô gái thì thầm như từ trăng vọng xuống. Sơn ngược mắt lên. Và như từ đáy của bóng tối, vàng trắng lặng lẽ hiện lên và lặng lẽ tỏa sáng dần dần.

Khi Sơn dứt lời, cô gái ôm lấy cánh tay anh nói như thở:

– Anh ơi, anh nhìn đúng trăng rồi đấy, thật mà... Anh ơi!

Sơn đưa tay vuốt mái tóc cô gái:

– Em tên là gì? Sao em lại không cho anh biết tên?

– Đừng hỏi tên em. Nếu anh cứ muốn biết tên em, em sẽ không bao giờ gặp lại anh nữa. Anh hứa với em là không được hỏi tên em, anh nhé!

– Anh hứa.

Và rồi những đêm tiếp theo, cô gái ngồi nghe Sơn kể. Giọng anh rành mạch, mơ hồ, reo vui và buồn bã. Một đêm khi anh vừa dứt lời kể, anh nghe tiếng cô gái khóc. Cô cố kìm tiếng khóc nhưng Sơn vẫn nghe được.

- Làm sao em khóc? - Sơn hỏi hốt hoảng.
- Không... không... Ngày mai chúng ta không gặp được nhau nữa. Đêm mai gần sáng trăng mới lên.
- Nhưng anh không thể không gặp em được.
- Anh hãy nghe em nói đây. Anh hãy trở lại bệnh viện. Bác sĩ sẽ mổ mắt anh một lần nữa.
- Không còn hy vọng gì đâu - Giọng Sơn buồn bã.
- Nhất định lần này họ sẽ chữa khỏi mắt cho anh. Anh phải nghe em, đừng phụ lòng mong muốn của em. Anh hứa với em đi!
- Anh hứa!

Đêm ấy họ bên nhau rất lâu, im lặng. Cả hai cùng hướng về phía vàng trắng cuối tháng xa xăm. Gió vẫn thì thào đi qua họ.

- Anh về đi. Khuya rồi.

Cô gái nói và đứng dậy. Sơn đứng lên theo và bước lại gần cô gái. Anh thấy cô đang nhìn anh. Gương mặt cô đẹp như vàng trắng sau một lớp mây trắng mỏng. Anh thấy đôi mắt cô đẹp lạ lùng và thăm thẳm. Anh bước lại gần cô hơn nữa. Và khi anh thấy hơi thở cô nóng hổi phả vào một vùng đầu đó trên gương mặt anh thì cô nói:

- Về đi anh. Khuya lắm rồi. Em cầu chúc anh may mắn. Anh về đi...

Nói xong, cô vội quay người và bước đi như chạy về phía xóm nhà cô dưới chân đồi. Anh cảm thấy cô đang vừa chạy vừa khóc.

Các bác sĩ vui mừng khi ca mổ mắt lần thứ hai cho anh thành công. Trước ngày anh ra viện, họ hỏi anh trong suốt thời gian từ lần phẫu thuật trước đến lần phẫu thuật này anh đã điều trị bằng những loại thuốc nào. Khi anh trả lời họ rằng anh không hề dùng bất kỳ một loại thuốc gì thì họ không tin. Bác sĩ trưởng khoa nói với anh: “Phải có một loại thuốc rất tốt mới làm cho một số cơ quan chức năng của mắt hồi phục. Bởi thế ca mổ của chúng tôi mới thành công. Anh hãy nói cho chúng tôi biết để chúng tôi có thể áp dụng giúp những bệnh án tương tự như của anh”. Anh im lặng hồi lâu và khẽ nói: “Chỉ có một người con gái. Người ấy đã mang đến cho tôi niềm khao khát nhìn thấy ánh sáng và đã cho tôi thấy vẻ đẹp của ánh sáng”.

Anh trở về làng. Tin anh chữa khỏi bệnh mắt sau ba năm bị mù lan khắp vùng. Sau một ngày ở nhà tiếp bà con hàng xóm đến chúc mừng, anh vội đi tìm cô gái. Anh không có một thông tin gì về cô ngoài một chi tiết là cô thường xuống sông tắm vào những đêm trăng mùa hạ, nhưng khi hỏi thăm những người xóm bãi của cô, anh không dám nói cho họ biết chi tiết ấy. Cuối cùng, vì khao khát gặp và để được nhìn thấy cô gái, anh phải nói ra sự thật ấy về cô.

Nghe anh nói xong, mọi người à lên một tiếng, nhưng sau đó họ nhìn nhau im lặng. Cuối cùng, một người già bước đến trước anh. Ông nhìn anh vừa ái ngại vừa thông cảm:

- Nó là con Nhung - Ông nói khẽ.
- Bác làm ơn chỉ cho cháu nhà của Nhung - Sơn vội vã nói như sợ ông già biến mất.
- Nó bỏ nhà đi đâu mấy ngày nay rồi.
- Cô ấy đi đâu hở bác? Tại sao cô ấy lại bỏ đi?
- Không ai biết nó đi đâu - Ông già thở dài - Và cũng không ai biết vì sao nó bỏ đi. Tội nghiệp con bé, nó bị mù từ thuở lọt lòng mẹ!

Người cha

Buổi tối ăn cơm xong, cha tôi nói:

– Ngày mai cha đi biển.

– Chỉ còn một tuần nữa con hết kỳ nghỉ hè, con muốn cha ở nhà. Vả lại biển động phải kéo dài vài ba ngày.

Nghe tôi nói, cha tôi ngồi im lặng. Bóng ông chao đảo trên tường. Tôi nghe gió cát thổi sà sạt qua sân. Tiếng biển thì thoảng lại dồn lên cao ngất.

– Cha ạ, con cảm thấy lo lo thế nào ấy.

– Con trai miền biển mà sợ sóng thì đem mà vớt vào bãi xương rồng. Phải không Minh?

Cha tôi cười và hỏi Minh - Người yêu của tôi.

– Dạ...

Minh lúng túng. Cô ngồi sát lưng tôi, đưa những ngón tay lùa vào đám tóc sau gáy tôi.

– Em thấy anh có đáng vớt đi không?

Tôi huých Minh và hỏi. Minh không trả lời tôi mà lại nói với cha tôi, giọng dè dặt:

– Bác cứ nghỉ ở nhà. Biển hết sóng thì bác ra khơi.

– Bác phải đi, cháu ạ. Hai đứa cứ ở nhà nhé, ở với biển thêm ngày nào tốt ngày ấy. Chiều chiều, các con sang nhà bác Nhữ lấy cá, tôm tươi mà nấu ăn, cha dặn bác ấy rồi. Thôi, hai đứa ra bãi biển mà chơi. Nghe biển động trong đêm lạ lắm.

Cha tôi nói xong và đứng dậy đi sang nhà hàng xóm. Tôi dắt Minh đi ra biển. Chúng tôi bỏ giày, dép đứng sát mép nước. Trong bóng đêm mênh mông, những đợt sóng trắng như ngà cứ lớn dần lên và ủa vào bờ. Tôi đứng sau Minh và ôm chặt cô. Những sợi tóc của cô tung trước gió biển, xoã kín mặt tôi. Chúng tôi đứng im lặng như thế

rất lâu. Tôi cảm thấy vừa thèm khát vừa sợ hãi cái mênh mông bất tận của biển cả. Lúc sau, thấy đôi vai Minh so lại, tôi hỏi:

– Em lạnh phải không?

Minh khẽ gật đầu. Tôi cúi xuống bế Minh lên, đi về phía những chiếc thuyền úp trên bãi. Chúng tôi ngồi xuống phía sau một chiếc thuyền cho bớt gió.

– Em không hiểu vì sao bố lại cương quyết ra khơi vào những ngày sóng lớn như thế này?

– Đây cũng là câu hỏi của anh - Tôi nói khẽ và thờ dài - Anh nhớ là năm nào cha anh cũng ra khơi vào những ngày này dù biển động đến đâu.

– Có phải đó là bí quyết của bố trong nghề cá không?

– Đó không phải là một bí quyết trong nghề cá - Tôi nói, lòng tôi cũng đầy day dứt - Vì anh nhớ, những lần ra khơi như thế này trở về, thường là số cá bắt được lại ít hơn những lần khác.

Tôi nhớ, những chuyến ra khơi kì lạ như thế của cha tôi chỉ bắt đầu khoảng dăm năm trở lại đây. Những lần ra khơi bình thường, cha tôi lúc nào cũng đi cùng những ngư dân khác chưa có thuyền, nhưng mỗi năm, ông ra khơi một lần chỉ có mình ông và bất chấp mọi khả năng của thời tiết. Lần nào cũng vậy, đêm trước ngày ra khơi, cha tôi hầu như không ngủ, ông hay ngồi dậy thắp hương trên bàn thờ mẹ tôi. Suốt đêm ấy, tôi nghe thấy ông trở mình. Có lúc, ông dõng nhà ra bãi biển. Rồi lâu lắm ông mới trở về. Ông pha trà và hút thuốc liên tục. Ông bồn chồn kì lạ. Đôi mắt ông vừa buồn bã vừa náo nức, vừa ngơ ngác, xa xăm. Và lần nào cũng vậy, trước khi ra thuyền, cha tôi đều ôm tôi im lặng rất lâu. Đây là lần duy nhất trong năm ông có cử chỉ như thế với tôi.

– Không phải bí quyết trong nghề cá - Tôi nhắc lại, mắt vẫn nhìn xa xăm - Anh cảm thấy rằng đó là bí mật của cuộc đời cha anh.

– Anh có bao giờ hỏi bố về điều này không?

– Có. Anh đã hỏi. - Cha anh đã nói với anh “Rồi con sẽ hiểu”.

Lần ấy, tôi nhìn thấy mắt cha tôi hoe đỏ. Tôi nghe thấy tiếng thờ dài của ông rất nặng. Và cũng từ đó tôi không hỏi gì cha tôi nữa. Tôi

không hề nghi ngờ cha tôi. Nói đúng ra là tôi không được phép nghi ngờ cha. Nhưng trong lòng tôi giày vò, lo lắng và thương ông vô hạn.

Mỗi năm một lần ra khơi như thế trở về, cha tôi chợt vui lên và cũng chợt buồn đến hốc hác. Và phải sau một tháng, những biểu lộ tình cảm như thế của ông mới lắng đi. Tôi biết, cha tôi đang sống lặng lẽ cùng một bí mật của đời ông. Và tôi tự nhủ mình phải biết tôn trọng sự bí mật ấy.

Mùa nghỉ hè năm nay là kì nghỉ cuối cùng của tôi. Sau kì nghỉ này, tôi bước vào năm học cuối cùng của đời sinh viên. Tôi đưa Minh về giới thiệu với cha tôi và để cô biết được vùng biển quê tôi. Tôi hỏi cha tôi: “Cha thấy Minh có được không?” Ông cười và nói: “Được hay không là ở con. Cha làm sao biết được”. “Nhưng con muốn biết ý cha”. “Việc này ngoài con ra không ai biết”.

Và suốt thời gian chúng tôi ở quê, cha tôi kiếm những thứ ngon nhất của biển đãi chúng tôi. Ông nói với người yêu tôi rằng khi nào chúng tôi trở về Hà Nội, ông sẽ gửi biếu bố mẹ Minh những thứ đó. Và ông sẽ tặng cho Minh một kho báu lấy từ biển. Đó là những chùm san hô kì diệu, những vỏ ốc lạ lùng nhất mà chính tôi cũng chưa nhìn thấy bao giờ cùng với những viên sỏi nhiều màu trong suốt với những đường gân lộng lẫy mà Minh cho rằng không có một đồ trang sức nào đẹp hơn.

Đến khuya chúng tôi mới từ bãi biển trở về. Cha tôi đang ngồi một mình uống trà ở hiên nhà. Khi chúng tôi vào đến giữa sân cha tôi mới biết. Ông hoảng hốt ngẩng lên, lúng túng nhìn chúng tôi và nói:

– Hai con về đi ngủ đi, mai dậy sớm. Ngày mai cha đi trước lúc mặt trời mọc.

– Cha cũng đi nghỉ đi kẻo mệt.

Tôi nói với cha tôi và lặng lẽ ngồi xuống bên ông. Minh cũng ngồi xuống sau tôi. Và như một thói quen, cô lại lùa những ngón tay dịu dàng vào đám tóc sau gáy tôi. Chúng tôi ngồi im lặng trong ánh đèn chai vàng vọt. Về khuya, biển như động mạnh hơn. Lòng tôi lo lắng vô hạn. Gió cuốn cát ném ràn rạt trên lá vườn và mái nhà. Cha tôi

vẫn ngồi im phăng phắc. Mắt ông hướng ra phía biển. Tôi cảm thấy người đang mang hết khả năng của giác quan để cảm nhận một tín hiệu nào đó trong tiếng biển dội về. Và trước khi đi nằm, cha tôi lại đốt một nén hương trên bàn thờ mẹ tôi và đứng rất lâu. Trong bóng tối của ngôi nhà, tôi thấy tiếng biển chạy về từ xa thăm ngân lên buồn bã và đôi lúc như vật vã đau đớn.

Khi trời còn tối cha tôi đã gọi tôi dậy.

– Đến giờ cha đi rồi. Con ra thuyền với cha một chút. Cứ để cho Minh ngủ. Sớm lắm!

Mặc dù cha tôi nói vậy, tôi vẫn lay gọi Minh.

– Dậy đi, cha anh đến giờ đi rồi.

Minh vội vàng ngồi dậy và chui ra khỏi màn. Cha tôi nói khẽ:

– Nếu cháu muốn ra bãi, phải mặc thêm áo vào. Buổi sớm ở biển lạnh lắm.

Chúng tôi rời nhà ra bãi thuyền. Qua một đêm, sóng biển như lớn hơn. Mây nặng và tối hơn hôm qua. Cát buổi sáng sớm mịn như da một cô gái, nhưng ướt và lạnh.

Gió biển lồng lộng thổi tóc tôi dựng đứng. Khi chúng tôi đến trước chiếc thuyền gắn máy của cha tôi, tôi run rẩy:

– Cha ơi! Sóng lớn quá cha ạ. Lớn hơn hôm qua nhiều lắm.

– Sóng lớn lắm bác ạ! - Minh nói theo.

Cha tôi im lặng bỏ một số đồ đạc lên thuyền. Mãi sau ông quay lại nhìn chúng tôi và nói:

– Đến trưa, sóng sẽ êm. Các con đừng lo.

Cha tôi nhảy từ thuyền xuống. Ông bước đến trước chúng tôi. Trong ánh sáng mờ đục của ngọn đèn chai, tôi thấy cha tôi trẻ trung, khỏe mạnh và tự tin như ngày tôi còn bé, ông đặt ngọn đèn chai xuống bãi cát và bước lại sát tôi. Ông ôm ghì đầu tôi vào lòng. Tự nhiên tôi yếu đuối như chưa bao giờ như thế. Tôi nức nở.

– Ô hay, sao lại khóc, chàng trai. Minh nó cười cho bây giờ.

Ông nói và vòng tay kéo Minh lại gần. Ông ôm cả hai chúng tôi.

– Chúc các con những ngày nghỉ ở biển hạnh phúc. Dăm ngày nữa cha về. Minh ra đón bác nhé, sẽ có quà đặc biệt cho cháu. Thôi hai đứa về đi, về ngủ tiếp đi, còn sớm lắm.

Giọng cha tôi rắn rỏi và ấm áp. Ông buông chúng tôi ra và nhảy lên thuyền. Ông nổ máy. Tiếng động cơ như bị tiếng sóng biển nuốt chửng. Cha tôi quay lại phía chúng tôi vẫy vẫy. Con thuyền từ từ quay mũi ra khơi. Sóng như nhiều hơn, cao hơn, dữ dội hơn ầm ập ủa về. Tiếng máy nhỏ dần, rồi mất hút vào biển mênh mông, mù mịt.

Tôi đứng vui chân trong cát. Minh đứng sau ôm chặt tôi im lặng. Tôi đứng như thế cho đến khi mặt biển nhợt nhạt hiện lên. Những ngọn sóng lớn lừng lững tiến về phía chúng tôi. Tưởng chừng những cơn sóng có thể dập chúng tôi nát vụn như cát.

– Về đi anh - Giọng Minh thì thầm.

– Tại sao anh lại không giữ cha anh lại? - Tôi đau khổ nói.

– Bố đã quyết mà. Mọi chuyện sẽ tốt đẹp.

Tôi không nói gì, lững thững đi về nhà. Cả bãi cát dọc làng chài của tôi vắng tanh. Buổi sớm u ám lạ thường.

Buổi chiều chúng tôi sang nhà bác Nhữ. Bác đã để dành cho chúng tôi những con tôm tươi ngon nhất. Tôi hỏi bác Nhữ:

– Tại sao cha cháu đi biển vào những ngày như thế này? Vả lại đi một mình?

– Bác cũng không hiểu - Bác Nhữ nói sau hồi lâu im lặng.

Bác Nhữ và cha tôi thân nhau từ bé. Cho đến bây giờ, cứ đôi ngày hai người lại ngồi uống rượu với nhau đến khuya. Lần nào ra khơi, cha tôi và bác cũng dong thuyền sát nhau.

– Hay là cha cháu đến một nơi nào đó? Hỏi bác?

– Bác không biết rõ. Mọi chuyện ông ấy đều nói cho bác biết, riêng chuyến đi như thế này thì không. Nhưng bác biết ở ngoài khơi có một hòn đảo nhỏ...

– Cha cháu ra hòn đảo đấy ư? Ngoài đó có người không? Làng mình ít ai nói đến hòn đảo đó lắm. Mà cha cháu ra đó để làm gì?

– Bác cũng ghé qua đó một lần. Hình như ở đó không có người ở. Hòn đảo nhỏ lắm, chủ yếu là đá, làng mình chẳng ai để ý. Bác không biết cha cháu có ra đấy không? Nhưng ra để làm gì? Thôi về nấu cơm chiều đi, không có gì phải lo cho ông ấy đâu. Đi biển ở vùng này, không ai tài hơn ông ấy.

Sau bữa cơm chiều, tôi và Minh đi ra bãi biển. Tôi đứng nhìn khơi xa, lòng thầm cầu cho cha tôi không gặp phải chuyện gì. Và trong khoảnh khắc gió bắt đầu đổi hướng. Tôi cảm thấy những ngọn gió mới ulla qua tôi rờn rợn.

– Nguy mất rồi! - Tôi kinh hãi kêu lên.

– Có chuyện gì thế anh? - Minh hoảng hốt hỏi tôi.

Tôi chưa kịp định thần trả lời thì gió lốc đã tràn tới. Những cột cát dựng lên như cuốn chúng tôi vào lòng nó.

– Anh ơi! - Tiếng Minh thất thanh.

Tôi quờ tay ôm lấy cô - Bão lốc, bão lốc. Về nhà ngay.

Tôi hỗn hển, nắm lấy tay Minh và chạy bừa về phía làng. Biển bỗng dâng lên, réo ầm ầm sau lưng chúng tôi. Những cây phi lao rít lên như tiếng kim khí xiết vào nhau. Khi chạy đến giữa bờ phi lao trồng chắn cát, tôi đứng lại và quay nhìn phía biển. Cát bay đặc trời trong tiếng sóng rầm rập ập xuống như núi lở.

– Cha ơi!

Tôi kêu lên và ôm lấy gốc một cây phi lao.

– Bố đã đến chưa anh? Liệu bố có việc gì không anh?

Minh vừa khóc vừa hỏi tôi. Có phải cha tôi đi ra hòn đảo ấy không? Và nếu đúng vậy, thuyền cha tôi đã đến chưa? Đầu tôi quay cuồng như cơn lốc biển. Tôi không biết gì nữa. Mãi lâu sau, tôi quay lại ôm người yêu vào lòng thì thắm.

– Về nhà đi em, chắc chắn là cha anh đã đến được hòn đảo từ chiều rồi.

– Bố đến rồi ư anh?

Tôi gạt đầu và dìu Minh về nhà. Tôi nói vậy để an ủi Minh. Đúng hơn là để an ủi tôi. Tôi làm sao biết được thuyền cha tôi đi đâu. Sao

cha tôi không bao giờ muốn nói cho tôi biết về chuyện đi biển bí ẩn của ông. Mặc dù, ông yêu tôi vô hạn. Nhất là hơn mười năm nay từ ngày mẹ tôi mất. Ông đã áp ủ tôi bằng cả cuộc đời ông. Tôi là niềm an ủi và hy vọng của ông.

Suốt đêm biển gào thét. Tôi không sao ngủ được. Tôi đốt hương cầu nguyện cho cha không gặp điều rủi ro.

Đến sáng thì tan bão. Tôi chạy ra bãi biển. Mặt biển không xanh như mọi ngày. Trên bãi biển, cát được vun lại nhiều đống như có bàn tay con người. Tôi thấy rất nhiều vỏ ốc, vỏ sò, rong biển, những mảnh thuyền mục và cả những miếng lưới rách bị sóng dòn đặc lên bờ. Tôi nhìn ra mặt biển mù xa và không sao tìm được câu trả lời về cha tôi.

– Khơi đấy à cháu?

Nghe tiếng người hỏi, tôi quay lại. Bác Nhữ đã đến bên tôi.

– Liệu cha cháu có làm sao không hở bác?

Bác Nhữ không trả lời tôi. Mặt bác mệt mỏi.

– Có đúng là cha cháu ra hòn đảo đó không?

– Bác cũng không biết chắc - Bác Nhữ thở dài - Nhưng... không có chuyện gì đâu. Cháu đừng buồn.

Và trong suốt dăm ngày theo lời hẹn của cha tôi, tôi vẫn không thấy thuyền cha tôi trở về. Sang đến ngày thứ bảy thì tôi hoàn toàn tin cha tôi đã gặp chuyện chẳng lành. Suốt từ ngày thơ ấu đến giờ, chưa bao giờ cha tôi sai lời hứa với ai, nhất là với tôi, đưa con duy nhất của ông. Tôi hoảng hốt chạy khắp làng để gặp những người đi biển lâu năm nhất hỏi về cha tôi, hỏi về hòn đảo ngoài khơi.

“Có một hòn đảo như thế - Một ngư dân già nói với tôi - Một hòn đảo đá, không ai có thể cấy trồng gì ở đó được. Nhưng trên đảo có một tộc người sống bằng ốc biển và rêu núi. Họ không muốn quan hệ với con người chúng ta. Có một đêm thuyền ta đã đi qua hòn đảo đó. Những ngư dân làng ta bàn nhau lên đấy với hy vọng tìm được một vài vật báu. Nhưng khi đến gần đảo, những người trên thuyền nghe thấy tiếng hú dài miên man. Tất cả bỗng buồn ngủ không cưỡng được. Khi tỉnh giấc, thuyền đã trôi đến một vùng biển khác

rồi. Gần một tháng sau, thuyền mới tìm được về làng. Từ bấy đến nay, ta không bao giờ đi qua hòn đảo ấy”.

“Có một hòn đảo như thế - Một ngư dân già khác kể - Nó giống như một tảng đá nổi giữa biển khơi. Ở đó không có người. Người không thể sống được ở đó. Chỉ có một loài vượn xanh. Loài vượn này cũng ăn cá, cua, sò, ốc và biết bắt những loại này như người. Loài vượn này hung dữ lắm. Nhưng nguy hiểm hơn là một loại rận sống trong lông vượn. Mỗi khi thấy người, loài rận này nhảy tanh tách bám vào người và đốt chết người ngay.

“Ông nhìn thấy loài vượn này ư?” - Tôi hoảng hốt hỏi.

“Mắt ta chưa thấy. Ta nghe bố ta kể lại”.

Sang ngày thứ tám, tôi sang nhà bác Nhữ. Tôi cầu khẩn bác cho tôi mượn chiếc thuyền của bác, tôi quyết định ra khơi tìm cha tôi.

– Cháu không thể đi được, cháu bỏ nghề biển mấy năm nay rồi.

– Nhưng cháu phải đi. Cháu không thể ở nhà được.

– Bác sẽ đi cùng cháu. Tối nay ta sẽ lên đường.

Buổi chiều tôi nói với Minh chuyển ra khơi của tôi cùng bác Nhữ để tìm cha tôi. Cô lặng lẽ ngồi xuống trước tôi và nhìn tôi rất lâu.

– Em lo cho anh...

– Anh phải đi. Anh không thể đang tâm...

– Em hiểu. Nhưng em lo cho anh. Biển mùa này là mùa mưa bão. Em yêu anh, em sợ...

Nói rồi, Minh ôm lấy tôi, vò mái tóc tôi. Cô hôn tôi mỗi lúc một cuồng nhiệt. Tôi hôn Minh nhưng đầu óc vẫn trôi dạt ở một vùng biển nào đó. Tôi tưởng tượng cha tôi gặp nguy nan trên biển một mình. Tôi hình dung cha tôi đã già yếu vấp vùng chống lại bão gió khủng khiếp của đại dương. Tôi hình dung cảnh những con người kỳ quái của bộ tộc trên đảo đá và bầy rận từ lũ vượn xanh tấn công cha tôi. Tôi như kẻ lên cơn sốt mê sảng. Và lúc ấy, Minh đã yêu tôi.

Khi tỉnh dậy, tôi ngỡ ngác và đau khổ vô cùng. Tôi cảm thấy tôi có tội với cha tôi. Tôi gục đầu khóc như một đứa trẻ. Từ phút đó đến khi ra bãi để ra khơi tôi không nói một câu nào với Minh. Tôi cảm thấy tôi bị xúc phạm. Tôi thấy tôi là đứa con bạc bẽo.

Minh chạy sau tôi. Tóc cô rũ rượi. Mặt cô buồn và lo sợ.

– Cho em đi theo anh. Hãy cho em đi...

Tôi không nói gì, chuyển choáng bước đi.

– Hãy tha thứ cho em. Em yêu anh...

Tôi đứng bên mép sóng. Biển yên tĩnh đến ngọt ngào. Tôi nghe tiếng Minh khóc dầm dướt sau tôi.

– Xong chưa? - Tiếng bác Nhữ từ thuyền vọng xuống - Ta lên đường được rồi.

Tôi bước lại thuyền. Minh ôm chặt cánh tay tôi.

– Cho em đi cùng anh. Cho em đi tìm bố...

– Em về đi. Chúng ta đã làm một việc xấu xược trong ngày hết sức nghiêm trang như thế này. Chúng ta có tội.

Nói xong, tôi vội nhảy lên thuyền và chui vào khoang. Tiếng máy chọt rung lên. Con thuyền từ từ ra khơi. Và cho đến khi tôi tin khoảng cách giữa con thuyền và bờ cát đã xa không thể nhìn thấy Minh, tôi mới quay lại. Làng chài đã chìm vào bóng đêm không còn một dấu tích.

Thuyền chạy chừng hai tiếng thì chọt phía chân trời có chớp.

– Lạ quá nhỉ - Bác Nhữ nói như gào - Đài báo nắng mấy ngày nữa.

Rồi tiếng sấm dội lên, và biển bắt đầu có sóng trắng. Rồi ngay sau đó gió từ từ nổi lên và mưa xuống. Tôi hốt hoảng chạy lại đuôi thuyền.

– Mưa to bác ơi!

Qua ánh chớp, tôi nhìn thấy mắt bác Nhữ mở to, cầm bạnh ra. Lâu sau bác mới nói đủ cho tôi nghe thấy.

– Biển hôm nay lạ lắm. Buổi sáng người làng nói thấy có cá lớn lượn vào bờ.

– Có chuyện gì không bác?

– Bình tĩnh.

Bác Nhữ chỉ nói vậy, mắt không chớp, tay vẫn giữ bánh lái theo hướng thuyền đã vạch.

Nhưng mọi việc đã đổi khác. Chỉ sau đó chừng mười phút, biển nổi bão. Trong ánh chớp, chúng tôi nhìn thấy những con sóng lớn lừng lững. Con thuyền như không thể nhích thêm một tấc. Mưa ném vào mặt như sỏi, mưa xé tan mũ áo tôi.

– Phải quay lại bờ thôi. Nếu chậm sẽ không thoát nổi.

Bác Nhữ gào lên. Tôi không sợ chết. Nhưng tôi đã khóc rống lên. Vì đến lúc này, tôi linh cảm thấy những bí mật của biển cả luôn luôn gắn chặt với những sự kiện của con người.

Tôi hoàn toàn tin biển có những đôi mắt bí mật theo dõi hành vi của tôi.

Phải rất giỏi bác Nhữ mới quay được con thuyền hướng vào bờ. Và cho đến khi con thuyền rẽ cát trườn lên, tôi mới biết tôi đã thất bại việc đi tìm cha. Bác Nhữ dìu tôi xuống.

– Về đi cháu. Cháu sẽ cảm lạnh mất. Mai biển lặng, ta tính sau.

Cả hai chúng tôi không nói gì, cùng lê bước về làng. Khi đến bờ phi lao chắn cát, tôi nhận ra một bóng người trùm áo mưa đang đứng đó qua ánh chớp. Tôi bước lại gần bóng người. Và trong ánh chớp tiếp theo, tôi nhận ra một gương mặt trắng bột, đôi mắt như mắt người hấp hối.

– Minh!

Tôi kêu lên và bước nhanh về phía cô. Cô từ từ đổ vào vòng tay tôi. Cô không nói, không khóc và như không còn thở nữa. Tôi cứ đứng ôm cô như thế rất lâu. Lòng tôi đau đớn ngổn ngang.

Gần suốt đêm tôi ngồi ôm cô. Tôi không biết cô thức hay ngủ. Cô thở thiêm thiếp trong vòng tay tôi. Tóc cô rối bung. Đôi môi cô bọt bọt và gương mặt xạm lại. Gần sáng tôi đặt cô nằm xuống và lấy tấm chăn chiên của cha tôi ủ cho cô. Và tôi cũng thiếp đi sau bao mệt mỏi, sợ hãi, thương xót và đau đớn.

Buổi sáng tôi nghe thấy tiếng Minh gọi dậy. Tôi mở mắt ngơ ngác.

– Dậy đi anh, dậy đi. Có một người đứng ở sân nhà mình lạ lắm. Em sợ lắm.

Nghe vậy tôi vùng dậy. Tôi vội vã bước ra khỏi nhà. Ở giữa sân nhà tôi là một người đàn bà lạ. Quần áo bà ướt át, tóc bết nước. Bà

ôm khư khư trước ngực một chiếc bình nhỏ.

- Bà... bà hỏi ai? - Tôi hỏi.
- Cậu là Khơi phải không?
- Vâng, tôi là Khơi - Tôi hấp tấp trả lời.
- Nhìn cậu tôi nhận ra ngay.

Tôi vẫn đứng khá xa bà. Tôi nhìn kỹ bà. Bà có một gương mặt khác tất cả những gương mặt tôi đã nhìn thấy. Một gương mặt vừa thánh thiện vừa hoang dã với đôi mắt vừa ấm áp vừa giá lạnh.

- Bà hỏi tôi có việc gì?

Người đàn bà không trả lời. Từ một con mắt tứa ra giọt nước mắt. Giọt nước mắt đọng mãi ở khóe mắt. Rồi bà lặng lẽ bước lên hiên, vào nhà. Tôi và Minh không nói được lời nào.

Chúng tôi dè dặt đi sau bà. Bà đến trước bàn thờ nhà tôi, đặt chiếc lọ đá xám lên bàn thờ và đốt một nén nhang cắm vào bát hương. Bà đứng rất lâu trước bàn thờ nhà tôi không khóc cũng không nói gì. Lát sau, bà quay lại nhìn tôi và nói:

- Tôi đã mang về cho cậu cái điều cậu đang chờ đợi.
- Tôi chưa hiểu... chưa hiểu....

Giọng tôi lầy bầy.

- Tôi mang cha cậu về cho cậu.
- Cha tôi! - Tôi kêu lên. Mặt sầm tối. Tôi vụt hiểu ra tất cả. Tôi quy xuống.

Khi tỉnh dậy tôi nhận ra tôi đang nằm trên giường. Người đàn bà ngồi trên chiếc ghế sát bên giường.

- Bà hãy nói đi! Cha tôi đâu?
- Cha cậu mất rồi. Vì tình yêu của ông ấy đối với cậu mà tôi đã qua suốt một đêm biển bão để mang cha cậu về cho cậu.

Giọng người đàn bà đều đều.

- Bà từ đảo đá về đây?
- Không hẳn là thế. Tôi ở biển. Đảo đá chỉ là nơi tôi gặp cha cậu lần đầu tiên. Và...

– Bà đã giết cha tôi.

Tôi rít lên và vùng ngồi dậy.

– Lúc đầu tôi cũng nghĩ như cậu - Giọng người đàn bà vẫn đều đều như nước rỏ - Tôi còn định đi theo ông ấy. Nhưng sau tôi thấy không phải thế. Cái chết của cha cậu không phải là cái chết. Nỗi đau khổ của tôi không phải là đau khổ. Tội lỗi của tôi, không phải là tội lỗi...

– Cha tôi gặp bà để làm gì? Tại sao cha tôi lại cứ phải đi vào mùa bão như thế?

– Cha cậu gặp tôi để làm gì ư? Cậu và cô bạn gái của cậu rồi sẽ hiểu. Còn tại sao cha cậu và tôi chỉ gặp nhau vào mùa bão thì chỉ có chúng tôi biết.

– Cha tôi chết như thế nào? Vì sao mà cha tôi phải chết?

– Bão biển đã đập nát thuyền của cha cậu và ném cha cậu vào vách đá đảo. Tôi đã chôn ông ấy. Còn trái tim ông ấy tôi quyết giữ lại cho tôi. Nhưng cuối cùng tôi phải mang trái tim ấy trả về cho cậu. Tôi đựng trái tim ông ấy trong chiếc bình đá kia. Tôi ướp trái tim ông ấy bằng một thứ muối đã kết tinh có thể hàng ngàn năm nay trên đảo đá. Muối ấy như một thứ muối thần. Cậu đừng hỏi tôi gì nữa và cũng đừng biết để làm gì. Giờ tôi phải ra đi. Tôi phải về với biển.

Nói xong người đàn bà vụt đứng dậy đi ra cửa. Tôi nhảy xuống giường chạy theo bà. Minh hoảng hốt chạy theo tôi. Người đàn bà đi như lướt trên cát. Đến mép sóng, tôi nhận ra chiếc thuyền của bà bé nhỏ làm sao. Làm thế nào mà bà có thể vào bờ bằng chiếc thuyền ấy trong khi biển lớn như vậy.

– Có phải bà từ đảo đá vào đây không?

– Tôi từ đó vào, nhưng đó không phải là nơi ở của tôi.

– Tôi muốn biết tên bà, tôi muốn biết giữa cha tôi và bà...

– Cái tên chẳng nói lên điều gì đáng giá đâu. Còn tôi và cha cậu ư?

Bà thay câu trả lời bằng cái lắc lắc đầu. Bà nở một nụ cười buồn bã. Và trong khoảnh khắc, gương mặt bà ánh lên như ánh sáng của sự sống vào phút cuối cùng trước khi đi vào cái chết bất tận. Đôi

mắt bà từ từ mở to hơn và nhìn thẳng vào tôi. Ánh sáng vô định trong cái nhìn của bà chảy chan hòa trong máu thịt tôi. Nó làm tôi muốn gọi bà một tiếng da diết.

– Cha tôi không còn trên đời này nữa. Bởi thế, tôi muốn biết được tại sao cha tôi chỉ gặp bà vào mùa bão? Và bà sống ở đâu?

– Cậu đừng bao giờ nghĩ là cha cậu đã chết. Còn tôi ở đâu ư? Tôi ở trên một vùng biển mà cậu nghe cũng không biết được.

Nói xong, người đàn bà quay gót đi về phía chiếc thuyền của bà.

– Bà, này bà! - Tôi gọi to.

Người đàn bà dừng bước và từ từ quay lại nhìn tôi. Ánh mắt bà như vừa an ủi vừa đe dọa tôi. Bà nhìn tôi mà như nhìn vào đâu đấy. Bà bước lại gần tôi. Tôi thấy đôi mắt bà ngằm ngập nước mắt, nhưng không có một dấu hiệu nào chứng tỏ bà sẽ khóc. Gương mặt bà như một viên ngọc trai vừa lấy ra từ ruột đá mềm, ướt át, tỏa sáng xanh lạ mang nhịp thở đau đớn của sự cất rời.

– Tôi biết cậu muốn hỏi tôi vì sao cha cậu lại chỉ gặp tôi vào mùa bão biển.

– Vâng, đúng. Tôi muốn biết.

– Không có gì mờ ám trong chuyện đó - Bà nói nhỏ và hình như tôi nghe thấy bà thở dài. Nhưng tôi thấy tốt hơn hết là không nói ra.

Ánh sáng trong đôi mắt bà chợt đổi khác. Tôi bỗng thấy bà gần gũi vô cùng.

– Vâng. Vâng - Tôi run rẩy nói.

– Điều bí ẩn ấy chứa đựng ở một nơi và có lẽ đang ở sau cậu đấy.

Tôi vội quay lại. Bãi biển buổi sớm vắng lạnh. Chỉ có người yêu tôi đang đứng nhìn tôi. Gương mặt Minh đoan trang lộng lẫy, đôi môi kiêu sa, mái tóc ngút ngát và đôi mắt bất tận. Tôi chưa bao giờ thấy Minh hiện ra như sự không biên giới của khát vọng và hạnh phúc.

Tôi nhìn Minh rất lâu. Và khi tôi quay lại, người đàn bà cùng con thuyền nhỏ đã rời bến. Biển sớm đầy tràn và tinh khiết. Và tôi cảm thấy như chưa từng có chuyện gì xảy ra.

Đêm cá đẻ

Mưa đã sang ngày thứ ba. Tiếng sấm tỏ hơi ẩm nồng nàn và hơi mưa mát rượi. Nước sông lên cao. Cạnh những bụi cây nước ngập gần hết ngọn có tiếng cá quẫy. Từ buổi chiều Hưng đã thấy từng cặp cá chép sông dừ nhau vào những đám cỏ, bụi cây dại xấp nước. Hưng biết mùa cá đẻ năm nay đã bắt đầu.

Nếu như mọi năm Hưng đã chuẩn bị phương tiện để bắt cá vật đẻ suốt đêm. Nhưng năm nay Hưng chẳng còn tâm trí gì. Ngay cả bè vó anh cũng chẳng để ý.

Từ chiều đến giờ, anh chỉ kéo vó đôi ba lần hờ hững.

Vì mưa nên tối nhanh. Tiếng mưa rả rích làm Hưng thêm bồn chồn. Hưng chui ra khỏi lều vó ngóng về phía đê. Anh đứng trong mưa, nghiêng tai lắng nghe để tìm tiếng bước chân mơ hồ. “Sao giờ này vẫn chưa ra nhỉ” anh lẩm bẩm và lại chui vào lều vó. Anh châm lửa hút thuốc. Mới hút hết nửa điếu anh đã vứt phần thuốc còn lại xuống sông. Tiếng cá vật đẻ mỗi lúc một mau và khỏe. Hưng nhớ những cái quẫy của Lựu trong vòng tay anh tuần trước ở đầu ngõ nhà Lựu.

Anh và Lựu yêu nhau như gặp nhau là yêu, không rành mạch một lý do nào. Lựu hơn Hưng tám tuổi. Năm nay chị vào tuổi ba mươi. Chị có một đứa con gái lên chín. Và cũng đã chín năm nay chị góa chồng. Mỗi khi Lựu và Hưng gặp nhau, họ nhìn nhau tưởng làm tan nát mọi vật xung quanh. Họ tưởng lao vào nhau để mà chết cũng được. Nhưng Hưng càng cuồng nhiệt bao nhiêu thì Lựu càng sợ hãi và đau khổ bấy nhiêu. Ở cái làng này, bao nhiêu hoảng sợ, bao nhiêu dọa dẫm, ràng buộc mơ hồ bủa kín chị. Lựu càng trốn chạy Hưng càng u mê và da thịt, tóc tai anh đôi lúc tưởng chừng bùng cháy. Đêm đêm Hưng băng qua vườn chuối sau nhà Lựu. Anh đến bên cửa sổ buồng chị, da diết gọi chị. Lựu nằm trong buồng ôm chặt đứa con vào lòng. Chị sợ hãi. Chị thồn thức. Chị trôi nổi. Chị đứt hơi. Nhiều đêm mệt quá, Hưng tựa vào tường ngay cửa sổ

buồng Lựu ngủ thiếp đi. Tỉnh dậy anh lại bám vào cửa sổ gọi chị. Tiếng gọi nửa tỉnh nửa mê, vừa da diết, đặng cay, vừa xa xôi, sùng sục.

“Lựu ơi, Lựu, mở cửa cho tôi. Mở đi. Không tôi kêu to bây giờ”. Hưng nói nửa như van xin nửa như dọa dẫm. Lựu áp miệng vào khe cửa sổ thì thào. Cả đêm chị không ngủ.

“Đừng có mà làm liều”.

“Mở ra” - Hưng nói như ra lệnh.

“Tách”. Cái móc khóa cửa bật ra.

“Lại gần đây. Lựu ơi! Lại đây.”

Lựu sợ hãi ngồi rúm vào góc giường.

“Lại đây. Nếu không tôi gọi to lên đấy.”

Lựu lê ra sát cửa sổ.

“Người nhà mà biết thì tôi chết.”

“Sao phải chết, không được yêu tôi à?”. - Hưng nói như gắt.

“Thế mà cũng... hỏi thế mà cũng hỏi”. - Lựu tím tái.

Hưng lùa cánh tay qua song cửa nắm lấy tay Lựu. Bàn tay Lựu mềm, nóng bỏng và đang run lên bần bật.

“Đi vào vườn tôi bảo.”

“Không được đâu, tôi van.”

“Tôi yêu Lựu. Tôi không thể chịu đựng nổi.”

“Tỉnh lại đi Hưng, nói mê đấy hả?”

“Đừng hỏi tôi như thế. Tôi yêu Lựu. Tôi điên tôi dại mất rồi.”

“Sao tôi khổ thế này” - Lựu nói như khóc. Rồi chị cúi xuống cắn mạnh bàn tay Hưng. Hưng như rồ dại. Hai bàn tay họ vịn như xiết chặt vào nhau đến rát bỏng.

Đêm qua Hưng lại bỏ bè vó lén về nhà Lựu.

“Mưa gió thế này đến làm gì? Tôi không ra đâu”.

“Đừng làm khổ tôi nữa. Đừng bắt tôi phải đợi”.

Lựu im lặng rất lâu. Hưng nghe rõ ngực Lựu thở nặng.

“Người ta biết thì sao?”

“Giờ ời! Lúc nào cũng người ta biết, người ta biết. Tôi không có quyền yêu hay sao”.

“Nhưng... tôi là gái góa?”

“Tôi không thèm để ý đến chuyện đó. Tôi yêu. Tôi muốn lấy...”

Lựu khóc. Chị cắn bàn tay Hưng. Hưng rên lên một tiếng.

“Có sao không? Đau lắm không?” - Lựu rồi rít. Chị thấy yêu Hưng khôn xiết. Chị muốn chạy ùa vào Hưng. Bao mỗi nghi ngờ, mặc cảm, hoảng sợ trong chị bấy lâu nay chợt tan biến.

Mưa vẫn miên man rắc xuống mặt sông. Cá chép vào những bụi cây nước gần ngập hết vật để mỗi lúc một rộ. Hưng chui ra khỏi lều vó. Anh nghe tiếng chân người bước trên đất.

“Lựu đây à?”

“Vâng... ừ... ừ” - Giọng Lựu cầm cập.

Cả hai cùng đứng sững lại. Người họ run lên không phải vì lạnh. Bỗng Hưng lao vào Lựu. Anh ôm lấy chị. Lựu như lả đi trong vòng tay Hưng. Hưng bế xốc Lựu đi dò dẫm vào lều. Ngọn đèn chai treo góc lều chao đảo. Hưng đặt Lựu nằm xuống. Anh lấy áo của mình lau nước mưa trên mặt chị. Lựu nằm như ngủ. Ngực chị thở gấp như đôi mang cá. Hưng nằm xuống bên cạnh và ôm ghì chị vào lòng. Anh giật tung chiếc áo chị. Ngọn đèn chai chợt bùng lên. Mái tóc rối bù và cứng của Hưng phủ lên ngực chị. Chị vật vã và nói như mê sảng:

– Em sợ, Hưng ời, em sợ... em sợ...

– Em sợ gì? Lựu.

– Em không biết.

– Sợ tôi lừa à?

– Không.

– Sợ tôi phản bội à?

– Không.

Sau câu nói đó, cả hai nằm im lặng. Họ như nghe thấy tiếng máu chảy trong người nhau. Tiếng cá quẫy vật dề như tiếng chân người

lội nước ngay sát chân bè vó.

– Có người đẩy - Lựu hoảng hốt. Chị vội ngồi dậy. Hai tay ôm lấy ngực.

– Không có ai đâu, em đừng sợ. Cá vật đẻ đấy.

– Mùa cá đẻ rồi à? Đẻ gì mà quấy khiếp thế.

– Làm sao người ta biết được.

– Con trai thì biết gì, mà lại còn trẻ thế này. Lại đây với em.

Hưng ngồi sát bên Lựu. Chị ôm đầu anh và kéo vào ngực mình. Chị lùa những ngón tay vào đám tóc Hưng.

– Người ta bảo tóc rẽ tre là khiếp lắm.

– Có thật không?

– Làm em bao phen hết hồn. Mà không thể em cũng chẳng phải khổ sở như thế này.

– Em có đồng ý lấy anh không?

– Không.

– Em không yêu anh à?

– Em là gái góa. Mà anh lại ít hơn em gần chục tuổi. Rồi... còn bao chuyện nữa.

– Chẳng có chuyện gì quan trọng cả. Anh chỉ nghĩ đến em thôi. Anh không phải là thằng đàn ông đều.

– Thôi anh đừng nói chuyện ấy nữa.

Bàn tay Hưng vuốt ve đôi bầu vú Lựu. Anh cắn nhẹ nhè vào cổ Lựu.

– Anh tắt đèn đi. Em sợ lắm...

– Ai nhìn thấy được. Mình ở gần đèn, mình cứ nghĩ mọi người nhìn thấy. Mưa thế này có ma cũng chịu.

Nói thế nhưng Hưng vẫn rướn người lên thổi tắt đèn. Bóng tối trong nháy mắt đã ủa kín túp lều. Trong bóng tối đêm dày đặc, tiếng cá chép vật đẻ như rõ hơn. Cá sông vật đẻ lúc nào cũng khỏe mạnh và quyết liệt hơn cá đồng. Cá chép sông, kể cả cá cái, nhưng con nào cũng chắc nịch, vảy cứng.

- Anh ra kéo vó đi, chắc là sẽ được nhiều cá lắm.
- Từ tối đến giờ anh chưa kéo lượt nào. Lũ cá đang say lắm. Bắt chúng lúc này là phải tội.
- Vợ chồng cá ở với nhau thế nào nhỉ?
- Con cái vật đẻ. Con đực bơi theo, và...
- Xong rồi chúng ở với nhau không, chúng nuôi con không?
- Chẳng ở với nhau mà cũng chẳng nuôi con. Chỉ có cá chuối nuôi con thôi.
- Sao tệ thế?
- Cá chứ người đâu mà tệ với bạc.
- Người cũng ỏi kẻ bạc. Em sợ lắm.
- Em cứ nghĩ linh tinh. - Hưng nói và lại ôm ghì Lựu.
- Đau em - Giọng Lựu xa xăm.
- Bàn tay Hưng trở lại dịu dàng trên bầu vú Lựu.
- Anh ơi! Sao lại yêu em? Anh có chán em không?
- Không.
- Đàn ông ai mà chẳng nói thế.
- Anh khác.
- Em không biết, nhưng em chả sợ. Anh có thấy em già hơn anh nhiều không?
- Hưng không nói, chỉ lắc đầu. Hai người lại quấn chặt nhau. Họ hôn nhau và đổ người xuống. Mưa đêm rả rích, mênh mông gọi mở. Tiếng họ thở dồn. Người họ căng lên.
- Đứng, anh - Giọng Lựu thẳng thốt - Đứng! Em sợ.
- Da thịt họ từ từ giãn ra. Tiếng cá vật đẻ mỗi lúc dày hơn, quyết liệt hơn.
- Làm sao cá đực biết cá cái đẻ mà đến?
- Lựu chột hỏi. Giọng chị ngái ngủ.
- Đây là điều bí mật. Cũng như... chúng mình...
- Chúng nó đến với nhau có sợ gì không, anh?

- Quấy ùm ùm như thế, chắc chúng chẳng sợ gì.
- Nó không sợ cái vó của anh nữa à?
- Chúng nó làm sao biết vó là gì. Nếu biết, chúng thù mình lắm.
- Em cũng thù.
- Thù ai?
- Em... không... biết...

Đến lúc này, tiếng cá vật dể như đồng loạt rộ lên. Hai người cảm tưởng như cái vó lớn rách tan và chiếc lều sụp đổ.

- Nhiều cá dể đến thế cơ hả anh?
- Nhiều lắm. Có lẽ tất cả cá sông Đáy về đây dể dể, lạ lắm. Chưa bao giờ như thế.
- Sao vậy nhỉ? - Tiếng Lựu hoàn toàn lạc đi.
- Mình đến đây... dể... làm gì... hờ anh?
- Dể sinh con.
- Anh muốn lấy em thật ư?
- Em vẫn không tin anh à?
- Em không biết. Nhưng em vẫn đến với anh... Em chẳng sợ. Anh ơi! Anh đâu?...
- Anh đây.
- Cá đến đây dể, mình... cũng đến... anh nhỉ...

Giọng hai người mỗi lúc một dứt quãng. Thân thể họ mỗi lúc một căng lên. Họ từ từ chìm vào cơn mê. Họ thấy họ rơi lơ lửng vào lòng sông Đáy trong tiếng mưa hân hoan bất tận. Và trong thế giới biên biệt của nước đang chảy từng bưng ra biển, họ thấy cá chép vảy vàng rực, lấp lánh, lũ lượt xòe vây bơi về khúc sông làng họ. Chúng vùng những chiếc đuôi chói lọi, vật dể quấy tung nước mù mịt cả một khúc sông đêm.

Ngựa trắng

Huy leo từng bước lên đỉnh đồi. Trăng muộn cuối thu đổ ánh sáng lành lạnh. Những cây thông non mới lên ngang đầu người túa những chùm lá dưới trăng như những chùm kim khâu. Đây là lần thứ ba anh trở lại vùng đồi này từ sau ngày chiến tranh kết thúc.

Lên đến đỉnh đồi, anh nhận thấy sức khỏe của mình đã khác lắm rồi. Đôi chân anh nặng trĩu, ngực tức và miệng khô cháy. Phía dưới tầm mắt anh, những quả đồi như đã thiếp ngủ. Thị trấn dưới chân đồi vẫn rực rỡ đèn của các quán ăn đêm và giải khát. Khoảng mười năm trước, thị trấn này chỉ lác đác vài ngôi nhà dùng đèn điện. Đêm xuống cả vùng đồi loe hoe vài ngọn đèn, cùng với gió thổi và tiếng côn trùng. Nhưng mấy năm trở lại đây, tất cả đã đổi thay. Khu vực này đã trở thành khu du lịch nhỏ. Vì ngoài những ngọn đồi thoải thoải đầy gió, còn có một cái hồ rộng sát những quả đồi phía sau thị trấn.

Huy chọn một nơi thoáng đãng ngồi xuống, đôi mắt anh nhìn xuống chân những quả đồi. Ở đó là một bãi cỏ rộng chạy ven chân đồi. Sáng mai anh sẽ trở về Hà Nội sớm. Có lẽ đây lần cuối cùng anh trở lại đây. Bởi anh biết, chỉ một ngày nào đó rất gần thôi, anh sẽ từ giã cõi đời. Những hạt hồng cầu ngấm chất độc da cam bắt đầu phản bội anh. Các bác sĩ không nói hết sự thật bệnh tình của anh, nhưng anh tự hiểu được. Anh đợi chờ cái chết với một nỗi buồn xa xăm chứ không hề có một chút hoảng sợ.

Điều mong ước lớn nhất của anh đêm nay, đúng hơn là của mấy chục năm qua là bắt chợt trên thảm cỏ chạy ven đồi kia hiện lên một vệt sáng trắng. Cùng với vệt sáng trắng lướt loang loáng dưới trăng là tiếng hí của con ngựa vang lên như những tiếng chuông bạc.

Năm 1970, đơn vị anh đóng quân trên quả đồi này. Những đêm có trăng, anh thường ngồi một mình ngắm những triền cỏ rộng và hồ nước. Một đêm, trong ánh trăng trong vắt và như đọng hương cỏ, anh bỗng nghe từ chân đồi ngân lên tiếng ngựa hí. Tiếng hí lạnh

lảnh như chuông vọng qua mặt hồ, vang mãi như không bao giờ tắt. Anh căng mắt nhìn về tiếng hí, chợt nhận ra trong ánh sáng đang rờn rờn từ trời cao chảy xuống và trên nền cỏ xanh như nước một vệt sáng trắng như bạc loang loáng lướt đi. Rồi từ vệt sáng đang mềm mại chuyển động kia là tiếng hí thi thoảng ngân lên. Tiếng hí làm anh run rẩy. Đêm ấy, hình như anh không ngủ. Đôi lúc, anh chợt nghĩ hay đó là con ngựa thần. Đêm trắng tiếp sau đó, anh lại tìm đến phần cao nhất của ngọn đồi và hồi hộp chờ đợi.

Rồi đến một buổi chiều, anh phát hiện dưới chân quả đồi bên cạnh có một con ngựa trắng. Anh quyết định sau bữa cơm chiều sẽ xuống xem con ngựa.

Huy tìm đến ngôi nhà thì trời đã tối. Trong nhà có ánh đèn le lói hắt ra. Anh đứng rất lâu trước cánh cửa ngõ ghép bằng những cành cây nhỏ. Anh nghe thấy tiếng ngựa thở ở góc vườn. Đợi mãi không thấy có tiếng người, anh mạnh dạn lên tiếng:

“Có ai ở trong nhà không ạ?”

Sau tiếng hỏi, Huy nghe có tiếng động trong nhà và một người xách chiếc đèn chai bước ra.

“Ai hỏi đấy?” - Giọng của một cô gái cất lên.

“Tôi đây, cho tôi hỏi nhờ...”

Cô gái xách đèn từ hiên nhà bước xuống đi về phía Huy. Đến sát cánh cửa ngõ, cô gái giơ cao chiếc đèn chai lên ngang đầu. Một đôi mắt thiếu nữ to và đen dưới hàng lông mày rậm nhìn Huy qua kẽ thưa của cánh cửa ngõ.

“Chú bộ đội hỏi ai ạ?”

“Tôi đóng quân ở trên ngọn đồi kia, đi qua đây, vào xin gia đình bát nước”.

“Dạ, mời chú vào” - Cô gái nói và mở cổng.

Cô gái xách đèn đi trước dẫn Huy vào nhà. Cô rót nước từ một cái ấm rất cũ ra bát mời Huy. Anh nâng bát nước và nhìn quanh ngôi nhà.

“Gia đình cô đi đâu hết cả rồi?”

“Mẹ cháu và em cháu sang làng bên thăm bà ngoại cháu ốm. Bố cháu đi uống rượu ngoài thị trấn”.

“Đi uống rượu à?” - Huy tò mò hỏi.

“Vâng, ngày nào đánh ngựa chở hàng thuê xong, bố cháu cũng đi uống rượu ngoài thị trấn, khuya mới về”.

“Tôi muốn xem con ngựa nhà cô đấy.”

“Chú xem để làm gì? Chú muốn mua à?”

“Không, tôi không mua ngựa - Huy lúng túng - Tôi thích xem con ngựa...”

Cô gái khẽ nhú mồm nhìn Huy và kín đáo mỉm cười.

“Cháu buộc ngựa ngoài vườn”.

Cô gái nói và xách đèn bước ra. Huy lặng lẽ đi theo. Đến đầu nhà, cô gái đứng lại bỏ một nắm cỏ vào chiếc sọt rách mang cho ngựa. Thấy ánh đèn, con ngựa gõ móng thõ mạnh hơn. Khi Huy và cô gái đến trước con ngựa, nó ngẩng đầu nhìn hai người. Huy nhận thấy từng tảng cơ bắp cuộn cuộn dưới lớp lông màu trắng. Cái đuôi ngựa dài như phủ kín cả hai chân sau của nó. Khi con ngựa cúi xuống ăn cỏ, Huy nhận thấy đám lông bờm dày, trắng và sạch sẽ của nó có đôi chỗ được tết lại như chiếc đuôi sam tí hon của các bé gái.

“Ai tết bờm con ngựa thế này?” - Huy hỏi.

“Cháu đấy, nó có bộ bờm đẹp nhất đấy, cháu thích tết tóc cho nó. Ngày xưa mẹ cháu cũng hay tết tóc cho cháu như thế này”.

“Đêm trăng cô hay thả ngựa ngoài bãi cỏ ven chân đồi phải không?”

“Sao chú biết?” - Cô gái ngược mắt hỏi. Đôi mắt to, đen thăm thẳm dưới hàng lông mày rậm.

“Từ đỉnh đồi tôi nhìn nó phi như bay và hí vang, đẹp lắm. Tôi mò xuống đây là để xem con ngựa. Tôi nói dối cô là xin nước uống đấy thôi”.

“Khi nào có trăng, con ngựa thích ra bãi cỏ lắm. Cháu thả nó và nằm trên bãi cỏ nghe tiếng chân nó chạy, tiếng nó hí. Ngày nào cháu

cũng tắm, tết bờm cho nó”.

Huy đứng ngắm con ngựa và nói chuyện với cô gái cho đến khi con ngựa ăn hết cỏ.

Khi tiễn Huy ra đến ngõ, cô gái nói:

“Khi nào rảnh, chú xuống sớm ra thị trấn uống rượu cùng bố cháu, ngoài đó họ uống rượu, đánh bài, vui lắm!”

“Tôi không biết uống rượu. Tôi sẽ xuống thăm cô và vẽ một bức tranh về con ngựa này tặng cô”.

“Chú biết vẽ à?” - Cô gái lại mở to đôi mắt nhìn anh.

“Tôi đang học Đại học Mỹ thuật thì đi bộ đội. Mà này, cô đừng gọi tôi là chú nhé. Cô cũng trạc tuổi em gái tôi ở Hà Nội thôi. Em gái tôi rất thích mèo. Đêm nào nó cũng ôm mèo ngủ”.

Cô gái bật cười, để lộ hàm răng đều, trắng bóng...

“À, tên cô là gì nhỉ?”

“Tên cháu là My. Thế còn chú?”

“Lại chú rồi - Huy đùa - Tên tôi là Huy”.

Mãi một tuần sau, Huy mới xuống thăm My được. Anh mang theo cả giá vẽ. Ông bố My nghe con gái giới thiệu về Huy và trình bày ý định của anh, cười hà hà: “Vẽ ngựa hả, muốn vẽ bao nhiêu thì vẽ. Lúc nào muốn vẽ, tôi nghỉ buổi chở hàng để ngựa ở nhà cho mà vẽ”. Nhưng lần nào anh cũng trở về với vẻ mặt thất vọng. Sau mỗi buổi vẽ, anh nhìn bức tranh rồi vò đầu, vò luôn cả bức tranh rồi châm lửa đốt.

“Sao chú lại đốt đi thế. Cháu nhìn đẹp lắm. Lần sau vẽ xong chú để lại cho cháu.”

Cô gái nhìn bức tranh cháy nói với giọng tiếc nuối.

“Tôi sẽ vẽ cho em - Huy buồn bã nói - Những bức tranh vừa rồi không có vệt sáng ấy, không có tiếng chuông bạc ấy.”

My mở to đôi mắt nhìn Huy tỏ vẻ không hiểu. Anh đứng dậy bước lại gần My. Đưa những ngón tay chạm khẽ vào mái tóc My thờ dãi:

“Rồi em sẽ hiểu.”

Một buổi tối Huy xin được phép ra khỏi doanh trại đến mười giờ đêm. Thật may, đó là đêm trăng đang vào độ sáng nhất. Hình như hương cỏ cũng đậm dần theo độ sáng và trong của trăng.

Huy ăn vội bữa tối và lao nhanh xuống chân đồi. Nghe tiếng Huy, My vội vàng xách chiếc đèn chai ra đón anh.

“Đêm nay trăng đẹp lắm, chúng mình thả ngựa nhé!”

Giọng Huy hồn hển. My mỉm cười gật đầu. Sau khi ông bố My khoác chiếc đại cán cũ rời nhà ra thị trấn uống rượu thì My dắt con ngựa cùng Huy xuống bãi cỏ ven chân đồi. Con ngựa thông thả bước lên bãi cỏ dưới trăng. Ánh trăng lấp lóa trên mình nó theo nhịp chuyển của những múi cỏ. Gió từ mặt hồ nước thổi về làm đám lông bờm của nó rung lên như một chùm tia sáng.

My cho con ngựa dừng lại, rồi cô tháo cương lừa tay vào đám lông bờm sạch sẽ của nó:

“Mày tự do nhé.”

“Hãy bay đi - Huy rút rè xoa lưng con ngựa - và hí vang lên, vang như chuông ấy.”

Con ngựa ngẩng đầu. Nó đứng im lặng trong khoảnh khắc, bất chợt nó khẽ rung mình tung vó. Đám bờm ngựa dềnh lên như một ngọn sóng. Rồi tiếng hí của nó ngân vang. Huy cảm thấy ánh trăng cũng rung lên với những âm thanh lạnh lạnh trong vắt và lấp lánh. Chỉ trong khoảnh khắc, bóng con ngựa trước Huy và My nhòa đi. Cuối cùng chỉ còn lại một vệt sáng bạc lấp lóa.

Sau những phút ngây ngất choáng ngợp Huy từ từ quay lại nhìn My. Cô vẫn im lặng nhìn về xa. Anh bỗng bước lại ôm ghì My. Cả hai người rung mình và thở. Cứ như thế, cả hai người không nói một câu gì. Họ nép vào nhau, người khẽ rung lên từng đợt. Cho đến khi họ nghe thấy tiếng con ngựa gặm cỏ và thở phì phì sau họ, hai người mới buông ra.

My chuệnh choáng bước lại gần con ngựa. Cô ôm chầm lấy cổ nó, úp mặt vào đám lông bờm có những bím nhỏ của nó. Huy đứng sau My. Những ngón tay của anh run rẩy chạm khẽ vào mái tóc cô đồ xoa trên đám bờm ngựa.

Nhưng bức tranh về ngựa trắng vẫn không sao hoàn thành được. Và khi nhận lệnh chuyển quân đột ngột thì Huy hoàn toàn thất vọng. Anh chạy như bay từ trên đỉnh đồi xuống nhà My. Vừa nhìn thấy cô, anh kêu lên:

“Anh phải đi rồi, làm thế nào hờ em?”

My không nói gì, nhìn Huy giàn giụa nước mắt. Rồi không ai bảo ai, cả hai cùng bước về góc vườn, nơi buộc con ngựa ở đó. My ôm lấy cổ con ngựa và khóc.

“Anh sẽ về tìm em - Huy thì thầm - Chiến tranh sắp kết thúc rồi”.

My rời con ngựa bước lại trước Huy đổ người vào ngực anh. Cô khóc nức lên.

Con ngựa bồn chồn gõ móng.

“Chiến tranh sẽ kết thúc rất sớm. Anh tin là thế. Anh sẽ về cưới em. Và để vẽ bức tranh con ngựa trắng tặng em”.

Đêm ấy không có trăng. My xách chiếc đèn chai tiến Huy đến tận đầu con đường mòn từ chân đồi chạy lên đỉnh đồi. Huy quay lại ôm ghì lấy My vào lòng, hôn lên khắp mặt và bộ tóc cô, My mím môi kìm tiếng khóc. Chiếc đèn chai chao đảo.

“Em về đi, về cho ngựa ăn, nó đói đấy. Hình như anh nghe thấy tiếng nó hí”.

“Anh sẽ về tìm em, về đi em.”

Khi về đến cửa ngõ, My quay lại giơ cao chiếc đèn chai và nhìn về phía đỉnh đồi. Rồi cô treo chiếc đèn chai ở cửa. Khoảng nửa đêm cô nghe tiếng gầm của ô tô. Cô vội đi ra ngõ. Cô cứ đứng đó, với đôi mắt mở to, đen thẳm hướng về phía đỉnh đồi. Đêm ấy gió thổi mạnh hơn mọi đêm. Chiếc đèn chai chao đảo trong gió trên chiếc cửa ngõ ghép bằng những cành cây khô. Cô đứng đó cho đến lúc bố cô đi uống rượu ngoài thị trấn về.

Gần hai năm sau khi chiến tranh kết thúc, anh mới từ Đồng Nai trở về Hà Nội. Gia tài của anh là mấy bộ quần áo, những lá thư của gia đình, bạn bè anh nhận được trong chiến tranh và bức tranh vẽ con ngựa trắng mà anh đã hoàn thành trong thời gian bị thương nằm ở trạm quân y tiền phương. Bức tranh được vẽ bằng tất cả sự

kỳ diệu của thiên nhiên trong những đêm trăng anh sống ở vùng đồi phía Bắc, với tất cả tình yêu và sự đợi chờ lớn lao anh dành cho My. Bức tranh được vẽ bên cạnh cái chết của chiến tranh.

Về Hà Nội được dăm ngày, anh vội vàng lên vùng đồi ấy tìm My. Đây là lần thứ nhất anh trở lại vùng đồi này sau gần bảy năm. Nhưng anh không tìm thấy My.

Thị trấn dưới chân đồi bụi bặm và xơ xác, nó cũng đã bị đánh bom hai lần trong thời chiến tranh. Ngôi nhà của My ở phía bên này quả đồi không còn nữa. Huy tìm đến Ủy ban nhân dân thị trấn để hỏi. Ông chủ tịch đen đúa và khô quắt như một cảnh củi nhìn anh im lặng. Và sau khi rít đến bảy điếu thuốc Lào ông mới thủng thẳng nói:

“Tôi chẳng biết cô My là cô nào cả. Đất đai, đồi núi ở đây rộng lắm, ai muốn ở đâu thì ở, muốn đi đâu thì đi. Năm bảy hai, những gia đình bên kia quả đồi đi sơ tán vào sâu trong phía núi. Sau giải phóng cũng chẳng thấy ai trở về cả”.

“Bác cho cháu ở lại đây ít bữa - Huy nói - Cháu ra các vùng lân cận hỏi thăm xem sao”.

“Ủy ban chẳng có chỗ nào cho anh nghỉ được đâu. Anh nhìn cơ ngơi chúng tôi thì thấy đấy”.

Nói xong, ông lại tra thuốc vào điếu và hút liên tục. Cuối cùng ông đứng dậy:

“Thôi về nhà tôi ở tạm vài ngày”. Huy theo ông chủ tịch Ủy ban về nhà ông. Sáu đứa con còn nhỏ của ông đầu tóc xơ xác như qua đánh trống mắt nhìn anh. Công việc đầu tiên của Huy là mở giấy ra vẽ chân dung ông chủ tịch. Mặc dù trong thời gian Huy vẽ, ông ngo nguậy như một con sâu và rít thuốc Lào đến nhức đầu, nhưng bức tranh vẫn được hoàn thành. Lũ con ông xô đẩy nhau để xem bức tranh.

“Giống đấy, giống đấy - Ông chủ tịch gật gù - Cái này để khi chết mang ra làm lễ truy điệu được”.

Chính vì bức tranh loại “truyền thần” ấy mà Huy được ông chủ tịch đối xử khá chu đáo. Ban ngày Huy đi bộ ra các vùng lân cận dò hỏi tin tức về My. Đêm đến, anh đi lang thang trên bãi cỏ ven chân

đồi, leo lên đỉnh đồi ngồi đến khuya. Anh mong chờ một tiếng ngựa hí.

Năm ngày sau, Huy hoàn toàn thất vọng trở về Hà Nội. Anh tự an ủi mình bằng ý nghĩ rằng My đã lấy chồng ở một nơi chốn xa xôi nào đó. Anh quay lại tiếp tục chương trình học tập ở Đại học Mỹ thuật. Rồi anh tốt nghiệp ra trường, đi làm và lấy vợ.

Bức tranh Huy vẽ con ngựa trắng được đóng khung treo vào nơi trang trọng nhất trong phòng làm việc của anh. Thi thoảng anh lại tỉnh giấc trong đêm rời khỏi phòng ngủ. Anh đốt cây nến đặt gần bức tranh và lặng lẽ nhìn. Ánh sáng nến lay động làm mọi cảnh vật trong bức tranh chuyển động. Trong bức tranh là một cánh cửa gỗ ghép bằng những cành cây khô thưa thớt. Sau những cành cây khô, là một thiếu nữ đang giơ cao chiếc đèn chai. Đôi mắt thiếu nữ mở to, đen thẳm. Từ đó như vọng lên lời thì thào vĩnh biệt. Sau thiếu nữ là một khoảng không mênh mông với một thứ ánh sáng kỳ lạ. Trong ánh sáng ấy là một con ngựa như đang bay. Lưng con ngựa lấp lánh ánh bạc. Bờm nó tung lên như từng chùm tia sáng lóng lánh.

Càng nhìn, Huy càng thấy chiếc đèn chai chao đảo dữ dội, và người thiếu nữ kia rung lên từng đợt. Anh nghe thấy tiếng gió rít từng hồi qua đỉnh đồi cùng tiếng hí ngân lên lạnh lạnh đến vô tận.

Chính vì những đêm tỉnh giấc mộng mị như thế và chính vì đứa con đầu tiên ra đời của vợ chồng Huy đã chết, bé chết bởi không được đầy đủ như một con người nên vợ chồng anh ngày một xa nhau. Rồi họ chia tay nhau.

Sau khi ly hôn được vài tháng, anh trở lại vùng đồi kia lần thứ hai.

Lúc ấy Huy gặp may hơn. Có một người đàn bà luống tuổi biết loáng thoáng những câu chuyện về My đã kể cho anh nghe.

Sau khi con ngựa là cái duy nhất để kiếm cơm cho gia đình cô bị thương vào chân vì trúng mảnh bom không thể chở hàng thuê được nữa, gia đình My lâm vào cảnh túng quẫn hơn xưa. Ông bố My đêm đêm vẫn mò ra thị trấn uống rượu. Khi không còn cả tiền uống rượu ông gạ bán con ngựa. Chẳng ai muốn mua con ngựa què ấy làm gì. Hơn nữa, My cương quyết không bán con ngựa ấy. Một thời gian sau ông bố cũng không còn đủ sức bò ra thị trấn uống rượu đêm.

My vẫn phải đi bộ mua rượu cho ông. Đám trai tráng tụ tập uống rượu và đánh bạc ở thị trấn để ý ngay đến cô. Một gã trai không rõ quê quán ở đâu làm nghề đào giếng đã theo My về nhà. Ít lâu sau bố mẹ My mất. Hai đứa em trai cô bỏ đi kiếm ăn ở tỉnh phía Nam nào đó. Rồi gã đào giếng thuê, chồng My cũng chết. Gã uống rượu đánh bạc và bị lũ con bạc đâm chết. Sau đó một thời gian, người ta thấy My biến mất cùng đứa con gái nhỏ của mình. Không ai biết My đi đâu cả.

Huy trở về Hà Nội lần đó buồn hơn. Anh đóng cửa suốt ngày. Đêm nào anh cũng thức giấc. Anh đốt một ngọn nến đặt gần bức tranh ngồi lặng lẽ hàng giờ. Anh đang sống những giây phút đau khổ và hạnh phúc nhất.

Và lần này là lần thứ ba, có lẽ là lần cuối cùng anh trở lại vùng đồi. Chuyến đi này không phải anh đi tìm My. Những hồng cầu ngấm chất độc màu da cam đang nhảy múa điên loạn trong cơ thể của anh. Anh biết anh đang từng bước đi về phía cái chết. Anh chọn mùa trắng để trở lại đây. Anh muốn được ngồi trên đỉnh đồi này, nơi anh ngồi hơn hai mươi năm trước, để được ngắm nhìn quả đồi thiêu thiếp trong trắng, và mong được vô tình nghe thấy tiếng ngựa hí dù là do bệnh hoang tưởng.

Đêm đã khuya, sương thấm lạnh lạnh. Anh đứng dậy nhìn xuống bãi cỏ ven chân những quả đồi. Khi anh cất tiếng thì thào “vĩnh biệt, vĩnh biệt” thì từ phía chân đồi một tiếng ngựa hí vang lên. Người anh choáng đi. Anh đứng như chết. Đầu óc anh tê dại.

Tiếng ngựa hí lại tiếp tục vang lên. Anh nín thở lắng nghe để tìm lấy một chút quen thuộc nào đó trong âm thanh kia. Bỗng từ trong ký ức anh, tiếng hí xưa cứ từng đợt, từng đợt dâng lên và lung linh. Anh thấy từng đợt sóng cuộn cuộn dâng lên trong da thịt anh. Anh lao mình xuống chân đồi về phía tiếng ngựa hí trong đêm. Anh vấp ngã sóng soài. Anh chồm dậy và chạy. Tiếng hí cứ triền miên ngân vang trong miền ký ức anh.

Xuống đến chân đồi, Huy vừa thở vừa bước về phía mấy ngôi nhà dựng trên đất đồi đỏ nhọt nhọt trong ánh trăng. Khi đến ngôi nhà thứ hai, anh nhận ra một con ngựa nhờ nhờ trắng đứng ở đầu

nhà. Tim anh đập loạn lên. Anh bám tay vào chiếc cổng được ghép bằng những cây sắn còn hăng mùi nhựa.

– Có ai, có ai ở trong nhà không?

Không có ai trả lời. Chỉ có tiếng ngựa gõ móng và tiếng nó thở phì phì.

– Có ai trong nhà không?

Anh như gào lên. Ngay sau đó anh nghe tiếng động trong nhà vọng ra. Một lát sau có ánh đèn hắt qua khe cửa sổ bé như bàn tay. Một người đàn bà mở tấm phen cửa, xách chiếc đèn chai bước ra. Ánh sáng từ chiếc đèn chai như xuyên vào mắt anh.

Người đàn bà đi từng bước chậm rãi về phía anh. Khi đến sau cánh cửa ngõ thấp ngang ngực, chị giơ cao đèn về phía anh và hỏi:

– Khuya rồi, ai hỏi gì vậy?

– Anh đây, Huy đây.

– Huy nào nhỉ?

– Anh về rồi đây mà. Anh đã vẽ xong bức tranh con ngựa trắng cho em rồi. Huy đây mà.

Người phụ nữ vẫn đứng im lặng. Đôi mắt chị hình như chưa bao giờ biết chớp. Chiếc đèn chai trên tay chị đung đưa.

– Em không còn nhớ ư? My. Anh vẫn nhớ con ngựa mà em hay tết bờm cho nó.

My bỗng đổ dạt vào cửa ngõ. Huy vội vàng đẩy cánh cửa lách vào. Có tiếng gậy của những cành sắn. Anh đỡ My đứng lên. Anh nghe tiếng cô khóc nức nở.

– Anh đẩy ư? Huy. Sao bây giờ anh mới về?

– Anh đi tìm em bao lần rồi mà không thấy. Em đã đi những đâu?

– Chuyện dài lắm, anh vào nhà đi.

– Con ngựa vẫn còn phải không em?

– Nó vẫn sống, nhưng bị què mất một chân.

– Anh biết.

– Sao anh biết?

– Anh có lên đây tìm em. Người ta kể chuyện về em cho anh nghe. Nhưng chẳng ai biết em đi đâu.

– Sau khi chồng em mất, em về quê chồng chăm sóc bà mẹ chồng. Sau khi cụ mất, em lại trở về đây, được hai năm rồi anh ạ. À để em đưa anh ra thăm con ngựa.

My nói, lau nước mắt và dẫn Huy ra đầu nhà. Thấy ánh đèn, con ngựa gõ móng và thở mạnh hơn. My bỏ cho nó một nắm cỏ. Con ngựa cúi xuống ăn một mồi.

Huy nhìn con ngựa và thấy nó đã quá già. Da nó lốm đốm những chấm tàn nhang lớn. Chiếc đuôi tuyệt vời của nó khi xưa giờ xơ xác và rụng nhiều. Trong đám bờm của nó vẫn có những tết lông nhỏ.

– Em vẫn tết bờm cho nó à?

– Ngày nào em cũng tắm rửa và tết bờm cho nó. Em chỉ không dắt nó ra bãi cỏ những đêm trăng, kể từ khi em lấy chồng.

– Anh ngồi trên đỉnh đồi suốt từ lúc trăng lên. Và anh nghe thấy nó hí.

– Bao nhiêu năm rồi em mới thấy nó hí như thế. Em không nghĩ anh về, em chỉ nghĩ có lẽ đêm nay hoặc ngày mai là nó chết. Nó già yếu quá rồi, không cả nhai cỏ được nữa.

Nghe My nói, tim Huy như thắt lại, ngực anh nóng ran. Anh ôm chặt My. Như hơn hai mươi năm về trước, hai người nép chặt vào nhau không nói gì. Chỉ cơ thể họ rung lên từng đợt. Huy thì thầm bên tai My:

“Chúng mình dắt ngựa ra bãi cỏ nhé!”

My không nói gì, chỉ gật đầu và nhoẻn cười.

Họ dắt con ngựa ra khỏi nhà. Ra khỏi cổng ngõ, My quay lại treo chiếc đèn chai lên cái cọc tre.

Đến bãi cỏ, My tháo chiếc dây buộc ngựa. Chị ôm lấy cổ nó và vùi mặt vào đám bờm. Gió se lạnh từ mặt hồ thổi về làm những chiếc lông bờm ngựa tung lên như những chùm tia sáng.

My thì thầm:

“Mày tự do nhé.”

“Mày hãy bay lên như ngày trước - Huy xoa xoa đầu con ngựa và nói - Và hí vang lên, như chuông ấy”.

Con ngựa khẽ ngẩng cao đầu đứng im lặng rất lâu. Phía sau nó, My bé bỏng trong vòng tay Huy. Cả hai nín thở chờ đợi. Trên đầu họ, trăng vẫn rờn rờn chảy xuống. Có những đám mây nhỏ óng ánh trôi khe khẽ trên đầu.

Con ngựa già, què một chân vẫn đứng im lặng. “Có lẽ nào nó đã kiệt sức”. Huy thì thầm và cảm thấy hốt hoảng cho chính anh.

Nhưng rồi con ngựa chột rùng mình và tung vó. Nó rướn mình lên như một cơn mơ. Cái đuôi xơ xác, đã rụng nhiều quấy lên như một dải ánh sáng. Đám bờm của nó dềnh lên như một đợt sóng. Và tiếng hí kỳ diệu của nó ngân lên lạnh lạnh, trong suốt và lung linh đến vô tận.

Chiều hoa tầm xuân

Họ ngồi với nhau suốt cả chiều trong sân của ngôi nhà sát chân đê. Cả hai tóc đã bạc trắng, mắt đã mờ, chân đã chậm. Họ biết, họ đang từng bước tới gần cõi hư vô. Họ đã sống một cuộc đời đầy kỷ ức. Và họ đã tìm đến nhau để cùng ngồi một chiều như thế. Một chiều mà trong những bụi tầm xuân ven chân đê đã lặng lẽ nở một vài bông hoa. Hình như chỉ có họ mới biết hoa tầm xuân đã nở.

Bà cụ:

– Cho đến bây giờ, tôi vẫn ân hận về cái đêm ấy.

Ông cụ:

– Bà cứ nói thế mãi làm gì. Với tôi, đêm ấy là đêm đẹp nhất.

Bà cụ:

– Tôi khổ tâm mãi.

Ông cụ:

– Tôi thì hạnh phúc.

Bà cụ:

– Nhanh thật, đã hơn năm mươi năm.

Ông cụ:

– Tôi và bà đang sắp về trời cả rồi.

Trên đầu họ, bầu trời một ngày cuối đông nắng ấm, có những cụm mây nhỏ bay chậm chậm. Năm nay nắng ấm về sớm, cho nên tầm xuân ra hoa sớm hơn mọi năm. Năm nay, đột nhiên ông cụ từ thành phố về thăm bà cụ và những người bạn thuở xưa còn sống.

Hơn năm mươi năm trước, trong một căn hầm bí mật ven đê, họ đã cùng nhau trốn càn. Bọn địch phát hiện ra người cán bộ quan trọng đang nằm đâu đó dưới chân đê. Nơi những bụi hoa tầm xuân mọc như rừng. Chúng không làm sao phát hiện ra căn hầm của họ. Và chúng quyết định đóng quân ngay dọc ven đoạn đê đó để bắt

cho bằng được họ. Nếu họ không chịu lên hàng thì họ cũng sẽ chết khát, chết đói dưới hầm.

Một đêm, người con gái áp mũi vào lỗ thông hơi thở, bỗng khẽ kêu lên: “Anh ơi, hoa tầm xuân nở rồi”. Trong bóng tối như bụng của căn hầm, người con gái lùa tay búi lại mái tóc dài của mình và nói: “Giá bây giờ có một chùm hoa tầm xuân, em chỉ cần ngửi hương tầm xuân là sống được cả tháng, chẳng cần ăn”. Thế là người con trai, người cán bộ quan trọng đang bị địch săn lùng ấy, vào lúc gần sáng đã mở nắp hầm, bò lên, lần mò hái một chùm tầm xuân cho cô gái. Nhưng đến đêm thứ năm thì anh bị địch bắt. Qua lỗ thông hơi, người con gái nghe tiếng súng và tiếng la hét của bọn địch. Chị định bật nắp hầm lao lên sống chết cùng anh. Nhưng trong căn hầm của họ còn có một tập tài liệu vô cùng quan trọng. Chị phải thay anh giữ lấy. Suốt đêm ấy, trong căn hầm chị đã khóc vật vã vì ân hận. Anh đã vì những bông hoa tầm xuân chị yêu thích mà rơi vào tay giặc. Bọn giặc bắt được người cán bộ trẻ quan trọng ấy thì rút khỏi chân đê. Chiều hôm sau, chị rời khỏi căn hầm bí mật để mang tài liệu về hậu cứ. Khi từ cửa hầm bước lên, chị bàng hoàng thấy hoa tầm xuân nở tung bừng dọc chân đê làng. Hương tầm xuân bay ngào ngạt dọc con đê dài. Nhưng chị đâu còn tâm trí cho những bông hoa kia. Chị vừa đi vừa khóc.

Hơn năm mươi năm kể từ mùa hoa tầm xuân ngày ấy, chiều nay, họ lại được ngồi bên nhau trong hương thơm mơ hồ của những bông tầm xuân nở sớm.

Bà cụ:

– Mười năm sau, kể từ ngày ông bị bắt, tôi cứ nghĩ ông đã bị chúng giết trong tù rồi. Thế là tôi đi lấy chồng. Tôi đã phản bội ông.

Ông cụ:

– Bà lắm cảm rồi đấy. Tôi bị thương hàn coi như chết rồi, xe nhà tù chở tôi đổ xuống chân một quả đồi, thế mà tôi lại sống được. Có lẽ lúc đó tôi tỉnh lại thấy khát quá, tôi vặt mấy cái cây, cái cỏ quanh đó nhai cho đỡ khát. Đâu ngờ lại sống.

Bà cụ, khẽ thở dài:

– Thế là tôi để mất ông hai lần. Đàn bà con gái nhẹ dạ thế đấy.

Ông cụ cười khà khà:

– Có lẽ như thế lại may cho bà. Thôi chuyện ấy nói lại làm gì. Bây giờ được ngồi ngắm bà thỏa thích thế này là sướng lắm rồi. Chứ ngày ấy dưới hầm...

Bà cụ:

– Ngắm nghĩa bây giờ thì để làm cái gì. Tóc bạc, răng rụng, da dẻ nhăn nheo. Còn nói được với nhau đã là quý lắm rồi ông ạ.

Ngày đó, mười mấy ngày trong căn hầm tối họ chỉ nghe tiếng nhau chứ không nhìn thấy mặt nhau. Người con trai có một bao diêm. Mỗi ngày, dăm bảy lượt anh xòe diêm soi lên mặt cô gái. Một gương mặt tròn rúm nắng, cặp môi mọng, đôi mắt đen láy với hàng lông mày rậm mà tối. Mỗi lần người con trai xòe diêm ngắm mặt mình, cô gái lại nói như bằng hơi thở.

“Anh để dành diêm mà hút thuốc, đừng nhìn em làm gì”.

“Anh muốn nhìn em - Người con trai cũng thì thảo - Khi nào giặc rút, lên mặt đất, anh sẽ đốt một trăm ngọn đèn để nhìn em”.

Nhưng rồi những que diêm cũng hết, khi đến que diêm cuối cùng, người con trai run rẩy lấy que diêm ra khỏi bao và nói:

“Đây là que diêm cuối cùng. Anh đốt que diêm này để nói với em một điều”.

Và que diêm cuối cùng được bật sáng. Ánh sáng như mạnh hơn mọi que diêm khác. Hai gương mặt sát gần nhau. Họ cảm thấy được hơi nóng của lửa rất mặt họ. Nhưng người con trai chưa kịp nói điều anh muốn nói thì lửa que diêm phụt tắt. Hơi thở gấp từ họ đã thổi tắt ngọn lửa.

Bà cụ:

– Hồi ấy, ông định nói với tôi điều gì?

Ông cụ:

– Tôi nghĩ bà hiểu tôi định nói gì.

Bà cụ:

– Nhưng sao ông không nói.

Ông cụ:

– Tôi không muốn nói điều thiêng liêng ấy trong bóng tối.

Bà cụ, mắt nhìn xa về phía chân đê.

– Nếu ông nói với tôi điều ấy. Đến già tôi vẫn đợi.

Ông cụ cười:

– Bà nói như thế nghĩa là bà đã chờ tôi rồi còn gì.

Bà cụ khẽ thở dài, rót nước mời ông cụ uống. Ông cụ áp hai bàn tay vào chén trà, trầm ngâm.

Ông cụ:

– Năm nay tôi về thăm bà, vì tôi biết sức tôi yếu lắm rồi, khác lắm rồi bà ạ.

Bà cụ:

– Con cháu đông, phải cố mà sống ít năm nữa ông ạ.

Ông cụ:

– Tôi thấy bây giờ đi lúc nào cũng được chẳng phải ân hận gì nữa.

Ông cụ nói xong đứng dậy, sửa soạn lại mũ áo.

Ông cụ:

– Tôi với bà đi thăm lại nơi căn hầm bí mật ngày xưa một tí, bà nhé.

Hai người đi về phía chân đê. Ông cụ chống gậy đi từng bước thong thả. Nắng cuối đông rải vàng sườn đê. Đến nơi có căn hầm bí mật xưa, cả hai dừng lại.

Bà cụ:

– Tầm xuân bây giờ chẳng mọc dày như ngày xưa. Người ta chặt nhiều quá.

Ông cụ:

– Cái gì cũng thay đổi.

Trong bụi tầm xuân ló ra những bông hoa nở sớm.

Ông cụ:

– Bà có thấy là năm nay mùa đông hết sớm hơn không?

Bà cụ:

– Mọi năm quá rằm tháng Giêng tầm xuân vẫn chưa nở hoa. Năm nay ảm nhiều, tôi cũng đỡ khổ vì bệnh đau xương. Ngày còn trẻ địch nó đánh đập như thế mà chẳng coi ra gì. Bây giờ về già, hễ đổi giờ là khổ.

Ông cụ chống gậy như đang lắng nghe tiếng bước chân xa lắc từ xưa chạy về. Ông bước sát bụi tầm xuân.

– Để tôi ngắt cho bà một bông.

– Thôi ông - Bà cụ khế kêu lên - Ngã vào đấy thì khổ. Cái thứ này lắm gai lắm.

Mặc bà cụ can, ông cụ vẫn lùa tay ngắt được bông hoa và đưa cho bà cụ. Bà cụ hết sức lúng túng nhận bông hoa. Ông cụ đứng nhìn bà cụ rất lâu:

– Ngày xưa tôi không nói được với bà điều tôi muốn nói. Hôm nay tôi phải nói, vì chẳng còn dịp nào nữa...

Bà cụ xấu hổ:

– Già rồi, nói năng cái gì nữa, hử ông.

Ông cụ xúc động, chòm râu rung rung:

– Điều tôi muốn nói là điều thiêng liêng. Bây giờ đất nước yên bình rồi, sáng sủa rồi, thì tôi phải nói, bà ạ.

– Đừng nói, ông nhé. - Giọng bà cụ run rẩy - Ông đừng nói gì cả.

Bà cụ nói và nhìn ông cụ. Đôi mắt bà như chột ướn. Bà nói vậy, nhưng hình như bà lại đợi ông cụ nói ra điều ấy.

– Thôi, về nhà đi ông, có sương rồi đấy.

Bà cụ nói và quay đi. Nắng cuối chiều trước khi tắt hừng lên rực rỡ lạ thường. Cỏ sườn đồi ánh lên như ngọc. Những bông hoa tầm xuân nở sớm thoang thoảng hương. Hai người già bước đi lòng tràn ngập ký ức. Cả hai thấy hạnh phúc, mặc dù mùa hoa tầm xuân năm nay có thể là mùa hoa cuối cùng của đời họ. Nghĩ đến đó, ông cụ bước vội theo bà cụ và gọi:

– Bà ơi, bà đi cẩn thận kẻo ngã.

Bà cụ nghe thấy tiếng ông cụ gọi, nhưng không đáp lời và cũng không quay lại. Bà mỉm cười, bước nhanh hơn. Bà nghĩ:

“Giá bao diêm ngày ấy có thêm một que nữa”. Bà chợt thấy mặt mình nóng ran. Bà lầm rầm: “Mình già quá rồi, nghĩ ngợi quá là lẩn thẩn”.

Trái tim rắn

Vào những chiều biển động, tôi đi ra cửa biển. Ông già làm nghề câu rắn biển đón tôi vào chiếc nhà thuyền của ông. Ông chọn con rắn biển lớn nhất trong lòng và cắt tiết, pha rượu. Tôi và ông ngồi uống rượu. Trong khi đó, cô con nuôi tên là Biển của ông lột da rắn, nấu một nồi cháo cho chúng tôi.

Lần nào cũng vậy, Biển gỡ quả tim rắn bỏ vào chiếc đĩa và đặt trước mặt chúng tôi. Trong lòng đĩa, quả tim rắn nhỏ như một hạt lạc lép đập nhoi nhoi.

Bên ngoài sóng biển réo âm âm. Trong những chiều như thế, ông già và tôi ngồi lặng lẽ uống rượu. Trong ánh sáng của chiếc đèn chai, quả tim rắn vẫn nhoi nhoi đập. Nó đập như không bao giờ ngừng. Và tôi cũng chưa bao giờ thấy nó ngừng đập. Vì thường đến cuối cuộc rượu, ông già rót một chén rượu nhỏ và bỏ quả tim vào đó và đưa cho tôi uống.

Tôi đã uống rất nhiều quả tim rắn vào bụng, nhưng lần nào cũng vậy khi uống xong tôi lại thấy hoang mang vô cùng. Những con rắn bơi trong mù khơi. Những quả tim bé bỏng đập trong đĩa. Và tiếng rền rĩ bất tận của biển cả.

– Ông đã nhặt con Biển trong một hốc cát trên bờ biển. Một người đàn bà nào đó đã bỏ con mình vào đấy. Khi ông nhìn thấy nó, người nó đã tím và lạnh như một con sứa. Nhưng tim nó vẫn đập. Cát biển đã cứu nó. Thế mà đã mười chín năm rồi, nhanh thật.

Lần nào uống rượu, ông cũng kể cho tôi nghe câu chuyện ấy. Câu chuyện quen thuộc, rền rĩ và bí ẩn như tiếng biển.

– Nó là con của biển mà. Nếu không có nó, chắc ông đã chết vì cô đơn lâu rồi.

Có lẽ cả buổi uống rượu, ông chỉ nói với tôi từng ấy câu.

Còn Biển hầu như không nói một câu gì. Hay cô là con của biển thật. Và tiếng cô là tiếng sóng ở ngoài kia.

Những chiều biển động, hoa cỏ mặt trời chạy từng đàn trên cát. Biển hay đi dọc mép sóng.

– Biển - Tôi gọi - Cho tôi đi với.

Biển quay lại nhìn tôi và gật đầu. Tôi đi theo cô. Chúng tôi đi im lặng. Gió thổi mạnh, kéo căng mái tóc dày và dài của Biển. Từng đám hoa cỏ mặt trời chạy qua chúng tôi và lăn mất hút trên những dải cát dài.

Chúng tôi đi dọc mép sóng cho tới khi trời đổi màu chuyển vào tối. Biển quay lại thuyền và chuẩn bị bữa tối.

Mỗi năm tôi về công tác ở miền biển này chừng một hai tháng. Buổi chiều tôi hay một mình ra bãi biển. Và tôi quen ông già. Những ngày đầu tôi không để ý đến Biển. Nhưng rồi tôi dần dần nhận ra cô có một vẻ đẹp lạ lùng. Vẻ đẹp của Biển chính từ sự im lặng đến bất tận của cô.

Những lúc uống rượu với ông già, tôi thường nói rất nhiều về những kỷ niệm thời thơ ấu của tôi. Biển ngồi lặng lẽ ở mũi thuyền nghe. Nhưng chẳng bao giờ cô gợi hỏi tôi một điều gì.

Sáng sáng ông già đi khơi, Biển ở nhà mang cua, cá và chủ yếu là rần biển vào chợ thị xã bán. Buổi chiều cô ra bến đón thuyền rồi phân loại hải sản, đến khuya cô trở về nhà. Ông già rất ít khi ngủ ở nhà. Ông hầu như ăn ngủ trong chiếc nhà thuyền. Vào năm Biển mười ba tuổi, ông già kể cho Biển nghe ông đã nhặt được cô như thế nào. Cô nghe mà mặt không hề biến động. Cô cũng không hỏi ông thêm một câu nào. Nhưng sau lần đó, chiều nào cô cũng đi một mình dọc mép sóng. Những bông hoa cỏ mặt trời chạy từng đám theo cô. Mỗi lần như thế, cô lại mang về một bông hoa cỏ mặt trời mà cô nhặt được. Cô khâu những bông hoa cỏ mặt trời vào nhau và treo vào nóc mái nhà thuyền. Hình như đấy là loại hoa duy nhất có mặt trong cuộc đời của cô.

– Có bao giờ Biển hỏi mẹ cô là ai không, hờ ông? - Tôi hỏi.

Ông già lắc đầu.

– Nó không hỏi gì - Ông già nói - Ông cũng hỏi nó có cần ông dò hỏi xem mẹ nó là ai không, nhưng nó không chịu. Trước kia nó gọi ông bằng ông, xưng cháu. Khi nó biết được ông nhặt nó như thế

nào thì nó cương quyết đổi cách xưng hô. Nó coi ông là người đẻ ra nó.

Những mẩu chuyện rời rạc như thế được kể trong những đêm uống rượu trong thuyền.

Cứ hết một đợt công tác tôi lại trở về Hà Nội. Tôi viết thư cho bố con ông già thường xuyên, nhưng chẳng bao giờ tôi nhận được thư của Biển. Khi gặp lại Biển. Tôi trách cô sao không viết thư cho tôi. Cô mỉm cười nói: “Em hiểu tất cả những gì anh viết trong thư rồi, có gì thắc mắc đâu mà em phải viết thư. Hơn nữa, rồi em lại gặp anh mà”.

Tối nào Biển cũng làm thịt một con rắn biển cho ông già uống rượu. Và lần nào cô cũng gỡ quả tim rắn bỏ vào lòng đĩa để trước mặt ông. Ông già có thói quen suốt mấy chục năm là vừa uống rượu, vừa nhìn những quả tim rắn đập trong lòng đĩa. Và chỉ khi ông cảm thấy quả tim đập những nhịp cuối cùng thì ông mới nuốt quả tim rắn vào bụng.

Một lần, ông đã không nuốt quả tim rắn ấy. Ông uống rượu và ngủ gục. Biển không dám đánh thức ông. Cô chong đèn và ngồi nhìn quả tim rắn. Mệt quá, cô thiếp đi. Bỗng cô giật mình choàng dậy và cuống cuống vặn to ngọn đèn để nhìn quả tim rắn. Trong lòng đĩa, quả tim rắn bé bỏng vẫn cứ đập đều đều. Từ lúc đó, cô không dám ngủ nữa. Cô sợ nếu cô chớp mắt, quả tim sẽ ngừng đập. Cuối cùng, vì quá hoảng sợ quả tim sẽ ngừng đập ngay trước mắt cô, cô đã nhắm mắt nuốt quả tim rắn. Sáng hôm sau tỉnh dậy, cô sờ tay lên ngực mình. Và cô không sao biết được tiếng đập trong lồng ngực cô là tiếng đập của trái tim cô hay là quả tim của con rắn biển?

Một lần đi chợ thị xã. Cô gặp những ngư dân ngoài đảo vào chợ bán một số hải sản quý. Một người đàn bà đen đúa đã nhìn thấy cô. Cô cũng nhìn người đàn bà đen đúa và nhận thấy rất quen. Cô cố nhớ xem đã gặp người đàn bà kia ở đâu, nhưng cô không nhớ được.

Người đàn bà đã kéo cô ra góc chợ và hỏi:

“Cô tên là gì?”

Biển tỏ ra khó chịu

“Bà hỏi để làm gì?”

“Tôi xin lỗi cô, nhưng tôi muốn biết tên cô - Người đàn bà đau khổ - Cô ơi, tôi hỏi điều này, mong cô thứ lỗi cho tôi, có phải cô không sống với bố mẹ đẻ của cô phải không?”.

“Sao? - Biển thẳng thốt - Sao bà hỏi tôi như vậy?”

Nói xong Biển vội vã bỏ đi. Người đàn bà bước theo:

“Cô cho tôi hỏi câu cuối cùng. Cô hãy hỏi người đang nuôi cô xem có phải lúc mới đẻ ra cô bị bỏ trong hốc cát ven biển không?”

Biển bàng hoàng nhìn người đàn bà. Rồi bỏ chạy. Cô vội vã về nhà lấy gương ra soi. Cô kinh hoàng nhận thấy gương mặt cô chính là mặt người đàn bà ngoài chợ. Cô chạy ra chợ để tìm người đàn bà. Nhưng người đàn bà đã cùng người ngư dân khác lên thuyền trở lại đảo.

Đêm đó, cô thẳng thốt. Ông già nhận ra sự bất thường của cô.

“Con có chuyện gì phải không?” - Ông hỏi.

“Tại sao người ta lại vứt con mình đi, hờ cha?”

Biển hỏi và khóc.

“Chắc phải có một lý do ghê gớm lắm - Ông già trầm ngâm - Hồ cũng không muốn bỏ con mình”.

“Nhưng người ta đã bỏ đứa con họ sinh ra”.

“Họ chỉ tạm thời sống xa đứa con thôi - Ông già nói - Cha biết con đang hỏi về mẹ con”.

Biển òa khóc. Giọng ông già trầm trầm:

“Mẹ con không muốn vứt bỏ con. Mẹ con chỉ tạm phải xa con mà thôi. Rồi mẹ con sẽ đi tìm con. Nếu mẹ con không yêu con, mẹ con đã ném con xuống biển”.

Tôi vẫn chiều chiều ra thăm ông già và Biển. Và đến một hôm, tôi nhận ra tôi đã yêu Biển. Tôi cầm bàn tay bé nhỏ của cô. Bàn tay ấm nóng nhưng như bất động. Chúng tôi đứng bên nhau. Cát bay mù mịt quanh chúng tôi. Và trong gió cát mù trời tôi thấy tiếng trái tim cô đập rung trong những ngón tay mềm mại.

“Anh yêu em”. - Tôi nói nhỏ trong tiếng sóng.

Biển im lặng. Cô quay mặt nhìn về phía biển khơi xa.

“Anh yêu em!”

Biển từ từ rút bàn tay cô khỏi bàn tay tôi. Biển bước đi. Tôi lặng lẽ bước sau cô. Những bông hoa cỏ mặt trời chạy từng đám qua chúng tôi.

Đêm ấy, trên đường từ thuyền về ngôi nhà nhỏ của ông già trong xóm chài. Biển nhìn tôi và nói:

“Em biết anh yêu em. Và em... Nhưng anh đừng nói nữa. Em mong anh đừng nói nữa”.

Hết đợt công tác năm ấy, tôi trở về Hà Nội. Công trình của chúng tôi đã hoàn tất và đi vào hoạt động. Đêm ấy, trong chiếc nhà thuyền, ông già đi ngủ sớm. Chỉ còn tôi và Biển thức. Trước mặt chúng tôi là cái đĩa nhỏ đựng quả tim rắn. Chúng tôi ngồi trước nhau như bất động. Và trái tim rắn bé bỏng cứ thế đập.

“Viết thư cho em nhé - Biển nói - Em đợi thư anh”.

Nửa năm sau đó tôi mới trở lại vùng biển ấy. Nhìn thấy tôi, ông già nói:

– Nó đã đi rồi.

– Đi đâu, ông? - Tôi hỏi.

– Nó ra đảo.

– Để làm gì, hờ ông?

– Nó đi tìm mẹ nó.

– Làm sao mà tìm được - Tôi băn khoăn.

– Nó sẽ tìm được. Ông hiểu nó.

Đêm đó, tôi lại ngồi uống rượu với ông già. Ông run rẩy gỡ quả tim rắn bé bỏng đặt vào lòng đĩa. Và trong tiếng sóng bất tận của biển cả, quả tim rắn đập kiên quyết và bền bỉ. Đó là đêm ông già uống rượu và không nói một câu nào.

Đêm khuya ông già đi ngủ. Ông nói:

– Cháu hãy thức đợi nó về. Nó sẽ về nay mai thôi. Đừng để quả tim chết trước mặt cháu.

Tôi ngồi trước quả tim. Và nỗi hoảng sợ lớn nhất trong tôi là quả tim sẽ ngừng đập trước mặt tôi. Suốt đêm tôi thiếp đi nhiều lần. Và mỗi lần thức giấc, tôi lại hoảng hốt nhìn xem quả tim có còn đập hay không. Quả tim vẫn đập. Nó đập bền bỉ và quyết liệt.

Khi bình minh dưng lên trên mặt biển thì Biển về. Tôi lặng người đi vì kinh hoàng và hạnh phúc. Tất cả xảy ra như một câu chuyện huyền thoại.

Biển chạy về phía tôi. Những bông hoa đỏ mặt trời cũng chạy theo Biển. Chúng tôi ôm nhau trên bãi biển buổi sớm.

– Em yêu anh - Biển thổn thức - Em đã tìm thấy mẹ của em. Và đến lúc này, em mới là của anh.

– Anh đợi em suốt đêm qua - Tôi nói - Và anh tin em sẽ về.

Nói xong tôi kéo Biển vào thuyền. Ông già vẫn đang ngủ. Và kỳ lạ thay, trong lòng chiếc đĩa nhỏ, quả tim nhỏ vẫn đập đều đều. Nó đập như không thể nào ngừng lại. Nó đập như một cuộc chiến đấu lớn lao nhất. Và nếu nó không còn đập, tất cả đã khác rồi.

Biển cúi xuống bưng chiếc đĩa và đi ra mép sóng. Tôi cảm thấy người cô run lên theo nhịp đập trái tim. Rồi cô từ từ cúi xuống thả chiếc đĩa vào mặt biển. Chiếc đĩa trôi trên sóng như một con thuyền nhỏ.

Và tôi thấy, sóng dội lên từng đợt theo nhịp đập trái tim.

Con chuột lông vàng

Khi tôi kể câu chuyện về con chuột này thì chính tôi cũng chưa một lần nhìn thấy nó. Cả làng tôi cũng chưa ai nhìn thấy. Nhưng cũng như tôi, mọi người đều tin là con chuột có thật. Người duy nhất nhìn thấy con chuột là ông Lắm Cùi. Ông chính là người đã săn lùng nó suốt cả đời. Cuối cùng thì ông thất bại và chuốc lấy cái chết. Một đêm như mọi đêm ông đi đặt bẫy chuột và sáng ra người ta thấy xác ông nổi ở đầm sen đầu làng. Có người cho ông bị cảm, ngã xuống đầm mà chết. Nhưng hầu như mọi người lại cho ông bị con chuột lông vàng ám hại, vì cái đầm sen làng tôi chỗ sâu nhất cũng chỉ đến ngang ngực, mà ông là người có vút ra biển chưa chắc đã việc gì.

Làng tôi tên xưa gọi là làng Chùa, tuy bây giờ trong khai sinh, trong lý lịch người ta đều đề là sinh quán Hoàng Dương, nhưng dân làng tôi đi đâu bị khảo cũng xưng là người làng Chùa. Gọi là Chùa vì trước kia những ngôi chùa chiếm một phần ba làng. Đầu những năm sáu mươi, ở làng có chiến dịch phá chùa. Người ta tuyên truyền là phá đi tư tưởng mê tín để xây dựng nông thôn mới, tiếp cận với thời đại khoa học kỹ thuật. Ngày phá chùa thực sự là ngày hội của làng. Lũ trẻ chúng tôi cũng náo nức chờ đợi ngày ấy. Rồi cái ngày ấy đến. Thanh niên là lực lượng xung kích. Cánh nam giới lăm lăm cuốc, xẻng, búa chim. Còn phụ nữ thì kìn kìn quang gánh. Nhưng tôi nhớ nhất là ông Lắm Cùi. Người làng tôi gọi vậy chứ ông đâu bị cùi hủi gì. Chỉ vì đôi ống chân ông lúc nào cũng sần sùi, tấy đỏ. Khi bước đi thì thôi, cứ dừng lại là ông ngồi thụp xuống gãi lấy gãi để. Mặt ông vẹo sang một bên, mồm há hốc, mắt lơ lơ như người say thuốc lào. Ông là người miền Nam tập kết, lấy vợ làng tôi. Nghe nói trước kia ông bị tù Côn Đảo nhiều năm cùng với một số cán bộ cao cấp bấy giờ. Sau đó ông vào bộ đội và trở thành thương binh. Hàng năm cứ đến Tết Nguyên đán là ông ăn mặc chỉnh tề, ngực đeo đầy huân chương, đi khắp làng. Ngày phá chùa ông hăng hái lắm. Ông phăng phăng vác những pho tượng Phật to lớn, uy nghi ném xuống ao chùa. Từ dưới đáy ao tắm Phật sùng nổi lên. Lũ trẻ con chúng tôi

cùng nhau gào thét: “Phật chết đuối, Phật chết đuối, chúng mày ơi!”. Mỗi lần ném xong một ông Phật xuống ao, ông Lắm Cùi lại bước đi hùng dũng như một hiệp sĩ vừa chém gục kẻ thù. Hai bàn chân ông to bè nện xuống đất thành thịch. Đôi mắt ông sáng lên kiêu hãnh.

Những năm tôi đang theo học phổ thông là những năm làng tôi có nhiều chuột. Có lẽ địa hình làng tôi là nơi thuận tiện cho việc cư trú và sinh sôi của loài chuột. Làng tôi nằm kề sông Đáy. Làng chia làm hai phần. Một bên là nhà cửa với những lối ngõ sâu hút mọc đầy cây duối, cây dâm bụt. Và với những khu vườn nửa như vườn cây ăn quả lưu niên, nửa như vườn hoang. Quanh làng được bao bọc bởi đồng lúa và những gò đất cao mọc đầy những bụi tầm xuân, bụi cây gai và dứa dại. Còn suốt dọc bờ đầm, bờ ao cỏ mọc um tùm và những cây cỏ hoang quăn đầy dây leo. Xuyên qua những bụi cây trên khắp bờ ao, gò đất và những bờ rào là những con đường mòn nhỏ. Đây là những con đường riêng của lũ chuột. Những con đường kín đáo, trơn lì và khá sạch sẽ. Trải dọc những con đường ấy là những viên cứt chuột nâu sẫm và rắn như đất nung, tỏa một mùi tanh nồng nặc đến nôn mửa. Đến mùa lúa chín hay mùa thu hoạch khoai ngô, chuột từ những con đường mòn ủa ra tấn công. Nếu bạn ngủ ngoài đồng, nửa đêm tỉnh giấc, bạn sẽ nghe thấy tiếng chuột phá đồng rào rào. Tiếng chuột gọi nhau, cắn chích nhau neoh neoh cả đêm. Người làng tôi đã dùng mọi biện pháp để xua đuổi chúng như gõ mõ, đốt lửa và mang cả chó, mèo ra ruộng. Nhưng tất cả những biện pháp ấy chỉ có tác dụng được mấy đêm đầu, sau đó thì vô hiệu. Nhiều nhà nhốt mèo vào trong một chiếc lồng đặt giữa ruộng. Lũ chuột tấn công mèo khiến mèo sợ hãi kêu gào hoảng hốt. Hết mùa, lũ chuột tấn công vào làng. Đêm đêm nghe tiếng chuột chạy qua sân, chạy trên mái nhà rình rịch. Vịt gà bị mất. Trứng gà đang ấp trong ổ cũng bay đi. Thúng mủng, bao tải, hòm xiềng bị chuột cắn tung. Có nhiều người trong lúc ngủ say bị chuột cắn chân, cắn tay. Có đứa bé mới sinh được vài ngày bị chuột cắn đứt cả cửa quý. Lũ mèo trong làng bất lực và kinh hoàng. Cứ đêm xuống là chúng bám sát lấy người không dám mò ra khỏi cửa. Có một đêm tôi tỉnh giấc vì tiếng mèo gầm gào. Qua cửa sổ nhìn ra sân, dưới ánh trăng vàng vạc tôi thấy một đàn chuột cống lông trụi gần hết đang vây quanh

con mèo nhà tôi. Con mèo rúm ró ngồi sệt xuống nền sân gạch xoay tròn không dám tấn công và cũng không dám bỏ chạy.

Trong lúc các gia đình đang hoang mang trước nạn chuột thì ông Lắm Cùi xuất hiện như một vị anh hùng với một loạt bẫy chuột được chế tạo đơn sơ bằng tre nhưng lợi hại vô cùng. Dân làng ủa vào giúp ông gấp rút sản xuất loại bẫy này. Chỉ sau đó vài ngày ông Lắm Cùi đã có trong tay gần ba trăm cái bẫy. Khi trời xâm xẩm tối thì ông đặt bẫy, và sáng dậy sớm thu bẫy về. Sáng nào hàng xóm cũng đến nhà ông để chứng kiến thắng lợi của ông. Một đồng chuột lớn đồ giữa sân bê bết máu, tanh ngòm. Sau khi uống xong ấm trà đặc và hút gần chục điếu thuốc lào, ông Lắm Cùi bắt đầu phân loại chuột. Ông chọn những con chuột đồng to bằng bắp chân, béo múp để làm thịt. Số còn lại ông băm nhỏ để nuôi gà vịt hoặc nấu cùng bèo cám cho lợn sề. Phải nói rằng món thịt chuột đồng nướng thật tuyệt vời. Ai đã một lần ăn, tôi cam đoan không bao giờ quên được. Nhà tôi ở cùng xóm với ông, nên tôi thường được thưởng thức món đặc sản ấy. Ông dùng nước nóng già làm lông chuột. Sau đó dùng rơm nếp đã được vò thật rối, thật mềm mà thui. Những con chuột thui vàng rộm, căng tròn, tỏa mùi thơm lừng. Rồi ông rửa sạch sẽ đợi cho thật ráo nước mới mổ. Chuột đã mổ xong không được để dính một giọt nước lã. Nếu dính nước lã thịt chuột sẽ tanh như máu chuột tươi, không làm cách nào chữa được.

Ông nhồi vào bụng con chuột một thứ gia vị tổng hợp gồm sả, riềng, lá nghệ non thái chỉ, vùng rang giã nhỏ, dấm thanh và ớt tươi bỏ hạt. Sau đó ông xoa muối tiêu vào da chuột rồi lấy lá chanh quấn từng lớp kín và dùng than lỏi ngô nướng. Thịt chuột nướng phải ăn nóng với tương gạo nếp đặc sánh với gừng giã nhỏ cùng một thứ rau ghém gồm: lá chanh non, lá đinh lăng, chuối xanh lát mỏng và măng tay tre ngâm với nước tương trong. Tất nhiên phải có một bình rượu trắng đựng trong hũ sành được chôn lâu ngày dưới chân ông Táo. Còn dân làng tôi cứ đêm đầu chuột mà thưởng công cho ông. Người cho ông bơ lạc, đậu gạo, người cho ông quả bầu, mớ rau. Lũ trẻ chúng tôi đi đánh dậm về thưởng cho ông mớ tép hay vài chục con cua. Nhưng chiến công của ông mỗi ngày một giảm. Lũ chuột tinh quái đã phát hiện ra thứ vũ khí tiêu diệt một số lớn họ

hàng nhà chúng, trên mỗi con đường mòn và bước đi. Một thời gian sau thì chúng đùa bỡn cả với thứ vũ khí của ông. Chúng dùng đuôi làm cho những thanh đòn bẩy sập xuống. Nhưng làm như vậy có nhiều con vẫn bị thiệt hại. Nhiều con mất hẳn cả cái đuôi. Chúng đổi phương pháp bằng cách cắn vào những que củi ở bầy. Những ngày đầu ông Lắm Cùi nghĩ có đứa trẻ nào đó trêu chọc ông. Ông rình bắt và phát hiện ra tội phạm là lũ chuột. Ông thay đổi hình dáng bầy và bôi mỡ chuột vào, đồng thời bôi cả vào tay mình để lũ chuột không phát hiện được hơi người. Nhưng rồi cũng chỉ một thời gian ngắn, những phương pháp mới nhất của ông cũng bị lũ chuột phát hiện. Chỉ còn lại những con chuột ngờ nghệch, hoặc là những con quá tham ăn và liều lĩnh mới bị sa bẫy. Những con không bị sa bẫy càng ngày càng tinh quái và táo tợn. Chúng không chỉ kiếm ăn ban đêm mà cả ban ngày. Thỉnh thoảng người làng nhìn thấy hàng chục con chuột bơi rờn rờn từ bờ ao này sang bờ bên kia. Người ta thấy lũ chuột ngồi vắt vẻo như một đàn khỉ tí hon trên những cây ổi hoang. Một điều tệ hại hơn là lũ chuột đã cảm hóa được không ít những con mèo trong làng. Bởi vì hầu như lũ mèo bị đói, nên lang thang kiếm ăn khắp xóm xĩnh trong làng ngoài đồng. Một vài con đã phát hiện ra cái gò lớn ngoài làng bên cạnh đầm sen. Chúng phát hiện ra ở đó có rất nhiều thức ăn. Đó là số thức ăn bầy chuột chưa sử dụng hết. Nào là những quả trứng gà đập vỡ. Nào là những con cá ăn dở. Đôi khi có cả cổ cánh của một con gà xấu số. Chính ở đó mèo và chuột gặp nhau. Những lần đầu chúng gầm gừ nhau. Lũ mèo không làm gì được bầy chuột vì đường đi lối lại của lũ chuột quá lắt léo. Hơn nữa mèo lại đang quá đói và bầy chuột quá đông. Cứ thế dần dần mèo chuột quen hơi nhau. Chúng còn ăn uống bên nhau, mặc dù vừa nhai chúng vừa liếc nhau cảnh giác. Cũng chính nhờ những con mèo kia mà ông Lắm Cùi đã phát hiện ra hang ổ của lũ chuột.

Vào một đêm trăng, ông mò ra gò đất bên đầm sen. Và ở đó ông đã gặp một cảnh tượng hãi hùng. Ngay những phút đầu ông run lên, dọc sống lưng lạnh buốt. Trên mỏm đất cao nhất của gò đất ông nhìn thấy một con chuột khổng lồ. Thoạt đầu ông không nhận ra đó là một con chuột. Nó ngồi trên mỏm đất như người, mặt ngửa lên trời tru những tiếng trầm đục. Quanh nó là một bãi đất rộng nhưng

nhúc đủ loại chuột lớn bé. Những tấm lưng chuột lông mượt trườn nháp nhóa dưới trăng, nhìn thật quái đản. Mỗi khi con chuột chúa (ông Lắm Cùi cả quyết con chuột khổng lồ ấy là con chuột chúa) cất tiếng kêu thì cả bầy chuột ngửa cổ lên nhìn và kêu theo với đủ giọng chuột. Bỗng con chuột quay lại phía ông và đánh mũi khịt khịt. Tất cả đàn chuột con đều quay lại nhìn theo hướng con chuột chúa đánh hơi. Ông Lắm Cùi vội vàng bỏ chạy. Ông cảm thấy lũ chuột đang rầm rập chạy theo sau ông và cười rú lên. Sáng hôm sau ông dẫn đầu một đoàn người làng tôi đến gò đất. Họ mang theo rơm, cuốc, thuổng và những cái bẫy chuột: Chỉ loáng sau họ đã tìm thấy những con đường mòn chạy dưới những bụi cây dại. Họ phát quang bụi rậm. Một cái cửa hang chuột lộ ra to như miệng cống. Mọi người kinh ngạc nhìn. Xung quanh cửa hang và bên trong đầy lông và xương gà. Từng chồng vỏ trứng gà mốc đen bên cạnh đồng xương cá. Họ chất rơm, củi trước cửa hang và đốt. Khói chui sâu vào hang chính và luồn đi mọi góc ngách. Một lúc sau, khói phun ra từ những miệng hang nhỏ. Cả cái gò đất như đầu một con quái vật khổng lồ với hàng trăm lỗ mũi phì phì phun khói. Lũ chuột con, gọi là chuột con thôi chứ con nào con ấy chừng bấp tay, sặc khói lao ra tua tủa. Mãi đến trưa mọi người vẫn không thấy con chuột chúa đâu. Họ mệt mỏi lau mồ hôi nhìn ông Lắm Cùi.

– Thế nào ông Lắm, con chuột chúa của ông đâu? Chắc ông nhìn gà hóa cuốc rồi.

Ông Lắm Cùi đứng nhìn gò đất im lặng. Lúc này trông ông như một vị tướng chỉ huy trận đánh thất bại. Ông bước nặng nề đến trước cửa hang chuột khổng lồ. Trong đầu ông hiện lên một ý nghĩ kiên quyết tiêu diệt con chuột chúa.

Những ngày sau đó ông lang thang đến những nơi nghi con chuột chúa có qua lại để tìm dấu vết. Nhưng ông không hề tìm được gì. Một hôm, khi ông đang thất vọng và nghi ngờ thần kinh của mình thì ông nhặt được một chiếc lông. Ông cho đó là lông con chuột chúa. Chiếc lông to và dài như một chiếc lá thông. Chiếc lông vàng óng tỏa ra một mùi khen khét. Ông mang chiếc lông về cho mọi người xem.

– Nó là một con chuột lông vàng - Ông Lắm Cùi đứng giữa sân nói với giọng quả quyết - Con chuột này đã sống ở đây có lẽ đến hàng chục năm. Không dễ gì bắt được nó nhưng tôi đã có cách.

Mọi người im lặng. Hàng ngày họ tập trung ở nhà ông Lắm Cùi vào buổi tối bàn tán về con chuột.

– Tôi cho là - Một cụ già trong làng nói - Con chuột này là nguyên nhân làm cho làng ta đói kém và bệnh tật. Nếu trị được nó thì tất không có chuyện mùa màng bị thất bát, không còn chuyện những đứa trẻ con làng ta chết vì những bệnh quái gở. Và, khi con chuột chúa chết rồi thì giống chuột phá hoại khác cũng không còn.

Đêm đêm ông Lắm Cùi mò mẫm dọc bờ đằm.

Trong lúc đó dân làng đang giúp ông làm những cái bẫy khổng lồ. Và cứ sau mỗi bước đi của ông, ông nghe thấy có tiếng chân thình thịch phía sau. Ông ngoảnh lại thấy con chuột đang đi sau ông to như một con chó. Ông dừng lại. Nó cũng dừng lại và ngồi xuống nhìn ông, răng nó nhe ra và từ cổ họng nó phát ra một âm thanh khùng khục. Ông và con chuột im lặng nhìn nhau. Nó không dám tấn công ông bằng răng nanh và móng vuốt. Ông cũng không dám tấn công nó bằng con dao trong tay. Nhưng một thời gian sau con chuột biến mất. Những cái bẫy khổng lồ được giăng khắp ngã. Nhưng sớm sớm ông chỉ nhận lại những cái bẫy không, hoặc có hôm trong bẫy là con mèo đói nhà ai đó chết nhăn răng.

Rồi đến một hôm ông phát hiện ra đường đi mới của con chuột. Trên đường mới mở ấy còn in đậm những vết chân to như vết chân chó. Trên con đường ấy có cả đôi ba chiếc lông vàng óng. Ông mừng quá và hồi hộp lần theo dấu chân con chuột. Thật bất ngờ, con đường ấy lại dẫn ông đến bên bức tường rào của nhà ông Phát. Ông Phát là người đồng họ nhà vợ ông Lắm Cùi. Ông Phát đã về hưu. Nghe nói trước đó ông Phát làm một chức gì to lắm. Con cái ông ở hết ngoài tỉnh. Trước khi về hưu ông Phát xây một ngôi nhà lớn có tường chắc bao bọc xung quanh ở đầu làng bên cạnh đầm sen. Ông Phát nói ông muốn những năm cuối cuộc đời được về sống trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình. Cũng đã đôi ba lần ông Lắm Cùi đi qua cổng nhà ông Phát và được ông Phát mời vào

nhà uống nước. Họ thường ngồi uống trà trên bộ ghế trúc dưới giàn thiên lý. Bên trong nhà ông Phát đẹp lắm. Cái gì cũng đắt tiền. Từ tấm rèm trúc cho đến những chậu sứ trồng hoa và cây cảnh, bể cá vàng có bóng điện màu chạy bằng ắc quy. Nhưng cái mà ông Lắm Cùi mê nhất là đôi chó Đức. Đôi chó hùng dũng và vạm vỡ như một đôi ngựa chiến.

– Thế ông bà cho nó ăn gì mà nó béo khỏe thế? - Ông Lắm Cùi thực thà hỏi.

– Ấy, cũng thỉnh thoảng mua cho nó mớ tép, mớ tôm của bọn trẻ đánh dậm - Bà Phát nhanh nhẩu trả lời thay chồng - Còn thì... mình chẳng có mà ăn nói gì đến chó. Vợ chồng tôi có thích thú gì đâu. Các anh các chị nhà này gửi từ tỉnh về nhờ nuôi hộ.

– Ấy này, ông bà mà cho nó ăn chuột thì còn to lớn nữa - Ông Lắm Cùi hào hứng - Tôi đang sẵn con chuột chúa. Có lẽ hôm nào ông bà cho mượn một buổi. Cứ phải hai con chó này mới trị nổi con chuột kia.

– Úi giời! Cái thứ chó cảnh này trông to béo thế thôi chứ chân căng yếu ớt lắm. Chạy được một quãng là thở hồng hộc - Bà Phát bĩu môi nói.

“Thế mà bây giờ...” ông Lắm Cùi thầm nghĩ và cúi xuống bên cái hang to đen ngòm dưới chân tường. Thế mà bây giờ con chuột lông vàng dám đào chân tường vào nhà ông Phát. Phải tiêu diệt con chuột này. Trong đầu ông Lắm Cùi bưng bưng ý nghĩ ấy. Ông thận trọng thò bàn tay vào cái hang lạnh. Bàn tay ông run run chạm vào thành hang và ông thấy đất rung lên nhẹ nhẹ từng đợt. Ông vội vàng nằm xuống áp tai vào mặt đất và nhận thấy âm thanh của một vật gì đó cào bới lòng đất. Đúng rồi! Ông thầm kêu lên, đúng là tiếng móng chuột đang đào hang. Ông nghĩ và cười. Thế là con chuột đã đến ngày tận số.

Bây giờ ông sẽ lấp kín cửa hang bên này bức tường. Rồi ông trèo qua bức tường vào nhà để gọi ông bà Phát cho hai con chó giúp sức. Con chuột sẽ không có đường chạy vì xung quanh kín cổng cao tường. Ông luống cuống và ngã từ trên mặt tường xuống vườn. Khi ông ngồi dậy thì giật mình nhận ra trước mặt mình là ông

Phát và đưa con trai cả của ông. Bố con ông Phát cũng giật mình kinh hoàng. Họ không kịp phản ứng và đứng trơ như tượng. Qua ánh sáng của bóng đèn chạy bằng ắc qui từ hiên nhà hắt ra ông Lắm Cùi nhận thấy hai bố con ông Phát đang đào một cái hố trong vườn sát chân tường. Bỗng ông Lắm Cùi thấy hoảng sợ vì hành động của mình. Đang đêm tối sao mình lại vào địa phận nhà người ta bằng cách như vậy. Chính vợ chồng ông Phát vẫn thường mời ông Lắm Cùi vào nhà uống trà sen với lời lẽ hết sức lịch sự và quý trọng cơ mà. Chính vì thế mà lúc này ông Lắm Cùi càng thấy lúng túng và hoảng sợ. Ông cứ ngồi nguyên như vậy trên đất mà nhìn bố con ông Phát. Ông Phát cũng không nói gì. Đôi mắt ông nhìn xoáy vào ông Lắm Cùi.

– Dạ... dạ, thưa ông, con chuột - Ông Lắm Cùi cố gắng giải thích
- Vâng, thưa ông... con... con chuột... ấy.

Đến bây giờ, giữa cái năm cuối cùng của thập kỷ tám mươi này mà người làng tôi vẫn tin là con chuột vàng ấy có thật và vẫn đang sống. Họ lý giải rằng bây giờ vẫn đầy chuột. Mùa màng vẫn thường xuyên thất bát. Lúa gạo trong chum, trong bồ nhà họ vẫn bị lũ chuột cắn phá, moi móc vơi đi và trong họ hàng vẫn có những đứa trẻ chết bởi những bệnh quái gở. Mỗi lần người làng tôi nói về con chuột và cái chết của ông Lắm Cùi thì ông cụ Hoàn, đã chín mươi tuổi, người già nhất làng tôi vẫn nói:

– Ngày xưa ông Lắm Cùi thua một con chuột lông vàng bởi vì chỉ một mình ông ấy tìm diệt nó. Muốn giết được con chuột chúa ấy để trừ hết lũ chuột thì cả làng phải hợp sức đồng tâm với nhau thì chuyện ấy mới thành.

Dĩ nhiên, cho đến nay ngoài ông Lắm Cùi người làng tôi vẫn chưa ai nhìn thấy mặt con chuột kỳ lạ ấy.

Hương khúc nếp cuối cùng

Tôi đi ra bãi sông. Mưa tháng Hai bay ngào ngạt. Năm nào cũng vậy, vào những ngày đầu tiên của mùa rau khúc lòng tôi lại xốn xang lạ kỳ. Trên triền bãi rộng, tôi không phải đi quờ quạng. Bước chân tôi thênh thang như lướt. Và tôi ngồi xuống, run rẩy chạm những ngón tay mềm và thồn thức lên mặt đất bãi. Ở đây, tôi chạm vào những ngọn rau khúc. Lòng tôi không kìm được. Tôi khóc.

Bảy năm về trước, cũng trên triền bãi ngây ngất mưa tháng Hai, tôi đã khóc. Tôi đã khóc trong hạnh phúc của tình yêu. Tôi đã tựa vào anh trong mưa hoàng hôn đến ngạt thở. Đó là ngày rau khúc đang để nhánh râm ran suốt triền bãi của khúc sông làng.

“Anh có nghe thấy gì không?”

“Tiếng em thở.”

“Không phải thế. Anh nghe lại đi.”

Anh không nói, lắc lắc đầu.

“Tiếng rau khúc đang để nhánh.”

Anh ôm tôi chặt hơn. Đầu tôi ngọ nguậy trong ngực anh như một con sâu.

“Mùa rau khúc sang năm anh xin cưới em”.

“Sang năm à? Làm vợ rồi em sẽ không được đi hái rau khúc nữa”.

“Sao lại thế. Em nghĩ anh cấm em à?”

“Không. Nhưng...”

Nói đến đó, tôi bật cười khúc khích, chắc anh không hiểu được ý nghĩ của tôi. Lấy anh, tôi sẽ trở thành người vợ. Rồi tôi sẽ mang thai, sẽ sinh nở. Tôi thường nghĩ, sứ mệnh lớn nhất của người đàn bà là mang thai và sinh nở, và đó cũng là niềm kiêu hãnh của họ.

Tôi biết anh từ những ngày thơ ấu. Vào mùa rau khúc, trẻ con trong làng thường tập trung ở những nơi có nhiều rau khúc. Chúng

tôi hái rau từ đầu mùa đến cuối mùa để làm bánh. Khu triền bãi sông và cánh đồng trong làng tôi thường có hai loại rau khúc: khúc nếp và khúc tẻ. Chúng tôi chẳng bao giờ hái khúc tẻ. Những cây khúc tẻ to, giống như ngọn cúc tần, thân mọng vì chứa nhiều nước. Khúc tẻ làm bánh ăn nhạt và không thơm. Chúng tôi chỉ hái những ngọn khúc nếp. Những cây khúc nếp thường mọc từng đám dày như rêu. Ngọn khúc nếp nhỏ li ti, phủ một lớp lông trắng như mốc. Tôi thường có thói quen áp sát mặt vào rá rau khúc và hít thật sâu vào ngực cái hương rau khúc nếp. Hương khúc nếp như lan tỏa vào máu thịt tôi. Mùi hương khúc nếp mang cái đậm đà của đất phù sa, cái thanh tao của khí xuân sông Đáy và cái gần gũi của ký ức những mùa rau và những chiều đồ bánh.

Ngày nào đi hái rau, tôi cũng thường giấu một chiếc bánh khúc cho anh. Nhà anh cũng làm bánh khúc, nhưng tôi muốn thế. Và chiều nào, tôi cũng cố hái thật nhiều để trước khi về dúm vào chiếc rổ gậy vành của anh một nắm rau. Ngày ấy anh là một cậu bé bằng tuổi tôi, nhưng yếu đuối và ngơ ngác lắm. Cái rổ rau của anh lúc nào cũng lẫn đầy khúc tẻ. Tôi thường ngồi lại nhặt bỏ những ngọn khúc tẻ giúp anh. Những lúc như thế, anh cứ luẩn quẩn quanh tôi và nói: “Khúc tẻ cũng tốt chán, như thế càng được nhiều”. Tôi lờm anh: “Thế thì về lấy rau chuối mà làm bánh, tội gì nhặt rau khúc nếp cho rát ngón tay”.

Rồi cứ sau mỗi mùa rau khúc, chúng tôi lại lớn lên. Khi ở tuổi mười bảy, tôi vẫn đi hái rau khúc. Người làng tôi làm bánh lúc đó không phải vì đói, mà như một phong tục. Bánh khúc được đồ với gạo nếp và đem biếu nhau như một thứ đặc sản.

Những năm học cuối cùng ở phổ thông trung học, anh bỏ hẳn việc đi hái rau khúc. Gia đình anh bắt anh vùi đầu vào sách vở. Nhưng đôi lúc anh cũng đi ra bãi sông xem chúng tôi hái khúc. Vẫn như ngày xưa, anh thường quanh quẩn bên tôi. Câu chuyện giữa chúng tôi không phải là khúc nếp hay khúc tẻ. Chúng tôi nói chuyện vu vơ. Trong cái mệnh mang của mưa tháng Hai, của hương khúc nếp, lòng tôi dâng lên một niềm xốn xang lạ. Tôi như vụt trút bỏ gương mặt, thân thể và cả mái tóc của một cô bé. Tôi chột hiện lên trên cánh đồng rau khúc trong mưa hoàng hôn là một thiếu nữ đẹp.

Tôi thấy anh thường lẫn giữa khúc nếp, khúc tẻ, nhưng anh lại là người sớm nhận ra sắc đẹp của tôi đang giấu sau chiếc khăn sợi nâu cũ kỹ và những bộ quần áo may vụng của ông thợ may thọt chân trong làng.

“Sao hồi này em không mang bánh khúc cho anh nữa?”

“Anh còn thiết gì đến bánh khúc”.

“Anh không đi hái rau khúc vì con trai lớn từng này cấp rồ đi hái khúc buồn cười lắm. Nhưng làm sao anh bỏ được bánh khúc, nhất là... bánh của em”.

Tôi không nói được gì. Tôi lúng túng. Tôi cảm thấy ngọt thở trong khoảnh khắc. Tôi hái lẫn cả khúc tẻ và những cây cỏ khác.

Rồi anh vào đại học. Tôi không thi đại học vì tôi học không giỏi, hơn nữa tôi đông em, bố tôi lại mất sớm. Tôi muốn ở lại làng giúp mẹ tôi nuôi các em.

Đi học, nhưng hai, ba tuần anh lại về thăm gia đình một lần. Tối thứ bảy nào về anh cũng sang nhà tôi. Anh vẫn dáng vẻ yếu đuối và ngờ ngác. Anh vẫn thích quanh quẩn bên tôi, nhưng lúng túng và ít nói hơn những ngày thơ ấu. Rồi anh thường xuyên viết thư cho tôi. Hầu như mỗi tuần một lá thư. Có những lần trước khi về trường, anh ghé qua nhà tôi và dúi vào tay tôi lá thư anh đã viết đêm trước. Tôi biết anh yêu tôi. Tôi đợi một lời tỏ tình của anh. Đêm đêm tôi hay ngấm trộm mình trong gương. Tôi biết tôi đẹp. Nhưng tôi không hề có một chút tự tin trong tình cảm của tôi. Tôi âm thầm đợi anh. Càng đợi anh như thế, tôi càng đẹp lên. Bùn đất đồng ruộng và công việc nhà nông vất vả không cản được sắc đẹp của tôi.

Rồi mùa rau khúc khi anh là sinh viên năm thứ nhất, anh nói anh yêu tôi. Tôi nhìn anh và thấy anh hình như yếu đuối và ngờ ngác hơn bao giờ hết. Nhưng đôi mắt anh lại đốt cháy tôi giòn giã. Và tôi đã khóc vì hạnh phúc. Chúng tôi đã hôn nhau trên bãi sông mùa rau khúc vụng về mà điên dại. Hôm đó chúng tôi dìu nhau đi mê man dọc triền bãi sông làng. Tôi mang tất cả tuổi mười tám quán chặt lấy anh.

Suốt một năm trời sau đó tôi sống như mơ. Năm ấy mùa rau khúc kéo dài bất tận. Đêm đêm tôi nghe rau khúc để nhánh rì rầm quanh

tôi. Nhưng số phận thật nghiệt ngã. Tôi mắc một chứng bệnh hiểm nghèo và không nhìn thấy gì nữa. Quanh tôi chỉ một màn sương đục. Anh trở về gặp tôi. Chúng tôi ôm nhau khóc. Anh cùng gia đình tôi chạy chữa cho tôi mọi cách. Nhưng tất cả mọi phương pháp điều trị hình như vô vọng. Đêm đêm tôi ngồi khóc một mình. Tôi thương mẹ tôi, thương anh, thương các em tôi và thương chính tôi. Hạnh phúc tan biến trong tôi. Trước mắt tôi hun hút vực thẳm của thất vọng. Anh vẫn đi về đều đặn như xưa và đến thăm tôi. Anh vẫn quanh quẩn bên tôi. Và khi không nhìn được anh nữa, tôi lại thấy anh càng cấp hơn bao giờ hết.

Và một chiều của mùa rau khúc sau đó, anh dắt tôi ra bãi sông. Tôi bước đi lặng lẽ bên anh. Làng đã thừa người hái rau khúc. Tôi ngồi xuống và run rẩy hái những ngọn khúc nếp li ti. Hương khúc nếp dâng lên. Anh cầm tay tôi và kéo vào lòng. Những lúc một mình tôi kiên quyết với ý nghĩ xa lánh anh. Nhưng lúc đó tôi yếu đuối. Tôi gục vào ngực anh.

“Anh đã nói với em - Anh thì thăm - Anh sẽ cưới em trong mùa rau khúc này. Thế nhưng...”

“Em hiểu, em hiểu”.

Tôi nói và vùng ra khỏi vòng tay anh.

“Anh không thể cưới em được. Mà em... em... em cũng không thể. Số phận em coi như đã kết thúc”.

“Không, em không hiểu anh. Hãy nghe anh, anh muốn nói về bệnh tật của em. Chúng ta không thể tổ chức lễ cưới năm nay. Mùa rau khúc sang năm anh sẽ xin cưới em...”.

“Không có ngày đó - Tôi khóc - Không bao giờ có ngày đó. Anh đừng nói gì nữa”.

“Em không tin anh sao. Anh muốn sống với em”.

Anh nói như gào lên. Anh ôm ghì tôi vào lòng. Anh hôn tôi. Tôi quên đi mọi đắng cay và thất vọng. Tôi hôn anh như một con điên. Tôi vùi mặt vào ngực anh và hít thở mùi mồ hôi của anh. Tôi còn nhớ, lần đầu tiên tôi vùi mặt mình vào ngực anh. Và suốt những ngày tháng sau này, lúc nào tôi cũng thấy mùi mồ hôi anh. Tôi nhớ

điên nhớ đại mùi mồ hôi ấy. Tôi tìm mọi cách để chạy trốn anh. Nói đúng hơn là tôi chạy trốn khỏi tình yêu của tôi đối với anh.

Sau khi tốt nghiệp đại học, anh rời rít đạp xe về thăm tôi và một lần nữa xin cưới tôi. Lần ấy, tôi đã nổi giận với anh. Tôi biết đó là ngày tôi yêu anh đến tuyệt vọng. Tôi đâu ngờ, sau lần ấy, anh bỏ làng ra đi. Một tháng sau tôi nhận được thư anh. Người đưa thư cho tôi lại là người đã theo đuổi tôi từ hồi tôi còn học năm cuối cùng phổ thông trung học. Bây giờ hắn làm công tác văn xã của xã. Sau này cứ có thư của tôi là hắn lại cầm đến cho tôi. Cứ một tháng anh lại viết cho tôi một lần từ một lâm trường tỉnh Cao Bằng. Có lần tôi đã nói với hắn khi hắn mang thư đến cho tôi.

“Lần sau anh để bưu tá họ mang thư đến. Em không dám phiền anh”.

“Được mang thư cho em là anh hạnh phúc lắm rồi. Em hiểu cho anh, từ ngày xưa...”

Tôi biết hắn định nói gì. Hắn cũng là một gã thanh niên sáng sủa. Nhưng không bao giờ tôi linh cảm thấy hắn là một người đáng tin.

Những lần đưa thư đến cho tôi, hắn ngồi lại rất lâu. Tôi cảm thấy hoảng sợ. Tôi không nhìn được hắn, nhưng tôi biết hắn đang nhìn chòng chọc vào cơ thể tôi. Tôi cảm nhận thấy những ý nghĩ đều cáng của hắn. Nhưng tôi không đủ can đảm đuổi hắn hay nói một câu gì đó tương tự. Thế rồi một chiều, hắn vồ lấy bàn tay tôi và cầu xin tôi cho hắn tình yêu. Hắn nói yêu tôi đằng đẳng suốt mấy năm rồi. Hắn nói lúc nào hắn cũng canh cánh hình bóng của tôi, rằng hắn chưa muốn lấy vợ vì chờ đợi tôi, rằng hắn mơ thấy tôi để cho hắn một đứa con. Nghe đến điều ấy, lòng tôi uất sôi, tôi thấy kinh tởm. Tôi hất cả bát nước về phía hắn. Tôi nghe thấy hắn nhỏ phì phì. Và sau đó là giọng cười khùng khục của hắn. Nhưng trước khi về, hắn lại dịu dàng nói với tôi:

“Anh yêu em và chờ em mãi mãi”.

Câu nói ấy làm tôi rùng mình. Tôi cảm thấy yếu đuối đến không thể gượng dậy. Và khi hắn về rồi, tôi ngồi khóc hu hu như một đứa bé.

Một ngày tôi nhận được thư anh, cũng lại do hấn mang đến. Mừng quá vì có thư, tôi lại đơn đả mời hấn uống nước. Hấn lại ngồi lặng lẽ nhìn tôi. Đêm đến, đưa em gái tôi lại đọc cho riêng tôi nghe lá thư của anh. “Em ơi, anh đã tìm thấy người chữa bệnh cho em. Mấy năm nay anh lên Cao Bằng làm việc cũng vì mục đích ấy. Anh học tiếng dân tộc để có thể nói chuyện với họ, từ đó mà dò hỏi các loại thuốc có thể chữa cho em. Anh đã tìm thấy một bà già người dân tộc chữa thuốc lá rất giỏi. Bà ấy đã chữa khỏi cho nhiều người có tình trạng bệnh giống em. Nhưng em phải lên đây, ở cùng với bà ấy. Vì ngoài việc dùng lá, bà ấy phải áp dụng nhiều phương pháp khác trong đó có cả vấn đề môi trường nữa. Mấy đêm nay anh không ngủ được, anh nghĩ một ngày gần đây, em sẽ khỏi bệnh. Anh sẽ về đón em sớm. Và trong lá thư này, anh phải nói với em một điều, anh làm điều này chỉ để trả lại đôi mắt của em, để em lại được nhìn thấy mẹ, thấy các em của em, thấy làng xóm, thấy những mùa rau khúc của làng ta, chứ không phải để xin cưới em...”.

Tôi đã áp lá thư của anh lên ngực suốt đêm. Đêm ấy, trong bóng tối tôi như nhìn thấy tất cả. Tôi nhìn thấy tuổi thơ anh trên cánh đồng rau khúc - một cậu bé yếu đuối và ngờ ngác kéo lê chiếc rổ rách gãy vành và hay hái lẫn cả rau khúc tẻ. Tôi nhìn thấy đôi mắt anh đã từng đốt cháy trái tim tôi.

Thế rồi anh đã về. Giọng anh có hơi khác đi một chút. Nhưng tôi nhận ra ngay khi anh thì thầm gọi tôi. Tôi buông chiếc rổ đang đan nhào đứng dậy lao về phía anh. Hàng ngày tôi ở nhà đan rổ rá cho mẹ tôi đi chợ bán kiếm thêm đồng bạc cho gia đình, và lo cơm nước cho cả nhà. Mẹ tôi suốt ngày ở ngoài đồng, các em tôi một buổi đi học, một buổi ở ngoài đồng trừ lúc ốm đau.

“Anh... ời...”.

Tôi quờ tay ôm lấy anh và tức tưởi kêu lên.

“Anh đã về đây rồi”.

Giọng anh nhỏ và chậm hơn xưa.

“Anh hãy tha thứ cho em”.

“Anh yêu em. Anh chỉ muốn... đêm nào anh cũng thích mơ thấy em...”.

Anh vừa nói vừa dìu tôi vào nhà. Anh ôm tôi đến tức ngực. Anh vuốt ve tôi. Anh hôn tôi. Tôi ghì chặt cổ anh và hôn khắp mặt anh. Tôi thấy tóc anh dài hơn, và anh béo hơn tôi tưởng.

“Sao tóc anh dài thế?”

“Ở miền núi lạnh, anh không muốn cắt tóc”.

“Anh béo lên nhiều quá”.

“Ăn và ngủ gì mà chẳng béo”.

“Anh lại hút thuốc nữa chứ. Ngày xưa anh có hút đâu”.

“Anh buồn nhớ em, cô đơn thì hút thuốc”.

“Mà giọng anh giờ nghe là lạ”.

“Ở với người dân tộc, học tiếng dân tộc sao mà chẳng pha giọng”.

“Anh hư đi nhiều đấy”.

Tôi hỏi, anh trả lời. Tôi ôm riết lấy anh hạnh phúc và cuồng nhiệt.

“Anh sẽ đưa em đi chữa bệnh”.

“Anh tốt với em quá, và gia đình em mang ơn anh”.

“Ơn huệ gì, anh yêu em mà. Trên đường về qua cánh đồng anh gặp mẹ em. Anh đã nói với bà mọi chuyện và xin cưới em luôn”.

“Anh - Tôi khê kêu lên - Mắt em không khỏi thì sao?”

“Khỏi hay không, quan trọng gì. Anh yêu em... Anh yêu em... yêu”.

Giọng anh gấp gáp, lạc đi. Anh hôn tôi cuồng nhiệt. Tôi như mê đi, vừa sung sướng, vừa hoảng sợ. Tôi chưa bao giờ thấy anh như thế. Bởi càng xa lánh anh, tôi càng yêu anh. Tôi cảm thấy những lần xưa đuổi anh là tôi có tội. Tôi muốn bù đắp cho anh. Và tôi quên đi mọi hoảng sợ, quên đi mọi khoảng cách. Tôi đắm chìm vào cùng anh.

Khi tỉnh lại tôi đã khóc, khóc vì hạnh phúc và sợ hãi những giây phút vừa trôi qua. Lúc đó, tôi thấy đời tôi đã gắn liền vào đời anh. Tôi sẽ làm một người vợ không kém cõi của anh, dẫu rằng đôi mắt tôi có thể không được chữa khỏi. Nghĩ vậy, tôi kêu lên gọi anh và vùi mặt vào ngực anh và hít thật sâu mùi mồ hôi của anh. Tôi hít một

lần, hai lần, ba lần và chợt giật mình kinh hãi. Tôi nhận thấy không phải mùi mồ hôi anh. Tôi run rẩy và một cảm giác tê lạnh từ đâu ủa đến làm tôi choáng váng. Tôi hít thật sâu mùi mồ hôi của người đàn ông đang nằm bên cạnh tôi một lần nữa. Linh cảm mạnh mẽ trong tôi vừa loan báo cho tôi một tin dữ. Mắt tôi sầm tối, trong khoảng tối đen hơn bao giờ hết, tôi thấy mặt hấn hiện lên. Hấn vẫn mang thư cho tôi. Hấn vẫn nhìn tôi thèm khát. Tôi chợt rú lên. Hấn lồm cồm ngồi dậy.

“Sao thế em?” - Hấn hỏi tôi.

Tôi òa khóc. Tôi nhận ra giọng anh. Nhưng con người mang giọng nói của anh lại không phải là anh.

“Đồ khốn nạn. Mày giết tao rồi”.

Tôi nghe tiếng hấn vội vã mặc quần áo và vội vã rời khỏi nhà tôi. Tôi cứ nằm trên nền nhà và khóc cho đến khi trời sầm tối. Đêm ấy tôi không ngủ, tôi khóc đến lên cơn sốt. Tôi nghĩ đến cái chết. Nhưng tôi muốn đợi anh về để nói với anh một câu. Và lúc đó, tôi mới nhớ đến những gì của kẻ đã lừa tôi. Hấn là một kẻ có biệt tài bắt chước được tiếng của người khác. Khi còn đi học, hấn từng lén vào phòng hiệu trưởng và bắt chước giọng ông nói trên loa phát thanh nhà trường thông báo ngày giỗ mẹ ông và bắt các học sinh mang đồ lễ đến. Thậm chí, hấn còn bắt chước giọng bố hấn lợi dụng ngõ tối để quát mắng mẹ hấn vì bà thường chì chiết hấn về tội lười học và hay ăn cắp tiền... Mỗi lần thấy thư của tôi, hấn đều nhận mang về. Hấn bóc thư anh gửi cho tôi, nên hấn biết mọi chuyện giữa chúng tôi. Cuối cùng, hấn đã dùng tài nhại giọng để chiếm đoạt tôi.

Sau chiều ấy, tôi ốm liên miên. Và cũng thời gian ấy, anh thu xếp công việc về đón tôi. Gặp anh tôi chỉ biết khóc và xin anh tha tội. Anh hiểu lầm ý tôi nên tôi càng đau đớn. Nhưng tôi không đủ can đảm nói thật với anh.

Một chiều trước ngày anh trở lại Cao Bằng. Tôi nhờ anh đưa tôi ra triền bãi sông làng. Đó là một ngày của mùa rau khúc. Anh luôn luôn chọn mùa rau khúc để tỏ tình hoặc về thăm tôi. Tôi đi bên anh buồn đau nhức nhối. Tôi ngồi xuống và quờ tay tìm một đám khúc nếp. Tôi vò nát những ngọn rau khúc li ti và đưa lên mũi. Và hình

như tôi đã đánh mất khả năng nhận biết hương của khúc nếp hay là của khúc tẻ. Điều đó làm tôi càng thêm đau đớn.

“Em đừng quá buồn phiền. Trước hết em hãy nghe lời anh chữa cho khỏi bệnh. Anh tin rằng mắt em sẽ khỏi. Em sẽ lại nhìn thấy...”

Tiếng anh thì thầm bên tôi như âm điệu của mưa Giêng, Hai. Lòng tôi cảm thấy cay đắng và nhục nhã vô cùng.

“Chữa khỏi mắt để mà làm gì nữa hở anh? Khi lòng em chẳng nhìn đúng cái cần nhìn. Anh hãy đi đi. Hãy quên em đi. Vĩnh biệt anh”.

Và bây giờ, lại một mùa rau khúc sinh sôi. Tôi đã xa anh một năm rồi. Một năm qua anh thường xuyên gửi thư cho tôi. Không đưa được tôi lên Cao Bằng chữa bệnh, anh gửi thuốc về cho tôi. Nhưng tôi đã cự tuyệt uống thuốc. Tôi trừng phạt tôi. Nếu tôi uống thuốc khỏi mắt, tôi sẽ nhìn thấy anh, tôi sẽ phải nhìn thấy kẻ đã lừa tôi. Nghĩ đến điều đó, lòng tôi không chịu nổi.

Và giờ đây, lòng tôi bằng giá hơn, cũng vì thế mà thanh thản hơn. Mùa rau khúc năm nay sẽ là mùa rau khúc cuối cùng tôi tìm đến trên cánh bãi. Làng tôi đã trù phú lên nhiều. Người hái rau khúc vẫn còn tuy có ít hơn xưa. Họ hái rau khúc làm bánh như một phong tục, như sự hồi tưởng của kỷ ức. Tôi nghe tiếng trẻ đi hái khúc lao xao. Có tiếng một đứa trẻ mắng một đứa trẻ khác, chắc là em nó, đã hái lẫn cả những ngọn khúc tẻ. Tôi đứng lặng lắng nghe tiếng bày trẻ và lòng xốn xang một niềm vui nho nhỏ. Tôi cầu mong những cô bé làng tôi lớn lên mãi cùng những mùa rau khúc thiêng liêng của xứ sở mình. Và chúng sẽ hiện dần lên trong những mùa rau khúc thanh tao, ấm áp và lộng lẫy.

Lúc này, chợt tôi lại nhớ đến anh. Và có lẽ bây giờ, cái điều tôi yêu nhất ở anh là anh luôn luôn hái lẫn những ngọn khúc tẻ. “Hãy tha thứ cho em một lần nữa”. Tôi thì thầm “Những mùa rau khúc từ nay không thuộc về em nữa”.

Gương mặt thứ ba

Vào đêm thứ năm của đời sống vợ chồng thì anh nhận ra khả năng “quan hệ” với vợ của mình hoàn toàn bất lực. Anh hoảng loạn ngồi dậy. Đau đớn và sợ hãi làm thần kinh của anh tê liệt. Anh mở to mắt như mắt của người chết chưa được vuốt, nhìn vợ. Một nỗi nhục nhã đè nặng anh. Với anh, sự nhục nhã này cũng giống như sự nhục nhã về nhân cách.

– Em sẽ đưa anh đi bác sĩ.

Vợ anh, sau một phút kìm nén sự đau khổ, an ủi anh. Nhưng chính cô cũng đang rơi vào một cảm giác hoang mang mà trong đời cô chưa hề gặp. Sau câu nói, cô lết đến bên anh, bàn tay cô âu yếm vuốt ve cơ thể anh. Anh nhìn cô rồi liếc mắt nhìn xuống phần dưới cơ thể mình. Lúc này anh vẫn hy vọng và chờ đợi.

– Em sẽ đưa anh đi bác sĩ. Anh đừng lo lắng quá.

Cô thì thảo bên anh, giàn giụa nước mắt. Rồi cô đỡ anh nằm xuống. Cô thì thầm kể về một câu chuyện gì đó mong anh vui.

– Nhiều người cũng vậy, nhưng sau đó họ chữa được. Có lẽ... có lẽ... anh... chưa quen...

Nói đến đó mặt cô nóng bừng. Nhưng ngay sau đó cô thấy bồn chồn của mình phải giữ cho anh bình tĩnh. Cô còn rất trẻ, nhưng hình như trong trạng thái tình cảm này, những người đàn bà thường bình tĩnh và sáng suốt hơn.

Khi nghĩ rằng anh đã ngủ, cô ngừng tay vuốt ve. Lúc này cô mới âm thầm khóc. Mặc dù cô tin rằng mọi chuyện sẽ tốt đẹp trong vài ngày tới. Rồi sự mệt mỏi của những ngày mới cưới nhấn chìm cô vào giấc ngủ.

Anh vẫn chưa ngủ, nói đúng hơn anh không sao ngủ được. Sự đau đớn và sợ hãi vẫn làm cho cơ bắp của anh tê cứng. Anh nằm bất động nghe tiếng thở đều đều của vợ. Một lát sau, anh ngồi dậy và lặng lẽ bước ra sân. Đêm tháng Giêng ấm nồng và hăng hăng

mùi lá mới. Anh ngồi xuống thềm hiên nhà. Hơi thở đêm tháng Giêng làm anh nhẹ bớt.

“Giá ta đừng lớn lên như bây giờ”. Đó là ý nghĩ đầu tiên ập đến khi óc anh vừa hồi sinh. Thế rồi anh nhớ đến mùa hè năm 1973. Ngày ấy anh mười sáu tuổi và đang theo học cấp ba trường huyện. Một ngày của mùa hè chói chang ấy anh chợt thấy mình lớn bổng lên và mang trên vai một trọng trách, khi người đàn ông hàng xóm ôm lấy đôi vai anh trước khi ra mặt trận và nói với anh như với một người lớn.

“Chú đi nhé, chúc cháu học giỏi. Ở nhà cháu thường xuyên qua nhà động viên cô và giúp em Xuyên học hành. Đánh Mỹ xong chú về”.

Từ ngày ấy anh năng sang nhà cô bé Xuyên hơn. Anh làm tất cả những gì có thể làm được để giúp đỡ vợ con người lính đã đi vào mặt trận. Gia đình anh đông người, nên bố mẹ anh để anh sống và làm việc như một thành viên của gia đình nhà Xuyên. Anh chăm lo bé Xuyên như chăm lo đứa em gái út của mình. Nhiều đêm anh ngủ lại nhà cô. Dù anh vẫn chỉ là cậu bé mười sáu tuổi, nhưng bóng dáng và giọng nói nam giới vẫn mang lại sự ấm cúng và yên tâm cho cái gia đình chỉ có hai mẹ con phụ nữ này.

Mùa hè năm 1974 anh vụt lớn hẳn lên. Trên cơ thể anh đã nở những cơ bắp. Giọng nói anh vỡ ra nóng hổi và khỏe khoắn. Và... đôi mắt của người vợ lính mới ngoài ba mươi kia đôi lúc vụt tối.

Năm ấy, hình như trăng sáng suốt cả ba tháng hè. Những đêm sáng trăng anh ngồi kèm bé Xuyên học ngoài sân, rồi ngủ lại trên chiếc phản gỗ bên cửa sổ. Đêm khuya, người đàn bà vợ lính thường tỉnh giấc. Chị đứng nấp trong bóng tối nhìn anh ngủ. Ánh trăng hắt qua cửa sổ đổ sáng trên cơ thể anh. Ánh trăng tạo những đường gò trên cơ thể của chàng trai mười bảy tuổi nhưng nét sâu hơn. Đồng thời làm cho cơ bắp cậu nổi rõ hơn. Những lúc như thế, chị thấy ngực mình tức nghẹn. Chị chóng mặt. Những ngón tay chị run lên buồn bã. Chị đi ra sau nhà và khép cửa sổ nơi anh nằm ngủ. Nhưng bóng tối có sẵn vị trí của nó lại làm cho chị mệt mỏi hơn. Và

đồng thời nó cũng như một hình thức nguy biến cho những gì mà con mắt của người hành động thấy xấu hổ và giày vò.

Chị đã khóc trên cơ thể ấy. Một hành động đã xảy ra mà không bao giờ chị thoát khỏi đau khổ nhục nhã và hối hận. Anh, chàng trai mười bảy tuổi ngày ấy không hề có một hành động phản ứng, mặc dù những giây phút đầu anh thực sự hoảng sợ. Nhưng sự thân thiện bấy lâu và sự quý trọng của anh đối với chị giữ anh trong im lặng và bất động. Một điều khác nữa là những cảm giác băng lạnh và ran ran đã mê hoặc anh. Chỉ khi hồi tỉnh và thấy chị chấp tay trước anh vừa khóc vừa thì thào thì anh bắt đầu sống trong sự hoảng sợ khôn cùng. Anh nấc lên. Nhìn anh ngồi khóc, chị cảm thấy như một trái cây đang xanh mỡ màng bị đập vỡ.

“Cô lạy cháu. Cô có tội. Cô là ma quỷ. Cô xin cháu, cô van cháu... Cô có tội, Giờ Phật hãy bóp cổ cô đi...”

Những ngày sau đó anh vẫn sang nhà chị và làm những công việc quen thuộc. Nhưng anh không ngủ lại như trước nữa. Cả hai người lặng lẽ. Anh cảm thấy chị gần gũi hơn mà cũng xa cách hơn vạn lần. Còn chị lặng lẽ hơn và thường hoảng hốt. Đôi lúc anh chợt nghe thấy tiếng người lính vọng về. Giọng người lính như nặng hơn, rờ rĩ hơn: “Chú đi nhé. Chúc cháu học giỏi. Ở nhà cháu thường xuyên qua nhà động viên cô và giúp em Xuyên học hành. Đánh Mỹ xong chú về”. Lời dặn dò ấy đối với tuổi anh lúc đó chỉ mang lại cho anh sự hoảng sợ mà thôi. Anh chưa có khái niệm gì về tất cả những điều liên quan khác. Tội lỗi, sự linh nghiệm hay phạm trù đạo lý.

Tháng ba năm 1975, gia đình người vợ lính nhận được tin báo tử của chồng. Người vợ như hóa điên. Trong buổi lễ truy điệu người lính, anh len lén đứng sau những người dự lễ truy điệu. Qua khe hở của đầu những người đứng trước, anh thấy đôi mắt người lính trong ảnh xuyên qua nhìn anh. Anh chuyển chỗ đứng, nhưng đôi mắt vẫn lách qua những khe hở chiếu thẳng vào anh. Kỳ thi vào đại học năm ấy đối với anh thật khó nhọc. Anh cố gắng vượt qua. Sau khi thi xong, anh bỏ nhà ra đi. Anh xuống Hải Phòng với một người anh họ và làm công nhân ở đó.

Ba năm sau anh mới trở về làng và nghe tin người vợ lính đã chết. Chị ốm triền miên trong một năm và mất. Cô bé Xuyến khóc nức nở khi gặp anh. Anh cảm thấy mọi điều bất hạnh ập đến gia đình Xuyến là do anh. Ngay lúc đó, óc anh bùng cháy ngọn lửa của sự đòi rửa tội. Anh tự nguyện âm thầm làm mọi việc cho cô bé Xuyến. Anh trở lại Hải Phòng và làm việc điên rồ trong sự im lặng khủng khiếp. Hàng tháng anh gửi tiền cho Xuyến. Anh viết cho cô những lá thư như một kẻ bệnh hoạn. Nhưng chính những lá thư như thế qua từng tháng năm lại nuôi lớn Xuyến trong một tình yêu mãnh liệt đối với anh. Sự đau khổ mất mát của gia đình và tình yêu âm thầm của cô lại làm cho cô có một vẻ đẹp bí ẩn lạ lùng. “Em đợi anh. Cuộc đời em chỉ còn anh thôi”. Những lá thư cô viết cho anh sau này đều là tiếng gọi tha thiết ấy. Cô yêu anh cuồng nhiệt và trong tình yêu ấy có cả sự cuồng nộ vô thức, và sự ám ảnh từ phía sau sự sống nhìn thấy được.

Anh đã ôm xiết cô với cả tình yêu mang đầy ám ảnh và hoảng sợ. Ngày ấy cô bước vào năm thứ hai trường Cao đẳng sư phạm tỉnh. Cô rướn mình lên để áp sát vào anh. Bàn tay anh run rẩy trôi trên những đường cong tuyệt mỹ của cơ thể cô. Dưới lớp da mịn màng của cô có những đợt sóng ngầm trỗi dậy rướn cao lớp lớp xô đến một bến bờ vô hình nào đó.

Nhưng sau những giây phút hạnh phúc ấy thì anh rơi vào trạng thái hoảng loạn. Đêm trắng mùa hè năm 1974 cứ hiện lên trong ký ức anh một màu tối sầm sập. Anh không lý giải được bất cứ điều gì liên quan đến quá khứ của anh và cũng không sao rũ bỏ được sự hoảng sợ. Sau đó anh quyết định chạy trốn trong ý thức về không gian. Anh đáp tàu thủy đi Đà Nẵng mà không cho một ai biết. Trước khi bước xuống tàu anh đã gửi cho Xuyến một bức thư.

“Tôi là một thứ ma quỷ!” - Xuyến chau mày khi đọc dòng thư đầu tiên như thế. Cô không sao và sẽ không bao giờ hiểu được điều ám ảnh anh. Cô chỉ lo sợ đánh mất tình yêu của cô mà thôi. “Tôi đã quyết định ra đi thật xa. Cần phải làm cho trí nhớ của em về tôi bị chết. Như thế, chúng ta có thể thanh thản được đôi chút. Tôi có tội... em ời, bố em đã dạn dò tôi... mẹ em đã mất... tôi đã im lặng... giá

ngày ấy. Tôi đã ôm và hôn em. Giá đừng làm thế. Tốt nhất là tôi đừng lớn lên như tôi đã lớn...”.

Thế nhưng tất cả những gì mà Xuyến có, hơi thở lạ lùng của cô, những đường cong trên cơ thể, những lớp sóng ngầm rung vang và cuộn cuộn sau lớp da mịn màng và những tiếng gọi da diết, đờn cô và tội nghiệp của cô, đã gọi anh trở về sau gần ba năm im lặng xa cách. Anh ôm ghì cô. Những lớp sóng từ cơ thể cô đổ kín người anh. Hơi thở và sự thần bí của cơ thể con gái làm trái tim anh buốt nhói vì đam mê... Những tháng ngày xa cách anh đã lý giải và tháo gỡ những chùm gai trong óc anh.

Trở về, anh vội vã cưới cô. Nhưng khi anh chạm vào da thịt cô trên giường cưới thì ký ức xưa trở về trong anh. Nó như một khối đen khổng lồ xù xì và ướt lạnh. Khi anh chuẩn bị bước vào những giây phút thần tiên của đời sống vợ chồng thì có một gương mặt thứ ba mỏng như khói phủ lên mặt vợ anh. Nó thoang thoảng gương mặt của người lính đã đi vào mặt trận một mùa hè chiến tranh và không bao giờ trở về. Nó thoang thoảng gương mặt của người đàn bà vợ người lính đã mất. Đôi lúc nó thoang thoảng giống như những đồ dùng, phương tiện mà người lính thường phải có khi đi ra mặt trận. Anh thấy chiếc lược lê lóe sáng như hàm răng của người điên cười anh. Và anh bị một bàn tay vô hình túm tóc mình mà cúi đầu anh vào đáy hồ của sự kinh hãi. Nó làm tê liệt chức năng bảo tồn nòi giống của anh.

Trong suốt năm đêm đầu của tuần trăng mật, anh sợ hãi đến ngơ ngẩn. Mỗi khi bước vào phòng của vợ chồng anh, anh mang hết ý chí để làm một người đàn ông đầy đủ. Thần kinh anh căng lên tưởng đứt tung. Chính vì thế mà bộ mặt thứ ba đa dạng càng hiện rõ.

Anh trở lại phòng ngủ khi đã khuya. Vợ anh đang ngủ trong sự mệt mỏi và sự chờ đợi buồn bã. Anh đứng nhìn vợ và tự hiểu rằng: anh khó mà mang lại hạnh phúc cho cô. Anh biết rằng người đau khổ và bất hạnh là cô chứ không phải ai khác trong bốn người thân thiết của cô. Chính cô. Cô không sao biết được rằng sự không hoàn thiện của anh là bắt nguồn từ một ám ảnh đau đớn xa xưa. Cô cho rằng nguyên nhân ấy là từ sự hụt hẫng về tâm lý. Cô tin khoa học sẽ

chữa chạy cho anh. Chính vì thế mà cô còn ngủ được, dầu đó chỉ là một giấc ngủ mệt mỏi và tội nghiệp.

Anh đứng nhìn cô hồi lâu, rồi lúng túng và vụng trộm nhìn xuống phần da thịt của mình đã bị tê liệt mấy ngày nay. Sự nhục nhã và cay đắng xuyên qua đầu anh như một cái thuôn sắt nung đỏ.

“Ta phải ra đi” - ý nghĩ đó ập đến. Và không một chút đắn đo anh bước đến bên chiếc bàn nhỏ và xé một tờ lịch. Anh kêu to ngọn đèn và viết cho vợ một bức thư ngắn:

“Em thương yêu và đau khổ của anh.

Anh quyết định ra đi đêm nay. Đừng tìm anh và đừng quá lo lắng cho anh. Anh yêu em và thương em hơn hết thấy mọi điều và mọi người trên thế gian này. Anh vô cùng đau khổ. Anh có tội và anh bị trừng phạt. Anh cần rửa sạch tội lỗi của mình để làm một người đàn ông bình thường. Anh sẽ trở về khi anh là một người đàn ông bình thường”.

Viết xong lá thư nhỏ anh bước lại nhìn vợ một lần nữa. Anh định hôn cô nhưng lại thôi vì sợ cô tỉnh giấc. Anh sẽ trở lại Đà Nẵng. Đến khi nào đó, thể xác và tâm linh anh trở lại bình thường, anh sẽ trở về với người vợ bất hạnh của mình. Nghĩ đến đó nước mắt anh ròn ròn chảy ra. Anh bấu những ngón tay vào ngực. Anh muốn kêu to lên một điều gì đó.

Lát sau anh lặng lẽ bước ra khỏi nhà. Đến đầu ngõ vai anh chạm vào một cành đuối. Anh khựng lại như chết đứng. Cái vòng tay của người lính hàng xóm trước khi đi vào mặt trận như đang xiết chặt lấy anh. Anh hoảng hốt bước đi. Có tiếng chân chạy sau anh. Anh hoảng hốt quay lại và nhận ra con chó thân quen của mình. Anh ngồi xuống xoa đầu nó và nói khẽ: “Về đi Vàng, về trông nhà nhé, đi đi”. Con chó liếm vào tay anh rồi lưỡng lự quay về.

Khi lên đến mặt đê làng anh quay lại và đứng khóc rất lâu. Trong ánh sáng mờ mờ của đêm trung tuần tháng Giêng, anh thấy những ngọn tre vươn lên như dáng của một người đàn bà đang chấp tay khóc trước anh. Bỗng từ xa thẳm, ngọn gió nóng của những mùa hè chiến tranh thổi rát người anh. Chính nơi anh đã đứng đây, đã bao nhiêu người đàn ông của làng ra đi và không bao giờ trở lại. Và bây

giờ, chiến tranh đã kết thúc, nhưng lại là lúc anh phải ra đi. Anh phải đi qua một cuộc chiến tranh không bom đạn, không máu chảy và anh cũng không hiểu mình có thể trở về được nữa hay không.

Đi chợ Tết

Vào canh tư Thoa tỉnh giấc bởi tiếng gáy của con tía. Con gà trống đã già, tiếng gáy của nó nghe nặng và buồn. Hơn bốn năm rồi, đêm nào chị cũng tỉnh giấc vào quãng này. Chị nằm nghĩ ngợi lan man về người chồng đã hy sinh. Đặc biệt sau ngày chồng chị hy sinh, con trống tía luôn luôn gọi chị trở về những kỷ niệm xưa ấm áp và thôn thức.

“Em ngủ nữa đi, còn sớm lắm”.

Lúc nào anh cũng nói với chị bằng câu đó sau khi cả hai người cùng tỉnh giấc bởi tiếng gáy vang dội của con tía. Đó là những ngày đầu tiên của đời sống vợ chồng cách đây bốn năm.

Ngày ấy anh về phép tổ chức lễ cưới. Sau lễ cưới họ sống với nhau được đúng mười một ngày. Và cũng là mười một ngày duy nhất trong cuộc đời chị được bên anh. Những ngày ấy, từ sáng đến tối anh đi thăm làng xóm, họ hàng, có khi đạp xe hơn chục cây số thăm một người bạn cũ. Buổi tối, nhà chị thường đông khách đến khuya. Nhưng cứ vào canh tư, khi con tía gáy rộ thì cả hai cùng tỉnh giấc.

“Em không muốn ngủ nữa. Em thích thức và nằm bên anh như thế này”.

Lần nào chị cũng nói vậy, rồi chị vùi mặt vào ngực anh, người co lại như một đứa bé nằm trong lòng mẹ. Phía đầu hồi nhà anh, con tía đập cánh bầm bập và gáy tưởng vỡ ngực.

“Cái hôm em nhận được thư anh bàn ngày cưới, mẹ bên nhà nhốt con tía và hai con mái bảo cho em mang về nhà làm vốn riêng. Em nghèo thế, lấy nhau anh có chán không?”

Nghe chị nói, anh bật cười.

“Em hỏi thật đấy - Giọng chị hơi ghen lại - Nhưng ỏ trứng ấp sắp nở rồi. Em để nuôi tất, mấy tháng nữa anh về, em bồi dưỡng cho anh”.

Nghe chị nói, anh xoay người ôm chị sát vào mình.

“Anh ơi! - Giọng chị hỏn hển - Anh yêu em đi, em sẽ sinh con trai cho anh...”

Phía đầu nhà, con tía lại đập cánh bầm bập và tiếng gáy của nó vang như sấm.

Nhưng chị nhớ nhất đêm cuối cùng họ ở bên nhau. Đêm ấy họ thức mãi. Chị vừa thiếp đi được một chút thì tỉnh giấc bởi tiếng gáy của con tía.

“Em ngủ nữa đi, còn sớm lắm”.

“Để em dậy sắp cơm cho anh ăn, anh đi kéo muện”.

Chị mở cửa xuống bếp. Chị nhóm lửa và vo mấy bơ nếp. Rồi chị bước ra chuồng gà nơi nhốt con tía.

Đêm qua, trước khi ngủ, chị đã thầm quyết định sáng nay sẽ làm thịt con tía để anh ăn trước khi trở lại đơn vị. Chính vì thế mà chị không mua thêm thức ăn, ngoài nồi cá kho từ sáng qua. Khi chị mang con gà vào bếp thì anh cũng đến sau chị.

“Em định làm gì thế?”

“Em làm cơm tiễn anh”.

“Em giết con tía ư?”

“Nuôi để thịt chứ anh bảo để làm gì?”

“Có gì thì ăn thế, anh là chồng chứ có phải khách khứa gì”.

“Nhưng em muốn thế”. - Chị nói như sắp khóc.

Anh không nói gì, đưa tay đón lấy con tía và ngồi xuống trước bếp lửa. Chị ngồi bên anh. Anh vuốt ve con gà. Con gà nghênh nghênh cái đầu. Lửa bếp hắt vào làm bộ lông tía của nó càng rực rỡ. Trong ánh lửa, chiếc mào lá của con gà lung linh như một ngọn lửa.

“Không có con tía thì lũ gà mái quanh xóm này sẽ bỏ đi hết”. Anh nói và phá lên cười. Chị cười theo và đắp vào vai anh: “Anh chỉ được cái khéo mồm...”

Chợt con tía vùng cánh đập và cất giọng gáy. Lửa trong bếp dạt đi tường tắt ngấm. Tro bếp bay lên mù mịt.

“Thấy chưa, thấy chưa - Anh reo lên - Chú ta đồng ý với anh đấy. Còn bây giờ chú mày ra sân đánh thức lũ gà mái hàng xóm dậy đi nào”.

Anh nói và đẩy con tía ra phía cửa bếp. Theo luồng sáng từ trong bếp hắt ra cửa, con gà loáng choáng bước đi. Anh kéo chị vào lòng. Mùi cơm nếp đã bắt đầu tỏa quanh bếp. Ngoài sân con gà lại đập cánh gáy.

Rồi sau đó vài tháng. Chiến tranh biên giới xảy ra. Người chồng thương yêu của chị hy sinh. Mấy tháng sau chị sinh con.

Vẫn khoảng canh tư, chị lại tỉnh giấc. Tiếng con tía bây giờ như một mũi khoan từng đợt xoáy vào gan ruột chị. Chị hốt hoảng ôm lấy đứa con trai bé bỏng và khóc một mình. Chị ân hận vì sao buổi sáng hôm đó chị không cương quyết làm thịt gà cho anh ăn. Chị có ngờ đâu đó là bữa cơm cuối cùng chị nấu cho chồng.

Thế là đã hơn bốn năm rồi. Tất cả còn y nguyên như ngày hôm qua. Con tía bây giờ già lắm. Lông cánh của nó xơ xác. Cái mào đã bàng bạc và là xuống che kín một bên mắt của nó. Bước chân của nó chậm chạp hơn. Tiếng gáy của nó trong những đêm gần sáng thưa hơn.

Mấy hôm nay sương muối xuống nhiều, chị nhận thấy giọng gáy con tía đã rề. Và hôm nay, phiên chợ cuối năm, cũng là phiên chợ Tết, chị quyết định mang con tía đi bán. Chị sợ phải nhìn thấy cái chết của con tía trong đợt rét khủng khiếp cuối năm.

Thoa xòe diêm đốt đèn. Chị đi ra chuồng gà. Chị nghe tiếng sương rơi trên những tàu lá chuối ven bể nước. Thấy ánh đèn của chị, con tía kêu “cục cục”. Chị bắt con tía bỏ vào chiếc lồng. Hai bàn tay chị nhận thấy hơi thở khò khè của nó. Tự dưng, nước mắt chị trào ra.

Khi trời sáng hẳn, chị đánh thức con và mang thằng bé sang gửi mẹ chồng đang ở với nhà bác cả. Rồi chị tắt tưới lên đê làng đến chợ. Mấy năm nay chị không đi chợ Tết. Chị nhận thấy trong hơi sương thoang thoang mùi hoa tầm xuân nở sớm ở chân đê.

Gần đến chợ, chị gặp một người bạn gái cùng làng.

– Ơ kìa, cái Thoa, mày cũng đi chợ đấy à?

– Ủ... ừ - Chị lúng túng - Sao mà đi chợ sớm thế?
– Tao bán mấy con gà. Đi sớm về còn gói bánh. Mà mà cũng bán gà à?

– Ủ.

Thoa trả lời cho qua chuyện.

– À... à, tao biết rồi - Cô bạn nguýt dài - Bán gà may áo cưới chứ gì?

– Mà nói gì thế - Thoa dừng lại - Đừng có mà ăn nói lung tung.

– Thôi đi cô ạ. Cái ông giáo Đô thì tao lạ gì. Thế cũng phải, gần bốn năm rồi còn gì.

Thoa thấy cổ họng đắng nghẹn. Chị dừng lại, đặt lồng gà xuống mặt đê. Cô bạn gái cũng hạ gánh. Bầy gà mái trong lồng của cô bạn mổ nhau chí chóc. Con tía nghiêng đầu như người điếc rồi đập cánh cất tiếng gáy. Đàn gà mái im lặng hiếng mắt nhìn sang.

– Mà làm sao thế. Đi nhanh vào chợ mà tìm chỗ. Năm nay chợ đông lắm.

– Cứ đi trước đi - Thoa nói - Mình đi sau.

– Hồi hộp quá phải không - Cô bạn nói và cười khúc khích.

Khi cô bạn đã khuất ở phía dốc đê xuống chợ. Thoa vội vã xách lồng gà quay trở lại làng. Chị kéo vành nón thấp xuống. Chị không đi theo mặt đê mà men theo lối mòn nhỏ ven chân đê. Quanh chị, hoa tầm xuân nở sớm thoang thoang hương trong không khí lạnh và sạch sẽ của một ngày cuối đông.

Bầy mòng két trở về

Canh ba Lân tỉnh giấc. Gió tháng Giêng lùa ấm cả vùng đồi. Trong cơn mơ của Lân, tiếng súng săn vang lên như tiếng cốc thủy tinh vỡ khi bị đập xuống sàn đá. Và những con mòng két đang bay bổng giật tung lên và rụng xuống. Những con mòng két mình còn nóng hổi, bết máu.

Sáng qua dậy sớm, Lân nhận ra một bầy mòng két chùng dăm con trở về ăn sớm ở đầm Lai ven chân dãy đồi. Đã bao nhiêu năm nay bầy mòng két đã không trở về khu đầm Lai. Và mỗi lần mơ thấy mòng két trở về. Lân lại mơ thấy tiếng súng săn vang lên. Anh tỉnh giấc và nằm nghĩ lan man.

Mười năm trước, khi Lân đặt chân đến nông trường ở vùng đồi này, mòng két còn đông lắm. Cứ mờ sáng, Lân lại tỉnh giấc bởi tiếng đập cánh của hàng trăm con mòng két bay về đầm Lai ăn sớm. Những ngày đầu Lân cứ ngỡ trời đổ mưa. Lúc rảnh rỗi, Lân hay lang thang dọc bờ đầm xem bầy mòng két lội kiếm ăn trong những đám cỏ lác xanh rì. Và cũng ở đây, Lân đã gặp Hạnh. Anh ngỡ ngàng trước cô, và vùng đồi trở nên vô cùng thơ mộng đối với anh.

“Chú công nhân bỏ việc đi chơi à?”. Sau này quen Lân, Hạnh hay hỏi anh câu đó khi họ gặp nhau. Lân không biết nói gì, chỉ cười. Và những buổi tối đẹp trời, Lân thường đạp xe xuống xóm gần chân đồi thăm Hạnh. Những đêm có trăng, họ hay cùng nhau đi dạo ra tận ven bờ đầm và quanh quẩn lại nói chuyện về bầy chim:

“Mòng két ở đâu về đây hở anh?”

“Bên kia núi”.

“Sao chúng nó không kiếm ăn bên ấy, bay sang đây làm gì cho vất vả?”

“Bên ấy không có đầm nước rộng như ở đây”.

“Anh sang đó rồi à?”

“Anh chưa sang”.

“Sao anh lại biết?”

“Mòng két nó mách anh”.

“Sao chúng nó cứ phải đi ăn sớm?”

“Phận mòng két nó thế”.

“Anh nói cứ như anh là mòng két ấy”.

Và cứ mỗi lần chia tay nhau, Lân lại nói:

“Giá chúng mình hóa thành mòng két nhỉ”.

“Để làm gì hở anh?”

“Anh cũng chẳng biết nữa”.

Rồi một buổi sáng. Lân chợt nghe những tiếng súng nổ liên tiếp. Từ những đám cỏ lác ven bờ đám mòng két từng đàn vụt bay lên. Và ngay lúc đó, tiếng súng lại nổ rền. Đôi ba con mòng két giật tung mình trong không gian và rơi xuống. Có kẻ bắn mòng két. Lân nghĩ và băng xuống chân đồi về phía bờ đầm. Ở đó anh gặp ba thanh niên lạ đang nhặt những con mòng két bị bắn. Sau khi nhặt hết chim vào chiếc ba lô cũ họ ngồi hút thuốc.

Lân bước lại trước đám người lạ.

“Sao các anh lại bắn chim?”

Nghe Lân hỏi, cả ba thanh niên lạ nhìn anh rồi phá lên cười.

“Đây là mòng két, chứ không phải ngan, vịt nhà ông bạn, ông bạn ạ”.

“Các anh không được quyền giết chúng”.

“Chim trời ai cấm, ông bạn nhân đạo quá. Chủ nghĩa nhân đạo muôn năm”.

Cả bọn lại phá lên cười. Lân bực tức, nhưng không biết làm gì. Anh bỏ về nông trường.

Buổi trưa, Lân đạp xe xuống xóm Hạnh. Anh muốn báo cho Hạnh tin bầy mòng két bị săn bắn. Nhưng vừa bước vào sân nhà cô, anh ngạc nhiên thấy ba gã thanh niên đang ngồi vật lông chim ở góc sân gần bếp.

Anh vội quay ra thì gặp Hạnh, Lân hỏi:

“Bọn kia là ai thế?”

“Các anh ấy ở Hà Nội về để săn chim. Họ nấu nhừ cơm nhà em.”

Thấy Hạnh có vẻ vui vẻ, Lân im lặng nhìn cô rồi bỏ đi.

Mấy ngày sau đó. Không thấy Lân xuống xóm, Hạnh lên đòi thăm Lân.

“Anh giận em phải không?”

“Không”.

“Sao anh không xuống xóm thăm em?”

“Anh bận. Bọn săn chim đi rồi chứ?”

“Họ đi ngay chiều hôm đó”.

“Chúng nó sẽ giết hết bầy chim”.

“Hàng ngàn con, giết bao giờ cho hết.”

“À ra thế”.

Lân giận dữ nói và bỏ ra khu chuồng bò. Nhưng ngay buổi chiều anh vội đạp xe xuống xóm tìm Hạnh. Anh nhớ cô.

Rồi đến một buổi sáng khác, tiếng súng săn lại rền rĩ vang lên. Và những con chim lại giạt tung mình trên không rồi rơi xuống. Lân vội lấy chiếc gậy chạy xuống chân đồi về phía bờ đầm. Anh vô cùng ngạc nhiên và buồn bã khi thấy Hạnh đang ngồi cùng ba thanh niên lần trước và ngắm nhìn thích thú những con chim xõa cánh, ngực bết máu. Thấy anh, cô hồ hởi:

“Anh Lân xem này, các anh ấy bắn giỏi lắm. Các anh ấy bảo sẽ dạy em bắn súng.”

Một cảm giác trống rỗng và rã rời ủa kín lòng Lân. Anh nhìn rất lâu vào đôi mắt Hạnh và bỏ đi.

Những ngày sau đó, tiếng súng cứ thay nhau rền rĩ đập vào vùng đồi yên tĩnh và thơ mộng. Lân không xuống xóm thăm Hạnh nữa. Nhưng trong cơn mơ, anh vẫn thấy mình chạy từ đỉnh đồi xuống xóm tìm Hạnh và cuối cơn mơ, tiếng súng lại nổ rền và những con mòng két rụng xuống như lá khô gặp gió.

Và cứ thế, chỉ một thời gian sau quanh bờ đầm có quá nhiều những tay súng từ thành phố về đó săn bắn mòng két và những loại

chim khác vào những ngày nghỉ. Hạnh không còn lên nông trường thăm Lân nữa. Cô yêu một trong ba gã săn mòng két và hứa hẹn chờ ngày cưới như gã đã hứa.

Mỗi ngày mòng két về ăn mồi ở đầm Lai một thưa. Rồi đến một buổi sớm, bầu trời vùng đồi im bật. Người ta không còn nghe thấy tiếng mòng két đập cánh, Lân tỉnh giấc và anh tê tái khi nhận ra điều ấy. Những ngày sau đó, anh dậy sớm và như nín thở lắng nghe tiếng đập cánh của bầy chim trở về. Nhưng như có phép lạ, đầm Lai vụt trở nên hoang vu. Và những gã săn bắn chim cũng không thấy xuất hiện ở vùng đồi này vào những ngày nghỉ nữa.

Cái thai trong Hạnh mỗi ngày một lớn. Gần sáng cô thường tỉnh giấc, không phải để đợi bầy mòng két mà đợi gã thợ săn. Nhưng gã không trở lại. Cô không biết gã ở đâu cũng như cô từng không biết bầy mòng két từ đâu đến và giờ đã đi đâu.

Rồi cô sinh con và cho đến khi đứa bé lớn lên một tuổi thì cô đã hoàn toàn thất vọng trong sự đợi chờ gã thợ săn trở lại. Thi thoảng vào cuối chiều, cô lại ra ven đầm Lai và ngồi trên cỏ một mình. Ở đây, cô gặp lại Lân. Cô khóc và nói:

“Hắn không trở lại nữa, và... mòng két cũng không trở lại nữa...”

“Hắn không bao giờ trở lại nữa. Đúng thế - Lân nói và khẽ thở dài - Nhưng đám mòng két sẽ trở lại”.

“Đám mòng két có trở lại không anh?” - Cô vội vã hỏi.

“Có, chúng sẽ trở lại.”

“Em cầu mong chúng trở lại, em cầu mong”.

Cô nói run rẩy, Lân nhìn sâu vào mắt cô với một thoáng ngờ vực.

“Em cầu mong bầy mòng két trở lại, và như vậy, anh sẽ bớt buồn.”

Nói xong, cô bỏ đi như chạy. Câu nói ấy của cô giội lên trong lòng Lân một cảm giác lạ lùng. Và lúc đó, những kỷ niệm đẹp đẽ giữa cô và Lân chợt trở về. Đêm ấy, anh mơ thấy đàn mòng két bay rợp góc trời vùng đồi. Và anh chạy như bay từ đỉnh đồi xuống để tìm cô. Chiều hôm sau, anh đạp xe xuống xóm Hạnh. Vừa thấy anh, cô vội hỏi: “Anh có thấy con mòng két nào về không?”

“Không. Nhưng chúng sẽ về vì trong mơ anh thấy chúng về.”

Vẫn một cảm giác vừa lạ vừa quen ủa kín lòng anh sau câu nói của Hạnh.

“Nếu chúng trở về - Lân nói với Hạnh mà như thì thăm với chính anh. Anh sẽ dẫn em ra đầm xem chúng ăn.”

“Anh đừng nói vậy với em. Em hư hỏng hết rồi. Không còn gì thuở xưa trở về với em được nữa”.

“Bầy mòng két sẽ về... sẽ về”.

Sau hôm ấy, Lân thường đạp xe xuống xóm thăm Hạnh như thuở xưa. Anh vẫn kể cho Hạnh nghe về cơn mơ có những đàn mòng két trở về. Anh nói với cô rằng những cơn mơ gần đây anh nghĩ thấy cả mùi lông mòng két.

“Nhưng với em, những ngày như ngày xưa không trở về được nữa.”

Hạnh nói. Mắt cô đỏ hoe. Lân nhìn Hạnh và anh thấy vùng đồi này tất cả cũng sẽ trở về. Anh, anh muốn vậy...

Lân chìm vào giấc ngủ. Gần sáng anh lại tỉnh giấc. Trong giấc ngủ anh nghe tiếng bầy mòng két đập cánh rào rào. Anh ngồi dậy trong đêm và nghĩ đó là một giấc mơ. Những tiếng rào rào vẫn từ trên cao dội xuống. “Hay là mưa?” - Anh thầm hỏi. Những tiếng rào rào mỗi lúc một to. Giếng, Hai không bao giờ có mưa to như thế. Anh vội nhảy ra khỏi giường và lao ra sân. Trời không mưa. Chỉ có gió ẩm thổi mênh mang và rạo rức khắp vùng đồi. Anh ngửa mặt lên trời và nghe rõ tiếng đập cánh của bầy chim và cả tiếng kêu khe khẽ của chúng. Tiếng đập cánh mỗi lúc một thấp dần về phía bờ đầm. Người anh run lên. Anh lao xuống chân đồi. Đến bờ đầm, anh nhận ra âm thanh quen thuộc của bầy chim ăn mồi trong những đám cỏ lác xanh rì. Anh quờ tay lấy một hòn đất và ném về phía một đám cỏ lác. Một bầy mòng két đập cánh và rào rào bay vụt lên.

“Về thật rồi! Về thật rồi”.

Lân vừa kêu khẽ vừa chạy men theo bờ đầm. Rồi đột nhiên anh quay hướng chạy về nông trường. Anh đi giày, mặc thêm áo ấm và dắt xe ra khỏi nhà. Anh cùng chiếc xe đạp cũ kỹ lao xuống chân đồi.

Anh đi tìm Hạnh.

Mai vàng nở sớm

Tết năm ấy cây mai vàng trong vườn nhà má Tư không trổ bông. Qua Giêng, cả cây mai chỉ thoáng đôi ba bông buồn bã. Tôi đã nằm trong chiếc hầm bí mật của gia đình má hơn hai tháng trời. Một đêm tôi bị địch truy kích trúng đạn bị thương. Tôi giấu mình bên mép sông Đồng Nai suốt một đêm và một ngày. Địch lùng sục ráo riết. Đến đêm hôm sau, tôi quyết định bò lên một ngôi nhà bên bờ sông. Cả buổi chiều hôm đó, tôi thấy một cô gái xuống sông gánh nước và giặt giũ. Tôi quyết định ban đêm bò đến ngôi nhà cô gái với hy vọng được che chở và chữa vết thương suốt một ngày qua đã làm tôi kiệt sức.

Đêm ấy, con chó nhà má Tư sủa gắt. Cô gái cầm đèn ra vườn theo hướng chó sủa và thấy tôi. Cô trấn tĩnh ngay sau cái giật mình. Cô chợt hiểu tất cả. Cô chạy vào nhà và kêu má cô ra dìu tôi vào. Hai mẹ con má Tư đặt tôi nằm trên giường. Tôi nghe má hỏi cô gái:

- Người này ở đâu đến vậy?
- Chắc là mấy ảnh bị vây ráp hồi hôm.
- Má Tư im lặng rất lâu rồi nói như ra lệnh.
- Đưa nó vô hầm!

Hai má con má Tư dìu tôi xuống căn hầm bí mật của má. Gia đình má là cơ sở cách mạng. Má đã quyết định giấu tôi xuống hầm mặc dù chưa nghe tôi nói một câu gì về mình.

- Con lấy bộ đồ của thằng Hai cho ảnh.

Quần áo, tóc tai tôi ướt sũng vì ngâm dưới sông. Khi cô gái mang bộ đồ xuống hầm, má Tư nói:

- Con thay đồ cho ảnh.

Mặt cô gái chợt ửng đỏ. Cô lúng túng.

- Mặc cỡ cái chi. Nó như anh Hai mà ư chứ ai xa lạ mà mà mặc cỡ.

Rồi sau đó má kêu cô gái rửa và băng vết thương cho tôi, còn má nhóm lửa nấu cháo cho tôi ăn. Suốt đêm chó vẫn giật mình sủa dọc xóm ven sông. Đêm ấy, tôi mơ thấy góc vườn nhà tôi ở một làng ven sông Lương nở trắng hoa mận.

Hai ngày sau tôi ngồi dậy được. Má Tư nhìn tôi hỏi:

– Con quê vùng nào, đơn vị con ở đâu?

Tôi kể cho má Tư nghe về trường hợp tôi bị địch phục kích. Tôi kể cho má nghe về quê tôi, về cây mận góc vườn nhà tôi cứ mỗi khi Tết đến hoa lại nở trắng.

Khi tôi thấy sức khỏe tương đối bình phục, tôi xin má tìm về đơn vị. Nhưng má không để tôi đi. Những ngày đó là những ngày cuối cùng của chiến tranh. Địch lòng sục, canh giữ hết sức gay gắt. Cứ mỗi khi cô gái đi đâu về má lại hỏi:

– Có êm hơn không, hả Ba Thúy?

– Khó lắm má à, cứ để anh ở lại thêm ít bữa.

– Con phải đi má ạ - Tôi nói.

– Kháng chiến lâu dài, đâu phải mai một. Đừng đi vậy, má không an tâm.

– Nhưng con xa đơn vị lâu quá rồi, anh em...

– Má và con Ba Thúy làm chứng cho con.

Rồi một buổi má đi vắng tới chiều mới về.

– Ngày mốt là Tết rồi - Má nói - Má chuẩn bị cho con ăn Tết ở đây. Qua Tết chắc con đi được.

– Tết rồi hở má?

– Ừ. Nhưng sao cây mai trong vườn năm nay chậm trổ bông quá vậy?

Đêm ấy, tôi lại mơ thấy cây mận góc vườn nhà tôi nở hoa trắng muốt. Tôi mơ tôi về quê ăn Tết với mẹ tôi. Và kỳ lạ, Ba Thúy cũng cùng về. Cô nói cười suốt ngày với mẹ và mấy đứa em tôi.

– Chị Thúy đẹp quá - Em gái tôi nói - Mà làm thế nào anh lại yêu được chị ấy?

Sau giấc mơ đêm ấy, sáng sau tôi mong gặp Ba Thúy hơn mọi ngày. Khi Thúy cầm đèn xuống hầm, tôi nhìn Thúy không chớp mắt.

– Sao bữa nay anh nhìn em bộ dữ vậy?

– Đêm qua anh mơ...

– Mơ chi? - Thúy hỏi nhỏ, mặt ửng đỏ.

– Đêm qua anh mơ cây mận nhà anh hoa nở trắng vườn.

– Ủa, mà sao cây mai nhà em năm nay chậm bông vậy - Ba Thúy nói - Từ nhỏ tới giờ, chưa năm nào như vậy.

Thế rồi, do sơ suất, vết thương của tôi bị nhiễm trùng. Tôi bị sốt li bì. Má Tư và Ba Thúy trở thành thầy thuốc của tôi. Một hôm tôi nói với má:

– Đơn vị con có một cơ sở gần đây, xe đồ chạy chừng nửa ngày. Con muốn báo cho đơn vị.

Hiểu ý tôi má Tư nói:

– Để má cho con Ba tìm đơn vị con.

Tôi vội vàng viết thư trong lúc cơn sốt vẫn hành hạ tôi. Tôi đưa lá thư của tôi cùng một vài giấy tờ làm chứng cho Ba Thúy.

Sáng sớm hôm sau. Ba Thúy bắt xe đồ ra đi. Đêm ấy tôi lại mơ thấy tôi đưa Ba Thúy về quê tôi trong mùa hoa mận nở. Tỉnh dậy, tôi thẫn thức lạ lùng. Tôi biết tôi đã yêu.

Ba Thúy đi mãi và không thấy trở về. Tôi hoàn toàn không thể ở mãi dưới hầm được nữa. Tôi quyết định tìm về đơn vị với hy vọng biết được tin tức của Ba Thúy.

Nửa đêm hôm ấy tôi rời nhà má Tư ra đi. Má ôm tôi khóc. Tôi nói với má tôi sẽ tìm được Ba Thúy. Tôi động viên má:

– Chắc em Thúy ở lại đơn vị con chờ thời cơ tốt đưa người về đón con. Má đừng lo má nhé.

Má Tư không nói được, chỉ gật đầu. Tôi biết má đang khóc. Tôi lần theo bờ sông Đồng Nai để thoát khỏi vùng địch đang kiểm soát hết sức điên cuồng. Nhưng tôi bị bắt. Địch đưa tôi về Sài Gòn. Và tôi bị cầm tù cho đến ngày giải phóng.

Ra khỏi tù tôi tìm về nhà má Tư. Vừa nhận ra tôi, má òa khóc:

– Con Thúy đâu? Con Thúy đâu rồi? Sao con không mang con Thúy về cho má?

Đến lúc này tôi mới biết Ba Thúy ra đi từ ngày đó không trở về và má Tư cũng không nhận được tin tức gì của Ba Thúy.

Tôi ở lại với má Tư mười ngày rồi đi tìm đơn vị. Thế nhưng phải gần mười năm sau tôi mới có dịp trở lại nhà má Tư. Trong suốt thời gian đó, tôi viết thư cho má nhiều lần mà không thấy hồi âm. Đường sá xa xôi cách trở quá. Hơn nữa, sau chiến tranh người lính như tôi mắc vào biết bao công việc không có kết thúc.

Tôi trở lại ngôi nhà của má Tư trước Tết chừng nửa tháng. Ngôi nhà vẫn như xưa. Chỉ có một điều khác là cây mai trong vườn nhà má năm ấy hoa nở nhiều như chưa từng thấy. Cả khu vườn sáng rực lên bởi màu vàng.

– Má ơi! Má, má ơi!

Tôi gọi đến lúu cả lưởi. Một người phụ nữ từ trong nhà bước ra. Tôi chột rùng mình. Tôi nhận ra người phụ nữ ấy là Ba Thúy. Em gầy và sạm đi rất nhiều. Nếu không có đôi mắt và mái tóc dài vẫn như xưa của em thì tôi khó nhận ra em.

Tôi bước lại trước em.

– Anh đây.

Em vẫn mở to đôi mắt nhìn tôi. Và từ đôi mắt tôi ứa ra những giọt nước mắt.

– Má đâu... đâu em?

– Má mất rồi, anh ạ.

Nói xong, em đỡ người vào tôi. Tôi khóc. Đây là lần đầu tiên sau bao nhiêu năm chiến tranh đằng đẵng, tôi đã khóc.

Sau ngày giải phóng, má vẫn hy vọng đưa con gái của má trở về. Chồng má và con trai má đã hy sinh. Đơn vị của họ đã về báo cho má. Nhưng với Ba Thúy, má không hề nhận được một mẩu tin. Đợi mãi không thấy Ba Thúy về, má đã lặng lẽ nằm xuống.

Sau ngày má Tư mất chừng một năm, thì Ba Thúy trở về. Ba Thúy nhận được thư tôi nhưng em không trả lời. Em bị bắt trên đường đi đến đơn vị tôi. Em bị tra tấn đến tàn tật. Mỗi lần nhận

được thư tôi gửi cho má Tư em lại khóc. Em viết rất nhiều thư cho tôi nhưng lại không gửi.

– Sao em lại làm thế? - Tôi hỏi.

– Em muốn anh thanh thản, em không muốn anh phải buồn vì em.

Buổi chiều, Ba Thúy đưa tôi đi thăm mộ má Tư. Đêm đó, tôi hỏi Ba Thúy về căn hầm mà má con em đã giấu, bảo vệ và cứu sống tôi.

– Căn hầm vẫn còn, anh ạ!

– Anh muốn nhìn lại căn hầm.

Em cầm đèn đưa tôi xuống căn hầm. Căn hầm khác xưa quá nhiều. Và chợt lúc đó tôi thấy hơi thở em phả ấm cả căn hầm.

– Năm nay cây mai ra hoa nhiều quá.

– Em thấy lạ lắm. Cả xóm này chưa có mai nhà ai lại trổ bông sớm và nhiều vậy.

– Đây là điềm lành... Anh muốn nói với em một câu... Anh định nói câu này ở căn hầm này từ ngày ấy...

– Em hiểu. Nhưng anh đừng nói gì nữa. Thôi lên nhà đi anh.

Và đêm ấy, tôi lại mơ thấy tôi đưa em về làng tôi. Tôi mơ thấy tôi đang bên em trong những làn gió mỏng ấm áp từ sông Lương thổi lên. Và khu vườn nhà tôi hoa mận nở trắng, tinh khiết đến lạ lùng.

Chạy trốn khỏi vàng trắng

Trong một hang núi tối tăm, lạnh lẽo, vào lúc tôi linh cảm thấy mình sắp ra đi thì tôi òa khóc nhớ về một đêm trắng hai năm về trước. Suốt thời gian sống chui lủi ở chiếc hang này tôi luôn luôn đau đớn tự hỏi: Có phải tôi đã có tội với em không? Có phải đêm ấy thần kinh đột nhiên suy biến? Hay bởi chính vàng trắng? Đêm ấy trắng sáng quá. Ánh trắng rời rợi soi rõ từng chiếc gân lá xanh mỡ màng. Trên cành duối nhỏ, một con thằn lằn nằm thiêm thiếp dưới trăng. Lớp vảy trên lưng nó lóng lánh như một dòng thủy ngân. Thỉnh thoảng nó lại vươn cái cổ mềm mại lên đớp quả duối chín vàng ở gần đó.

Đêm ấy, ở đầu ngõ nhà em. Em đã tiễn tôi. Tôi đã ngửa mặt nhìn trăng. Ánh trắng chảy giàn giụa lên mặt tôi. Sao đêm ấy tôi lại ngửa mặt lên nhìn trăng? Nếu tôi không làm như thế thì có lẽ bây giờ tôi không ngồi đây đau khổ lắng nghe từng hơi thở cuối cùng của mình đang lặng lẽ ra đi.

Bạn ơi! Bạn cứ thử một đêm nào khuya khoắt đứng dưới trăng mười sáu một mình.

Bạn hãy ngửa mặt hứng lấy từng dòng trăng chảy xuống... Chỉ một lát sau thôi bạn sẽ không thể bình tĩnh được. Bạn sẽ hoảng hốt, rồi lẫn lộn, rồi như mê sảng. Và đâu đấy trong không gian mênh mang kỳ ảo ánh trăng có ai đó dịu dàng gọi bạn. Bạn khẽ khàng khỏa đôi vây. Bạn sẽ bồng bênh trôi đi, trôi mãi theo tiếng gọi dịu dàng như tiếng nước kia.

Hãy tha thứ cho tôi! Chính vì tôi mà từ đêm ấy em phải sống trong đau khổ, nhục nhã. Nhưng em nào có tội. Cũng như các buổi tối khác, em tiễn tôi sau khi tôi giúp đưa con em, cậu học trò của tôi, chuẩn bị bài vở cho một ngày đến lớp. Những lúc ngồi trong nhà của em, tôi đã bao nhiêu lần vụng trộm ngắm nhìn em. Càng nhìn em tôi càng thấy xót xa. Hai mươi năm tuổi em đã góa chồng. Em sẽ phải sống bao nhiêu năm trong sự cô đơn đến nỗi không có cả quyền

chờ đợi. Cũng đã bao lần em ngược mắt lên và gặp đôi mắt tôi đang nhìn em. Em hốt hoảng cúi xuống. Trong cái dáng lưng mềm mại cúi xuống kia, tôi thấy em đang âm thầm khóc ở bên trong. Tôi yêu em. Không phải lúc sắp từ giã cuộc đời tôi mới nói thế. Tôi âm thầm yêu em từ những ngày đó. Nhưng người ta đã quàng lên cuộc đời em “vòng nguyệt quế”. Bằng những lời lẽ sáo mòn cho sự thủ tiết của những người vợ góa như em. Cả tôi và em hoảng sợ với ý định tháo bỏ cái “vòng nguyệt quế” độc ác kia.

Thế rồi đêm ấy em đã tiễn tôi. Đêm ấy trăng sáng lạ lùng. Khi đến đầu ngõ thì một làn gió mỏng trong trăng thoảng về.

– Hương bưởi thơm quá - Tôi đã kêu lên như thế. Có phải lời thốt lên ấy của tôi là khởi đầu cho đêm trăng hạnh phúc và quá đau khổ không?

– Mùa này làm gì có hoa bưởi, thầy - Em mỉm cười. Em gội tóc bằng nắm bưởi đấy.

– Nắm bưởi là gì nhỉ? - Tôi hỏi - Tôi không biết thật.

– Thầy người thành phố không biết là phải - Em lại mỉm cười - Nó nhú ra ở thân cây bưởi như cái nắm, cứng và to như hạt ngô nếp chiêm. Em cạy ra phơi khô. Khi nào muốn gội tóc thì đun lên. Thơm lắm. Không biết nơi khác họ gọi là gì. Quê em gọi là nắm bưởi.

– Thế à, tôi không biết. Duyên này, học kỳ này cháu Dương học tiến bộ lắm. Tôi rất vui.

– Trăm sự nhờ thầy. Em quanh năm đồng áng. Cũng không biết dạy cháu học hành thế nào.

– Duyên cứ yên tâm. Nhà trường có kế hoạch giúp đỡ con em liệt sĩ. Nhưng Dương nó hay buồn. Nhiều lúc ngồi trong lớp nó tư lự như người lớn.

– Từ ngày nhà em hi sinh, em buồn cũng lây sang cháu. Mới đây đã gần sáu năm trời...

Tôi im lặng. Tôi sợ chạm vào nỗi đau của em. Em cũng im lặng rất lâu rồi đưa tay đỡ mái tóc vừa gội ban chiều và dâng lên. Trăng đưa hương nắm bưởi đến với tôi. Hai cánh tay trần của em như tạc

bằng hai mảnh trăng mười sáu. Em mỉm cười nhìn tôi. Hàm răng của em như cũng làm bằng những mảnh trăng ấy.

– Thế thầy còn dạy ở quê em bao lâu nữa? - Em hỏi - Giọng nhỏ lắm, tưởng không có trăng tôi không nghe được.

– Tôi cũng không biết đến bao giờ. Chiến tranh còn dài, đến lúc nào đó họ cũng phải để tôi ra mặt trận. Tôi thấy xấu hổ khi trai tráng lại ở một nơi yên tĩnh như thế này...

– Em nghe nói vì thầy dạy giỏi, và bác sinh ra thầy là liệt sĩ. Chính thế họ không để thầy đi.

– Bố tôi làm xong nghĩa vụ của ông và thế hệ ông. Tôi có trách nhiệm công dân của tôi.

– Thế sao thằng Dương nhà em lại được ưu tiên. Dạy giỏi cũng như đánh giặc. Chúng em làm ruộng cũng thế.

Chúng tôi bước từng bước dọc lối ngõ nhỏ nhà em chỉ đủ cho hai người đi. Bỗng cánh tay tôi chạm vào cánh tay trần của em mát như nước sông đêm. Tôi chững lại. Em cũng đứng lại và xoay người nhìn tôi. Đôi mắt em trong đêm như khoảng tối của vàng trắng khuyết.

– Trăng đẹp quá thầy nhỉ?

Tôi không trả lời em ngay. Tôi ngửa mặt nhìn trăng. Ánh trăng rờn rờn chảy giàn giụa mặt tôi, tôi nghe tiếng chó sủa trong trăng cũng mơ màng và trong vắt.

– Trăng quê lúc nào cũng trong và buồn hơn - Hình như ai đã xui khiến tôi nói vậy.

– Về dạy ở đây thầy buồn lắm phải không?

– Tôi yêu miền quê này quá. Những đêm trăng như đêm nay tôi muốn khóc.

– Đêm nào có trăng là em không ngủ được. Em cứ muốn đi đến một chỗ nào đấy. Nhiều đêm mở cửa rồi em lại vội vã quay vào. Hàng xóm họ nhìn thấy họ sẽ nghĩ em sao. Nhiều đêm thức giấc thấy trăng qua cửa sổ em chỉ biết khóc một mình.

– Duyên ơi!

- Dạ.
- Tôi chẳng biết làm gì để giúp Duyên.
- Thầy cứ đến giúp cháu Dương là em vui rồi.
- Duyên có trách tôi không?
- Trách gì, thầy?
- Những lúc tôi nhìn Duyên.
- Nhiều bữa thầy không đến, em cứ...mong.
- Tôi cũng thế, tôi nhớ em quá...

Đến bây giờ tôi vẫn nghĩ tôi không định nói những điều như thế với em đêm ấy. Tôi cảm giác có ai đã đứng sau ánh trăng nói thay tôi.

“Mang...

Mang...

Mang...”

Chợt từ đâu đó trong đêm ngân lên một âm thanh như thế. Âm thanh như từng đợt sóng miên man đổ về tràn kín tôi và em. Tôi nín thở lắng nghe và thấy người mê đi. Những đợt sóng âm thanh ấy dịu dàng cuốn chúng tôi dạt vào nhau.

– Anh ơi.

Em kêu lên. Tôi như vỡ cả mặt chát trong tiếng gọi ấy. Em như một mảnh trăng mềm nằm trong vòng tay tôi.

“Mang... mang... mang...”

Từng dòng âm thanh lạ lùng mà mãi sau này tôi không giải thích nổi cứ dào dạt tràn về. Tôi cùng em ngơ ngác và sợ sệt như một đôi bóng nhỏ trong dòng âm thanh ấy. Dòng âm thanh cuốn chúng tôi đi. Xa lắm. Có lẽ đó là bến bờ của trăng.

Chợt có tiếng động ở chân bờ rào cây duối. Cả tôi và em cùng giật thót người và vội buông vòng tay. Chúng tôi hoảng hốt nhìn về phía tiếng động. Từ khoảng tối chân rào một con chuột chạy ra. Đến giữa lòng ngõ, nó dừng lại và ngược nhìn chúng tôi. Những sợi râu của nó chói lên như những tia sáng. Đôi mắt nó lóng lánh như hai hạt đậu đen ngâm trong nước. Nó nhìn chúng tôi và đưa chân trước

lên gãi tai. Em bật cười. Nghe tiếng cười của em, con chuột ngoắt mình chạy trở lại chân rào.

– Anh về đi. Khuya quá rồi - Em nói nhỏ.

– Hãy tha lỗi cho anh - Tôi áp bàn tay lên một phía gương mặt em và thì thầm - Anh có tội với....

– Không. Anh đừng nói vậy...

Nói xong, em vội quay người và đi vào. Tôi nghe thấy có tiếng em khóc.

Đêm ấy, tôi rời ngõ nhà em và đi như người mộng du trong ánh trăng giàn giụa và âm thanh lạ lùng. Tôi cứ đi như thế cho đến gần sáng mới tìm thấy đường trở về khu tập thể của trường.

Hai ngày sau tôi được gọi lên ban giám hiệu. Mọi ngày gặp tôi ông hiệu trưởng vồ vập và tâm sự đủ điều. Nhưng hôm nay ông có vẻ tránh nhìn tôi và cứ loay hoay xếp đi xếp lại đồng giấy tờ trên bàn làm việc. Một lúc lâu ông đằng hắng và nói:

– Tôi gọi đồng chí lên đây để yêu cầu đồng chí trình bày tự kiểm điểm.

– Kiểm điểm gì cơ ạ? - Tôi chau mày hỏi sau một lúc ngỡ ngàng.

– Đồng chí biết hết cả rồi. Đồng chí nên thành thật nhận lỗi.

– Thành thật là đến lúc này tôi vẫn chưa hiểu đồng chí nói gì cả. - Tôi nói như gắt.

– Đồng chí đã vi phạm đạo đức của một người giáo viên...

– Trời ơi, tôi vẫn chưa hiểu gì cả. Đồng chí cứ nói thẳng ra. Thật là...

– Đồng chí đã lợi dụng việc giúp đỡ học sinh để làm điều bậy bạ với một phụ huynh vợ liệt sĩ.

– Trời! Tôi kêu lên và chợt hiểu tất cả - Tôi hiểu, tôi hiểu hết rồi.

– Đồng chí đã hiểu rồi - Ông hiệu trưởng nói với giọng đắc thắng - Vậy tôi đề nghị đồng chí viết bản kiểm điểm. Chiều mai họp hội đồng nhà trường có chính quyền địa phương tham dự.

– Thưa đồng chí hiệu trưởng. Đồng chí hãy nghe tôi nói, đồng chí là người hiểu tôi...

– Chiều mai đồng chí tha hồ nói nhé. Bây giờ tôi bận không có thì giờ để nghe đâu. Thế thôi.

Nói rồi ông bỏ đi ra ngoài.

Tôi lặng người trên ghế như chết. Một lúc sau tôi mới đứng dậy lê gót về phòng. Tôi nằm vật ra giường. Những ý nghĩ cay đắng và uất ức ùn ùn đến trong lòng tôi. “Có kẻ rình mò”, tôi chua chát nghĩ và choàng ngồi dậy. “Ai?”, tôi rít lên. Tôi muốn bóp chết hắn.

Tôi còn nhớ, không khí trong phòng họp xét kiểm điểm tôi hôm đó như đông cứng lại. Tôi đưa mắt nhìn các giáo viên cùng trường. Tất cả họ như lảng tránh cái nhìn của tôi. Có người còn nhìn tôi như một kẻ giết người. Mới mấy ngày trước đó họ đã say mê nghe tôi nói về phương pháp dạy toán cho những em học sinh bị hỏng kiến thức bộ môn này từ năm học trước. Tôi nhớ trên bàn chủ tọa là ông hiệu trưởng và ông phó chủ tịch xã phụ trách văn xã.

– Kính thưa đồng chí phó chủ tịch. Thưa các đồng chí - Ông hiệu trưởng đáng kính - Hôm nay chúng ta họp kiểm điểm đồng chí Huy. Đồng chí Huy đã vi phạm truyền thống đạo đức giáo dục của ngành chúng ta. Từ việc giúp đỡ học sinh các con em gia đình bộ đội, liệt sĩ, đồng chí Huy đã lợi dụng lòng quý trọng thầy cô để chiếm đoạt thân thể chị Duyên, một người vợ liệt sĩ gương mẫu. Trước khi chúng ta đi vào phân tích tội lỗi đồng chí Huy, tôi đề nghị đồng chí đọc bản kiểm điểm.

Tôi từ từ đứng dậy. Cả phòng họp im phăng phắc. Lúc đó tôi muốn òa khóc. Tôi đứng nhìn ra khu vườn trường qua ô cửa sổ. Nắng chiều nhuộm vàng những vòm lá xanh. Nắng như ánh trắng sáng lòa. Mãi lâu sau tôi mới rút bản kiểm điểm được viết trên một tờ giấy vở học trò. Tôi không nhớ tôi đọc bản kiểm điểm như thế nào. Tôi chỉ nhớ tôi như đang đứng trước em. Em đang đợi tôi ngoài kia dưới những vòm cây xanh biếc. Em đang cúi xuống. Tôi nghe thấy tiếng khóc âm thầm cô đơn trong dáng lưng em dịu dàng. Trước mắt tôi lúc đó không có ông hiệu trưởng. Không có đại diện chính quyền. Chỉ có ánh trắng chảy mê man trên da thịt tôi, chỉ có âm thanh “mang mang” lạ lùng, kỳ diệu.

“Tôi đã yêu Duyên. Chúng tôi yêu nhau. Đêm trăng ấy đã rửa sạch bụi bặm trên mặt đất. Đêm trăng ấy đã xóa hết mọi ranh giới của sự mặc cảm và đau buồn. Vâng, tôi đã nói. Tôi đã nói hết”.

– Như vậy, như vậy - Ông hiệu trưởng lấp bắp - Đồng chí Huy vẫn chưa nhận rõ tội lỗi của mình. Nhưng sự việc đã rõ ràng, đồng chí đã làm ảnh hưởng đến thanh danh nhà giáo của chúng ta. Đồng chí đã làm nhục chị Duyên.

– Khô...ô...ông - Tôi hét lên - Đồng chí không có quyền nói như vậy. Tôi có quyền yêu thương một con người đau khổ vì mất mát.

– Đồng chí không có quyền yêu vợ liệt sĩ - Ông hiệu trưởng hỗn hển.

– Không được yêu vợ liệt sĩ. Không được yêu vợ liệt sĩ.

Một số giáo viên nhao nhao nói theo. Tôi liếc mắt thấy có những gương mặt bừng bừng phẫn nộ.

– Tôi không ngờ một hiệu trưởng lại thiếu văn hóa như thế. Nếu không muốn nói là ngu - Tôi bật một tiếng cười và nói.

– Câm mồm. Anh câm mồm đi - Ông hiệu trưởng đập bàn - Bảo vệ nhà trường đâu!

– Thật là đểu cáng - Một nữ giáo viên nào đó the thé.

– Giởng Kiêu mà mang ra làm mẫu Sở Khanh thì tuyệt quá, hí hí - Một giọng giáo viên nam.

Tôi run lên bần bật. Hai bàn tay tôi bấu chặt lấy mép bàn. Tôi mệt mỏi đến không đứng vững được nữa. Tôi ngồi xuống như ngã vào ghế.

– Đứng lên đi, lại còn ngồi nữa à?

– Nhục quá rồi mà.

– Phải làm nhục cho chừa đi chứ.

– Tôi có ý kiến như thế này - Vị phó chủ tịch xã vẩy vẩy tay ra hiệu cho ông hiệu trưởng và những người khác ngồi xuống - Tôi đã nghe ban giám hiệu báo cáo về hành vi tội lỗi của anh Huy. Trong lúc chị Duyên đang phải đau khổ vì chồng hy sinh thì anh Huy lại làm cho chị đau khổ hơn. Tôi không hiểu quan điểm giai cấp của

anh để đầu. Chúng ta đang động viên các cấp chính quyền và nhân dân làm tốt công tác hậu phương, chúng ta đang ra sức bảo vệ truyền thống tốt đẹp của vợ bộ đội, liệt sĩ thì đồng chí Huy đã làm tổn hại đến lòng chung thủy của vợ liệt sĩ. Đồng chí đã làm tổn hại đến hậu phương lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại của dân tộc ta. Tôi đề nghị phải có hình thức kỷ luật thích đáng đối với anh Huy trước nhân dân và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân để ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tương tự xảy ra.

Sau lời kết luận của chính quyền xã, cuộc họp biểu quyết hình thức kỷ luật tôi. Tôi buộc phải thôi dạy học và tham gia lao động cải tạo tại trường trong một năm.

Liên tiếp những ngày sau đó tôi sống như một người điên trước những cuộc họp kiểm điểm. Nói đúng hơn là những cuộc làm nhục tôi và cả em nữa. Tôi phải ngồi hàng tiếng đồng hồ trước Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, trước nông dân Hợp tác xã nông nghiệp bên ngọn đèn măng xông nóng như thiêu, đầu óc tôi mụ mẫm không còn biết những gì đã xảy ra trong những cuộc họp đó. Có cuộc họp họ đưa cả em đến để tố giác tôi. Em không nói gì chỉ nhìn tôi khóc. Rồi “vụ án” của tôi được báo cáo lên huyện, lên tỉnh. Sau này khi đã bỏ lên núi, tôi thường tự hỏi sao ngày ấy tôi không phản đối họ hay bỏ đi một nơi nào đó.

Những ngày đi chăn hai con bò của nhà trường ở ven chân núi, tôi thường nhắm mắt nằm trên cỏ hàng giờ. Thiên nhiên làm tôi dịu bớt nỗi đau, nhưng làm tôi nhớ em khôn xiết.

Rồi theo quy định đã hàng triệu năm nay, vầng trăng lại đến. Tôi lại ngửa mặt nhìn ánh trăng như một hành động bản năng. Và ánh trăng lại rờn rờn chảy giàn mặt tôi. Trong ánh trăng như xóa hết mọi bần thiủ, đón hèn lại ngân lên dào dạt âm thanh quen thuộc nhưng lạ lùng. Âm thanh ấy cứ thấm đẫm tôi, cuốn tôi đi như láng bạc. Tôi rùng mình hoảng hốt. Tôi chạy vào những bóng cây trong đêm. Ánh trăng lọt qua từng kẽ lá đan quán lấy tôi. Tôi ôm chặt lấy thân cây mà thở.

Đêm trăng thứ nhất trôi đi.

Đêm trăng thứ hai trôi đi.

Và đến đêm thứ ba tôi kiệt sức không sao chống lại được sức mạnh thần bí trong ánh trăng dịu dàng và trong âm thanh “mang... mang” không sao hiểu nổi nghĩa. Ánh trăng và âm thanh ấy đã đưa tôi vào ngõ nhà em.

– Tha thứ cho em. Em đã làm anh phải đau khổ.

– Đừng nói thế. Anh mới là người có lỗi. Sao em không gọi nước tắm buổi?

– Không hiểu tại sao từ bấy đến nay em sợ cái hương ấy.

– Em có căm thù anh không?

– Em nhớ anh - Em nói và bậm môi kìm tiếng khóc. Em gục đầu vào ngực tôi.

Tôi đau khổ bóp chặt mái tóc dày của em trong tay.

– Em nhớ anh quá. Sao anh không đến với em?

– Người ta không cho anh đến.

– Chúng mình có tội hả anh?

Em ngửa mặt hỏi tôi. Mặt em giàn giụa nước mắt và ánh trăng. Tôi không thể nào nhìn vào gương mặt em thêm một giây nữa. Tôi ôm lấy gương mặt em và giấu vào ngực tôi. Quanh tôi và em vẫn những gân lá xanh mỡ màng. Vẫn một con thằn lằn thiêm thiếp dưới ánh trăng trên một cành duối nhỏ. Vẫn tiếng chó sủa trong trăng mờ màng và trong vắng.

Bỗng cả hai chúng tôi giật mình, hoảng hốt buông nhau ra khi nghe tiếng sột soạt trong khoảng tối ven chân bờ rào. Cả hai chúng tôi như ngừng thở nhìn về phía chân rào nơi có tiếng động phát ra từ đó. Chúng tôi mong đợi sau tiếng động là một con chuột sẽ chạy ra. Nó sẽ ngược đôi mắt lóng lánh như hai hạt đậu đen ngâm nước nhìn chúng tôi. Chúng tôi đợi mãi vẫn không thấy gì. Cả hai cảm thấy hoảng sợ.

– Sao con chuột không chạy ra như lần trước nhỉ - Em sốt ruột hỏi.

– Chắc nó mãi ăn duối chín rụng - Tôi an ủi cho em đỡ sợ. Nhưng thực ra tôi cũng mong sau tiếng sột soạt là con chuột chạy ra trong tiếng thở phào kín đáo của cả tôi và em.

Sáng hôm sau ông hiệu trưởng lại gọi tôi lên. Ông cảnh cáo tôi vẫn cố tình tiếp tục vi phạm tội lỗi. Tôi biết đâu rằng mỗi bước đi của tôi trong đêm đều có người theo dõi. Bây giờ hầu hết giáo viên trong trường xa lánh tôi. Các em học sinh nhìn tôi ngơ vực, khinh bỉ. Những người dân nơi tôi dạy học trước kia gần gũi tôi bao nhiêu thì bây giờ họ lại nhìn tôi như nhìn một con thú lạc từ rừng về. Tôi ốm. Tôi mê sảng. Trong cơn mê đầu buồn, tôi thấy em đến bên tôi ngát hương nắm bưởi. Rồi sau này tôi cũng biết được kẻ từng theo dõi tôi và đã báo cáo với hiệu trưởng về chuyện tôi và em. Anh ta là giáo viên văn cùng trường.

– Anh là kẻ đê tiện - Tôi đã nói như gầm với anh ta trước cửa một lớp học sau giờ tan trường.

– Không, tôi không đê tiện - Anh ta nói từng tiếng một.

– Không à, anh là một thằng vô lương tâm - Tôi nghiêng răng bước đến sát mặt anh ta.

– Tôi không vô lương tâm. Anh không hiểu tôi - Anh ta run rẩy, những sợi tóc quăn rũ rượi trên trán - Tôi đã vì anh. Tôi muốn bảo vệ danh dự của anh, bảo vệ tương lai của anh.

– Câm đi. Tao không chịu được những lời lẽ giả dối của mày.

– Anh không được đánh tôi - Anh ta tựa vào tường hỗn hển - Anh là một giáo viên giỏi. Các giáo viên trong trường quý trọng anh. Học sinh yêu mến anh. Anh không được sa ngã. Tôi... tôi không muốn anh sa ngã vào chuyện yêu đương bất chính.

Những câu cuối cùng anh ta nói như gào lên. Mồ hôi đầm đìa trên bộ mặt tái nhợt của anh ta. Sau những câu nói đó, tôi nhìn anh ta rất lâu. Tôi thấy thương hại và nhục nhã thay cho anh ta. Và tôi hiểu ra một điều gì đấy. Tôi buồn bã bỏ đi.

Rồi trắng lại đến.

Trời ơi!

Sao tôi không từ bỏ được hành động của mình. Tôi lại ngửa mặt nhìn trăng. Và trong khoảnh khắc trước khi tôi vội vã gục mặt xuống thì trăng đã chảy giàn giữa mặt tôi. Khi tôi chưa kịp quay gót chạy trốn vào bóng tối thì âm thanh quen thuộc nhưng bí ẩn như tiếng

chuông thần lại ngân lên. Tâm trí tôi mê mẩn. Tôi ngã vào dòng âm thanh ấy.

Và đến một ngày tôi quyết định bỏ trốn lên sống ở một hang núi tôi đã phát hiện từ mấy tháng trước trong lúc tôi đi chăn bò. Tôi hy vọng nơi cuối hang sâu kia tôi sẽ thoát được ánh trắng, thứ ánh sáng mà trong suốt thời gian qua tôi mong đợi và kinh sợ. Tôi vội vã chuẩn bị những thứ cần thiết cho cuộc sống dài ngày ở chốn hang sâu lưng chừng núi. Tôi sẽ quên dần ánh trắng và âm thanh kỳ diệu của nó. Thần kinh tôi sẽ dần dần hồi phục, tôi sẽ trở lại bụi giảng thân yêu của tôi.

Tôi đã tìm đến ngách hang sâu nhất mà không một tia sáng nào có thể lọt vào. Tôi sống như người rùng. Đêm đến tôi sống với ánh trắng trong ký ức. Tôi dựa vào vách hang đá như một kẻ lên cơn nghiện thuốc phiện. Tôi khóc. Nước mắt len lõi trong đám râu tóc hôi hám của tôi như nước chảy trong đám cỏ rối. Tôi tự tra hỏi lương tâm tôi và tự trả lời. Tôi kết tội tôi và bào chữa cho tôi. Tôi cố gắng lý giải xem trong ánh trắng chứa đựng tổ chất gì. Trong suốt những năm tháng học ở nhà trường tôi chưa thấy ai giảng về điều này. Con người không giải thích được hay cố tình không giải thích. Và, cái âm thanh “mang... mang” kia là thứ ngôn ngữ gì mà vừa gần gũi vừa linh thiêng đến thế.

Và lúc này đây, tôi đang thở những hơi thở cuối cùng trong hang đá tối tăm, lạnh lẽo. Linh cảm đã mách bảo tôi điều đó. Tôi quờ tay lên vách đá, hơi đá tỏa ra cho tôi biết lúc này đêm đã khuya. Tôi sắp từ giã cuộc đời rồi, em ơi. Tôi không thể trở về để nhìn thấy em được nữa. Tôi thèm khát được đi trong những đêm trăng, hít thở được hương thơm của nắm bưởi em gội tóc. Em đừng sợ hương thơm ấy nhé. Em hãy gội tóc bằng thứ nước ấy kể cả những ngày không còn tôi trên mặt đất này nữa. Em ơi, có nghe thấy lời tôi không? Em có còn khóc một mình khi thấy trăng khuya lùa qua từng song cửa sổ nữa không?

Đêm nay trời có trăng không? Tôi không biết. Tôi không còn nhớ được ngày tháng nữa. Bây giờ tôi đang bò ra cửa hang. Tôi bò như một con thú đi ăn đêm bị thương.

Cửa hang đã hiện ra mờ mờ. Có lẽ ánh trăng.

Tôi bò, tôi bò...

Khi tôi nhoài được người ra phía ngoài cửa hang thì tôi gặp trăng. Tôi run lên sung sướng. Trăng thật gần gũi mà xa vời. Giản dị mà bí hiểm. Và với hành động bản năng, trong tư thế bò, tôi ngửa mặt lên nhìn trăng. Tôi khóc. Tôi như con thú bị thương ngửa mặt lên trời rống thảm thiết. Ánh trăng len lỏi vào từng chân tóc hôi hám của tôi. Lặng lẽ ngấm vào da thịt tôi như nước thấm vào chân cỏ.

Một lát sau tôi mỉm cười nằm xuống. Tôi xoay người ngửa mặt nhìn trăng. Tôi nằm thanh thản trong ánh trăng tràn ngập không gian như chú bóng nhỏ nằm trong dòng suối đầu nguồn trong vắt. Tôi sẽ quờ đôi tay như hai vây cá mỏng. Tôi nhận thấy da thịt tôi đang tan đi từng lớp mỏng. Tôi sẽ nằm lại đây mãi mãi. Xương cốt tôi sẽ xếp trên đất như trò chơi xếp que của trẻ nhỏ. Và đêm đêm, trăng sẽ thông thả rót thứ ánh sáng kỳ diệu ấy vào từng ống xương tôi, như người ta rót rượu đổ vào từng chiếc sừng trâu trong những ngày lễ hội. Nghĩ đến đó lòng tôi sung sướng lạ lùng.

Tôi thầm kêu lên khe khẽ. Hình như tôi gọi tên em. Hình như tôi gọi vàng trăng. Hơi thở cuối cùng mỏng như một đôi cánh bay ra khỏi ngực tôi. Nó tan vào trong tiếng trăng lung linh dào dạt: “Mang... mang... mang...”.

Cơn mơ hoa cỏ trắng

Khoảng dăm năm trở lại đây, sức khỏe của ông Cầm hình như xuống đến mức cuối cùng. Mỗi năm, khi mùa đông đến, ông ít nói hơn, cứ vào đợt gió lạnh đầu tiên thổi qua làng, là ngay đêm ấy ông lại đốt một đồng củi nhỏ trong bếp. Ông trải chiếc chiếu nhỏ trước ngọn lửa ngồi uống rượu. Ông uống cả đêm cũng không hết cái bình rượu bé như củ khoai lang. Ông vừa uống rượu, vừa mỉm cười một mình và đôi mắt già nua ngây ngất trước ngọn lửa.

“Năm nay là ông qui tiên đấy” - Ông nói thì thào với mấy đứa cháu gái ngồi quanh ông. Câu nói của ông về cái chết mà nghe vừa xúc động, thiêng liêng lại vừa náo nức lạ thường.

Nhưng rồi mùa đông khắc nghiệt lại qua đi. Ông Cầm vẫn còn lại trên cuộc đời này vừa khô héo lại vừa đầy sức sống như một cụm cỏ may ven chân đê.

Hàng năm, cứ vào ngày hai mươi chín tháng Chạp, ông lại mặc bộ quần áo lính đã cũ đi ra bến đò làng. Đó là ngày chợ Tía họp phiên Tết. Ông luôn luôn ra bến sớm để đón chuyến đò đầu tiên chở người bên kia sông đi chợ Tết. Ông cứ đứng trong gió lạnh trên bờ, lặng lẽ nhìn những người gồng gánh đi chợ. Cho đến khi bên kia sông không còn bóng người chở đò ông mới quay về.

Nửa thế kỷ trước, ông còn là một chàng trai. Một buổi sớm ông ra bến đò để sang sông có việc. Ông đã gặp một cô gái làng Lai Tảo bên sông. Đó là ngày chợ Tía họp phiên Tết. Màu vàng thẫm của gánh bưởi cô gái mang đến chợ bán đã làm ông chú ý đến cô. Khi mũi đò chạm vào bờ cát, ông nhận rõ cô gái bán bưởi đẹp quá. Chỉ trong khoảnh khắc, gương mặt và cái ngược mắt của cô gái đã làm ông choáng váng. Trong lúc ông đang như người bước hụt thì nghe tiếng ông lái đò gọi: “Này cậu Cầm, đỡ giúp người ta gánh bưởi xuống bến”. Ông giật mình và hấp tấp bước lại mũi đò đỡ gánh cho cô gái. Sau khi lồng đò gánh vào hai thúng bưởi, cô gái quay lại

phía ông nói khẽ: “Cám ơn anh”. Nói xong, cô cất gánh đi lên dốc đê.

Ông Cầm ngồi im lặng bên mạn đò nhìn bóng cô gái đi trên mặt đê. Ông thấy lòng dạ mình chợt trống rỗng vô cùng. Khi đò cập bến bên kia, ông lúng túng nói: “Bác cho cháu quay lại bến làng, cháu không đi nữa”. Ông lái đò nhìn ông: “Ô hay, hôm nay làm sao thế, cậu Cầm”.

Khi đò quay đến bến làng, ông Cầm vội vã đi như chạy lên mặt đê. Ông đứng nhìn theo bóng cô gái lẫn vào những người đi chợ Tết và sương sớm còn đọng mờ trên đê. Và sau những giây phút ngượng ngùng, ông đi như chạy để đuổi theo cô gái.

Khi đuổi kịp cô gái, ông hỗn hển:

“Đưa tôi gánh giúp nào!”

Nghe tiếng ông, cô gái chợt dừng lại, ngạc nhiên:

“Ô, anh! Không, tôi gánh được”.

“Để tôi giúp, gánh buri nặng lắm”.

“Gánh gồng là việc của con gái, anh không quen đâu, đau vai rồi về lại khóc mẹ”.

Cô gái nói và bật cười. Ông Cầm bước sát cô gái, giằng lấy gánh buri, nâng bổng lên khỏi vai cô và đặt vào vai mình bước rướn lên phía trước. Cô gái bước vội theo.

“Ô, để lại cho em”.

Ông Cầm không trả lời, cứ huỳnh huych bước đi. Được một đoạn đê dài, ông đứng lại. Cô gái bước đến trước mặt ông nói khẽ:

“Đưa em gánh cho, anh mệt rồi đấy”.

Ông Cầm im lặng nhìn cô. Cô gái khẽ kéo tấm khăn vuông che mặt, chỉ còn lại đôi mắt. Đôi mắt mở to, đen láy làm ông thấy tức ngực.

Đến chợ, ông Cầm nói:

“Cho tôi ở lại đây bán buri giúp em”.

“Không được đâu - cô gái kêu khẽ - Anh mà ngồi lại đây em không bán được buri, về thầy em đánh chết”.

“Không ai mua thì tôi mua cả gánh”.

“Không, anh đi đi, em cảm ơn anh”.

Cả buổi chợ Tết năm ấy, ông Cầm cứ luẩn quẩn gần nơi cô gái bán bưởi. Ông sợ cô biến mất trong đám người đi chợ Tết kìn kìn kia. Sau khi bán hết gánh bưởi, cô gái đi sắm Tết. Ông Cầm lặng lẽ theo sau cô. Khi thấy cô mua ba chục cái kẹo vùng và bọc bằng lá chuối khô rất cẩn thận, ông hỏi:

“Em mua kẹo vùng cho ai thế?”

Cô gái nhìn ông, cười và nói:

“Em mua cho các cháu nhà em”.

“Em có con rồi à?”

Lúc đó mặt ông nhìn thật tội nghiệp và thất vọng. Cô gái nhìn ông và khẽ nói:

“Em nói hỗn thế thôi, em mua cho thầy em. Đón giao thừa, thầy em thích ăn kẹo vùng và uống trà ướp hoa bưởi”.

Sau buổi chợ ông Cầm quyết định theo cô gái sang sông về nhà cô. mấy lần cô quay lại quây quây đuổi ông, ông Cầm không hề nói năng gì cứ lầm lũi bước theo. Dọc con đường nhỏ từ bến sông về làng cô, cỏ lên mầm tỏa hương ngát và có rất nhiều những bông hoa dại li ti nở trắng.

Đến đầu làng Lai Tảo, cô gái quay lại nói:

“Đến làng em rồi, anh phải về đi. Nếu anh theo em về nhà, thầy em sẽ mắng em chết, và dân làng họ cười cho”.

“Anh làm gì mà họ cười?”

“Anh phải quay về đi. Phiên chợ mồng ba em sẽ gặp anh”.

“Thế nhà em còn bưởi không?”

“Dạ, cũng còn”.

“Vậy thì anh đến nhà em để mua bưởi”.

“Nhưng em không bán”.

“Bán hay không là do thầy em. Anh đến hỏi thầy em cơ mà”.

“Em mặc kệ anh đấy”.

Cô gái nói và quay người bước đi. Ông Cầm theo sau:

“Em tên là gì nhỉ?”

Cô gái không trả lời và như bước đi nhanh hơn.

“Em tên là gì nhỉ?”

Cô gái quay lại, tỏ ra giận dữ, nhìn ông một lát:

“Tên em là Thìn”.

“Tên anh là Cầm”.

Sau ngày ấy, ông Cầm cứ đôi ba ngày lại sang thăm Thìn. Và họ yêu nhau. Rồi họ hàng nhà ông đem trâu cau sang sông ăn hỏi cho ông. Đó là một ngày tháng Mười nắng rực rỡ. Họ đi như một đôi chim cu cườm lang thang trên cánh đồng làng vừa xong vụ gặt. Họ vơ những cọng rạ sót lại trên ruộng vun thành đống và đốt. Ngọn khói xanh loang chậm chậm trên cánh đồng vắng lặng buổi chiều. Ông Cầm ngồi lặng, ngắm người yêu. Thìn chỉ mặc một chiếc áo cánh nâu có nhiều mảnh vá, nhưng đôi mắt cô đẹp như đôi mắt thiên thần. Họ mơ đến ngày làm lễ cưới.

Nhưng trước ngày cưới thì ông Cầm bị bắt vì tội tham gia hoạt động cách mạng. Ông bị đày đi tù. Trước khởi nghĩa năm 1945, ông vượt ngục và tiếp tục tham gia cách mạng. Cho tới năm 1954 ông mới trở về làng.

Vừa nhìn thấy con trai trở về, ông Đồ Thi, cha ông Cầm run rẩy cầm lấy tay con và khóc:

“Cầm ơi! Cái Thìn vợ con chết rồi”.

Ông Cầm lặng người hồi lâu. Rồi ông bỗng giật bắn người, nấc lên.

“Ai giết cô ấy? Ai giết vợ con? Hờ thầy?”

“Nạn đói nó giết vợ con - Ông Đồ Thi mếu máo - Vợ con đi mò hén ngoài sông. Khi mang được giỏ hén lên đến bờ thì cảm chết ngay ở đó, con ơi”.

Ông Cầm chạy ra bờ sông. Ông lội ào qua sông gọi Thìn. Ông chạy ra cánh đồng, điên dại dứt tung những gì ông gặp. Tết năm ấy, vào phiên chợ, ông ra sông sớm để đón chuyến đò đầu tiên chở

những người bên kia sông đi chợ. Rồi ngày đó, ông tha thân quanh chợ cho đến khi chợ không còn một bóng người. Ông điên dại, đốt cháy khu lều chợ rồi trở về đơn vị. Sau đó ông ghé về làng, lấy vợ theo ước vọng của bố mẹ. Năm 1975 ông phục viên trở về làng.

Càng cuối đời, ông Cầm sống như một người mộng du. Tháng Mười sau vụ gặt, ông hay tha thân trên đồng, lặng lẽ quơ rạ khô, vun lại thành đống và đốt. Ông ngồi im lặng trước đống tàn tro gió từng đợt thổi tung lên, cho đến khi bóng tối trùm kín cánh đồng mới chống gậy về nhà.

Và hàng năm, cứ đến dịp chợ Tía họp phiên Tết vào ngày hai mươi chín tháng Chạp, ông dậy từ sớm chống gậy ra bến đò. Ông đứng ở bến đò nhìn những người bên sông đi chợ Tết. Và mỗi khi gặp ai đó gánh bưởi Tết đi bán, ông lại nở một nụ cười ngơ ngác và hỏi:

“Bưởi nhà Thìn đấy à?”

“Thìn nào?” - Những người sang đò hỏi to. Nhưng khi họ nhìn thấy gương mặt ông ngơ ngác, xa xăm với nụ cười trẻ con thì họ vội vàng nói: “À, vâng, bưởi nhà Thìn đấy cụ ạ?”

Đêm ấy, ông Cầm lại đốt củi trong bếp. Trải chiếu ngồi trước lửa và uống rượu. Chừng một, hai giờ sáng ông mới đi nằm. Và những đêm như thế, cứ đặt lưng một lúc là ông lại mơ. Ông mơ thấy ngày cưới của ông. Ông thấy ông trai trẻ đi cùng Thìn trên con đường của cánh đồng nở đầy một thứ hoa cỏ trắng mà ông chưa gặp bao giờ. Họ đi như trôi trên cỏ. Quanh họ, hoa cỏ trắng bay mờ mịt. Và sớm hôm sau, ông lại gọi lũ cháu đến và thì thào.

“Này các cháu, đêm qua ông cưới vợ đấy.”

Lũ cháu nhỏ nhìn ông và nhìn nhau ngơ ngác. Rồi chúng bỗng bỏ ông chạy ra sân, thì thầm vào tai nhau rồi cười như nắc nẻ.

Còn ông ngồi im lặng trong nhà và ngơ ngác nhoèn miệng cười. Ông lại sống qua một mùa đông giá lạnh nữa.

Lạc loài

Hàng ngày, vào lúc năm rưỡi chiều thì xe ông Thuấn về đến nhà. Xe dừng lại trước cánh cửa sắt sơn xanh và thúc ba hồi còi. Chỉ sau một phút cánh cửa rít lên, nặng nề mở. Chiếc Lada màu sữa từ từ trườn vào sân. Người mở cửa là một bà già tóc bạc gần hết, nhưng chân tay vẫn còn nhanh nhẹn và khỏe mạnh. Anh lái xe đã quá quen với bà, nên cũng chẳng chào hỏi gì, cứ lẳng lặng đánh xe vào, rồi lẳng lặng cho xe ra. Sau khi đã khóa cổng bằng chiếc khóa to như nửa viên gạch, bà đi vào chiếc phòng nhỏ của mình ở nhà dưới cạnh một chuồng thỏ lớn và cái cũi nuôi hai con chó Đức, ước chừng đều nửa tạ một con. Phòng bà ở bây giờ trước kia là nơi để chứa những thứ tạp nham như: xoong nồi hỏng, bàn ghế gãy, những chiếc khung xe đạp hoen rỉ và những đôi giày đủ kiểu đã cũ. Mấy năm nay nó được dùng cho người ở. Bà già là người ở thứ ba của gia đình ông Thuấn. Gọi là người ở thôi, chứ không phải người ở như ngày xưa cho địa chủ. Bà đã ở cho ông Thuấn được hai năm rồi. Trước đó bà đi giúp việc cho nhiều gia đình và làm những công việc khác nhau như nấu nướng, giặt giũ, quét dọn và trông trẻ con. Gần hai năm trước, bà trông con cho một đôi vợ chồng trẻ. Sau đó cả gia đình chuyển vào Sài Gòn. Họ nằng nặc đòi bà đi cùng, nhưng bà không nghe. Buổi chiều đưa tiễn đôi vợ chồng trẻ cùng hai đứa con của họ ra ga, chị vợ ôm lấy bà khóc. Hai đứa trẻ không chịu rời bà nửa bước cho đến khi tàu chạy. Trước khi nhảy lên tàu, anh chồng ôm lấy cánh tay bà nói: “Bà ơi, vợ chồng con và các cháu mang ơn bà. Sau này, bất cứ lúc nào bà muốn ở với chúng con thì bà nhờ người điện vào, con ra ngay đón bà”. Sau khi gia đình họ đi Nam, bà Thuấn vốn quen biết gia đình vợ chồng trẻ, thấy bà nhân hậu, sạch sẽ lại vẫn còn khỏe mạnh thì muốn bà về ở nhà mình. Bà đồng ý ngay. Bà chẳng có mong ước gì hơn. Bà đã đi ở như thế gần trọn cuộc đời. Hơn nữa, bà muốn sống để mà chờ đợi. Một sự chờ đợi da diết và khổ đau kéo dài suốt mấy chục năm nay trong máu thịt bà.

Về ở nhà ông Thuấn, bà vẫn giữ thói quen như những ngày trước. Bà dậy rất sớm tha thẩn quét dọn, giặt giũ, đun nước và mua đồ ăn sáng cho gia đình. Khi vợ chồng ông Thuấn và cậu con trai tỉnh dậy thì mọi góc ngách trong nhà ngoài vườn đều sạch sẽ và các phích nước nóng đã được đổ đầy. Bảy giờ xe đến đón ông Thuấn đi làm. Rồi bà Thuấn và cậu con trai nỏ xe máy đi nốt. Sau khi cho đàn thỏ và hai con chó Đức ăn xong, bà khóa cửa và đi chợ mua sắm, chủ yếu là hoa quả tươi và rau. Chỉ sau một hai tháng bà đã giành được cảm tình với ông bà Thuấn. Bởi vì hai người giúp việc trước đó đã làm cho vợ chồng ông Thuấn nghi ngờ lẫn nhau.

Người ở đầu tiên là một thanh niên hai mươi hai tuổi. Tuy anh ta mới học hết lớp bốn trường làng nhưng khỏe mạnh và được việc. Ông Thuấn luôn tỏ ra quý mến anh. Đi công tác nước ngoài về ông có quà riêng cho anh. Nhưng một hôm ông từ cơ quan về nhà bất thường và bắt gặp bà Thuấn đang nửa nằm nửa ngồi trên chiếc xalông ở phòng khách để anh người ở bóp đùi cho bà. Thấy ông, bà vội nhòem dậy kéo ống quần ngủ đang được vén lên tận bẹn: “Không hiểu chân tay tôi thế nào mà nó đau nhức thế. Tuổi già rồi, cứ động một tý là sợ phát khiếp cả lên. Đang phải nhờ cháu nó...”. Ông Thuấn không nói gì, ngầu mắt nhìn anh người ở rồi đi vào phòng riêng. Từ ngày đó ông kiểm mọi cơ mắng chữi anh và cuối cùng thì tổng cổ anh về quê.

Người thứ hai là cháu gái đồng họ bà Thuấn. Cô lấy chồng ba năm rồi nhưng chẳng chữa đẻ gì và bị chồng bỏ. Bà Thuấn đưa cô từ quê ra để “tìm việc” cho cô. Chỉ sau mấy tháng ở nhà bà Thuấn, được ăn ngon, lại chẳng đồng áng vất vả gì, cô bỗng đỏ da thắm thịt. Khi cô đi chợ phố cũng có mấy tay thanh niên lắg nhắg bám theo tán tỉnh. Ông Thuấn luôn tỏ lòng quan tâm đến cô. Ông thường có cử chỉ quý mến cô cháu gái. Lúc ông vuốt tóc cô, lúc ông xoa vai cô và khen ngợi hay dặn dò điều gì đó. Một chiều chủ nhật, bà Thuấn có việc làm ăn vắng nhà, chỉ còn ông Thuấn và cậu con trai đang nằm nghe nhạc ở tầng trên. Cô cháu gái sau khi quét dọn, xuống buồng tắm. Cậu con trai hé cửa sổ nhìn xuống và thấy ông bố tay cầm chiếc khăn tắm đến bên cửa buồng tắm và gọi: “Này cháu, bác mang cho cháu cái khăn”. Cửa buồng tắm hé mở và ông cũng

chui tọt vào. Mãi sau ông chui ra. Quần áo đầu tóc ông nước chảy ròng ròng. Cậu con trai uất ức kể với bà mẹ. Bà Thuấn gọi ông vào buồng khóc lóc, day nghiêng ông. Sau một phút bối rối ông gắt: “Bà hay thật! Mình là bậc cha chú, mình chăm sóc nó như con. Ở hiền gặp lành. Tốt với nó thì đẹp mặt bà chứ mặt ai nào”. Dù cho ông nói thế nào thì bà Thuấn cũng tổng cổ cô cháu gái về quê sau đó mấy ngày. Bây giờ có người giúp việc mới, ông bà Thuấn đều cảm thấy yên tâm về nhau khi một trong hai người đi vắng.

Bữa ăn hàng ngày, bà Thuấn cho dọn riêng suất trên chiếc giường trong phòng bà. Sau bữa chiều, bà rửa bát đĩa, dọn dẹp và cho chó, thỏ ăn. Công việc thường kết thúc vào lúc chương trình vô tuyến bắt đầu. Trong khi cậu con trai phóng xe máy đi chơi thì ông bà Thuấn ngồi uống nước và xem vô tuyến ở phòng khách. Ở dưới nhà, bà lẩn thẩn đi quanh nhà, miệng lầm rầm như đọc kinh. Đó là lúc bà đang nói chuyện với những người thân đã khuất và đưa em mất tích đã mấy chục năm rồi. Khi chân đã mỏi, lưng đã đau, bà trở về trong căn phòng bé nhỏ của mình. Đêm nào bà cũng nằm thao thức trong bóng tối cho đến khuya khi mà cậu con trai ông bà Thuấn đi chơi về bấm chuông gọi cửa. Những đêm nằm không ngủ, bà thích được nghe tiếng cánh một con gián bay xè xè trong đêm tìm nơi để trứng. Chiếc phòng nhỏ của bà có khá nhiều gián. Thời gian đầu bà rất sợ. Nhưng rồi đêm vắng lặng và buồn bã quá, chẳng biết trò chuyện với ai. Bà đành nằm lắng nghe lũ gián đi ăn đêm. Lâu dần thành quen, bà không những không xua đuổi chúng mà còn cảm thấy vui vui khi có được cảm giác li ti, buồn buồn của những cái gai nhỏ trên chân con gián bò qua bàn chân bà. Gần đây, đêm nào bà cũng mong cho trời chóng sáng để được đi chợ. Vì trên đoạn đường từ nhà đến chợ bà thường gặp Thiện, anh là phóng viên của một tờ báo thành phố. Đêm nào anh cũng thức khuya viết bài, sáng dậy muộn và đi chợ. Anh đi chợ thành thói như người đi dạo. Khi về, anh bước thủng thẳng, một tay xách mớ rau muống còn tay kia cầm một quả trứng hay một bìa đậu. Trên đoạn đường ấy, hai người vui vẻ trò chuyện cùng nhau. Anh đi bên bà và cười nói như một đứa trẻ lên năm.

Trong giờ làm việc, cậu con trai ông bà Thuần hay bỏ cơ quan cưỡi xe máy phát phơ phở xá. Vì thế đôi lần cậu thấy bà vui vẻ trò chuyện với anh nhà báo cùng phố. Cậu kể chuyện với bố mẹ. Ông Thuần cho gọi bà vợ vào buồng và nói: “Bà là bà phải cảnh giác, chứ cứ để bà già dưới nhà nói chuyện với thằng nhà báo lắm rồi thì có ngày lắm chuyện”. “Ồi dào, nó ở phố mình ấy mà”. “Phố nào thì phố, khối tay chẳng chết vì chúng nó ấy à”.

Một lần đi chợ về, Thiện hỏi thăm gia đình bà. Bà định nói dối anh. Nhưng bà lại thấy không nỡ nói dối một thanh niên đáng tuổi cháu mình. Hơn nữa, anh là một người nhân hậu và đức độ. Bà tin như thế bởi bà nhìn thấy cái miệng anh cười. Người có nụ cười như thế có chết cũng chẳng dám làm điều ác. Bà kể cho Thiện nghe về gia đình bà, đặc biệt là đứa em trai bà mất tích đã mấy chục năm nay. Nghe xong Thiện nắm chặt lấy tay và hỏi dồn: “Mất tích ở đâu? Như thế nào? Bác kể cho cháu nghe. May ra...”. “Anh bảo may ra làm sao”. “Đã mấy chục năm rồi” - Bà nói rưng rưng. “Bà ơi, bây giờ đài phát thanh truyền hình và báo chí họ mở mục nhấn tin. Bao nhiêu người tìm thấy nhau sau hàng mấy chục năm đấy bà ạ”. “Thật thế ư? Nào tôi có biết gì”. “Cháu làm báo, bà cứ kể cho cháu nghe thật tỉ mỉ, cháu sẽ giúp bà trên mục nhấn tin ấy, may ra...”. Ánh mắt Thiện sáng lên niềm vui. Bà nhìn vào đôi mắt anh mà muốn khóc và cảm thấy như chỉ chớp mắt thôi là đứa em bà thuở xưa hiện về. Bà đặt làn rau xuống cạnh gốc cây xà cừ và kể cho Thiện nghe về cảnh ngộ của bà.

Đó là nạn đói năm 1945 khủng khiếp. Bố mẹ bà chết đói để lại hai chị em bà. Năm đó bà khoảng mười lăm tuổi và đứa em trai tuổi độ lên mười. Hàng ngày bà dắt em đi xin ăn, đêm gặp đâu thì ngủ đấy. Một ngày hai chị em bà đi qua một cái chợ quê. Đứa em bà đói là không thể đi được nữa. Bà đặt em nằm dưới gốc cây đa đầu chợ. Còn bà đi vào chợ để xin ăn cho em. Chợ quê năm đó như bãi tha ma ngổn ngang người chết và người chờ chết. Đi mấy vòng chợ bà cũng không kiếm được một chút gì cho em. Cuối cùng bà liều cướp một quả ổi còn xanh và bị đánh ngất xỉu. Khi tỉnh dậy bà hoảng hốt tìm em, nhưng không thấy. Bà gào khóc thảm thiết và ngất lịm đi trong cơn đói man dại và lòng thương nhớ đứa em. Và thế là trong

suốt bao năm bà lang thang làm thuê, ở mướn với hy vọng tìm lại đứa em máu mủ của mình. Mấy năm gần đây thì bà không còn hy vọng gì nữa, vì thời gian đã quá lâu và bà mỗi ngày một già yếu. Bây giờ gặp Thiện lòng bà lại lóe lên hy vọng. Đêm đêm bà thao thức không sao ngủ được. Bà hồi hộp đợi một tiếng gõ cửa và đứa em trai mình đầy ghẻ lở xưa kia tìm về. Bây giờ một chiếc lá rụng ngoài sân, một tiếng cánh gián bay trong đêm, một tiếng nháy của con thỏ trong chuồng cũng làm bà giật mình đến choáng váng, nhưng bà cũng cảm thấy hơi thở yếu đuối của bà đôi khi nghẹn lại. Và ngay cả những lúc còn thức bà cũng nghe thấy mơ hồ có ai đó gọi mình. Tiếng gọi òa qua khu vườn như một cơn gió lạ, rồi lan xa về những cánh đồng ngoại ô xanh cỏ. Nhiều đêm đang ngủ bà vùng dậy, hoảng hốt thầm gọi: “Tèo ơi! Em ơi!” Sau đó bà cảm thấy rằng, nếu đến khi gà gáy canh năm đêm nay mà đứa em của bà không về, bà sẽ không bao giờ trở dậy nữa.

Vào một đêm khi đợt gió mùa đông bắc đầu tiên tràn về thành phố, bà không bao giờ ngồi dậy được nữa. Buổi sớm hôm sau, như thường lệ, ông Thuấn dậy và tìm phích nước nóng pha trà sen. Khi sờ đến những phích nước đã nguội ông giận dữ gắt ầm lên: “Bà Thuấn đâu? Xuống dưới nhà xem nước sôi thế nào. Đến bây giờ mà chẳng có giọt nước nào để uống”. Bà Thuấn mặc váy ngủ xuống nhà, một lát sau bà hoảng hốt chạy lên. “Ồi giờ ơi! ông ơi, là ông”. “Cái gì? Cái bà này làm gì mà, mà...”. “Bà, bà ta... chết rồi”. “Chết rồi! Thật không?”. “Còn thật giả gì nữa. Làm thế nào bây giờ ông ơi là ông”. “Im, im, im... Im cái mồm ngay, làm toáng lên lại hỏng hết việc bây giờ”. Ông Thuấn rút lên và đè vai bà Thuấn ngồi xuống xalông. Ông vừa đi quanh phòng khách vừa bóp trán. Bỗng ông chột reo lên: “Thế này, thế này. Xuyt! Nghe tôi nói đây. Bây giờ hàng phố họ biết chuyện thì họ ỉa vào mặt mình, và cái thằng nhà báo nó dựa vào đấy nó viết láo viết toét thì khốn nạn. Bà già này không có họ hàng, con cái gì cả. Nên tôi tính thế này, bí mật gọi một thằng xích lô, tổng cho nó đầy mồm vào rồi sai nó mang xác bà ta đến một bệnh viện nào xa xa, rồi bảo nó nói là thấy bà ta cảm ngã ở góc phố, bên xe nào đấy nhờ bệnh viện lo giúp. Đúng không? Chứ để hàng phố biết thì mình phải làm tang ma, tốn kém chứ bà, mà còn bao

nhieu nghi ngờ nữa chứ. Còn sau này có ai hỏi, ta nói bà ấy xin về quê rồi. Xong chuyện. Đấy, đấy bà thấy tôi tính kín kẽ không”.

“Tôi, tôi hiểu, nhưng sợ quá”. “Sợ cái con khi”. “Bây giờ bà xuống dưới nhà đắp cho bà ta cái chăn như là đang ngủ ấy. Rồi gọi thằng Vương lên đây tôi phải dặn dò nó, chứ không thì...”

Đêm ấy vào lúc phố xá vắng tanh, một chiếc xích lô được kéo vào sân nhà ông bà Thuấn. Sau khi đặt bà già ngồi ngay ngắn vào lòng xe, gã xích lô xoa xoa hai tay và nói: “Bà chị cho em xin tiền”. “Tôi đãi anh năm chục”. Bà Thuấn đưa tiền và nói. “Thưa bà chị, cho em xin năm trăm ạ”. “Năm trăm! Anh cắt cổ tôi đấy à? Làm gì thì cũng phải có trước có sau chứ”. “Nếu bà chị không đồng ý thì em quảng hàng của bà chị xuống về ngủ cho khỏe”. “Giời ơi! Ông Thuấn rít lên - Đưa cho nó, cò kè cái con, con... gì nữa. Đồ ngu”. Bà Thuấn lầu bầu gì đó trong mồm và lên nhà lấy tiền trả gã xích lô. Sau khi đếm đủ số tiền, gã nhe răng cười. “Cẩn thận nhé, giữ mồm hộ đấy”. Bà Thuấn thì thảo dặn gã. “Bà chị yên chí. Phi vụ này đã là quái gì với thằng này”. Vừa nói gã vừa huýt một điệu sáo mồm và đẩy xe ra cửa.

Một buổi tối, sau một tuần bà già mất. Ông Thuấn ngồi uống trà và xem báo trong phòng khách. Ông có cái thú xem các mục rao vặt. Khi ông lướt mắt qua mục “Nhắn tin” thì ông bất chợt gặp địa chỉ nhà ông. (Khi bà già còn sống, Thiện đăng báo mục nhắn tin tìm đứa em của bà. Bà lấy địa chỉ nhà ông bà Thuấn vì bà đang ở đó, hơn nữa mấy chục năm nay bà làm gì có nhà cửa riêng). Ông Thuấn vội vàng đọc mục nhắn tin ấy. Đôi mắt ông cứ to dần, to dần cho đến khi hai con mắt sau cặp kính lão tròn xoe như hai con mắt cá. Gương mặt ông tái đi như mào gà bị cắt tiết. Cả tấm thân to béo của ông run lên bần bật. “Đúng rồi, trời ơi!”. Ông hét lên và ngã vật xuống đất. Hai bên mép ông bọt sùi trắng như bọt xà phòng. Chân tay ông co quắp. Mắt ông mờ đục. Quanh ông cảnh vật quay tít. Ông nghe tiếng gió rít. Tiếng gió của mùa đông năm 1945 trên con đường đầy cỏ của một miền quê xa xôi xác xơ, đầy âm khí của những người chết đói. Trên con đường ấy có một cô bé bần thủ, gầy như que củi. Cô cũng trên lưng đứa em ruột đói lả, mình đầy ghẻ lở. Thỉnh thoảng cô ngoái lại thều thào: “Tèo ơi! Em ơi!”.

Người đi chợ Vùng

Khi Cân được đưa từ nhà hộ sinh xã về thì khoảng trời trước sân nhà nó có một đám mây con bằng nắm tay. Đám mây trắng nõn, bông bênh như một búp bông gạo. Ông Bốn, người già nhất họ, ngửa mặt nhìn đám mây hồi lâu rồi bước vào nhà đốt ba nén hương cắm lên bàn thờ và vái ba vái. Thằng bé được bọc trong một đồng tã lót rách tướp và cáu bần. Nó cất tiếng khóc là lạ.

Rồi đám mây lớn dần lên. Nó lẫn vào những đám mây lớn đang nặng nề trôi. Buổi chiều hôm đó mây ùn kín cánh đồng và mưa đổ xuống như trút cùng những chùm sấm rền rĩ. Thằng Cân lớn lên như những đứa trẻ trong làng, nhưng tính nết nó thật lạ lùng. Khi nó năm tuổi, vào những đêm hè oi bức, nó thường mặc chiếc quần đùi cũ của bố nó ra đầu ngõ đứng một mình. Nó thích nhìn chớp đêm giật sáng ở cõi trời xa. “Cân, về đi, đứng đây muỗi đốt chết à” - Mẹ nó gọi. “Con xem người ta đánh lửa”. “Lửa ở đâu mà xem”. “Ngoài đồng đấy”, nó nói và chỉ về phía chớp đêm. “Ngu ơì là ngu, chớp đấy”, mẹ nó cười. “Chớp à, thế ai ở với chớp?”. “Chớp là chớp chứ ai ở với chớp”. “Con thích chớp”. “Thích chớp, dở hơi. Về đi ma nó cắn máu tre bây giờ”. “Ma nhà ai, hờ mẹ?” “Ma là ma chứ ma nhà ai”. “Thế ma không có nhà à?”. “Nhà ở ngoài đồng”. “Con ra đấy nhé”. “Về!”, mẹ nó quát to và ra lôi nó xềnh xệch về nhà.

Năm mười tuổi, mẹ nó mua cho nó một cái dậm. Sau những giờ tan lớp nó vác dậm ra đồng. Lúc nào trở về nó cũng mang theo một giỏ cá. Người làng gọi nó là ma cá. Một chiều nó vác dậm về và tay ôm khư khư một bọc vải ướt sũng. Mẹ nó hỏi: “Ôm cái gì thế kia”. “Người”, nó lẳng lặng đáp.

“Người?”. Bà mẹ tròn mắt nhìn nó. “Mày cứ như bị ma ám, nhặt quần áo rách của ai thì mang mà vứt đi”. Nó nói “Đã bảo người mà mẹ cứ hỏi”. Nói xong nó bước vào bếp lấy cái nia đặt giữa sân, đặt bọc vải xuống và từ từ mở ra. Mẹ nó kêu rú lên, ngã vật xuống sân. Bố nó ngoài vườn cuống cuống chạy vào. Người thật. Một hài nhi

thâm xỉ. Đó là một đứa trẻ hoang mới để được bọc bằng một tấm áo cũ và bị vứt xuống đầm cuối làng. Nó nhìn mẹ nó kêu khóc và nhìn đứa trẻ. Rồi nó bọc đứa trẻ lại và ôm bọc vãi ra khỏi nhà đi về phía bờ sông. Nó chôn đứa bé dưới gốc cây dừa dại như nó đã từng chôn một con bướm hay một con chuồn chuồn bị chết. Và những ngày sau vào những đêm có chớp, nó lại ra ngõ nhìn về cõi trời xa. Đom đóm bay nhùng nhằng trên mặt ao bèo. Cháo chuộc kêu ra rả. Nó đi ra đê. Khuya mới về, nằm trên chiếc chõng tre. Mắt nó mở to.

Mười lăm tuổi, nó chẳng chạc như một thanh niên hai mươi. Theo nó suốt ngày là con bé Thìn hàng xóm. Cô bé Thìn năm đó bảy tuổi, tóc râu ngô, khét lẹt. “Tắm đi chứ, con gái mà hôi như cú”. Cấn nói và lôi cô bé xuống ao. “Em sợ...” Cô bé nói như van. “Sợ tao cho hết sợ”. Cấn nói và quăng cô bé xuống ao. Bọn trẻ trong xóm reo lên: “Hai vợ chồng, chồng vợ hài, bề cảnh gai, cài lỗ đít”. Cấn đỏ mặt. Lúc này nó chợt thấy xấu hổ trước cơ thể của cô bé gái bảy tuổi. Từ đó nó không cho cô bé Thìn đi theo nữa, mặc cô bé đứng ở cửa ngõ khóc gần hết buổi sáng.

Năm mười chín tuổi, bà mẹ chuẩn bị cưới vợ cho Cấn, thì một đêm bà thấy Cấn thu xếp quần áo. Bà ngạc nhiên hỏi:

“Con làm gì thế?”. “Con ra tỉnh làm công nhân”. “Sao mẹ chẳng hiểu thế nào cả”. “Con đi làm chứ đi đâu mà mẹ lo”. “Thế còn chuyện cưới xin, mẹ chuẩn bị coi như xong rồi. Bên nhà người ta cũng thế”. “Con không lấy vợ nữa”. “Thế này là thế nào, hờ giời”, bà mẹ hoảng hốt. “Thế làm sao? Hai đứa có chuyện gì?”. “Con không lấy cô ấy. Con không lấy vợ”. Và suốt đêm đó mặc cho bà mẹ khóc lóc, mắng chửi, Cấn không hề nói nửa lời.

Khi gà gáy canh tư, Cấn rời làng ra đi. Cấn tạt qua gò đất ven sông, nơi chôn đứa bé hoang. Cấn đứng im lặng trong gió lạnh gần sáng. Ghê tởm quá, đau đớn quá. Cấn muốn khóc. Một đêm cách đây dăm hôm, Cấn ra bụi dừa gò sông thăm đứa bé. Cấn căng mắt nhìn, một lúc sau Cấn nhận thấy có hai người đang quần quai ôm nhau và thở hổn hển. “Anh ơi, em...em sợ lắm....” Cấn choáng người khi nhận ra giọng nói quen thuộc. “Doan, anh yêu em, Doan...”. Tai Cấn ù đi, mắt như có ai ném từng vốc tàn lửa vào. “Nhỡ có ai biết thì em chết mất”. Tiếng Doan lại vọng lại chỗ Cấn

ngồi. “Đừng sợ - giọng đàn ông hỏn hển - Đây, bộ quần áo cưới của em anh may cho em đấy, cả... cả quần lót nữa”.

Nghe đến đó, Cấn vùng bỏ chạy. Cấn vấp ngã ở chân đê. Cấn úp mặt vào cỏ và lần đầu tiên kể từ khi Cấn lên năm tuổi đến giờ, Cấn khóc. Người con gái tên Doan kia chính là vợ sắp cưới của Cấn. Còn gã đàn ông là lão thợ may đã có bốn con ở làng. Cấn có biết đâu là vì bộ quần áo cưới mà Doan, một cô gái xinh xắn con một gia đình nghèo, đã phải hiến mình cho gã thợ may ma quái.

Khuya lắm, Cấn mới gượng đứng dậy lần về nhà. Trời đất xung quanh Cấn xoay tít, anh nghe tiếng cười khanh khách từ trên cao, Cấn ngênh lên. Trong ánh trăng trong veo Cấn thấy một đám mây màu bạc cựa quậy như một con sâu. Ngay đêm ấy, ý nghĩ bỏ làng ra đi lóe lên trong đầu Cấn.

Cấn vào làm ở Công ty xây dựng cầu đường của tỉnh. Hàng ngày Cấn xuống nhà bếp ăn cơm rất muộn. Chị nhà bếp có tên là Minh, chiều nào cũng ngồi bên suất cơm cuối cùng chờ Cấn. Chị đã có chồng và hai con. Chồng chị là một người đàn ông già hơn chị ba tuổi, và chị có một thú vui duy nhất là chần lợn nái và nhặt nhanh những mẫu sắt thép vụn cùng gạch vỡ ở công trường, rồi xếp đầy gầm giường và góc nhà.

Chị Minh vừa nhìn Cấn ăn vừa nói chuyện với Cấn. Sau bữa tối rất muộn, Cấn thường ở lại giúp Minh dọn dẹp xoong chảo và đóng cửa kho. Một chiều khi vừa ăn cơm xong thì trời nổi giông bão. Sau chớp mắt, mưa trút xuống khùng khiếp. Từ trong kho, Minh kêu lên: “Ôi chết! Ướt hết gạo rồi”. Cấn nghe tiếng chạy vào. Hai người cùng nhau chuyển gạo, muối lên một cái bệ xi măng cao trong nhà kho. Ngoài trời gió mỗi lúc một mạnh hơn, trời sập tối. Rồi nhanh chóng Minh bỗng bước lại gần Cấn. Bỗng chị ôm lấy Cấn và bật khóc. Hơi nóng từ người Minh bốc ra ngùn ngụt. “Cấn ơi”, Minh nức nở gọi. Hơi thở chị phả nóng mặt Cấn. “Chị khổ và buồn lắm, Cấn có biết không?”. Cấn không nói được gì, cổ họng đắng ngắt. Cấn gật gật đầu. Bỗng Minh kéo đầu Cấn xuống và hôn anh. Cấn thấy mình rơi xuống hun hút. Và từ trái tim Cấn, nỗi đau đớn về Doan gào thét vang lên. Cấn bế xốc Minh lên. Hai người lão đảo ngã vào những bao gạo. Cả ai người cùng khóc.

Những ngày sau Cân vẫn đi ăn cơm muộn như mọi ngày. Mỗi khi bước vào nhà bếp thấy một mình Minh ở đó, cả hai người không kịp nói gì, vội kéo nhau vào kho bếp và vừa hôn nhau vừa khóc. Rồi mọi chuyện cũng bị chồng Minh biết được. Cân bị đuổi khỏi Công ty. Cân trở về quê. Và người đầu tiên Cân gặp ở nhà mình lại là Thìn. Cân sững sờ nhìn Thìn lớn lên nhanh quá và đẹp.

“Bao giờ anh lại đi” - Thìn hỏi.

“Anh không biết đi đâu nữa”. - Cân buồn bã.

“Bác ở nhà buồn và nhớ anh lắm. Anh lấy vợ đi”.

“Lấy ai bây giờ?”

“Chị Doan vẫn chờ anh, chị ấy đẹp lắm”...

“Lấy con lợn cái ấy à?”

“Anh nói gì đấy?” - Thìn mở to mắt nhìn Cân.

“Cô không biết gì hả, ở gốc gạo gò sông ấy...”

“Em không hiểu, không hiểu”, Thìn lắc đầu và bỏ đi xuống bếp. Những ngày Cân đi vắng, Thìn vẫn sang nhà Cân giúp mẹ Cân làm những việc vặt, nhưng chủ yếu là nói chuyện cho bà đỡ buồn. Cân bước xuống bếp và ngồi xuống bên Thìn. Hai người im lặng rất lâu. Cân lặng lẽ ngắm Thìn. Ngày xưa mái tóc Thìn đỏ quạch và chua nồng mồ hôi. Giờ đây mái tóc dài và đen mượt phủ quanh một khuôn mặt con gái vừa mới lớn của cô làm Cân se lòng. Cân đặt bàn tay lên đôi vai nhỏ nhắn của Thìn như hai chiếc đầu cánh của một con chim bé bỏng lạc bão. Một lát sau, Cân thì thầm: “Ngày xưa, anh gội tóc em, anh tắm cho em và bây giờ anh muốn cưới em”. Nghe Cân nói, Thìn khẽ quay lại nhìn anh. Và bất chợt cô đứng dậy bỏ chạy ra ngõ.

Gia đình và họ hàng nhà Thìn đồng ý cho Cân cưới Thìn nhưng lại thách cưới cùng những đòi hỏi khác phải chuẩn bị cho cô dâu trước khi về nhà chồng quá lớn. Trong lúc gần như quẩn trí vì không tìm ra cách gì để có tiền cho việc cưới xin của mình thì Cân được một người bạn cùng làng rủ đi đào vàng ở Hòa Bình. Cân hồ hởi lên đường. Và họ là những người làng Mỗ đầu tiên tham gia vào cuộc truy tìm vàng. Thìn không biết nói gì với Cân, cô chỉ khóc.

Sau nửa năm quần quật ở mỏ vàng. Cân may mắn kiếm được chút vàng cám có thể đủ cho chi tiêu đám cưới của mình.

Nhưng đêm trước khi rời khu đào vàng trở về làng, một bọn trăn lột đã ập vào lều Cân. Một cuộc ẩu đả dữ dội đã nổ ra và Cân đã phạm tội giết người. Cân bị tạm giam chờ kết quả của công an điều tra vụ án. Thìn đã lần tìm đến thăm Cân. Cô gái quê mùa bé bỏng chỉ biết ôm mặt khóc trước người yêu. Trước khi về, cô nói: “Em tin anh. Em không nghi ngờ anh điều gì cả. Em đợi anh, dù thế nào em cũng đợi”.

Mười tháng sau Thìn lên tìm Cân và báo cho anh biết mẹ Cân ốm nặng và có lẽ không qua khỏi. Bà rất muốn nhìn thấy con trai mình. Thìn khóc và nói với người quản lý trại:

“Cháu xin ở lại đây thay anh ấy. Mẹ anh ấy sắp mất, chỉ muốn nhìn thấy mặt con”. Nhưng người quản lý trại cũng không thể giúp Thìn được gì.

Thìn về được dăm hôm thì Cân trốn trại. Cân quyết định về thăm mẹ một ngày rồi quay lại trại. Cân tin cơ quan pháp luật sẽ phân định đúng tội trạng mình.

Khi Cân lần về được đến thị trấn huyện nhà thì đêm đã khuya. Cân đói lả. Cân bước vào một quán ăn đêm còn thức. Chủ quán nhìn Cân nghi ngờ, nhưng vẫn mang cho Cân một bát phở đêm nguội tanh. Ăn xong, Cân ngượng ngập nói:

“Cháu xin lỗi bác, cháu hết tiền, sớm mai, cháu sẽ mang tiền trả bác”.

“Này, đừng có giờ trò xin đều - Lão chủ quán trợn mắt. Không trả tiền không ra khỏi đây được đâu”.

“Cháu xin thề là sớm mai cháu mang trả bác”.

“Tao cần tiền chứ không cần lời thề”.

“Cháu tên là Cân, ở ngay làng Mỗ đây thôi mà”.

“Mỗ với mẽ gì. Đức đâu, cho thằng lừa đảo này một trận”.

Nghe tiếng lão chủ quán, bọn thanh niên đang uống rượu và đánh bạc trong nhà xỏ ra. Chúng gầm gừ quanh Cân.

“Nôn ra, đừng đùa”.

“Thằng này làm đéo gì có tiền mà nôn, cứ cho nó rượu”.

Và không đợi Cân phân bua, cả bọn lao vào đấm đá Cân. Cân ôm đầu bỏ chạy. Chỉ mấy phút sau Cân đã chạy được đến bờ con mương dẫn về làng Mỗ của mình. Và cũng đến đó, bọn đầu gấu đuổi kịp Cân. Chúng quật Cân xuống và đánh Cân bằng tất cả những gì chúng có trong tay. Cân ngất đi. Bọn đầu gấu đẩy Cân xuống lòng mương.

Một lúc sau Cân tỉnh dậy vì gặp nước. Cân lẩy bẩy bò lên mặt bờ mương. Cân gục mặt vào cỏ òa khóc và gọi mẹ. Máu Cân vẫn chảy chan chứa từ những vết thương. Sau gần một tiếng đồng hồ Cân mới bò lên được mặt bờ mương. Cân lão đảo đi về phía làng mình. Nhiều lúc Cân ngã dúi xuống cỏ và ngất đi. Sương đêm đọng trên cỏ và trăng đêm lại làm Cân tỉnh. Cứ như thế, đến khoảng ba giờ sáng Cân về đến bờ đằm cuối làng. Lúc này sức Cân đã kiệt. Cân gắng bò đến chiếc lều vịt cũ, chui vào và ngất đi.

Một lúc sau Cân tỉnh lại, và qua cửa lều Cân nhìn thấy trong trăng một đám mây từ một cõi trời xa bay về. Cân lại ngất đi và mơ. Cân thấy bộ quần áo cưới của Doan mà gã thợ may đã dụ dỗ để chiếm đoạt cô bốc cháy bùng bùng. Cân thấy đứa trẻ hoang bị vớt xuống đầm làng đang bơi lượn như một con cá bóng trong bầu trời bát ngát ánh trăng. Cân thấy Minh tắt thở và đau khổ lao về phía anh. Cân thấy Cân đang tắm cho Thìn. Cân vừa dội từng gáo nước cho cô vừa nói như hát:

“Ngày xưa anh gội tóc cho em, anh tắm cho em và bây giờ anh muốn cưới em”. Cuối cơn mơ Cân nhìn thấy mẹ. Bà đi về phía con trai mình lặng lẽ và run rẩy như từ khi bà được làm mẹ. Bà ôm lấy con trai và nựng: “Lúa làng mình mùa này tốt lắm. Mẹ đã gặt rồi để con về con cưới vợ. Nhưng bây giờ mẹ phải đi, mẹ phải đi...” Nói xong bà bước đi. Cân thấy mẹ mình như bay trong bộ quần áo kỳ lạ. “Mẹ ơi đợi con, mẹ!”.

Cân thét lên và tỉnh dậy. Hình như hơi đất và hương cây cỏ làng Cân cùng với những giọt sương đêm tinh khiết làm cho những vết thương của Cân cầm máu và bớt đau. Cân nhìn về cuối làng và nhận thấy có những lá cờ đuôi nheo và những lá phướn. Cùng đó là

tiếng kèn, tiếng trống mông mênh, dìu dặt. Cấn nhìn thấy mẹ mình đi như lướt trên cỏ và quanh bà là những người lạ. Tất cả họ cười nói ríu rít, môi ăn trầu đỏ bầm và mặc những bộ quần áo lạ lùng. Cấn đứng dậy và chạy về phía đó.

Những người đưa mẹ Cấn về nơi yên nghỉ cuối cùng kêu lên khi nhìn thấy Cấn, rồi tất cả òa khóc. Cấn bước lại bên linh cữu mẹ. Thìn ôm lấy cánh tay Cấn khóc thảm thiết. Cấn lấy chiếc khăn trắng phủ trùm lên đầu Thìn lau nước mắt cho cô. “Đừng khóc con, đừng khóc”. Cấn nghe tiếng mẹ mình thì thào. Cấn ngước nhìn lên, và trong khói hương nghi ngút. Cấn thấy mẹ đang nhìn Cấn. Đôi mắt mẹ ảm áp kỳ lạ. Những người đàn bà kéo tay mẹ Cấn nói: “Đi đi em, kéo muộn mất buổi chợ”. “Mẹ ơi, mẹ đi đâu đấy”, Cấn hỏi. Mẹ Cấn đáp: “Mẹ đi chợ Vùng với các chị bạn, đừng khóc con nhé”. Cấn gật đầu. Bên Cấn là tiếng khóc thảm thiết của Thìn, nhưng Cấn không nghe thấy.

Khi những xèng đất đỏ rào rào lên linh cữu mẹ, Cấn thấy mẹ mỉm cười và nói: “Năm nay lúa làng mình tốt lắm. Mẹ đã gặt hết rồi để con về con cưới vợ”. “Mẹ đi chợ bao giờ mẹ về?”, Cấn hỏi. “Chiều tối mẹ về”. Và lúc đó, trước ngôi mộ của mẹ, lòng Cấn dâng lên một nỗi niềm giống như nỗi đợi chờ mẹ đi về như thuở Cấn còn thơ ấu...

Tiếng gọi cuối mùa đông

Thùy tỉnh giấc lúc gần sáng. Chị nằm yên lặng trong chăn một hồi lâu và nhận ra những cơn gió lạnh thổi vật vã đêm qua đã đi xa. Chắc chúng đã thổi dọc theo sông Đáy và đi ra biển. Trong đêm gần sáng tĩnh lặng, chị nghe mơ hồ như có tiếng ai gọi. Tiếng gọi ấm áp lạ thường. Đã mấy năm rồi, giờ chị mới có một đêm hồi hộp và náo nức đến diệu kỳ. Trong căn phòng của khu tập thể nhà máy tơ tằm còn tối om, bên cạnh hai đứa con nhỏ, hình như chị thấy có ai đó đang ở rất gần chị, phả những hơi thở ấm áp và nồng ngát hương cỏ cây vào chị. “Chẳng có ai cả, sao mình lại mơ mộng như thế nhỉ”. Chị nghĩ và mỉm cười. “Còn sớm lắm” chị đoán vậy và nhắm mắt định ngủ tiếp. Nhưng những hơi thở ấm áp kia cứ lùa vào chị. Chị nghe thấy bằng giác quan có tiếng gọi chị. Tiếng gọi mệnh mang và đầm ấm.

Chị khẽ khàng ngồi dậy, sau khi áp lại chăn cho con. Chị mở cửa bước ra ngoài. “Mùa xuân” chị thốt lên. Trời đã mờ sáng. Những hạt mưa li ti như không có thật tỏa mờ không gian. Chị hít một hơi thật sâu và nghe người nhẹ bồng. Chị thấy có ai đang thở trong lồng ngực của mình. Chị khẽ đặt tay vào ngực. Chị thấy hình như ngực mình bỗng đầy lên, căng tròn và rực nóng.

Chị đứng thở một lúc rồi đi ra phía bờ sông. Con sông Đáy trong mưa bụi và sương sớm trông như một dòng sữa. Những ngọn cỏ trên đê sông cọ vào cổ chân chị mát lạnh. Chị ngửa mặt lên trời. Mưa khẽ khàng đậu mơ hồ lên da thịt chị. Chị run lên. Tất cả những vất vả, dằn vặt và lo âu trong lòng chị chợt tan đi. Chị đứng lặng trên mặt đê nhìn sang bờ bên kia. Trong những lùm cây xanh thẫm đã le lói ánh lửa. Những ngọn lửa bên kia quen thuộc với chị biết chừng nào. “Tết lại sắp đến rồi”, chị nghĩ và chợt như muốn khóc.

Trời sáng dần. Chị đã nhìn rõ lối mòn quen thuộc từ một ngôi nhà nhỏ bên bờ sông chạy xuống bến nước. Chính con đường nhỏ ấy đã dẫn chị đến hạnh phúc và cả khổ đau.

Quê chị ở một làng quan họ ven thị xã Bắc Ninh. Học xong phổ thông, chị thi vào trường Đại học Nông nghiệp. Ra trường chị về công tác ở Sở Nông nghiệp của một tỉnh khác. Và cuối cùng chị về làm việc ở bến sông này trong khu nhà máy tơ tằm. Với chị làm ở đâu cũng được. Chị yêu công việc, và chị luôn nghĩ: “Ở đâu có con người thì đều có niềm vui trong cuộc sống cả”. Khi đến nhận công tác ở nhà máy tơ tằm, chị vô cùng hạnh phúc. Chị ngỡ ngàng trước thiên nhiên đầy thơ mộng và yên tĩnh ở đây. Những bãi dâu bát ngát. Một dãy núi tím xa xa. Một con sông đầy quyến rũ.

Chiều chiều, sau một ngày làm việc mệt nhọc, chị thường ra bờ sông ngồi và nhìn sang bờ bên kia. Chị say sưa ngắm nhìn những sợi khói xanh bay lên từ những vòm cây um tùm, xanh thẫm. Những đàn trâu trên sông. Những con thuyền lững lờ trôi dọc sông trong sắc chiều tím như những quả dâu chín.

Nhưng có một hình ảnh làm chị xúc động hơn tất cả. Và nếu chiều nào không nhìn thấy thì lòng chị không yên. Đó là bóng một bà mẹ. Chiều chiều chị nhìn thấy bà đi từ ngôi nhà nhỏ theo con đường đỏ phù sa xuống bến. Thường thường bà dắt theo một con trâu. Khi con trâu đã đằm mình xuống sông thì bà giặt giũ hay rửa rau, vo gạo. Trong suốt một thời gian dài chị không thấy ai đỡ đàn bà. “Bà sống một mình à? Hay con cái bà đi làm xa hết?”. Nhiều lần Thùy tự hỏi. Chị bị ám ảnh với những câu hỏi ấy.

Có lần đi công tác xa mấy ngày, khi trở về nhà máy dù đã rất muộn, nhưng chị vẫn chạy ra bờ sông đứng nhìn sang bên kia. Chỉ khi chị nhận ra ánh lửa mà chị tin là từ bếp của bà hắt ra, chị mới yên tâm trở về phòng.

Tự nhiên như có một sợi dây vô hình đã nối chị với bà cụ bên kia sông mà chưa một lần chị biết mặt.

Cho đến một lần, trên con đường nhỏ đỏ màu phù sa kia vắng bóng bà mẹ, chị chờ suốt buổi chiều. Và tối đến chị chạy ra bờ sông để mong tìm thấy ánh lửa quen thuộc. Nhưng không thấy. Chị đi mãi xuống mép sông, mắt căng ra tìm kiếm cho đến khi chân chạm vào nước sông đêm chị mới dừng lại. Những đêm ấy chị lo lắng. “Mẹ ốm

hay mẹ đi thăm con cháu ở đâu xa?” Chị tự hỏi. Nhưng không tin câu trả lời của mình.

Cuối cùng chị quyết định hỏi thăm ông lái đò.

– Bà ấy bị ốm. Cô con gái lớn lấy chồng ở trong Nam. Còn cậu con trai chẳng mấy khi về. Cô quen bà ấy hả?

– Thế ai nấu nướng, thuốc thang cho bác ấy ạ? - Chị lo lắng hỏi.

– Họ hàng, làng xóm. Bà ấy ăn uống được là bao.

Ngay chiều hôm đó, Thùy mua chục trứng gà, nửa cân đường và mấy viên thuốc. Cô quyết định sang sông thăm bà.

Vừa bước đến chiếc sân gạch nhỏ chị chợt đứng lại. Lá vàng rụng lác đác trên sân. Từ trong bếp chiều, khói tỏa ra lạnh lẽ. Chị bước rón rén đến trước cửa bếp. Chị nhận ra bóng dáng quen thuộc của bà. Bà ngồi im lặng trước bếp lửa. Mái tóc bạc gần hết. Đôi vai nhỏ của bà như sụp xuống. Tự nhiên Thùy thấy ngại ngùng. Chị sẽ nói với bà như thế nào về mình? Trong lúc chị đang lúng túng thì bà quay lại. Chị nhận ra gương mặt nhỏ nhắn đầy phúc hậu của bà. Và trong một khoảnh khắc chị ngỡ mẹ chị đang ngồi đó.

– Cháu... cháu chào bác ạ - Chị lúng túng.

– Chào cháu. Cháu hỏi ai đấy? - Giọng bà nhỏ và ấm như hơi lửa.

– Nghe bác ốm... cháu... đến thăm bác...

– À, bác cũng đỡ rồi - Bà mỉm cười - Cháu vào đây. Thế cháu là con nhà ai nhỉ?

– Cháu ở bên kia sông. Cháu... cháu làm ở trại tằm...

– Có phải cháu là bạn học của thằng Đán nhà bác không?

– Vâng... vâng ạ - Thùy nói dối bà mẹ. Gương mặt chị ửng đỏ.

– Ấy, bác cũng chẳng biết ai vào ai. Thằng Đán nhà bác có khối bạn học thuở xưa ở bên đó. Lần nào về nó chẳng sang thăm bạn, thăm bè.

Nói rồi bà lấy ấm nước với ủ trong giỏ rót cho chị một bát.

– Cháu uống nước đi. Từ lúc bé đến giờ bác chỉ quen uống nước vối, lành lăm cháu à. Cũng may nhà trồng được một cây. Bác phơi

khô rồi treo trên gác bếp. Lúc uống thì lấy xuống cho tiện. Tuổi già leo trèo làm sao được.

Thùy không biết nói gì. Chị cứ ngồi im lắng nghe bà. Bao nhiêu điều dự định từ trước để nói chuyện với bà, chị quên biến cả. Một lúc sực nhớ, chị lấy những thứ quà chị mua biếu bà.

– Chết, tiền đâu mà mua thế này - Bà kêu lên - Bác chỉ xin mấy thìa đường để nấu cháo. Còn đâu cháu mang về.

– Bác phải ăn chục trứng cho khỏe, không thì...

– Năm nay bác làm được chum tương. Thế là khỏi lo, ốm đau có cái mà ăn. Chiều ở lại ăn cơm với bác, hôm nay bác có đu đủ xanh kho tương.

Chị ở lại ăn cơm với bà mẹ. Hai người ngồi ăn cơm trong bếp. Chị luộc trứng gà và ép bà ăn. Mãi đến tám giờ tối chị mới về. Khi lên đến mặt đê, chị dừng lại nhìn sang phía nhà bà mẹ một lúc lâu. Gió đêm mát mẻ từ sông thổi tung mái tóc dài của chị.

Từ ngày đó, dăm ba ngày chị lại qua đò sang thăm bà mẹ. Lúc thì chị mang cho bà một bó củi dâu, lúc thì vài lạng nhộng của nhà máy, lúc thì vài ba lạng đường và có khi một hai bao diêm... Mỗi lần thấy chị sang, bà rối rít như đón đưa con gái của bà đi lấy chồng xa về thăm mẹ. Bà phần chị từng quả chuối, quả bưởi. Đôi lúc bà nấu cho chị một nồi nước lá bưởi với cây mùi khô. Dưới gốc bưởi bên bể nước nhỏ, bà tự tay dội nước cho chị gội đầu. Thỉnh thoảng nước vào mắt, chị lại kêu lên nũng nịu bắt đền bà.

Cho đến một chiều. Chị ngồi bên sông nhìn sang con đường nhỏ và hồi hộp chờ đợi. Khi con trâu xuất hiện ở chiếc cổng tre ngõ nhà bà mẹ thì chị nhắm mắt lại để đoán xem hôm nay bà mẹ sẽ mang theo quần áo để giặt, hay rửa rau. Khi chị mở mắt ra thì người đi theo con trâu không phải là bà mẹ mà là một chàng trai. Đi theo con trâu một đoạn anh nhảy lên lưng trâu và lấy gót chân thúc vào sườn con vật. Con trâu lồng lên, lao về phía bến sông. Đến mép nước, con vật rống lên và lao mình xuống sông, chàng trai bị văng ra khỏi lưng trâu rơi tòm xuống nước. “Như trẻ con ấy” Thùy khẽ kêu lên và bật cười khúc khích. Nhưng chờ mãi không thấy chàng trai đâu. Chị hốt hoảng đứng dậy. Chị đi như chạy và miệng thốt lên hoảng hốt

“kìa, kìa”. Chợt Thùy nhận ra anh từ dưới sông nhô lên ngay gần bên phần bờ chị đứng. Thùy nhoẻn miệng cười, nhưng tim vẫn đập hồi hã. “Chắc anh ta là Đán. Thế là con trai của mẹ về thăm mẹ rồi”. Chị thầm nghĩ và vô tình thấy lúng túng. Chị quay về phòng nấu cơm chiều.

Chàng trai mãi bơi lặn để con trâu bơi qua sông. Nó mò vào ăn mất một vạt dong riêng của các cô gái ở khu tập thể nhà máy tơ tằm. Các cô tóm lấy và buộc vào gốc nhãn trước cửa phòng Thùy. “Giữ con trâu này ở đây chúng mày ạ. Xem nhà nào đến nhận phạt cho một trận”. Khi hoàng hôn đỏ xuống thì chàng trai đi tìm trâu.

– À trâu nhà cái anh này. Mau mau bỏ tiền ra phạt. - Các cô công nhân kêu lên.

Chàng trai chỉ cười.

– Thôi giao cho chị Thùy giải quyết. Chị ấy là đội trưởng phụ trách kỹ thuật - Một cô gái nói như ra lệnh.

– Đúng đấy, đúng đấy - Các cô khác nhao lên tán thưởng.

– Trâu nhà anh đấy à? - Thùy bước ra hỏi. Chị nhận ra đó là chàng trai vừa làm chị hoảng hốt.

– Vâng. Tôi mãi bơi quá.

– Anh ở bên kia sông à? Anh tên là gì?

– Tôi là Đán. Nhà tôi ở bên kia.

– À, à... mà - Thùy đỏ mặt, chị cảm thấy như anh đã biết hết mọi quan hệ của chị với mẹ anh - Mà... lần sau đừng mãi chơi thế nhé.

– Tên chị là gì nhỉ?

– Tôi ấy à - Thùy định nói dối. Nhưng chị vẫn trả lời - Tôi là Thùy.

– Thùy? - Chàng trai như reo lên - Có phải chị hay sang thăm mẹ tôi. Mẹ tôi kể nhiều chuyện về chị lắm. Tôi nghĩ mãi mà không biết ai là bạn học của tôi có tên là Thùy. Hóa ra là...

– Thôi, anh dắt trâu về đi.

– Tôi còn nghỉ dăm hôm. Mời chị sang chơi.

Thùy không nói gì. Chị cởi dây thừng buộc trâu đưa cho chàng trai. Rồi chị bước vội vào phòng.

Chiều hôm sau anh đi đò sang thăm chị. Anh vác một ba lô đầy bưởi và ổi.

– Tôi mang sang để nộp phạt các chị.

Các cô gái reo lên ầm ĩ. Họ nhào vào tranh nhau những quả ổi chín vàng. Và chỉ một loáng sau các cô gái lại biến mất sau những dãy nhà nuôi tằm. Chỉ còn lại Thùy và Đán ngồi im lặng trong phòng.

– Anh về thăm bác có lâu không? Anh đang đóng quân ở đâu ạ - Thùy hỏi, phá tan bầu không khí im lặng.

– Tôi đóng quân ở Vĩnh Phú. Tôi về thăm mẹ được năm ngày.

– Bác ở nhà một mình buồn lắm. Sao anh để bác chăn trâu làm gì cho vất vả.

– Tôi viết thư nói mẹ tôi nhiều lắm. Nhưng mẹ tôi thích có bầu có bạn.

– Anh lấy vợ cho bác yên tâm, rồi đi đâu cũng được - Nói xong chị thấy mình ngớ ngẩn. Và chị càng lúng túng.

Đán không trả lời Thùy. Anh im lặng và nhìn vào mắt chị. Cái nhìn đầy táo bạo và da diết.

– Bác có khỏe không? Lâu nay em cũng không sang. Mà có anh về rồi...

– Hôm nay Thùy sang nhé. Tôi đưa Thùy sang. Mẹ mong lắm.

Thùy không nói gì chỉ lắc đầu.

Đến khi gà lên chuồng Đán mới về. Thùy tiễn anh ra tận bến sông. Phía dãy núi xa, có những ngôi sao sớm đã mọc. Khi nghe thấy tiếng mái chèo của con đò quây nước đến gần, Thùy nhìn Đán và nói với anh như bằng hơi thở. “Anh về đi, đò sang đây”. Rồi chị bước vội lên đê. Chị ngồi xuống đám cỏ trên mặt đê nhìn sang bên kia. Chợt chị nghe một tiếng hú dài từ bờ bên kia vọng lại. Chị biết đó là Đán đang gọi chị. Chị thêm khát được đứng lên kêu thật to: “Đây, em đây, anh ơi!”.

Buổi chiều trước ngày trở về đơn vị, Đán lại sang thăm Thùy. Vẫn một ba lô đầy bưởi và ổi anh mang theo. Các cô gái cùng khu tập thể lại được bữa vui vẻ. Anh ngồi chơi và nói chuyện với chị đến khi trời tối. Khi anh về, Thùy tiễn anh ra tận bến đò. Họ không nói gì. Chỉ

đứng lặng nhìn nhau trong bóng đêm mờ mờ. Chợt Đán cầm lấy tay chị, Thùy run lên. Người chị bỗng chao đảo, chơi vơi. Chị như một cánh diều giấy mỏng manh trong cơn gió mạnh. Cánh tay chị như sợi dây diều nhỏ bé nằm trong bàn tay anh. Nếu lúc đó chị rút tay mình ra khỏi bàn tay anh chị sẽ trở thành cánh diều đứt dây. Chị sẽ bị gió thổi tạt và rơi xuống một nơi nào đó không nơi nương tựa. Đán kéo sát chị lại gần. Chị thấy anh như bếp lửa của bà mẹ phả ấm vào chị. “Anh muốn đưa em về ở với mẹ” - Anh thì thào. “Anh về đi kẻo mẹ mong, nhớ viết thư về cho em” giọng chị run rẩy như muốn vỡ òa. Nói xong, chị gỡ tay anh và lảo đảo đi lên mặt đê.

Một tháng sau chị nhận được thư anh. Buổi chiều đi làm về muộn, chị thấy thư anh ai để ở trên gối đầu giường. Chị run rẩy mở thư “Thùy thương yêu...” chị không đọc tiếp được nữa. Chị cầm chặt lá thư trong tay và đi như chạy ra đê. Chị ngồi xuống cỏ. Từ đôi mắt to, đen thẫm trào ra hai giọt nước mắt.

“Ơ... ơ... ơ!...” tiếng ai đó trên một chiếc thuyền dọc dưới bến sông âm vang da diết và rạo rức khôn cùng. Chị dứt những lá cỏ đưa lên miệng. Cỏ ngọt ngào nồng ngái. Chị ngồi mãi trên đê cho đến khi nghe các cô bạn gái đang nhao nhác hỏi nhau về chị, chị sung sướng đứng dậy về nhà.

Khoảng sáu tháng sau anh về phép trước khi đơn vị anh đi Campuchia. Tối tối anh sang thăm chị. Có một đêm anh đưa chị xuống bến và nói thào vào tai chị: “Đêm nay anh đưa em đi chơi thuyền, hơn thuyền Hồ Tây nhiều”. “Anh lấy thuyền ở đâu đấy”. “Anh ăn cắp của ông lái đò. Tối rồi không có khách nữa đâu”. Nói rồi anh bế xốc chị lên thuyền. Con thuyền tròn trĩnh. Chị ôm chặt lấy cổ anh. Anh đặt chị xuống sàn thuyền và đẩy sào. Anh đẩy thuyền rất thạo. Con thuyền êm ả rời bờ và lặng lẽ trôi xuôi.

– Lại đây với em - Chị gọi khẽ.

Anh gác sào lên dọc mạn thuyền và bước lại phía chị.

– Em yêu anh - Chị nói và ghì đầu anh vào ngực mình. Nhiều lúc em mơ thấy anh... chết. Em sợ quá và khóc mãi.

– Chết thế nào được anh - Anh nói và cười trong ngực chị. - Có em rồi anh chẳng làm sao mà chết được.

- Mẹ biết thế này mẹ sẽ mắng em mất.
- Mẹ yêu em lắm. Yêu hơn cả anh nữa đấy.

“Ơ... ơ... ơ” tiếng một ai đó trên một chiếc thuyền dọc ngân lên. Dòng sông tiếp lấy tiếng “ơ... ơ...”, nửa như một câu hò, nửa như một tiếng gọi và chờ mãi ra biển.

Cả hai người áp vào nhau im lặng. Họ chỉ nghe thấy tiếng thở của nhau và hình như có tiếng cá ăn đêm quấy mơ hồ trên mặt sông.

- Tết năm tới, anh sẽ về cưới em.
- Thế anh đón cô dâu bằng gì nhỉ? - Thùy hỏi.
- Anh sẽ thuê một trăm chiếc đèn lồng để đón dâu.
- Thế thì đẹp lắm.
- Anh sẽ cho cắm những cây sào dài từ bến nhà anh sang bến này. Trên mỗi cây sào sẽ treo một bánh pháo. Thuyền cô dâu đi đâu thì đốt pháo đến đó.
- Đốt nhiều thế phí tiền lắm. Mẹ làm gì có tiền.
- Anh muốn em đẻ cho anh một trăm đứa con, năm mươi con ở bên bờ bên này trồng lúa, năm mươi đứa trồng dâu ở bờ bên kia, như là Âu Cơ ngày xưa ấy.
- Đẻ nhiều thế không đủ nước sông cho chúng nó uống... Thuyền trôi đến đâu rồi anh?
- Gần đến bến Tía rồi.
- Cũng xa nhỉ.

Sương đêm mờ như khói. Giữa dòng sông họ không nhận thấy đôi bờ. Thuyền như đang trôi ở một chân trời nào đó. Lúc đó họ cảm thấy họ đã tan thành sương đêm. Nhẹ bồng và miên man. Tất cả cảnh vật quanh họ và cả chính họ cũng không còn, như tan vào nhau. Cả hai không thể nào nhận ra mình nữa. Họ thấy dòng sông đang dâng lên. Con thuyền đang dâng lên. Và đôi bờ giang rộng như đôi cánh nâng họ bay lên gần mãi những vì sao khuya như không có thật. “Anh... anh ơi”. Đó là âm thanh duy nhất có thực. Âm thanh ấy bay lên từ những cơn mưa của mặt đất. Và chính lúc thốt

lên tiếng gọi ấy. Thùy thấy hiện lên bờ bên kia năm mươi đứa con của họ đang trồng lúa, và bờ bên này năm mươi đứa con của họ đang trồng dâu.

Và rồi một đêm sau này, khi Đán đã đi vào phía Nam, Thùy chợt tỉnh giấc. Chị đặt tay lên bụng và nhận biết rằng những đứa con ước mơ của họ đang lớn lên từng ngày. Chị thấy hạnh phúc. Niềm hạnh phúc không giống bất cứ một hạnh phúc nào. Chính niềm hạnh phúc quá lớn lao và thiêng liêng ấy làm chị quên đi tất cả những lời dị nghị.

Lâu không thấy Thùy sang, bà mẹ lo lắng. Bà đi dò sang thăm Thùy. Thùy ôm lấy bà khóc.

– Con đã có thai với một người mà con yêu hơn ai hết. Mẹ đừng mắng con, mẹ nhé.

– Con là người quý nhất - Bà nhìn chị nhân hậu và độ lượng - Đừng lo nghĩ gì cả, mẹ hiểu con. Cố mà ăn uống cho đứa bé nó khỏe.

Đôi ba ngày bà lại sang thăm chị. Bà mang chuối, mang trứng để chị bồi dưỡng. Chị không nhận và nói thế nào bà cũng không nghe. Bà không hỏi gì chị về người đàn ông đã chung sống cùng chị. Mặc dù bà không nghĩ rằng người đàn ông mà Thùy yêu say đắm đó là con trai bà.

Nhưng rồi đến một ngày bà không thể sang thăm chị được nữa. Đó là lúc bà nhận tin Đán hy sinh. Chiến tranh đã cướp mất đứa con trai duy nhất của bà. Cũng trong chính thời gian đó Thùy trở dạ. Và chị đã sinh ra hai đứa bé, một trai một gái. Hai đứa đều khỏe mạnh xinh xắn.

Khi nghe tin Thùy sinh con, bà mẹ sang thăm Thùy. Bà không biết mối quan hệ giữa Thùy và con trai mình. Bà buồn bã cho Thùy biết cái tin khủng khiếp của mình. Lúc đó chị đang cho con bú. Chị rú lên rồi đổ xuống giường.

Đứa trẻ đang bú dở mất vú mẹ cũng thét lên.

Những ngày sau này chị sống như điên dại.

Nhiều đêm chị bế cả hai đứa con ra bến sông. Chị tìm kiếm một chiếc thuyền nếu ai vô tình bỏ quên bên mép nước. Chị sẽ đặt hai đứa con vào lòng thuyền. Còn chị đứng ở mũi thuyền để đẩy sào. Chị tin con thuyền kia sẽ đưa chị và các con chị trôi vào một chân trời sương khói thuở trước. Ở đó chị sẽ gặp Đán. Gặp Đán rồi, chị sẽ ghé thuyền vào hai bờ sông và đặt mỗi đứa lên một bờ. Một đứa con chị sẽ trồng lúa để ăn, còn đứa kia sẽ trồng dâu nuôi tằm dệt vải. Rồi chị sẽ cùng anh lên chiếc thuyền đó nằm ôm nhau ngủ vĩnh viễn. Con thuyền sẽ trôi theo sông, ra biển. Họ sẽ biến thành những đám mây trở về bến cũ, hóa thành mưa cho hai đứa con của họ lấy nước trồng lúa, trồng dâu.

Nhưng mỗi lần ra đến bến sông chị lại nhận ra ánh lửa đêm từ phía ngôi nhà bà mẹ. Và trong trí óc chị lại hiện lên chói chang con đường đỏ phù sa, bóng dáng gầy yếu của bà, một bếp lửa buồn, một ngọn lửa khói chiều âm thầm bay lên. Những điều ấy dội vào trái tim chị như nước buốt. Bao nhiêu lần chị muốn chạy ào qua sông để về ôm lấy bà mẹ. Chị sẽ mang những đứa con của chị - những giọt máu của dòng họ bà - về cho bà. Nhưng không hiểu lý do gì đã giằng giữ chị.

Và mỗi ngày chị vẫn thấy bà mẹ chiều chiều xuống bến. Lưng bà mỗi ngày càng còng xuống. Bước chân bà mỗi ngày một chậm chạp hơn. Tóc bà mỗi ngày bạc trắng. Tất cả những hình ảnh ấy làm chị thấy có lỗi với bà.

Thùy ngồi dậy trong đêm. Càng ngày chị càng nghe rõ hơn tiếng gọi chị âm thầm và đau khổ. Tiếng gọi đã đến bến sông. Gần lắm rồi. Tiếng gọi thôi thúc chị. Đôi lúc chị thấy tiếng gọi ấy như tiếng gọi của bà mẹ, lúc như của Đán, đôi lúc như của dòng sông. Có đêm chị mơ thấy năm mươi đứa con của chị đến bến quỳ sụp trước chị. Chúng cầu xin chị cho chúng về bến bờ bên kia.

Thùy lần tìm diêm. Chị bật diêm châm đèn. Chị cầm ngọn đèn dầu soi lên gương mặt hai đứa con đang ngủ ngon lành. “Mẹ sẽ đưa các con về bên kia sông với bà nội” - Chị thì thầm. Rồi chị mở cửa bước ra ngoài. Mưa bụi mỗi một đêm lại ẩm hơn. “Ngày mai đã ba mươi Tết rồi” - Chị nghĩ. “Ngày mai mẹ sẽ đưa các con về với bà nội” - Chị thầm hứa. “Trời đã sáng rồi” - Chị đoán.

Và chị vội vàng quay vào nhà. Chị vặn to đèn. Chị vội vã xếp quần áo của hai đứa con và mình vào chiếc va li cũ kỹ. Xong đâu đấy chị bước lại chiếc bàn nhỏ và ngồi xuống. Chị gỡ chiếc gương treo trên song cửa sổ. “Ngày mai mình đi làm dâu”, chị mỉm cười hạnh phúc và đau đớn. Ngày yêu nhau, chị mơ đến ngày cưới. Chị sẽ ăn mặc thật giản dị và đẹp. “Anh sẽ thuê một trăm chiếc đèn ngang để đón dâu”. “Anh sẽ cho cắm những cây sào dài từ bến nhà anh sang bến bên kia. Trên mỗi cây sào sẽ treo một bánh pháo. Thuyền cô dâu đi đến đâu thì đốt pháo đến đó”. Nghĩ đến đó gương mặt chị trong gương nhòa đi. Đôi vai chị rung lên. Rồi chị vội vàng lau nước mắt. Chị vội vàng chải tóc, vội lấy chiếc cặp tóc cặp mái tóc dài. Chị vội vã tìm chiếc áo đẹp nhất và mặc vào. Chị vội vã như sợ không kịp giờ đón dâu.

Ngoài kia mưa xuân đang ngùn ngụt bay.

Cổ vật

Tặng T.N.H

“Một, hai, ba, bảy...”

Chương vừa bước lên từng bậc cầu thang vừa thầm đếm. Và không hiểu lý do gì anh luôn luôn dừng lại ở bậc cầu thang thứ bảy. Dừng lại và thở gấp, rồi anh ngược mắt lên cửa phòng Hiền luôn luôn đóng.

“Hiền đang làm gì nhỉ?”.

Chương tự hỏi. Mặc dù anh biết chắc rằng, vào giờ này Hiền đang ngồi trong chiếc ghế mây có lót đệm đọc sách bên cửa sổ. Dù gian phòng Hiền rất nhỏ và chỉ có một ô cửa sổ nhưng không bao giờ cô mở cửa ra vào hay bật đèn. Hiền có thói quen chỉ đọc sách bằng ánh sáng từ ô cửa sổ mở một cánh. Và cô chỉ buông sách khi không thể đọc được nữa. Mỗi lần Chương đến, sau tiếng gõ cửa của anh, cô nói: “Anh vào đi”. Cô quen tiếng gõ cửa của anh và chưa bao giờ cô đoán nhầm.

“Tiếng gõ cửa của anh khác tiếng gõ cửa của người khác như thế nào?”. Có một lần Chương hỏi Hiền. Hiền mỉm cười nói: “Em chẳng biết có khác hay không, nhưng em vẫn nhận ra anh”.

“Tám, chín, mười... mười bảy”.

Chương dừng lại rất lâu ở bậc cầu thang cuối cùng. Anh gõ cửa.

“Anh vào đi”.

Tiếng Hiền từ trong phòng vọng ra như mơ hồ. Chương khe khẽ đẩy cửa bước vào. Hiền đang ngồi trên ghế. Cuốn sách đặt trên đùi. Cô nhoẻn cười như một đứa trẻ nhìn anh. Hơn ba năm nay, từ ngày quen nhau, Hiền luôn luôn đón Chương bằng một nghi lễ bất di bất dịch như thế. Và với Chương cũng vậy, như một thói quen muôn đời, anh đặt chiếc ghế như chỉ giành cho anh trước Hiền và ngồi xuống.

“Em đang đọc gì đấy?”

“Một cuốn sách mà không ai đọc lại nữa”.

Cô nói và cười. Tiếng cười của cô mơ hồ và mỏng mảnh như đôi cánh bướm lạc vào trong phòng.

“Sao anh không gọi điện cho em trước khi anh đến?”

“Anh vẫn đến đúng ngày này hàng tuần. Hơn nữa, anh muốn em bất ngờ...”.

“Em không thích sự bất ngờ”. Hiền ngừng nói. Bàn tay cô bò dần đến mép ghế cô ngồi sang phía bàn tay Chương. Bàn tay bé bỏng và ấm nóng của cô chui khe khẽ vào lòng bàn tay anh và nằm lại như một con chim non co mình trong tổ.

“Em không thích sự bất ngờ - Cô nhìn anh thì thầm - Em muốn được hỏi hớp đợi anh. Em sợ mọi sự bất ngờ”.

Hiền rút bàn ra khỏi bàn tay Chương. Cô cầm lấy tay anh kéo về phía mình. Cô úp mặt vào bàn tay anh, thở chậm và sâu.

“Tay anh đầy mùi thuốc lá, nhưng em thích, em quen rồi”.

Trái tim Chương thất lại. Anh nhìn tóc Hiền đỏ xỏa. Anh nhìn thân hình bé bỏng của cô như vệt nắng lưng chiều bắt qua cửa sổ chỉ mở một cánh vào nhà.

“À em cho anh xem một ‘cổ vật’ mới thu thập của em”.

Hiền nói và đứng dậy. Cô kéo bàn tay anh về phía góc phòng. Ở đó đặt một chiếc bàn khá to. Trên mặt bàn bày la liệt những thứ mà cô gọi là “Cổ vật”. Một mẫu đá ở dãy Hy Lạp Sơn, một miếng vỏ quế Trung Quốc lớn như một vỏ cây già, một chiếc lá bồ đề lấy từ Ấn Độ, một đôi vảy tê tê, một khúc nến cháy dở ở nhà thờ Paris...

Hiền cầm lên một vỏ trứng to như trứng ngỗng và nói:

“Anh có biết đây là cái gì không?”

“Đây là vỏ trứng vịt em đã ăn sáng nay?” - Chương đùa.

“Ừ, anh đừng có linh tinh. Đây là trứng của con vật thiêng liêng”. Hiền thì thào. Gương mặt cô thực sự run rẩy.

“Con gì?” - Chương cũng thì thào theo.

“Một con rùa lớn. Mà là rùa trắng. Anh đã nghe nói đến rùa trắng bao giờ chưa?”.

“Có. Nhưng đó là huyền thoại”.

“Cái vỏ trứng rùa này có thật đấy. Không phải huyền thoại đâu”.

“Làm sao mà em có được”.

“Đây là cả một bí mật lớn. Em sẽ viết một cuốn sách về những “cổ vật” trên bàn này. Không phải em viết văn đâu. Em thấy chúng chuyển động và tỏa sáng. Nhiều đêm em nghe thấy tiếng động như âm nhạc ấy...”

Nắng đã chìm khuất dưới những tầng nhà của các khách sạn tư nhân quanh ngôi nhà Hiền. Căn phòng của cô nhạt nhòa.

“Anh ơi! - Hiền khẽ gọi. Cô ngả người vào Chương. Anh nghe thấy tim em đập không?”

“Có, có”. - Chương vội vàng đáp.

“Em yêu anh, anh biết không?”

Chương nghe câu nói ấy không phải vọng ra từ miệng cô, mà từ toàn bộ cơ thể cô. Trái tim anh thất lại đau đớn.

“Em yêu anh, em yêu anh...”

Tiếng Hiền thì thảo nhỏ dần. Cô dụi mắt vào ngực Chương và như từ từ thiếp ngủ. Chương nghe có tiếng động phía dưới chân cầu thang.

“Có lẽ mẹ đi làm về rồi”. - Chương nói và vòng tay anh lỏng ra.

“Anh ôm em chặt vào. Đừng buông em ra, em sợ lắm...”

Tiếng cô phảng phất như ánh sáng trong căn phòng cuối chiều. Chương cảm thấy cô như một “cổ vật” trong căn phòng này.

“Rồi tất cả những gì đang hiện diện trong căn phòng này đều trở thành cổ vật - Chương đau đớn nghĩ - Cả ánh sáng mờ nhạt cuối chiều, cả sự tĩnh lặng của không gian căn phòng, cả tiếng đồng hồ đều đặn”.

“Anh thấy em hồi này khỏe hơn không?”

Hiền chột lên tiếng.

“Anh thấy em khá hơn tháng trước nhiều lắm. Nhưng em phải chịu khó đi ra ngoài nhiều hơn. Thành phố bây giờ nhiều nơi vui nhộn lắm”.

“Em căm ghét những nơi vui nhộn. Nó làm em mệt mỏi và chóng mặt. Em thích ở căn phòng này với tất cả những gì ở đây, kể cả con thỏ bông mẹ tặng sinh nhật em lúc em ba tuổi. Và... em muốn ở bên anh. Em yêu anh”.

Những ngón tay của Chương vò mạnh mái tóc Hiền. Cô cảm thấy hạnh phúc. Hiền chột kiểng chân ôm ghì lấy anh. Cô hôn anh. Họ hôn nhau trong tiếng đồng hồ đều đặn. Trái tim cùng đập vang trong căn phòng. Chương vội vàng buông Hiền ra... Anh hoảng hốt và thấy người tê dại.

“Em có sao không?” - Giọng Chương lập cập.

Hiền lắc đầu.

“Mẹ em về rồi đấy. Anh cũng về đây. Mai anh sẽ đến”.

“Anh gọi điện cho em trước khi đến nhé. Em muốn được đợi anh... Em yêu anh. Em muốn ở bên anh thật nhiều...”

“Anh sẽ gọi. Anh sẽ gọi”.

Xuống đến hết cầu thang Chương gặp mẹ Hiền đang chuẩn bị bữa tối ở mảnh sân nhỏ. Nghe Chương chào, bà ngược lên nhìn anh và từ từ đứng dậy.

Chương nghe tiếng bà thở dài.

“Cháu xin lỗi bác”. - Chương lúng túng.

“Cháu có lỗi gì đâu. Chính bác phải xin lỗi cháu. Bác chỉ muốn nó ở với bác thêm ngày nào bác đỡ khổ ngày ấy...”

Đôi mắt bà mẹ ứa lệ.

“Hôm qua bác sĩ đến khám cho nó...”

“Bác sĩ nói sao hả bác?”

“Không còn cách nào khác - Giọng bà nghẹn lại - Bác sĩ bảo nếu em nó bị xúc động mạnh, thì... các bác sĩ ở bệnh viện cũng nói thật với bác là em nó... chỉ sống được... vài tháng nữa thôi... hu... hu...”

Chương đứng như chết. Mặt anh đầm nước mắt.

“Bác sĩ không còn cách nào sao, bác?”

“Bệnh em nó nặng quá. Chỉ trừ thay được tim, nhưng cũng hết sức mỏng manh, hơn nữa việc đó khó mà thực hiện được. Cháu

hãy tha lỗi cho bác. Không phải bác không muốn cháu đến thăm em nó. Thế nhưng... cháu hiểu cho. Vì nó yêu cháu lắm”.

Mấy tháng trước, Chương ngộ ý với Hiền muốn xin cưới cô. Hiền đã sung sướng thì thầm với mẹ cô vào một buổi tối. Bà khóc và khuyên cô hãy tập trung chữa cho khỏi bệnh. Nhưng sự thật bà đã biết rõ bệnh tình đến hồi nguy kịch của con gái. Bà đã nói dối con. Sau nhiều đêm thức trắng cùng nước mắt, bà đã nói sự thật đau đớn này cho Chương.

Những đêm sau đó, Chương thường đi lang thang một mình trong đêm. Anh tìm đọc những sách nói về bệnh tim mong tìm được một chút hy vọng cho chính bản thân anh. Anh cũng gặp một số bác sĩ giỏi chuyên ngành để tìm hiểu. Nhưng trường hợp của Hiền là trường hợp vô cùng đặc biệt. Mỗi lần đến với Hiền là mỗi lần trái tim anh thêm đau đớn. Anh biết trước sự ra đi vĩnh viễn của người anh yêu dấu mà không thể làm gì. Bởi vậy, anh cố kìm nén cả tình yêu đẹp đẽ của mình để mong sự sống của cô kéo dài thêm dù chỉ là một phút. Để anh còn hồi hộp đến tức ngực khi đặt chân lên từng bậc cầu thang.

“Tại sao Hiền lại thích gọi mọi kỷ niệm của bạn bè, chú bác, anh chị là ‘cổ vật’ - lòng Chương luôn dần vật - Lẽ nào chỉ một ngày gần đây thôi cả người con gái vô vàn yêu dấu của ta cũng thành ‘cổ vật’.”

Chương chuenh choáng hòa vào dòng người trên phố. Anh cố quên đi những ý nghĩ khủng khiếp đang ngày càng đục sâu vào trái tim anh.

Và trong căn phòng nhỏ bé ở gác hai, Hiền ngồi im lặng trong bóng tối đã ủa gần kín căn phòng và mỉm cười hạnh phúc một mình. Cô cảm thấy vô cùng sung sướng được hồi hộp đợi chờ anh đến thăm chiều mai. Trái tim cô lúc này khi thì đập vật lên, khi thì rơi hẫng xuống như một trái cây tuột khỏi cành. Như mọi buổi chiều, Hiền hơi ngửa mặt lên, đôi mắt khép lại, với một vẻ kiêu hãnh và tự tin tràn trề.

Những lúc như thế, cô cảm thấy cuộc sống bí ẩn sinh sôi trong mọi đồ đạc và những vật kỷ niệm trong căn phòng cô.

“Chiều mai anh sẽ lại đến - Đôi môi cô loáng ướt, thì thầm - Mình sẽ giữ anh ấy lại thật lâu. Rồi mình sẽ làm vợ anh ấy... Mình sẽ sinh cho anh ấy một đứa con. Ôi, mình thấy xấu hổ, nhưng mình ao ước. Sẽ như thế nào nhỉ khi trong người mình bước ra một đứa bé. Lại thật, mình đã đọc bao nhiêu cuốn sách, mình đã tưởng tượng ra bao điều, nhưng chẳng có gì kỳ diệu và lạ lùng hơn khi từ trong người mình bước ra một đứa bé”.

Thì thầm đến đó, Hiền thấy trái tim như bị ai lừa bàn tay vô tình vào bóp chặt. Trán cô tỏa mồ hôi. Và lúc đó, cô cảm thấy những “cổ vật” để trên mặt bàn của cô tỏa sáng và ngân lên một thứ âm nhạc tê dại.

Không có chứng minh thư

Chợt từ đâu đầy nắng tỏa về.

Những bông Cát đằng xanh tím mơ hồ.

Ô cửa sổ mở một nửa.

– Máy giờ em phải đến công ty?

– Em bỏ việc chiều nay.

– Thằng cha ấy còn quấy em nữa không?

–.....

– Ngày mai đi làm chứng minh thư nhé!

– Em lại không thấy cần nữa.

– Có việc lại cuống lên.

– Ba năm nay em chưa sờ đến lần nào.

– Mua vé tàu bằng gì?

– Anh như trên gò rơi xuống.

– Thằng Hải chết rồi.

– (Thở dài)

– Lạnh thế này mà vẫn có ruồi.

– Hôm qua mẹ em lại nói đến chuyện của Tú.

– Đứa con ở với ai?

– Ở với mẹ em chứ với ai. Bọn Tây ngố làm sao mà trông con nhỏ được.

– Rồi sau đó?

– (Lắc đầu. Châm một điếu thuốc)

– Tú cũng ở với mẹ em chứ?

– Nó thuê một căn phòng.

– Dạo này cô ấy thế nào?

– Đẹp lên và sexy khủng khiếp.

- Lạ nhỉ.
- Sao lạ?
- Thằng người yêu nó còn ở hay về Đức rồi?
- Vẫn vật vờ ở đây.
- Mai rủ Tú đi ăn cá hồi nhé.
- Anh quan tâm đến em gái em từ bao giờ thế?

–.....

- Mặt anh trông tồi tệ lắm.
- Anh xuống nhà lấy một ly đen.

Nằm bất động.

Chiếc giường loang lổ bóng tối của buổi chiều.

Mùi cà phê ngầy ngậy.

Tiếng cánh ruồi bay.

- Lạnh thế mà vẫn có ruồi. Sao nó cứ đậu vào mặt em thế nhỉ.

Con yêu tinh.

- Nó thích em.
- Em là cá bán ở chợ Hòm à?
- Anh mê những ngón chân em
- Đâu nữa?
- Đây...
- Nhẹ thôi.
- Nhiều lúc em nhớ những ngón tay anh đến chết.

–.....

- Nhẹ thôi mà... thế... thế...
 - Em có dùng kem dưỡng da không?
 - Em dùng dưa chuột tươi.
 - Chuột nào mà không tươi.
 - Bậy. Quần bò anh cứng lắm.
- Chuông điện thoại di động.

- Đang ở Thái Nguyên... Chiều thứ Sáu về... Tùy ông... bai.
 - Cả nước nói dối vì dùng di động.
 - Bảo bồi để “giải cứu bình nhĩ” đấy.
 - Công ty anh chia tiền Tết nhiều không?
 - Chưa có gì. Lĩnh tiền Tết em thích gì anh tặng.
 - Chỉ thích thế này thôi.
 - Có thích mãi được không?
 - Anh có biết Hạnh bị ung thư vú không?
 - Thế à? Sao bây giờ đàn bà hay bị ung thư vú thế?
 - Chắc là... Không biết bao giờ em bị ung thư đây?
 - Mai mấy giờ anh đón đi làm chứng minh thư?
 - Anh không có gì làm ngoài việc ấy à?
 - Nhưng em cần phải có nó.
 - Không có nó thì em sẽ làm sao?
 - Để trình khi công an hỏi.
 - Em không phải là tội phạm.
 - Nhưng cũng có gì đó để chứng minh mình.
 - Chứng minh cho ai và chứng minh cái gì?
 - Tên tuổi, ngày tháng năm sinh.
 - Vậy anh có biết tất cả những người có chứng minh thư không?
 - Lý sự cùn.
 - Đây là sự thật. Em cũng chẳng biết em là ai thì người khác làm sao biết được. Anh có biết chứng minh thư duy nhất quan trọng của một con người là gì không?
 -
 - Đau em. Nhẹ thôi. Anh uống xong cà phê chưa?
- Nhạc hiệu điện thoại di động.
- Rất lâu.
- Em nghe máy đi.
 - Em không có nhu cầu phải nghe bất cứ ai ngoài anh lúc này.

– Gọi dai quá. Một kẻ kiên nhẫn hay là một kẻ si tình đây.
– Đọc cho em số máy đang gọi.
– 0912577...
– Thằng điên.
– Ai?
– Nói ra anh cũng chẳng biết.
Nhạc hiệu tắt.
Im lặng.
Tin nhắn.
– Anh đọc đi.
– “Anh moi em an toi”.
– Anh nhắn lại giúp em.
– Em không làm được hay sao?
– Em nhờ anh mà, anh yêu.
– Đọc.
– “Đã hết bú tí mẹ rồi à”?
– Chưa ngoa quá.
– Thằng này phải thế.
– Già chưa.
– 21. Con nhà giàu. Bố làm...
– Hóa ra nó ít tuổi hơn em.
– Bây giờ yêu phụ nữ hơn tuổi là mốt của bọn ranh nhiều tiền.
– Điên.
– Không điên tí nào. Giữ em cho chắc không mất đấy.
–.....
– Sao anh không nói gì?
– Chỉ biết khóc chứ nói gì nữa.
– Hôn em đi.
Chuông điện thoại.

– Ai đấy? A, tôi đang ở Hải Phòng... Không biết bao giờ về... Đi công tác với sếp mà... Ra Đồ Sơn mùa này cho chết cồng à... Khi nào về tôi gọi lại cho. OK.

– Anh cứ suốt ngày nói dối thế à?

– Tùy người, tùy lúc. Cám ơn Nokia.

– Em thì cứ nói thẳng. Chẳng úp mở làm gì. Mệt thêm.

– Bây giờ mẹ hỏi ở đâu có dám nói thẳng không?

– Sao không?

– Nói thế nào?

– Đang ở với người yêu. Bạn em nó bảo Đồ Sơn tắm lắm.

– Biển đẹp, hải sản tươi sống sao lại tắm.

– Có bọn cave chúng nó ăn tươi nuốt sống bọn đàn ông chứ hải sản cái gì.

– Ăn tươi nuốt sống nhé.

– Ái... nhẹ thôi... nằm sát vào em

– Ấm chưa?

– Rồi... Lại con ruồi. Anh giết nó đi.

Nhạc hiệu điện thoại di động.

– Có nghe không?

– Không. Cà phê trong miệng anh ngon thế?

– Thật à?

– Thật... Anh ơi...

– Đây.

– Em ghét quần bò.

Chuông điện thoại di động.

Cả hai chiếc điện thoại di động thi nhau réo vang.

– Bọn nó... điên cả rồi.

– Anh tắt máy nhé.

– Không. Đừng rời em.

– Em là mụ phù thủy.

- Người anh nhiều mồ hôi quá.
- Nắng đang tắt dần ở ô cửa.
- Gió vườn xào xạc.
- Mưa phún.
- Có đói không?
- Không. Anh?
- Hơi hơi.
- Chút nữa em mời anh ăn bánh đa đỏ. Hết thuốc rồi à?
- Mẹ anh ghét con gái hút thuốc.
- Khi nào làm vợ em sẽ bỏ.
- Sao em lại hút thuốc.
- Ngày ấy em luôn thấy trống rỗng.
- Còn bây giờ?
- Đôi lúc cũng buồn.
- Vì xa anh à?
- Buồn cả lúc nằm bên anh.
- (Thở dài).
- Đàn ông đừng thở dài. Nghe ái lắm. Yêu tinh.
- Gì thế? Sao lại hét lên như con điên.
- Con ruồi nó vừa chạm vào mặt em. Lần sau không đến đây nữa. Tởm quá.
- Nó đi rồi.
- Anh không giết nổi một con ruồi cho người yêu à?
- Anh chẳng nhìn thấy nó đâu.
- Hay anh đồng lõa với nó?
- Căn phòng tối hẳn.
- Mình về đi.
- (Im lặng)
- Tối nay VTC1 có phim Mỹ hay lắm. 11 giờ.

- (Im lặng).
 - Ngủ à?
 - Em chẳng muốn đi đâu. Đúng ra là không biết đi đâu.
 - Đi ăn.
 - Anh không nghĩ được chuyện gì hay hơn à?
 - Không. Thế em?
 - Em không xác định được em muốn gì. Em không biết.
 - Mai tám giờ anh đến đón nhé.
 - Em dậy muộn.
 - Đêm nay em làm gì? Không mệt à?
 - Vì em không biết em cần làm gì nên em không thể ngủ sớm được.
 - Tám rưỡi vậy.
 - Anh muốn em đi đâu mà bắt em dậy sớm thế?
 - Anh hẹn người quen làm giúp chứng minh thư cho em lúc chín giờ ba mươi.
 - Anh nghĩ em vẫn phải cần chứng minh thư à?
 - Anh... cũng không biết nữa.
- Họ mặc quần áo trong bóng tối.
- Anh có ngửi thấy mùi gì không?
 - Không... không...
 - Toàn mùi ruồi. Kinh quá. Đi giày đi anh. Nhanh lên.
- Họ đi ra cửa.
- Cô gái dừng lại.
- Em vẫn phải cần có chứng minh thư à?

Tin nhắn lúc gần sáng

Khi chiếc máy bay của Hãng hàng không Pháp rời khỏi đường băng sân bay Tân Sơn Nhất và hòa vào bầu trời vô tận, anh nhìn về một phía xa xôi trên mặt đất và nghĩ sẽ chẳng bao giờ trở về ngôi nhà của mình nữa. Ngôi nhà ấy anh đã sinh ra và lớn lên. Một ngôi nhà cổ kính yên bình bên bờ biển Nha Trang. Trước khi đến Mỹ theo chương trình đoàn tụ, những người trong gia đình anh đã bàn bạc rất nhiều về việc bán ngôi nhà. Nhưng anh cương quyết giữ ngôi nhà cho dù anh biết khó có ngày anh trở lại sống trong ngôi nhà ấy nữa. Đêm cuối cùng trước khi rời Việt Nam, anh không ngủ. Anh ngồi im lặng lắng nghe tiếng sóng từ bờ biển vọng về. Cuối cùng, anh gọi người giúp việc cho gia đình anh đã gần chục năm. Anh đưa cho ông chùm chìa khóa ngôi nhà và bảo ông hãy trông coi ngôi nhà và khi nào có thể thì ông cứ bán ngôi nhà đi. Người giúp việc cầm chùm chìa khóa không nói câu nào. Đêm đó, anh đi lang thang trong và ngoài ngôi nhà. Ký ức của mấy chục năm trước về ngôi nhà tràn ngập lòng anh. Anh đứng nhìn ngôi nhà trong đêm với ô cửa sáng đèn nơi phòng ngủ của anh và khẽ nhói lòng khi nghĩ rằng anh sẽ không còn được sống trong ngôi nhà ấy nữa. Rồi anh sẽ trở về, nhưng anh có thể chỉ đi qua ngôi nhà và đứng từ xa nhìn vào như một kẻ xa lạ. Ngôi nhà sớm hay muộn cũng sẽ thuộc về người khác. Anh chưa bao giờ có ý nghĩ buồn bã ấy. Nhưng anh không thể làm khác được. Ba má anh đã định cư ở Mỹ hơn mười năm rồi. Và cũng hơn mười năm anh chưa được gặp lại ba má và hai người em của anh. Khi ba má và hai người em của anh rời khỏi Việt Nam là lúc anh đang cùng nội anh đi thăm một người ruột thịt ở Vĩnh Long. Anh không thể đi cùng họ được. Anh ở lại cùng nội trong ngôi nhà ven bờ biển. Anh chỉ chịu ra đi khi nội anh mất.

Sau những ngày tháng thỏa mãn nỗi nhớ thương ba má và anh chị em sau hơn mười năm cách biệt, anh bắt đầu cảm thấy trống vắng. Một nỗi trống vắng vừa mơ hồ vừa cụ thể. Nhưng việc học hành trong mấy năm đầu đến định cư ở Mỹ đã cuốn anh đi. Sau khi

ra trường, anh kiếm được một công việc khá thích hợp. Ngày ngày lái xe đến sở. Công việc làm anh không có lúc nào rảnh để nghĩ đến những điều khác. Nhưng đêm đêm, anh lại rơi vào nỗi trống vắng. Ngôi nhà của ba má anh ở Mỹ là một ngôi nhà đẹp với một khu vườn khá rộng bao quanh ngập tràn hoa nở vào đầu hạ. Những ngày nghỉ, anh thường ngồi uống cà phê và đọc sách dưới tán cây anh đào trong vườn. Những lúc như thế, anh lại nghĩ về ngôi nhà cổ kính của gia đình anh bên bờ biển Nha Trang. Nhất là vào những buổi chiều, tiếng chuông gió treo trước cửa nhà vang lên mỗi khi có một ngọn gió thổi qua. Tiếng chuông gió làm lòng anh xao động đến muốn khóc. Đã hai lần anh tháo bỏ chiếc chuông gió. Nhưng rồi anh lại treo lên. Tiếng chuông gió và tiếng xào xạc của tán lá anh đào luôn luôn mang anh trở lại ngôi nhà bên bờ biển. Lúc đó, tất cả ký ức về một cuộc sống của anh trong ngôi nhà đó gần ba mươi năm thức dậy đầy đủ như không hề mờ đi một chút nào. Và những lúc như thế, anh lại gọi điện về cho người giúp việc. Người giúp việc lúc nào cũng như reo lên khi nghe thấy giọng anh. Rồi ông kể một cách chậm rãi chẳng hề quan tâm đến cái hóa đơn nói chuyện điện thoại quốc tế mà anh sẽ phải trả hàng tháng. Ông kể về tất cả những gì có trong ngôi nhà đó. Có lúc ông phàn nàn về cây mai ở góc vườn chậm ra hoa trong mùa xuân hay bày chim về làm tổ nhiều hơn trong khu vườn nhỏ. Ông kể cho anh về những đêm biển động. Gió biển làm một cánh cửa sổ nào đó kêu lạch cạch suốt đêm. Và lần nào cũng vậy, đến gần cuối cuộc nói chuyện, người giúp việc lại hỏi anh đã quyết định bán ngôi nhà chưa vì có rất nhiều người đến hỏi mua. Mỗi lần như thế, anh lại im lặng rất lâu và lại nói với người giúp việc hãy giữ ngôi nhà đó đợi anh trở về. Ba má anh cũng luôn bàn với anh về việc bán ngôi nhà vì anh là đứa con lớn nhất nhà của họ và vì ba má anh cũng muốn mua thêm một ngôi nhà khác cho đứa em trai của anh. Với giá một ngôi nhà đẹp như ngôi nhà của gia đình anh ở bên bờ biển Nha Trang thì ba má anh có thể mua một ngôi nhà khá đẹp ở bang anh đang sống. Nhưng khi thấy anh im lặng thì ba má anh cũng không bàn gì thêm nữa.

Nhưng rồi đến một ngày, anh thấy cũng cần phải bán ngôi nhà. Công việc anh đã ổn định ở Mỹ và anh cũng phải nghĩ tới việc lập

gia đình riêng. Vài ba năm anh mới có thể về thăm đất nước. Anh biết anh sẽ phải sống và chết trên xứ người như bao người Việt khác. Số phận đã như vậy. Anh có thể thức trắng một đêm để nhớ về ngôi nhà bên bờ biển Nha Trang và lắng nghe tiếng sóng biển dội về trong tâm tưởng nhưng anh không thể trở về để sống trong ngôi nhà ấy được. Trước kia anh thường nghĩ đến việc anh đã rời xa ngôi nhà ấy và thấy đó như là một cái lỗi không tha thứ được. Nhưng giờ đây, anh đã tìm cách để biện minh cho việc đó. Nội ngoại anh đã mất, ba má và các em anh thì không có ý định trở về sinh sống tại Việt Nam. Lúc mới đến Mỹ định cư, nghe ba má và các em nói vậy, anh đã tranh cãi với họ đến mức căng thẳng. Nhưng sau nhiều năm sống ở Mỹ, anh thấy họ có lý và anh hoàn toàn thông cảm. Bởi chính anh cũng không thể thực hiện được những ý muốn của mình. Lúc đầu anh nghĩ sẽ về Việt Nam hàng năm và sống trong ngôi nhà ít ngày. Nhưng chính anh cũng khó thực hiện được mong ước đó. Đường đi quá xa và công việc cũng không cho phép anh làm điều ấy.

Rồi phải sau sáu năm định cư ở Mỹ, anh mới thu xếp trở về Việt Nam được. Lần này trở về, anh quyết định bán ngôi nhà. Anh đã bàn bạc với ba má và các em chuyện đó. Ba má anh hiểu tâm trạng anh và nói anh chụp ảnh kỹ lưỡng ngôi nhà để họ có thể mua một mảnh đất ở Mỹ và dựng một ngôi nhà như ngôi nhà ở Nha Trang để anh và chính họ có cảm giác không phải rời xa ngôi nhà xưa của mình.

Khi anh bước đến trước cửa ngôi nhà sau nhiều năm xa cách thì một cảm giác rất lạ như một con sóng ủa đến phủ ngập người anh. Khi còn nhỏ, ba má anh đã đưa anh đi tắm biển. Lần đầu tiên anh bị một con sóng tràn tới phủ ngập. Anh kêu lên trong sự hoảng sợ và phần khích lạ lùng. Người giúp việc chạy như cuống cả đôi chân ra đón anh. Anh ôm lấy ông như ôm một người thân yêu đã xa cách cả trăm năm. Người giúp việc lập cập mang đồ của anh vào nhà. Ông dẫn anh đến căn phòng của anh. Bước vào căn phòng, anh dừng lại nhìn lướt qua tất cả và xúc động đến lạnh người. Tất cả vẫn nguyên vẹn như những ngày anh đang sống trong ngôi nhà đó. Không có gì thay đổi. Người giúp việc như hiểu được những gì đang diễn ra

trong con người anh nên nói với anh rằng ông đã giữ nguyên tất cả vì ông biết anh rất nhớ ngôi nhà và anh sẽ trở về. Anh xúc động ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh cửa sổ nhìn ra phía biển. Biển xanh biếc và bất tận. Phía đường chân trời lớp lớp mây trắng. Khi anh đang ngẩn nhìn những cánh buồm trên biển qua ô cửa sổ thì một cô gái bưng khay trà vào mời anh. Anh sững sờ nhìn cô gái. Một cô gái đẹp với đôi mắt to, đen thẳm. Nhận ra sự ngỡ ngàng của anh, cô mỉm cười và giới thiệu cô là con gái của người giúp việc. Cô đang học năm cuối cùng Đại học Thủy sản. Khi nào rảnh rỗi, cô lại đến giúp cha dọn dẹp ngôi nhà. Anh lúng túng mời cô ngồi uống trà. Cô mỉm cười xin phép đi chuẩn bị bữa tối.

Khi bữa tối được dọn ra, anh lặng đi vì xúc động. Trên bàn là những món ăn mà anh yêu thích từ khi còn trẻ. Anh cầm đũa nhưng chỉ nhìn những món ăn. Người giúp việc cười và nói rằng ông đã sai đũa con gái út của ông nấu những món ăn mà anh thích. Sau bao năm rời xa mảnh đất này, anh thực sự chưa bao giờ có được một bữa tối đặc biệt đến như vậy. Sau bữa tối, họ uống trà ngoài vườn ngay trước hiên nhà. Lúc này anh mới có dịp nhìn kỹ gương mặt cô gái. Anh không bao giờ hình dung nổi một ngày nào đó lại có một cô gái đẹp và có một chút gì đó bí ẩn hiện diện trong ngôi nhà của anh. Lúc này, anh mới dần dần nhớ lại cô bé. Trước kia, thi thoảng người giúp việc đưa cô bé đến nhà. Cô thường ngồi ở hiên nhà đọc sách. Anh chỉ nhớ vậy chứ chẳng hề để ý đến cô. Chỉ mới ít năm, cô đã vụt lớn lên và hiện ra trước mắt anh như một cô tiên hiện ra trong chuyện cổ tích. Vừa uống trà, anh vừa hỏi cô đủ thứ chuyện. Người giúp việc xin phép đi nghỉ sớm. Ông muốn để cho hai người nói chuyện tự nhiên. Buổi tối, gió từ biển thổi về nhiều hơn. Những tán cây trong vườn khua vang. Có lúc, cả hai người im lặng rất lâu. Cả hai đều nhìn ra phía biển, nơi có những ngọn đèn của những chiếc thuyền câu lấp lánh. Gương mặt cô gái trong đêm giống như một ngọn đèn tỏa trong bóng tối của khu vườn. Anh thấy lòng mình nao động lạ thường.

Tất cả những gì trong ngôi nhà như anh từng biết vẫn còn nguyên vẹn. Anh có cảm giác như vừa mới rời xa ngôi nhà hôm qua. Sự nguyên vẹn của ngôi nhà đã làm toàn bộ ký ức sống lại một cách

mãnh liệt hơn bao giờ hết. Và ý nghĩ trở về bán ngôi nhà thực sự làm anh hoảng hốt. Một buổi tối, anh bước ra hiên nhà và chợt như nhìn thấy nội anh đang ngồi uống trà ngoài vườn và vẫy tay gọi anh. Anh bàng hoàng. Không phải một giấc mộng. Không phải trí tưởng tượng. Hình như đó là một sự thật. Anh đã ngồi trên hiên nhà nhìn ra khu vườn cho đến khuya. Và anh thấy, chưa có nơi nào trên thế gian này lại làm anh thổn thức như trong chính ngôi nhà bên bờ biển Nha Trang này.

Trong những ngày anh ở Nha Trang, cứ buổi chiều cô gái lại đến giúp cha nấu bữa tối và dọn dẹp. Một buổi chiều, anh rủ cô gái đi ra bờ biển. Hai người đi bên nhau bên mép sóng. Nhiều lúc, gió biển thổi tung mái tóc dài của cô và có những sợi tóc dài của cô phất lên mặt anh. Anh kể cho cô nghe những ngày anh lang thang trên bờ biển này trước khi anh đến Mỹ định cư. Họ cứ đi mãi cho đến khi mặt trời chìm xuống đường chân trời phía biển xa. Một buổi chiều, khi họ đang lang thang dọc bãi biển thì trời đổ mưa. Cơn mưa giông ập đến quá nhanh. Anh nắm tay cô chạy mưa. Họ gặp một chiếc thuyền câu úp trên bãi. Anh kéo cô chui vào đó. Mặt biển đã trở nên mù mịt. Sóng dữ dội ập từng đợt vào bờ. Mưa gió gào rít quanh chiếc thuyền câu. Trời tối nhanh. Mưa vẫn chưa dứt. Bóng tối đã tràn vào kín chiếc thuyền. Anh hỏi cô có sợ không. Cô im lặng. Nhưng anh nhận ra một nụ cười quẩn rũ trên gương mặt cô. Anh cảm thấy ngực mình như ngạt thở. Anh run rẩy chạm vào những ngón tay cô và hỏi cô có lạnh không. Cô không nói gì. Anh nắm chặt bàn tay cô. Những ngón tay mềm mại của cô ngoan ngoãn nằm trong bàn tay anh. Rồi cô khẽ hỏi bao giờ anh đi và anh có trở về nữa không vì cô nghe cha cô nói anh về để bán ngôi nhà. Anh nói với cô ý định là như vậy nhưng đến lúc này anh không biết nữa.

Họ trở về nhà muộn. Người giúp việc vẫn chờ hai người bên bàn ăn. Ông nhìn hai người. Đôi mắt ông âm áp. Suốt đêm đó, anh không ngủ được. Anh ngồi bên cửa sổ nghe tiếng sóng vọng về cho đến gần sáng. Anh đã nghĩ về cô suốt đêm. Hai ngày tiếp theo cô gái không đến. Anh bồn chồn. Anh thấy lúng túng vì nghĩ rằng người giúp việc đã biết được anh đang nghĩ gì trong đầu. Nhưng không thể

im lặng mãi được, anh hỏi người giúp việc vì sao cô con gái ông không đến. Người giúp việc nói cô gái có công chuyện ở trường.

Khi cô gái quay trở lại, anh mừng vui khôn xiết. Anh chạy ra cổng giúp cô mang mấy túi đồ cô mua để nấu ăn vào bếp. Cả buổi chiều hôm đó, anh lẩn quẩn bên cô trong bếp giúp cô nấu ăn. Đêm đó, trước khi chào anh ra về, cô nhìn anh và hỏi bao giờ thì anh đi. Anh nói với cô anh sẽ trở lại Mỹ khi nào anh chẳng còn gì ở đây để nhớ nữa. Đêm đó, anh thức suốt đêm viết thư cho cô. Đã bao nhiêu năm rồi anh mới viết một lá thư trên những tờ giấy màu trắng ngà. Anh nói với cô tất cả. Anh đã yêu cô và anh không muốn rời bỏ ngôi nhà này nữa. Anh nói việc anh bán ngôi nhà hay không và anh có trở lại Mỹ hay không là phụ thuộc vào cô. Hôm sau, anh đã nhét bức thư vào túi cô khi tiễn cô ra cổng. Hai người đứng nhìn nhau im lặng rất lâu. Và anh thấy những đợt sóng khổng lồ đang đổ xuống phủ ngập anh. Tối hôm đó, ba anh gọi điện từ Mỹ về cho anh và hỏi anh sao vẫn chưa về Mỹ và đã bán được ngôi nhà chưa. Anh đã ở lại Việt Nam quá thời gian anh hẹn với ba má anh trở lại Mỹ. Anh nói với ba anh là cho anh thêm ít ngày nữa. Anh biết rằng anh đang đợi câu trả lời của cô. Câu trả lời ấy sẽ quyết định số phận anh và số phận ngôi nhà.

Những ngày sau, cô gái vẫn đến như thường lệ để giúp ba cô dọn dẹp và nấu ăn cho anh. Nhưng cô không nói gì. Nấu ăn xong, cô xin phép đến thư viện buổi tối vì đang phải đọc tài liệu chuẩn bị viết khóa luận tốt nghiệp. Anh thấy lo lắng khi nghĩ có thể những gì anh viết trong lá thư anh gửi cho cô đã làm cô phiền lòng. Đêm đêm, anh ngồi uống cà phê một mình buồn bã nghĩ rằng có lẽ anh chẳng còn lý do nào để ở lại nữa. Nhưng một buổi sáng thứ Bảy, từ bãi biển trở về, anh nhìn thấy một mảnh giấy nhỏ gấp đôi để trên bàn trong phòng ngủ của anh. Anh hồi hộp bước đến cầm tờ giấy và mở ra. Một ngọn sóng lớn chưa từng thấy đổ xuống trùm ngập lòng anh. Anh ngạt thở. Mảnh giấy chỉ vồn vẹn mấy chữ: “Hãy ở lại với em”.

Anh lao vào các căn phòng của ngôi nhà. Anh mở tung tất cả các cửa. Mặt trời đã lên rực rỡ và huy hoàng trên biển. Nắng ngập tràn những căn phòng. Gió biển thổi vào khu vườn buổi sớm làm tất cả những chiếc lá khua vang như những chiếc chuông nhỏ. Khi anh trở

lại căn phòng của mình thì cô gái đã ở đó. Cô đang cắm những bông hồng vào chiếc bình gốm trên bàn. Anh bước đến sau cô. Cô ngừng tay cắm hồng. Cả căn phòng lúc đó ngập tràn hơi thở của hai người và hương hoa hồng ngào ngạt.

Đêm đó, anh mở điện thoại và soạn một tin nhắn cho ba má: “Con không bán ngôi nhà. Con sẽ ở lại đây. Con yêu ba má”. Khi tin nhắn được gửi đi, anh thấy cuộc đời mình đã rẽ sang một con đường khác. Anh đã chọn con đường đó và anh thấy hạnh phúc. Anh mở mảnh giấy cô viết cho anh và đọc đi đọc lại nhiều lần dòng chữ ngắn ngủi đó. Anh pha một ấm cà phê đặc và ngồi uống cà phê đợi trời sáng.

HẾT.